

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



3 1223 08732 0702

N H T E C

Á C G I Ả

MUỐI TIỀN

Tập truyện ngắn

ME'S



TẠP CHÍ NHÀ VĂN

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

INTERNATIONAL CENTER

OCT 23 2009

OCT 23 2009

NHIỆU TẮC GIẢ

Mùi tiền

Mùi tiền

Tập truyện ngắn hay

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
TẬP CHÍ NHÀ VĂN
HÀ NỘI - 2006

INTERNATIONAL CENTER

OCT 23 2000
OCT 23 2000

MAY 1951

NHIỀU TÁC GIẢ

Cải đắng

Mùi tiền

Tập truyện ngắn hay

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
TẠP CHÍ NHÀ VĂN
HÀ NỘI - 2006

PHIÊN BẢN MỚI

Mùi tiên

Tập truyện ngắn hay

VIETNAMESE F MUI TIEN
Mùi tiên : tập truyện
ngắn hay
Hà Nội : NXB Hội nhà văn
: Tạp chí Nhà văn, 2006.

HÀ NỘI - 2006

3 1223 08732 0702

Cải đắng

LƯU ĐÌNH LONG

Cầm xếp giấy tờ trên tay, tôi mừng quá đi như chạy ra khỏi Ủy ban nhân dân Tỉnh, quên cả chào cô văn thư xinh đẹp. Tôi nghĩ phải đi ngay nông trường Sông Âm, để báo cho chị Nhân biết. Giờ này chắc vẫn còn xe ngoài bến. Từ thị xã lên nông trường phải mất 4 - 5 tiếng. Như thế vẫn còn kịp buổi cơm chiều. Mùa này có rau cải đắng. Tôi sẽ bảo chị Nhân luộc một rổ rau cải đắng. Cải đắng mà chấm với mắm tép chưng, thì hết chỗ nói, không chê vào đâu được. Hồi còn ở Tiểu đội thanh niên xung phong với nhau, chị Nhân vẫn thường mang món rau cải đắng ở quê chị khoe với chúng tôi. Tôi nghĩ: "Rau cải thì có gì mà phải khoe? Cải nào mà chẳng là cải!" Nhưng sau ăn quen rau cải đắng ở quê chị, thì quả tôi thấy ngon thật. Đầu tiên ăn thì đắng, nhưng sau lại có vị ngọt. Mùi nó thơm chứ không hắc như cải ta. Rau cải này trồng trên nương nó

không ưa nước, không ưa đất tốt quá. Thế mới lạ. Sau này đi nhiều nơi, ăn nhiều của ngon, đủ thứ sơn hào hải vị, nhưng sao tôi vẫn không quên được món cải đắng chấm mắm tép chưng của chị Nhân.

Chuyến xe vét bến, chỉ lèo tèo hơn chục khách. Tôi bước chân lên xe, loay hoay tìm chỗ ngồi cho thoải mái để còn ngắm cảnh ven đường. Chợt có người hỏi tôi bằng giọng miền Nam nặng nặng:

- Đồng chí cũng về nông trường.

Tôi quay sang phía tiếng người hỏi. Đây là một ông già râu tóc bạc phơ. Tôi thầm nghĩ chắc hẳn đây là một người lính tập kết còn sót lại. Lâu lắm mới có người gọi là đồng chí. Tôi đã làm quen cái từ này khi tôi mới mười bảy tuổi. Khi tôi hãy còn là một cô gái vừa mới rời khỏi ghế nhà trường. Khi tôi bước những bước chân chập chững vào Tiểu đội thanh niên xung phong của chị Nhân. Chị đã gọi tôi là đồng chí. Chúng tôi gọi nhau bằng đồng chí. Chị giảng cho tôi hai từ đó một cách nôm na. Đồng chí nghĩa là những người cùng chung chí hướng. Cùng đồng lòng quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ. Rồi chị bảo: “Như chúng ta cùng đồng lòng với nhau đi lấp hố bom, đi mở đường. Như thế là đồng chí”. Chẳng biết chị giảng như thế có đúng không? Nhưng tôi chỉ se sẽ gật đầu và gọi lại chị bằng đồng chí.

Cũng hai từ này mới cách đây ít hôm thôi, tôi sang Ủy ban có tý việc gặp cô văn thư tôi bảo:

- Đồng chí! Cho tôi gặp...

Chưa để tôi nói hết câu, cô ta đã một thôi, một hồi với tôi:

- Ấy chết! Cháu hãy còn ít tuổi. Cô cứ gọi cháu bằng tên cũng được. Tên cháu là...

Bây giờ người ta ít gọi nhau bằng đồng chí. Đồng chí thật thì hiếm lắm. Ngay những cán bộ cùng cơ quan với nhau, người ta chỉ thưa anh, thưa Giám đốc, thưa Trưởng phòng.

Tôi lại nhớ đến Tiểu đội thanh niên xung phong của tôi. Nhớ đến cái Na, cái Đào, cái Nụ. Nhớ đến cái thời mà tôi đã từng gọi đồng chí Na, đồng chí Đào, đồng chí Nụ. Các đồng chí của tôi đã mãi mãi nằm lại ven đường Bò Lăn. Họ suốt đời là đồng chí đồng đội trong tâm can tôi.

Tôi nhớ đến chị Nhân. Tôi nhớ lần đầu tiên chia tay nhau ở Tiểu đội thanh niên xung phong. Sau hơn mười năm tôi mới có dịp về thăm chị. Bấy giờ chị đã ngoài bốn mươi tuổi... Tôi lại nhớ Tiểu đội thanh niên xung phong, buổi chia tay nhau. Kể đi học tiếp, người vào cơ quan Nhà nước. Riêng chị Nhân một mực xin về làm nông trường gần quê chị tôi. Chị nói nông trường Bộ chỉ cách nhà chị chưa đầy ba cây số. Chị bảo chị phải về nông trường quê chị tìm cách trồng rau cải đắng, nay mai còn có thể xuất khẩu được chưa biết chừng...

Tuy rằng bấy giờ chị bị thương, chị có thể làm một công việc nhẹ nhàng hơn trong cơ quan. Nhưng chị nhất quyết từ chối. Tôi bấy giờ đang còn ít tuổi, đã

cho rằng chị thất tình, chán đời nên mới thế...

Chuyện tình của chị cũng đau lòng thật. Anh người yêu chị chính là Đại đội trưởng thanh niên xung phong của chúng tôi. Hồi ở quê, anh là xã đội trưởng. Anh cùng quê chị. Chị là Phó bí thư Đoàn thanh niên xã. Hai người yêu nhau khi đang còn ở quê. Đi thanh niên xung phong lại được ở cùng một đơn vị. Chúng tôi bảo, chỉ có chị là sướng nhất, chị chỉ cười không nói gì. Một hôm máy bay Mỹ đánh phá nơi trọng điểm của chúng tôi rất ác liệt. Anh đại đội trưởng bị thương khá nặng. Chị Nhân đã cống anh chạy gần ba cây số để đưa anh tới trạm phẫu thuật, chị lại bị mảnh rốc két găm vào đầu. Chị bị thương bởi một quả rốc két từ trên máy bay bắn xuống. Quả rốc két nổ cách chị chừng mười mét. Chị đã nằm đè lên che cho anh. Mảnh đạn găm vào đầu chị, bác sĩ bảo, mới chỉ ở ngoài phần mềm, nhưng rất khó mổ, bởi lẽ nơi ấy có rất nhiều dây thần kinh khá quan trọng, nên chẳng may sơ sẩy thì có thể nguy hiểm đến tính mạng hoặc giả không thể thành người lành lặn...

Người ta đành chữa lành vết thương và để nguyên mảnh đạn sống chung với chị. Chị chỉ ở trạm phẫu chừng hơn tuần lễ thì được trở về đơn vị. Anh đại đội trưởng bị nặng lắm. Người ta phải chuyển anh ra bệnh viện tuyến sau. Chẳng rõ do anh ta ca cảm hay do cô y sĩ điều trị ca cảm mà từ đấy chẳng bao giờ thấy anh và chị Nhân trao đổi thư từ cho

nhau nữa. Nghe nói cô y sĩ nọ là con gái một vị cán bộ của Tỉnh...

Lần đầu tôi về quê chị Nhân cũng thật là tình cờ. Đạo đó tỉnh tôi đang có phong trào trồng mía. Báo đài rầm rộ tuyên truyền về cây mía. Tôi được Tòa soạn phân công đi một chuyến thực tế về nông trường Sông Âm, nơi có diện tích mía vào loại nhất Tỉnh. Nghe tên nông trường Sông Âm tôi nghĩ ngay đến chị Nhân, người Tiểu đội trưởng của tôi. Tôi vui vẻ hào hứng lên đường ngay tức khắc. Tôi vẫn nhớ, chị Nhân bảo nhà chị ở cách nông trường Bộ chưa đầy ba cây số. Mình cứ đến đấy hỏi, thế nào mà chả tìm thấy. Xuống xe ở cổng nông trường Bộ tôi cứ loanh quanh hỏi người này đến người khác. Nhưng người ta bảo, ở đây nhiều Nhân lắm. Phải nói là Nhân làm nghề gì mới biết đường chỉ được. Tôi bảo "Chị Nhân thanh niên xung phong". Mấy cô gái rất trẻ đứng gần đấy lắc đầu: "Ở đây không có ai thanh niên tên là Nhân cả". Sau cùng, tôi hỏi một chị trung niên, chừng trên bốn mươi tuổi. Chị ấy cười và bảo tôi: "Cô phải hỏi nhà bà lang Nhân thì người ta sẽ chỉ cho ngay. Bà lang Nhân, kể cả người lớn trẻ em ở đây ai mà chả biết. Phải rồi, ngày xưa bà ấy có đi thanh niên xung phong, chúng nó chẳng biết gì đâu. Chúng nó là thế đấy cô ạ!".

Bây giờ tôi mới nhớ, hồi cùng đơn vị, chị Nhân có tâm sự với chúng tôi là bố chị làm thuốc. Ông cụ có môn thuốc gia truyền hay lắm. Khi còn ở nhà với cụ

chị có học lỏm được một số bài. Biết cô con gái là người phúc hậu ông cụ cũng có ý định truyền lại nghề cho con gái. Nhưng chị đi thanh niên xung phong nên đành gác lại. Ngày ấy chỉ mấy bài thuốc học lỏm của bố mà chị đã chạy chữa cho được ổi đũa trong đơn vị... Tôi cứ đứng tần ngần ở ngã ba nông trường Bộ, nghĩ về những gì tôi từng biết về chị Nhân, mà chưa biết sẽ tìm đến nhà chị bằng cách nào. Chợt chị phụ nữ đứng tuổi mà tôi chưa biết tên ấy đến gần chỗ tôi đứng dè dặt hỏi:

- Dễ chừng cô là người thân của bà lang?

Tôi nhìn chị, gật đầu, và lập tức tôi có cảm giác rất tin cậy ở chị. Có lẽ chị cũng cảm nhận được ở tôi một sự tin cậy thực sự, nên hồ hởi nói với tôi:

- Cô có đến nhà bà lang không? Ngồi lên tôi đèo. Tôi cũng đi về đằng ấy.

Tôi ngồi lên sau xe của chị. Chị nói với tôi như người đã quen nhau lâu lắm:

- Hồi con gái tôi cũng đi bộ đội cô ạ! Đi sau bà lang một hai năm gì đấy. Sau tôi phục viên và làm việc trong nông trường. Rồi lấy chồng, đẻ con. Trồng sắn trồng mía. Hồi đầu cũng vất vả lắm. Nhưng tôi nghĩ so với hồi chiến tranh thì đã thấm gì? Bây giờ thì khá rồi. Đấy cô coi tôi đã xây được nhà, mua được cả xe máy. Cũng nhờ cây mía cả đấy. Chị nói một thôi một hồi như súng bắn. Tôi ngồi đằng sau ôm chặt lấy chị vì đường xấu hay vì tấm lòng bọc bọc quá tốt của chị. Tôi thâm cảm ơn chị. Cảm ơn người đàn bà cùng

thế hệ chúng tôi đã đi qua cuộc chiến tranh một mạc sâu sắc như bài thơ vậy.

Đến trước cổng một ngôi nhà làm theo lối cổ, chị dừng lại và bấm còi inh ỏi. Một người đàn bà tóc đã điểm bạc từ phía trong đi ra. Tuy đã lâu không gặp nhau nhưng tôi vẫn nhận ra người đàn bà ấy là chị Nhân. Chị Nhân của chúng tôi. Chị già đi nhanh quá, tôi thầm trách mình sao lâu thế tôi mới tìm đến chị? Chiến tranh đã đi qua lâu lắm rồi. Sau chiến tranh còn phải làm bao nhiêu là việc, nào là đi học, nào lấy chồng, nào sinh con, nào còn phải củng cố cho cái địa vị xã hội của tôi nữa chứ. Nếu không có chuyến công tác này, chắc gì tôi đã đi tìm lại chị.

Tôi tự trách mình thật là một con người chẳng ra gì. Tự dưng nước mắt tôi trào ra. Chẳng rõ tôi khóc vì quá mừng khi gặp lại chị hay là khóc cho cái tội lỗi đốn hèn trong mười mấy năm qua của tôi?...

Chị nhận ngay ra tôi. Chị còn bảo tôi là rau răm hả. Tôi lại nhớ cái ngày tôi còn ở Tiểu đội thanh niên xung phong. Vì không muốn bị cái chuyện đàn bà, tôi đã giã rất nhiều rau răm để uống. Chị biết được, mắng cho một trận. Ở trong Tiểu đội, tôi có cái biệt hiệu là rau răm từ bữa ấy...

Chiều hôm ấy, chị đãi tôi cả một con gà luộc, với một đĩa to rau cải đắng chấm mắm tép. Chỉ có hai chị em trước mâm cơm. Hóa ra chị cũng chẳng chồng con gì cả. Bố mẹ chị mất lâu rồi. Nhà chỉ có một mình chị. Trước khi mất may mà ông cụ đã truyền lại được

cái nghề thuốc cho chị. Tôi cũng thấy mừng cho chị cuối đời còn có nghề để sống. Nhưng chị bảo: "Chị làm thuốc chỉ để lấy phúc chứ không lấy tiền... ?".

Chị mang ra một bình rượu. Chị bảo tôi đây là rượu cao trần của người ta biếu chị, uống một chén, tốt cho phụ nữ lắm... Hai chị em chúng tôi chạm cốc với nhau sau mười mấy năm gặp lại, bằng rượu cao trần với rau cải đắng và thịt gà luộc. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi thấy ăn rau ngon hơn ăn thịt...

Buổi tối người ta đến nhà chị chơi đông lắm! Ai hỏi tôi chị đều bảo tôi là em gái chị. Em gái cùng đi thanh niên xung phong với nhau. Dì ấy làm việc trên Tỉnh...

Đêm ấy hai chị em tôi nằm với nhau mà không ngủ được. Hóa ra chị Nhân biết rất nhiều về tôi từ ngày tôi xa chị. Chị biết cả chồng tôi làm gì. Tôi có mấy đứa con, con trai hay con gái. Nghe chị nói, tôi nằm lặng im khóc thầm. Lần này thì tôi khóc cho tôi thật...

Sáng ra chị bảo hôm nay chị sẽ cho tôi đi thăm cơ ngơi của chị. Sau đó sẽ đi lễ trên đền. Tôi bảo cơ ngơi của chị là ở đây chứ còn đâu nữa? Chị tủm tỉm cười: "Dì không biết đâu"! Sau này tôi mới rõ cơ ngơi của chị là ba quả đồi trồng bạt ngàn luồng là luồng. Có những cây to đã có thể khai thác được, lại có cả cánh đồng mía cỡ hai, ba héc ta đang thời kỳ leo mật. Chị dắt tôi thăm nom xong thì dẫn lên đền. Chị bảo đây là đền Bà chúa thượng ngàn thiêng lắm. Dì mới về

tôi phải báo cáo với bà, không kéo bà giận. Chẳng biết chị sấm lẻ từ lúc nào khi chị giở làn bày lên ban thờ thì một lần nữa tôi lại thấy chị quả là người quá chu đáo.

Chị thấp hương xong bắt tôi cùng chấp tay đứng bên cạnh chị, chị lầm rầm khấn.

- Con lạy bà chúa. Lạy cô lạy cậu, lạy các ngài... Chị kể tên nhiều lắm tôi không nhớ hết. Nhưng đến đoạn sau thì tôi suýt phì cười:

- Con lạy bà Nguyễn Thị Minh Khai, con lạy bà Nguyễn Thị Định, con lạy cô Võ Thị Sáu. Chúng dám độ trì phù hộ cho chị em con là...

Sau này tôi mới hỏi chị sao lại lạy cả bà Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Thị Định và cô Võ Thị Sáu. Ở đền đấy người ta có thờ mấy bà ấy đâu? Chị trợn mắt lên bảo tôi:

- Di không hiểu rồi. Những người đó cũng là anh hùng liệt nữ, đáng lạy lắm chứ! Không thờ, nhưng các bà ấy đi mây về gió làm gì mà chẳng ghé qua.

Đầu tiên tôi cho rằng chị mê tín, nhưng sau ngẫm lại mới thấy chị nói phần nào cũng có lý...

Tôi ở chơi với chị đã gần một tuần. Lúc thì lên đồi luồng xem măng mọc. Khi thì đi nhổ cỏ cho cải đắng. Lại cùng chị đi thăm bệnh, khám cho bệnh nhân. Đêm về hai chị em rì rầm nhắc chuyện ngày xưa ở tiểu đội. Tôi chẳng hề chú ý tìm hiểu gì về cây mía cả. Đến tận ngày phải về Tỉnh tôi vẫn chẳng biết mô tê gì về canh tác và lợi thế của cây mía.

Cũng thật may cho tôi. Đợt đi công tác ấy tôi về đến Tỉnh thì cây mía không phải là chủ chốt nữa. Người ta đang chuyển đổi vùng canh tác mới sang cây dứa. Đề tài của tôi được phép dừng lại. Thật hứ vía...

Sau ngày về quê chị Nhân lần ấy, năm nào tôi cũng tranh thủ vài ngày lên thăm chị, có năm lên đến hai lần. Tôi muốn bù đắp lại những năm tháng trước kia sao nhãng của tôi. Lần nào ở chơi nhà chị xong khi về Tỉnh chị cũng có quà cho chồng tôi và mấy cháu. Chỉ là thứ quà quê đồng rừng. Đôi gà dò nuôi trên vườn đồi nhà chị. Chồng và con tôi cũng chẳng biết tự bao giờ đam nghiện món rau cải đắng nơi quê chị Nhân. Chồng tôi bảo: "Rau cải đắng ấy nó đắng nhưng mà đắng ngọt em ạ!". Còn các con tôi thì lại nói: "Rau cải nhà bác Nhân đắng đắng nhưng mà ngon". Mỗi lần vào dịp cuối năm các con tôi lại giục tôi lên nhà bác Nhân chơi. Và chúng nó không quên dặn: "Mẹ phải nhớ mang rau cải đắng về đấy!".

Mấy năm trở lại đây chị Nhân yếu đi nhiều. Cái mảnh đạn trong đầu nó hành hạ chị. Có thể mảnh đạn đó nó đang tiến dần tới nơi mà bác sĩ bảo là quan trọng kia. Di chứng của sự chết chóc sau chiến tranh phải đâu là đã hết. Nó vẫn còn tiềm ẩn ở đâu đó. Rất gần.

Có lần tôi hỏi sao không lên Phòng thương binh xã hội huyện xin đi khám lại. Làm cái sổ thương tật cho nó yên tâm. Ít ra thì mình có cái sổ nó cũng chứng minh, mình là con người đã từng cống hiến cho xã

hội. Chị bảo với tôi là khó lắm. Tuy rằng cái tay Trưởng phòng thương binh xã hội trước cũng ở cùng đơn vị cả đấy, nhưng lần nào lên nó cũng lắc đầu nguây nguẩy: "Trường hợp của bà chẳng có giấy tờ gì. Bà làm mất hết cả. Nếu có đi xin lại được thì phải xác minh, phải có người chứng nhận. Nghĩa là vô vàn thủ tục khó khăn, lại còn kinh phí khi đi xin lại nữa chứ, nào tiền tàu xe, tiền chè, tiền thuốc, nghĩa là nhiều khoản tiền lắm. Tôi biết tiền thì bà chẳng thiếu..." Sau đó nó còn lấp lửng: "Mà cái tiền bà chạy được cái số còn quá cái số nó trợ cấp cho bà".

Nghe chị nói tôi thấy lòng mình buồn kinh khủng. Tôi cảm thấy thương xót là làm sao ngày xưa tôi và chị có thể là đồng đội, đồng chí với cái tay trưởng phòng kia được. Thấy tôi buồn, chị an ủi: "Mà dì cũng đừng lo. Tiền tài tôi có đủ để sống cả đời. Mà nay mai dì có về hưu ở đây với tôi, tôi cũng nuôi nấng dì! Tôi cho dì cả cái đôi luồng. Làm nhà lên đấy. Viết văn làm thơ tha hồ mà mơ mộng..."

Tôi đâu buồn vì chuyện tiền. Tôi buồn vì tay trưởng phòng kia. Nó đã từng là đồng đội. Nó đã từng đứng một phía với chúng ta, nhưng nay, dường như đã đứng về phía khác. Nó có quyền hành phán quyết và có thể giảng dạy đạo đức cho chúng ta nữa chứ! Tôi muốn nói với chị như vậy nhưng tôi không nói nổi...

Nhưng đấy chỉ mới là kinh sợ. Sau này tôi gặp cái tay từng là người yêu của chị, từng là đại đội trưởng

thanh niên xung phong của chúng tôi, thì mới thật là khủng khiếp. Hấn không phủ nhận chị Nhân, chuyện chị Nhân cũng hấn mà bị thương. Hấn bảo hồi đấy hấn bị thương nặng, không biết gì cả. Mà bảo cái người không biết làm chứng cho mình thì quả là vô nghĩa.

Nhưng tôi đã quyết tâm thì phải làm bằng được. Chị Nhân bảo tôi là em bé rau răm hiếu thắng. Tôi không phải kẻ hiếu thắng. Tôi là nhà báo, tôi là người viết văn. Tôi muốn trắng đen tốt xấu phải rạch ròi, không lẫn lộn lập lờ. Đấy là lương tâm và dòng máu nghề nghiệp trong tôi...

Cũng may tôi đã tìm được người Chính trị viên đại đội thanh niên xung phong ngày ấy. Tôi cũng tìm được ông bác sĩ già, đã từng chữa vết thương ở đầu cho chị Nhân. Ông đã mổ cho bao nhiêu là ca cấp cứu nặng có, nhẹ có. Riêng cái trường hợp của chị Nhân thì ông nhớ rất rõ. Ông còn bảo tôi: "Cái cô mà nằm đè lên cứu cậu thương binh chứ gì?".

Nhân chứng vật chứng đầy đủ như vậy mà ròng rã mấy năm trời tôi vẫn chưa làm được cho chị. Lúc tôi xuống Xã, khi tôi lên Huyện. Đôi lúc lên cả trên Tỉnh mà vẫn chưa thấy ăn thua gì...

Năm ngoái tôi về thăm chị. Thấy chị đã yếu lắm. Chị đi lại có phần khó khăn vất vả. Chiều tôi như vậy mà khi tôi về chị bảo: "Dì đi lên đồi mà nhổ cải, cái chân chị độ này đi lại nó khó chịu lắm. Đôi lúc như mượn của ai..." Tôi nhìn chị: "Hay để em đưa chị

đi bệnh viện?" Chị lắc đầu "Dì quên tôi là thầy thuốc rồi à? Thôi dì đừng lo. Tôi biết bệnh của mình..."

Số tôi cũng còn may, chẳng biết trời xui đất khiến thế nào. Tôi đem câu chuyện của chị Nhân kể với cô bạn gái cùng học đại học. Cô này bây giờ làm bên Văn phòng Tỉnh ủy. Cô bảo tôi: "Mày đừng lo. Tao sẽ vào cuộc cùng với mày..." Và bây giờ tôi đã có đầy đủ giấy tờ cần thiết trên tay. Số giấy tờ ấy cùng tôi lên xe về với chị Nhân đây. Chắc hẳn chị Nhân sẽ mừng lắm. Chị mừng vì chúng tôi đã là người chiến thắng. Chị sẽ lại luộc cho tôi một rổ rau cải đắng. Cải đắng chấm với mắm tép chưng, như cái lần đầu tiên tôi đã tìm về quê chị.

Chuyến xe ít người nên cậu lái xe chạy khá nhanh. Nhưng tôi vẫn thấy như là chậm quá. Mãi quá sang chiều xe mới tới cổng nông trường. Tôi nôn nóng và sốt ruột nên không theo xe lên bến như mọi khi, mà đến cổng nhà chị Nhân, tôi la âm lên bắt cậu lái xe phải dừng lại cho tôi xuống.

Linh tính như báo cho tôi có điều chẳng lành. Sao chiều nay nhà chị đông người thế. Người vây ngoài cổng. Người lở nhố ở trong sân. Trông mặt mọi người đều ngơ ngác như mất một cái gì vậy. Người phát hiện ra tôi, khi tôi vừa xuống xe là cái chị bộ đội phục viên đã từng đèo tôi đến nhà chị Nhân lần đầu tiên. Thấy tôi vừa xuống xe, chị chạy ra chỗ tôi. Một tay dắt tay tôi một tay xách hành lý chị vội vã: "Cô về chậm quá rồi. Bà lang mất đã mấy hôm nay..." Chân

tôi như muốn khụy xuống. "Bà lang mất mà để lại ồi tiền, có cái số tiết kiệm tận mấy trăm triệu". "Mấy trăm triệu, tôi không nghe nhầm đấy chứ". Vâng, cô không nghe nhầm đâu! Mà tôi cũng nói thật đấy. Tiền ấy là tiền mồ hôi nước mắt của bà lang. Tiền bán luồng, bán mía mười mấy năm đấy cô ạ! Mỗi năm một ít, tích tiểu thành đại. Thế mà cũng được nhiều quá cơ. Mấy đôi luồng với mía cũng dân ở đây chăm sóc bảo vệ cho. Bà lang chỉ có việc thu hoạch. Đổi lại bà lang chữa bệnh cho cả vùng, chả sót nhà ai đâu. Nhiều nhà phải mang ơn bà lang suốt đời đấy. Thế cho nên mía ở thửa đất bà lang không thiếu một cây. Măng chẳng bao giờ mất đi một củ... Mà cô biết không? Đố cô số tiền ấy bà lang viết di chúc cho ai?" Chẳng cần tôi trả lời, chị nói luôn: "Số tiền ấy bà lang di chúc bảo gửi Huyện thành lập quỹ giúp đỡ những nạn nhân sau chiến tranh. Mà bà lang cũng tính kín kẽ phải biết, bà không di chúc cho Phòng thương binh xã hội đâu. Bà di chúc lại cho tận bên Văn phòng Huyện ủy kia cô ạ!". Rồi chị láu ta láu táu: "Còn cái nhà của bà lang, bà cho các cháu trong thị trấn làm nhà trẻ...". Mấy đôi luồng là của cô đấy! Sướng nhá!" Của tôi". "Vâng, thì của cô chứ sao. Bà ấy ghi trong di chúc hẳn hoi là cho cô em nhà báo dưới Tỉnh, cả tên họ cô, trật vào đâu được. Mà bà ấy chỉ có mình cô là cô em nhà báo, đúng không nào?" Một lần nữa, tôi lại khóc ở trong lòng mình. Lần này thì nước mắt đã chảy vào tim gan tôi rồi. Nó biến

thành những cơn nấc không thể trào ra được...

Tôi bảo chị bộ đội phục viên mộc mạc có tấm lòng thơm thảo ấy: "Hay bây giờ chị đưa tôi lên chỗ chị Nhân đi!". Chị không do dự: "Được thôi. Tôi sẽ đưa cô đi đằng tắt cho nó nhanh. Mà cô cứ đưa cái túi đựng quần áo tôi cất vào nhà cho. Còn cái cặp thì cô giữ lấy. Mất quần áo thì chẳng sao. Mất tài liệu thì chết dở cô ạ. Với lại tôi còn phải mang cho cô thẻ hương với cái bật lửa nữa chứ!...".

Chúng tôi lên đến mộ chị Nhân thì chiều đã gần tắt nắng. Chị nằm bên đồi luống, cạnh vạt rau cải đắng. Tôi thắp hương, lạy chị. Rồi giở trong cặp ra những thứ giấy tờ mà tôi cất công tìm kiếm mấy năm để làm quyền lợi cho chị. Tôi châm lửa đốt. Chắc hẳn dưới kia chị sẽ nhận được. Ngọn lửa bùng lên trong những tia nắng cuối cùng của ngày đông. Nhưng vạt cải đắng chạy dài như vô tận. Thỉnh thoảng có những bông hoa vàng nhô lên nơi đám cải xanh. Những bông hoa vàng đang đung đưa trong gió núi./.

L . Đ . L

Chuyến thăm cuối cùng

THANH HƯƠNG

Chưa đến tám giờ sáng chuyến bay đầu tiên của hãng Pacific Airlines từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội hạ cánh an toàn xuống sân bay Nội Bài. Hành khách thở phào nhốn nháo đứng dậy tìm hành lý. Tay xách chiếc túi nhẹ tênh bên trong chỉ có mấy bó hương, ba cành hoa khô, vài bộ quần áo mỏng, chiếc ví nhỏ đựng tiền và giấy tờ tùy thân cũng để lẫn trong đó - Phụng cố đi dần lên vượt qua hàng người để nhanh chóng ra cửa ga. Làm sao cho xong tất cả mọi việc trong ngày hôm nay để sáng mai đã có thể quay về trong đó.

Một chiếc taxi nhỏ màu mận chín trời tối dừng bánh ngay trước mặt Phụng và cậu lái xe còn trẻ măng, chiếc áo sơ mi trắng tinh là thẳng nếp, bộ ria mới mọc lún phún trên mép, bước xuống nói lễ phép:

- Thưa, cô cần về đâu để cháu đưa?
- Con đưa cô về một khách sạn nào đó trong

thành phố nghỉ, quãng một giờ trưa trở lại đón cô có được không?

- Vâng ạ. Mời cô lên xe.

Ban nãy khi đi qua con đường ống dài dằng dặc dẫn từ cửa máy bay vào nhà ga, qua các căn phòng lấp đầy kính choáng lộn đến tức thở, Phụng đã tự dặn mình phải cố tập trung sức lực giữ cho không choáng, không mệt, đi đến nơi về đến chốn. Nhưng lên xe rồi, thả mình xuống nệm ghế, lúc này chị mới cảm thấy quá mệt. Đầu choáng váng, mắt hoa, cánh tay trái như càng sưng to lên, nhức nhối. Sáng nay khi tiễn Phụng đến cửa phòng chờ sân bay Tân Sơn Nhất, cái Phương con gái chị đã rơm rớm nước mắt:

- Mẹ đã nhất quyết đi cho được con cũng không cản. Nhưng nói mẹ treo cánh tay lên cho đỡ đau mẹ cũng không nghe. Đau thế chịu sao nổi!

Lúc đó Phụng đã cố gượng cười cho con yên tâm:

- Hai hôm nay mẹ đã thấy đỡ nhiều rồi, con đừng lo. Chỉ nội trong sáng mai mẹ lại về đến nhà rồi mà. à tối nay em Sơn có điện thoại về con cũng đừng nói là mẹ đi Hà Nội nhé. Cứ nói là mẹ đang sang chơi đâu đó bên hàng xóm.

Nhìn cái Phương chậm chạp quay lui, vừa đi vừa ngoái lại, Phụng thật thương. Chị biết tuy không nói ra nhưng Phương không tin chút nào lời mẹ nói là đã đỡ. Chính nó đã giấu Phụng đi gặp bác sĩ điều trị bệnh cho Phụng cả tuần nay và Phụng chỉ thật sự biết rõ bệnh của mình khi tình cờ đọc được lá thư nó

mới viết xong chưa kịp gửi đi cho dì Loan nó là em gái Phụng: "Dì ơi, bác sĩ nói bệnh của mẹ cháu nay chỉ tính được bằng tháng bằng tuần. Mẹ cháu không biết đâu mà cháu cũng không dám cho mẹ cháu biết. Dì ạ, cháu chỉ cầu Trời Phật phù hộ sao cho mẹ không bị di căn vào xương, nghe nói di căn vào xương thì đau đớn lắm, đau không chịu nổi..."

Đọc thư con, lúc đầu Phụng choáng người đi nhưng vốn là người gan góc và trầm tĩnh, chị vẫn giữ được bình thần trước mặt con, coi như không hay biết gì. Chỉ ban đêm uống đến hai ba loại thuốc an thần mà vẫn trằn trọc không ngủ được, Phụng nằm lan man nghĩ ngợi có lúc nước mắt chảy ra ướt đầm cả một bên mặt gối. Thương mình thì ít mà nhất là thương con. Khi mình "ra đi" rồi, hai chị em nó còn ở lại không biết chúng nó sẽ hụt hẫng, sẽ chịu đựng nổi đau mất mẹ ra sao? Nhất là thằng Sơn. Năm nay Sơn mới tròn mười tám tuổi, tính nết vẫn rất bông bột và trẻ nít. Vẫn thích làm nũng mẹ và đi đâu về lại "mẹ ơi, mẹ ơi" từ cổng. Nếu lúc này mà Sơn ở nhà nó sẽ dứt khoát không để mẹ đang đau ốm đi một mình ra Hà Nội. Nhất là lại đi về tận cái vùng quê Phủ Lý xa xôi ấy. "Xa thế mà trời lại nắng nôi thế này mẹ đi làm sao được. Nếu mẹ muốn đi thì để đến hè được nghỉ con đưa mẹ đi". Phụng cũng rất muốn đợi thằng Sơn cùng đi, nhưng như bác sĩ nói với cái Phương, liệu chị còn đủ thời gian đợi đến lúc Sơn nghỉ hè? Mà nếu đợi được đến lúc ấy chắc gì chị đã

đủ sức tàu xe đi từ đây ra ngoài ấy? Không, chị phải đi ngay khi còn có thể đi được. Dù có phải chỉ lết được về đây rồi chết. Anh ấy mất đã năm năm rồi. Ba năm nay đau ốm, bệnh tật, chị chưa một lần trở lại thấp cho anh nén hương. Nghĩ đến hai năm sau cùng mỗi tình của hai người, nhất là nghĩ đến những ngày cuối của anh ở bệnh viện, chị từ miền Nam ra ngày nào cũng kéo nón che khuất mặt ngồi ở ghế đá trong vườn, bên kia lối đi, suốt ngày ngóng về phía tòa nhà có phòng bệnh anh nằm là chị lại thấy lòng quặn đau, nước mắt ứa ra. Có lần chị đã dắt cả thằng Sơn đến, chỉ ước sao có một bàn tay nhân từ nào đó ra vẫy chị và thằng Sơn vào cho chị và thằng Sơn được nhìn mặt anh lần cuối. Cho chị được quỳ xuống bên giường bệnh của anh, nắm lấy bàn tay anh mà khóc, mà xin anh đừng nghĩ là chị đã quyết lòng đoạn tuyệt với anh. Nghe nói những ngày cuối anh đã hôn mê nhưng vẫn thoi thóp mãi không ra đi được. Đến độ người vợ mũi lòng nghe ai đó bày kinh nghiệm cúi xuống nói to vào tai anh: "Ông ơi, ông hãy yên lòng đi đi cho mát mẻ. Mẹ con thằng Sơn nó ở xa chưa về thăm ông được, sau này thế nào nó cũng về thăm nom mồ mả của ông..." Nghe chị ta nói thế, hai giọt nước mắt to tướng rỉ ra từ hai bên khóe mắt, rồi anh ấy thở hắt, ra đi. Trong lúc ấy chị vẫn ngồi như hóa đá bên kia đường, đối diện ngay phòng bệnh. Chị ta biết rõ điều đó, chính chị ta đã mấy lần sai con bé giúp việc ra đuổi chị đi. Vậy mà chị ta không có được

một chút từ tâm, để ít nhất cho anh được cảm nhận sự có mặt của thằng Sơn, lần cuối...



Thật ra ngay từ đầu không phải Phụng không biết mối tình của chị với anh là oan trái. Suốt từ mười ba năm yêu nhau, nhất là những năm đầu, nhiều lần chị đã lấy hết can đảm và nghị lực cố dứt bỏ anh nhưng không thể nào dứt nổi. Là người chân thành và ngay thật, cũng mấy lần anh thú nhận với chị rằng dù rất yêu chị nhưng anh không thể nào lìa bỏ được vợ con. Dù cuộc hôn nhân của anh là do gia đình hai bên sắp đặt, anh đối với vợ chỉ có nghĩa vợ chồng chứ không có tình yêu nhưng dù sao họ cũng có với nhau hai mặt con. Vợ anh xuất thân là một cô gái nông thôn, ít học, lấy chồng rồi theo chồng ra thành phố, cuộc sống tinh thần và vật chất hoàn toàn nương cậy vào chồng. Dù khi bỏ nhau anh có thể cố gắng chu cấp về kinh tế cho vợ, nhưng cô ta sẽ bị hẫng hụt, không còn niềm tin và sự bầu víu nào trong cuộc sống. Anh không nỡ...

Nhiều lần nghe Tân nói, Phụng chỉ khóc. Chị không phải là người có thể thúc giục một người đàn ông bỏ vợ để lấy mình, trong thâm tâm cũng chưa bao giờ chị mong muốn thế. Nhưng lìa bỏ anh ấy thì chị cũng không thể! Khi gặp và bắt đầu yêu anh, chị mới hai mươi sáu tuổi. Chị qua một cuộc hôn nhân đổ vỡ và có một con gái nhỏ lên ba là cái Phương. Là

một cô bé mồ côi cha mẹ từ khi lên sáu tuổi, dù được gia đình người cô ruột nuôi dạy nhưng cuộc đời chị dường như lúc nào cũng lẻ loi và cô đơn.

Có lẽ vì thế mà khi yêu anh và được anh yêu chị cảm thấy như cuộc đời mình đã được định đoạt và không thể nào lại thay đổi một lần nữa. Chị bám víu vào anh như người ta bám vào chiếc phao duy nhất trên biển lớn. Dù có thể sẽ bị dạt vào sóng gió, bị chìm xuống đáy nước.

Buổi đầu chị nhìn thấy anh là khi chị mới về cơ quan, một cô bạn cùng phòng chỉ cho chị một người đàn ông vừa dắt chiếc xe máy Ba-bét-ta cũ mềm màu đỏ xỉn đi qua sân, nói nhỏ:

- Kìa, ông Tân, thủ trưởng của cơ quan bọn mình đây.

Người đàn ông đã đi qua nên Phụng không thấy rõ mặt chỉ nhìn thấy sau lưng. Ông ta có dáng người thấp đậm, mặc chiếc áo sơ mi màu xám đã cũ và đầu đội chiếc mũ nâu rộng vành. Sau này chị hay cười nhắc lại với anh là lúc ấy chị nghĩ thật khó tin lại có một nhà khoa học tên tuổi như thế lại có một dáng vẻ bên ngoài giản dị đến xoàng xĩnh vậy.

Thời ấy là những năm chiến tranh giặc Mỹ bắt đầu ném bom vào Hà Nội. Cơ quan sơ tán gần hết, chỉ có bộ phận lãnh đạo và trong các phòng ban chỉ một số ít cán bộ nhân viên ở lại. Còn trẻ tuổi và ít nặng gánh gia đình nhất Phụng gửi con đi sơ tán theo vườn trẻ cơ quan và tình nguyện ở lại. Cả ban văn phòng mà chị làm việc chỉ ở lại có ba người. Một

Chánh văn phòng là nam giới, một cô gái tốt nghiệp Đại học mới ra trường làm chân đánh máy và Phụng là nhân viên tài vụ. Buổi sáng cơ quan làm việc từ bốn giờ sáng đến tám chín giờ là chỉ chạy máy bay - họp hành toàn vào ban đêm. Phụng và Khanh - cô gái đánh máy - được cơ quan cho ở hẳn tại một phòng nhỏ cạnh văn phòng và ban đêm khi có báo động hai cô mất nhắm mắt mở chỉ kịp chúi mũi vào gầm cầu thang với chiếc mũ rơm to tướng đội vội lên đầu.

Trong những năm ấy Phụng đã đến với Tân. Ban đầu là trong những bữa ăn trưa tại cơ quan. Cứ đến mười một giờ trưa, nghe keng là mọi người đều xuống tụ tập ở một căn phòng trống sau nhà mang theo một chiếc ca hoặc một ngăn cặp lồng cơm và thức ăn mang đi từ sáng. Cũng có lúc mọi người dồn thức ăn lại ăn chung với nhau, thường là ít con tôm rim, mấy miếng đậu phụ rán, ít cá đồng tiền hay cá mè ranh kho mặn (dạo ấy mậu dịch hay bán cá đồng tiền và cá mè ranh theo phiếu). Và nhiều nhất là những hạt lạc rang trắng xóa những muối là muối. Thấy Tân là thủ trưởng cơ quan lại đã lớn tuổi mà ăn uống kham khổ quá - vợ anh lúc ấy đã đem hai con theo nhà máy đi sơ tán - Phúc, Chánh văn phòng, bàn:

- Hay cô Phụng và cô Khanh mỗi bữa chịu khó nấu bát canh rau cho anh Tân cùng ăn với. ăn thế này làm việc như anh Tân chịu sao nổi?

Từ đó mỗi bữa trưa Tân lại xách ca cơm có mấy con cá khô kho từ trên gác xuống nhập bọn cùng ăn

với Phúc, Khanh và Phụng. Anh em đùa họ là nhóm "tâm giao" và những bát canh rau cải, rau muống nấu suông vô tình lại là mối dây nối đầu tiên quan hệ yêu đương sau này của Tân và Phụng.

Trong cơ quan ai cũng biết là Tân không yêu vợ. Nói đúng hơn ngay từ đầu đó là cuộc hôn nhân bất đắc dĩ. Sau cách mạng tháng Tám tiếp đến là kháng chiến chống Pháp ông cụ sinh ra Tân là một quan chức nhỏ Nam Triều mất hết nguồn sinh sống phải đem gia đình chạy vào Thanh tản cư và cả gia đình bảy miệng ăn - bà mẹ già, hai vợ chồng và bốn đứa con - phải nương nhờ vào gia đình một người bạn cũ mà sống. Ông bạn này có một cửa hiệu bán thuốc bắc, bà vợ buôn hàng tấm và một cô con gái duy nhất mười tám tuổi. Lúc đó Tân vừa mười sáu, đang học dở ban Thành Chung thì theo cha mẹ chạy tản cư. Là con trai lớn nhất, nhờ sự giới thiệu của một người chú, Tân đi dạy học tư ở một huyện lỵ cách nhà trên sáu chục cây số để giúp đỡ gia đình. Được hai năm thì bị cha đến tận nơi bắt về cưới vợ. Còn nhớ buổi trưa hôm đó Tân vừa ở trường về thì thấy cha đang ngồi bên bàn nước với ông chủ nhà Tân ở trọ.

- Con chào cha. Cha có việc gì mà cất công sang đây tìm con vất vả quá. Em nào đưa cha đi thế ạ?

- À, cha sang gặp con có chút việc. Mà con đi xin phép thầy hiệu trưởng về ít ngày với cha. Mẹ con ở nhà đang mong đấy.

Một linh cảm không hay như bóp nghẹt tim Tân.
Anh tái mặt:

- Mẹ con ạ? Có việc gì gấp thế cha?

Chỉ khi về đến nhà - lúc ấy gia đình anh đã cất được một mái nhà tranh nhỏ, ở riêng - Tân mới được cha mẹ báo là ba hôm nữa đám cưới giữa anh và cô con gái ông bạn lâu nay vẫn giúp đỡ cha anh phải được tiến hành. Ông nội cô gái đang ốm nặng, thầy thuốc bảo là chỉ còn ngày một ngày hai. Mà cô ta đã hai mươi tuổi rồi, vào tuổi ấy ở vùng này nhiều cô gái đã tay bông tay đất. Hai gia đình đã hứa hẹn với nhau từ lâu.

- Nhưng con đã thưa với cha, con đã nộp đơn xin tiếp tục đi học lại, nay mai nhà trường chắc sẽ gọi. Con chưa muốn lập gia đình vội...

- Thì anh cứ đi học, cha có bảo sao đâu. Vợ anh sẽ ở nhà giúp mẹ nuôi các em anh ăn học. Cô ấy ngoan nết lại có gánh hàng tấm ngày nào cũng lên bán trên chợ huyện. Nhà ta còn nhiều khó khăn lắm, con ạ.

Cha anh nói, giọng rầu rầu. Mới mấy năm ăn không ngồi rồi, nhà tản cư, túng thiếu, chưa đầy năm mươi tuổi mà trông ông già và yếu hủn đi. Mái tóc bạc gần nửa. Mẹ anh ngồi tẽm trầu, không nói gì. Trông mẹ ốm yếu và buồn bã. Mẹ anh vốn người nông thôn, về quê cũng cày cấy được dăm sào ruộng nhưng các em đang lớn như tầm ăn rồi. Nay mai nhà trường lại gọi Tân đi học tiếp, đồng lương ít ỏi hàng tháng đem về giúp đỡ cha mẹ không còn, lúc ấy gia

đình lại càng khó khăn.

Nghĩ thế Tân đành đồng ý cưới Nụ. Cô gái cũng đẹp người đẹp nết, làm ăn buôn bán giỏi giang, chỉ phải cái văn hóa quá thấp mới học hết lớp ba thì bỏ học ở nhà theo mẹ đi chợ. Lúc đó Tân nghĩ: Thôi miễn là được con người tốt lại biết làm ăn, còn trình độ thấp thì sau này có hoàn cảnh sống với nhau mình sẽ cố giúp đỡ cô ấy.

Tân tốt nghiệp chuyên khoa trường Huỳnh Thúc Kháng vào năm 1951 và sau đó được chọn ra nước ngoài học tập. Về nước công tác chưa được hai năm lại được đi Liên Xô học lên cao học. Cứ thế như nhờ vào một may mắn nào khó định nghĩa, con đường công danh của anh cứ tiếp tục rộng mở. Mới qua tuổi bốn mươi anh đã là một cán bộ khoa học cấp vụ rồi tiến lên viện trưởng. Anh cũng đã đưa gia đình ra Hà Nội từ đầu những năm 60 và nay vợ chồng anh đã có hai con trai đã lớn. Vợ anh đi làm công nhân một xí nghiệp may mặc. Cha anh đã mất, người mẹ sống với vợ chồng anh, các em đều đã trưởng thành. Cuộc sống nhìn bên ngoài thật là tốt đẹp, yên ấm, chỉ có điều ai cũng biết vợ chồng Tân vẫn như hai thái cực. Người chồng suốt ngày mê mải với bao công trình khảo sát, nghiên cứu, lúc rảnh rồi đi chơi với bạn bè, nghe nhạc, vẽ tranh (Tân là cán bộ khoa học nhưng có năng khiếu hội họa, anh mê vẽ từ bé). Còn người vợ thì con cái đã lớn, đi làm về lo xong cơm nước lại xuống cổng ngồi ngóng ra đường với mấy bà hàng

xóm, chuyện võ như ngô rang. Chị ta còn tham gia tổ hòa giải của cụm dân phố, làm những việc mà Tân gọi là "tối vô bổ".

- Cô thì hiểu biết gì về tâm lý, hiểu gì về chuyện riêng của vợ chồng nhà người ta mà cũng dây vào? Để thì giờ đọc vài cuốn sách cho mở mang cái đầu óc có hơn không? Chỉ vẽ chuyện!

Có lần Tân đã bảo thẳng Nụ thế. Cô ta vênh váo - bây giờ sau hơn hai mươi năm lấy nhau thì cô ta chẳng nề sợ gì Tân nữa:

- Còn hơn anh làm ông nọ ông kia suốt ngày cứ chú vào sách vở mà nghèo vẫn hoàn nghèo. Về nhà chẳng mó tay làm được việc gì...

Vợ chồng cứ chùng chảnh thế, bao nhiêu năm rồi hầu như không có được một câu nói âu yếm, một ánh mắt trêu mến. Thậm chí nhiều đêm nằm Nụ cố lấn vào quờ tay sang đụng vào người Tân vẫn lại cứ lách ra xa, lòng dửng dưng không chút cảm xúc. Anh cay đắng nghĩ: đúng như các cụ nói: đồng sàng dị mộng.

Thời gian đầu Phụng đối với Tân thực sự chỉ có lòng kính nể. Thậm chí cô còn rất ngại mỗi khi Phúc và Khanh đi đâu vắng một mình cô phải ngồi ăn trưa với Tân. Những lúc ấy cô thường trải tấm khăn vải dầu ra bàn, đặt bát canh rau bók khói lên cạnh cặp lồng cơm của Tân rồi mang cơm canh của mình đến nhập bọn với mấy chị em khác.

- Sao thế? Sợ không dám ngồi ăn một mình với thủ trưởng à?

- Nom chú ấy nghiêm quá. Mà em cũng không biết nói chuyện gì.

Phụng cười, hai má đỏ hồng. Cả cơ quan ai cũng bảo Phụng quá trẻ so với tuổi. Chỉ những lúc bỗng nhiên nhớ quay quắt đứa con gái nhỏ đang ở nơi sơ tán Phụng ngồi thần ra, đôi lòng con mắt màu xanh phớt tím tối sầm lại thì mới nhận thấy được ở cô dáng nét một người đàn bà còn trẻ mà cuộc đời đã sớm phải chịu nhiều lo toan ngang trái.

Tân lớn hơn Phụng ngót hai mươi tuổi. ở tuổi đó, lại đã có vợ con, thực sự thời gian đầu không bao giờ Phụng có thể nghĩ rằng sẽ có lúc quan hệ giữa cô và anh lại có thể biến thành tình yêu. Sẽ có lúc anh dang rộng hai cánh tay vạm vỡ ôm chặt cô vào lòng và cô thì vui cả khuôn mặt nóng bỏng vào ngực áo anh. Cả hai đều không thốt lên được lời nào nhưng Phụng nghĩ chỉ qua cử chỉ ấy anh đã có thể hiểu được tất cả sự tin cậy và trao gửi hoàn toàn của cô đối với anh.

Đó là trong những ngày Mỹ trở lại rải bom miền Bắc, rải cả xuống thành phố Hải Phòng và thủ đô Hà Nội. Cơ quan sơ tán triệt để chỉ ở lại có dăm sáu người, trong đó có Tân và Phụng. Khác với những lần khác, lần này cả ngày và đêm Tân ở lại cơ quan và bỗng đứng lại lăn ra ốm. Anh sốt hừng hực cả tuần không dứt, Phúc chánh văn phòng và Phụng thay nhau chăm sóc ăn uống thuốc men cho Tân. Phúc có đứa con trai đang học thi Đại học ở lại Hà Nội với bố

nên nhiều buổi trưa và buổi chiều anh phải tạt về nhà với con. ở lại cơ quan một mình với Tân, nhiều đêm ngồi canh chừng cơn sốt của Tân, Phụng cứ dúi cả mắt lại mà không dám ngủ. Có buổi trưa Phúc giao cho cô nhiệm vụ ngồi chườm khăn ướt trên trán cho Tân, cái khăn khô đi lại đắp sũng nước đắp lên lượt khác. Một buổi Phụng nhớ lại kinh nghiệm chữa sốt trước của mẹ, ra vườn hái một nắm to rau diếp cá vào giã lọc lấy nước cho Tân uống. Nể lời Phụng, Tân cố uống. Thế mà không biết do bệnh đã đến lúc lui hay nhờ nước rau diếp cá của Phụng, Tân bắt đầu dứt cơn sốt. Sau hơn mười ngày trời Tân nằm sốt miên man, cơn này mới lui thì cơn khác lại đến, lần đầu tiên đỡ Tân bước xuống giường Phụng mừng quá, miệng thì cười mà nước mắt rơm rớm:

- Chú sốt liên miên làm bọn cháu lo quá.

Còn Tân thì loạng choạng ngồi lại xuống giường, trù mếu nhìn Phụng, nỏ nụ cười mệt nhọc:

- Không biết tôi sốt đến hôm nay là mấy hôm? Cảm ơn em...

Tiếng "em" đến một cách tự nhiên, bột phát, làm cho cả người nói và người nghe đều lặng người. Phụng đỡ cho Tân nằm lại xuống giường, bối rối và dịu dàng:

- Thôi... anh nằm xuống đi cho đỡ mệt. Anh Phúc cũng sắp đem cháo đến, anh cố ăn lấy một bát cho mau lại sức...

Tình yêu buổi đầu đến với họ đơn giản và nhẹ

nhàng như vậy. Sau này Tân nói với Phụng là anh cảm thấy quyến luyến cô đã từ rất lâu, từ những ngày họ bắt đầu ngồi ăn trưa cùng với nhau. Cô chăm sóc anh, chăm sóc cả nhóm như một cô em gái rất hiền, rất dịu dàng. Cô thông minh và ý tứ. Có lần nhìn cô cầm chiếc muôi múc canh cho mọi người, bàn tay cô trắng trẻo, nhỏ và gầy lờ mờ chạy những đường gân xanh, Tân chợt thấy thương quá và chợt nghĩ: người con gái này còn trẻ mà sao cuộc đời long đong quá. ước gì mình được bảo bọc, được chăm sóc cả đời cho cô ấy. Còn Phụng thì nói: Em biết là anh có cuộc sống riêng rất buồn, anh rất cô đơn. Em chỉ muốn được an ủi anh, chăm sóc anh, em không đòi hỏi gì cả. Cả đời em chỉ là cái bóng bên anh thôi cũng được.

Họ đã sống với nhau những ngày tháng tuyệt diệu. Trong cơ quan đã có những lời bóng gió, những lời giễu cợt tuy cũng có những người tỏ ra không thông cảm và ái ngại cho Tân và Phụng. Sau những ngày sơ tán, Hà Nội trở lại tương đối yên tĩnh và bé Phương con gái nhỏ của Phụng đã được trở về Hà Nội. Một mình Phụng cố xoay xở được một phòng ở nhỏ cho hai mẹ con, cô tự mình đi xin việc ở một cơ quan khác. Cô yêu Tân và không muốn vì cô anh phải chịu bất cứ một sự phiền lụy nào. Trong căn phòng mười mét vuông ở một khu chung cư nhỏ giáp ngoại thành, vốn là nơi ở của một chị công nhân dệt 8/3 nhường lại, nhiều buổi tối và ngày chủ nhật, Tân

đã đến với Phụng. Anh đem đến cho cô những cuốn sách mà anh biết rằng cô yêu thích, những băng nhạc để hai người cùng nghe và mỗi chiều chủ nhật lại hướng dẫn cô học thêm tiếng Pháp. Một lần anh đem đến cả một cặp to tài liệu và nói với Phụng là anh muốn được ngồi làm việc hẳn một ngày ở cái "tổ" yên tĩnh này của cô, không biết có được không?

- Tất nhiên em trả lời là được - Phụng vừa cười vừa âu yếm đưa đến cho Tân ly nước cam pha sẵn đợi anh và anh vừa đỡ ly cam vừa nắm lấy tay cô, bùi ngùi:

- Ước gì anh được ở lại đây mãi với em.

Phụng rơm rớm nước mắt nhưng vẫn cố cười:

- Thôi mà anh. Điều gì mà anh và em chấp nhận thì phải vui vẻ chấp nhận. Số kiếp em là vậy mà.

- Anh biết là anh có lỗi. Em có quyền trách anh...

- Em xin lỗi nếu để anh nghĩ là em trách anh. Nhưng em không có ý ấy đâu.

Phụng rất biết là trong tình yêu của hai người có nhiều cay đắng, nhưng suốt trong mười ba năm trời hai người yêu nhau chưa một lần cô có ý nghĩ rời bỏ Tân. Có lần, một bạn học cũ của Phụng nay đã góa vợ và là một giám đốc Sở đầy thanh thế ở miền Nam ra Hà Nội họp đến thăm Phụng. Người bạn này xưa kia đã từng yêu Phụng mê đắm và Phụng cũng có cảm tình với anh ta. Nhưng do một hiểu lầm nhỏ hai người cắt đứt với nhau và sau đó Phụng lấy chồng. Lần này đến thăm Phụng, Quang thành thật nói:

- Mình biết cuộc sống hiện nay của Phụng ra sao, mình bao giờ cũng hết lòng với Phụng. Chỉ mong Phụng hiểu mình đã ân hận như thế nào về lần xa nhau trước đây của chúng mình và Phụng cho phép mình... đối với Phụng giống như ngày trước...

Nhưng Phụng cười buồn và lựa lời từ chối. Trừ khi cô không còn ở trên đời này nữa không bao giờ cô có thể rời bỏ Tân.

Rồi điều này không thể tránh được đã xảy ra: Phụng có thai thằng Sơn. Khi nghe Phụng báo tin Tân dường như không hề ngạc nhiên và bất ngờ. Anh chỉ hỏi đơn giản:

- Bây giờ em tính sao?

- Sao lại là em tính? Phải là anh chứ?

Phụng khóc - Về phần em, em không thể hủy bỏ một đứa con, nhất là khi nó lại là con anh - Anh cũng vậy. Tân rụt rè nắm lấy bàn tay mảnh dẻ của Phụng - Thôi em cứ đẻ, rồi chúng mình cùng nuôi.

Tân kéo Phụng vào lòng, giọng anh đầy thương xót và ân hận:

- Anh biết anh rất có lỗi. Anh rất thương em...

- Em biết điều ấy rồi, anh không cần nói nữa. Em đã chấp nhận - Cô cười đau đớn - chỉ sống bên cạnh cuộc đời anh thôi mà!

Điều khó tin là thằng Sơn ra đời và đã đi học đến lớp hai rồi mà Nụ vợ Tân vẫn không hề hay biết. Nụ chỉ nghe lảng máng một điều là hình như ông Tân có lảng cháng với một cô nào ở cùng cơ quan nhưng nay

cô ấy đã chuyển đi nơi khác rồi. Mà nếu còn quan hệ với nhau thì Nụ cũng không quan tâm. Vốn quan niệm đơn giản theo lối nông thôn, Nụ nghĩ là đàn ông đều thế cả, có cấm cũng chẳng được. Họ như cây gậy, chọc đâu được đó, con đàn bà nào dại thì cho nó chết. Chỉ cần tiền lương, tem phiếu đem về đầy đủ, đêm nào cũng có mặt ở nhà, lại lo được cho thằng Minh là thằng con đầu sang Đức học Đại học, còn riết róng với ông ấy nổi gì. Dù sao Nụ vẫn giao hẹn:

- Này tôi nói trước với ông, chơi bởi ở đâu thì được chứ đem con nào về nhà này là không xong với tôi đâu. Bọn dĩ non dĩ già bây giờ là ghê gớm lắm. Đầu thì anh anh em em sau thì bòn rút. Bao nhiêu tiền nong của cái đi tong với chúng nó hết.

Tân nghe vợ nói mà tởm lợm. Vốn quê mùa chân chất ra thành phố vài mươi năm không biết học ở đâu mà cô ấy nói ra toàn những giọng chợ búa đến vậy. Anh xua tay:

- Tôi cấm cô. Không được ăn nói cái kiểu ấy, làm ảnh hưởng đến con cái.

- Vâng thì ông lịch sự, ông học thức - Vợ Tân bắt đầu chùn nhưng vẫn dài giọng - Nhưng tôi là tôi nói trước kéo sau lại bảo là không bảo.

Đời sống gia đình như thế hỏi làm sao Tân không cảm thấy chán ngán ngay trong mái nhà thân thuộc của mình. Chỉ còn biết tìm vui ở hai đứa con. Thì anh cũng đã dốc bao tâm sức dạy dỗ lo toan cho chúng nó, bây giờ thằng Minh coi như đã trưởng thành. Còn

thằng Quỳnh đang học lớp 12, với sức học của nó sang năm chắc chắn sẽ vào được Đại học. Anh sẽ cố hướng dẫn cho con chọn được một con đường đi đúng hướng. Một nghề nghiệp mà nó yêu thích và có thể cống hiến cả cuộc đời vào đó. Nhiệm vụ làm cha đối với Minh và Quỳnh coi như anh đã hoàn thành phần quan trọng. Bây giờ là thằng Sơn, cái thằng út ít, thiệt thòi nhất, đáng thương nhất. Năm nay thằng Sơn đã lên tám, và anh thì đã ngót nghét 60. Người ta nói: "cha già con cọc" Mà điều đau lòng nhất là tuy Tân vẫn hàng ngày lui tới, kèm cho Sơn học, chăm sóc Sơn - nó cũng gọi anh là bố - nhưng dù sao đối với nó anh vẫn gần giống như một người khách. Một người họa hoàn lắm mới được ngồi ăn bữa cơm chiều với mẹ con nó và có cố ngồi nán lại đến mấy thì cũng chỉ lên đèn được một lúc là đã phải phóng xe ra về.

Nhưng điều tệ hại nhất đã đến. Nhiều lần về quê nghe mấy bà trong họ nói úp úp mở mở Nụ cũng không chú ý. Đến một lần Nụ về, một bà cô họ hỏi thẳng Nụ:

- Này chị Tân này! Thế cái cô vợ hai của anh ấy nghe nói đã có thằng cu lớn lắm, vậy bây giờ mẹ con cô ta có ở cùng với anh chị không?

- Thằng cu nào với cô hai nào ạ? Nhà cháu làm gì có cô hai nào?

Nụ tái mặt, thẳng thốt hỏi lại. Bà cô già thoáng một lúc ngần ngừ rồi lấy tay chậm rãi quạt nước cốt trầu hai bên mép:

- Thế hóa ra chị không biết gì thật à? Một lần mẹ con cô ấy có dất nhau về đây, nghe nói bà cụ trên ấy cũng quý mẹ con cô ấy. Mà cô ấy về đây mấy bà chị bà em anh Tân cũng quý... Thôi chị ạ, bây giờ đời sống mới chứ ngày trước ở làng này chúng tôi đều thế cả. Thêm chị thêm em thêm con thêm của có mất gì đâu!

Bà cô già còn nói gì thêm nhưng tai Nụ đã ù đặc không nghe gì được nữa. Ba máu sáu cơn chị gọi thằng cháu gọi bằng mợ bắt đèo ngay chị ra bến xe đầu làng tức tốc về Hà Nội...



Chưa đầy một năm sau, Tân ốm nặng. Anh bị tai biến mạch máu não. Chả là sau khi Nụ trở về Hà Nội, chị không để cho anh một ngày được yên. Ngay lần vợ hỏi đầu tiên Tân không chối.

- Thế thằng bé ấy đâu? Sao ông kín tiếng thế? Sao ông giả dối thế? Trước đây tôi cứ nghĩ tuy ông có dân có đụt thật đấy nhưng ông là người thật thà lành hiền. Đâu biết ông lừa tôi bao nhiêu năm nay rồi. Ông giết người không dao, ông lừa tôi!

Dẫu đã tin đó là sự thật mười mươi, Nụ vẫn hy vọng là Tân phủ nhận, hy vọng đó không phải là sự thật. Đằng này Tân lại nhận, lại còn nói: "Tôi biết tôi có lỗi với cô. Tôi xin lỗi. Nhưng tất cả chỉ vì tôi không nỡ bỏ cô..." Thế thì còn trời đất nào! Có ai đời đã lừa lọc vợ, phản bội vợ mà lại còn ngang nhiên ăn nói thế không?

- Tôi không biết cái con đĩ ấy nó cho ông ăn gì mà ông lú lẫn thế, u mê ngu muội thế hử giời? Hai đứa con trai lớn bằng sào bằng gậy rồi chứ còn kém cỏi nổi gì!

Nụ rít lên, hai hàm răng nghiền nhau kèn kẹt. Chưa bao giờ Tân thấy cô ta dữ tợn thế, nanh nọc đến thế. ừ thì anh có lỗi, anh là người chồng, người cha phản bội!

Nhưng chính Nụ cũng biết cuộc hôn nhân này khởi đầu đã là một cuộc hôn nhân miễn cưỡng, về phía anh hoàn toàn không có tình yêu. Anh cũng đã gắng hết sức mình để giúp vợ học hỏi tiến bộ, cố cải thiện quan hệ tình cảm giữa hai người, cố làm cho Nụ ngày một xích lại gần chồng hơn, nhưng tất cả thiện ý của anh đều không được vợ hưởng ứng và hợp tác. Nụ sinh ra đã là một con người quá khác anh. Cô thô thiển, giản đơn và nhìn mọi việc ở đời, kể cả quan niệm của cô về gia đình, về tình yêu vợ chồng, quá nông cạn và thiển cận. Anh không trách vợ - cô sinh ra vốn thế - nhưng vẫn không thể không luôn cảm thấy lẻ loi và cô đơn ngay trong chính gia đình của mình. Việc đã xảy ra, anh đã không thể nào cưỡng lại nổi...

- Bây giờ thì ông định thế nào? - Nụ rít lên - Cái con quỷ cái ấy, nó định bắt ông giở những trò gì với vợ con ông nữa đây, ông bảo cho tôi biết!

- Cô ấy chẳng bao giờ xui tôi bỏ bà, bỏ con, bỏ cái gia đình này - Ông lấy hết can đảm, dù sao thì cũng

một lần phải nói - Tôi cũng đã tính kỹ, thôi thì coi như không có cô ấy. Bây giờ cả tôi, cả bà, cả cô ấy cũng không còn trẻ trung gì nữa - Ông lại háng giọng - Nhưng còn đứa con, còn thằng Sơn ấy, tôi phải có trách nhiệm. Tôi xin bà, hãy để cho nó làm anh làm em với thằng Minh, thằng Quỳ nhà này...

- Để cho nó về đây làm cái gai trước mắt tôi ấy à? Để cho nó phá tan cái gia đình này à? Cái thằng ôn con đẻ hoang ấy...

- Bà không được nói thế!

Tân quát lên. Cả đời ông, có lẽ chưa một lần nào ông quát to đến thế, giận dữ đến thế. Gì thì gì, tất cả tội lỗi là ở ông, còn thằng Sơn của ông thì nó đâu có tội gì. Không ai được phép xúc phạm nó, nhục mạ nó.

- Vâng. Thì nó là quý tử của ông - Nụ cười giả, ngọt nhạt, mỉa mai - Nhưng ông ạ, tôi nói thật, cái căn nhà mặt phố này của ông nó chẳng to tát gì đâu, cả cái ngôi nhà hương hỏa của ông ở quê nữa. Nó cũng chẳng là cái gì với tôi. Nhưng tất cả đó là của hai đứa con tôi, ông đừng nghe cái con phò ấy nó xúi mà đưa con nó về đây tranh giành chia chác với con tôi.

Ồ bà ấy! Thì ra cái tâm địa của bà ấy hẳn tiện nhỏ nhen là thế. Chẳng phải tình cảm ghen tuông gì đâu, chẳng qua chỉ nghĩ đến cái quyền lợi, cái vật chất..

- Bà nhầm! Bây giờ cô ấy có nghèo túng như xưa nữa đâu, lại còn tiền của của họ hàng người ta hàng năm bên Pháp gửi về. Người ta thêm gì cái nhà nát

của bà. Chẳng qua là cái máu mủ, con người phải có anh em nguồn gốc...

- Ông im đi cho tôi nhờ. Đừng nói mà tôi lộn ruột!

Nụ không thêm nói với chồng nữa, nhưng còn với Phụng thì bà ta làm cho điêu đứng. Trước không biết thì thôi, bây giờ biết rồi bà dò hỏi khắp nơi, lần tìm ra ngôi nhà Phụng mới mua được ở sâu tận trong cùng một cái ngõ hẻm. Những trận đòn ghen âm ỉ xảy ra. Có lần biết được Tân vừa mới đến đó bà thuê một tay côn đồ cùng đến lôi Phụng ra đánh xé cho tơi bời chỉ còn lại manh quần. May mà hôm đó cả con Phương và thằng Sơn đều đi học vắng và Tân đến chơi cũng đã ra về. Chính Tân cũng không ngờ vợ ông lại thượng cẳng chân hạ cẳng tay như thế, tưởng cứ như các lần trước chỉ là những câu chửi bới lăng mạ ồn ả Phụng cứ lẳng lặng ở trong nhà là xong. Sau lần ấy, Phụng hẹn gặp Tân, cô khóc và nhất quyết chia tay. Tủi thân và giận Tân đã không bảo vệ được cô và không kiên quyết nhận thằng Sơn là con hợp pháp, Phụng nói với ông rằng cô có anh chị ruột ở trong Nam cô sẽ bán nhà đưa cả hai đứa con vào đấy. Và sẽ không bao giờ Tân phải bận tâm về thằng Sơn nữa.

- Thế là em định chấm dứt quan hệ giữa chúng ta? Em định dứt cả tình cha con của anh và thằng Sơn? - Ông cay đắng hỏi.

Cô khóc:

- Thôi cứ coi như trăm tội là ở em. Anh đừng lo gì

cho thằng Sơn, nó đã có em rồi. Em chỉ thương anh và lo cho anh.

Cô nói và lại khóc. Quả nhiên chỉ sau khi Phụng và thằng Sơn đi ít lâu, chưa đầy hai tháng trời, một buổi trưa vừa ở phòng làm việc ra về, chưa dắt xe ra đến cổng cơ quan thì Tân cảm thấy choáng váng, trời đất quay cuồng và cả người và xe lăn ra đất. Vừa kịp ổn định cuộc sống ở Sài Gòn, nghe tin dữ Phụng vội vàng bay ra Hà Nội nhưng cả tháng trời ngày cũng như đêm quanh quẩn ở cổng rồi sân bệnh viện, Phụng không một lần được bước chân vào phòng bệnh viện của Tân. Còn Tân thì lúc tỉnh lúc mê và một lần dường như rất tỉnh mở mắt thấy thằng Quỳ, thằng con thứ hai, ngồi đăm đăm bên cạnh, ông cố thò cánh tay đeo đầy dây nhợ ra khỏi chăn, cố lần tìm bàn tay con:

- Quỳ ơi, các con đừng giận bố. Ba đưa con bố đều thương... Bố có lỗi... Các con hãy... thương em Sơn...

Ông nói khó nhọc, phều phào, Quỳ phải cúi xuống sát cổ nghe cho rõ lời bố. Quỳ ứa nước mắt thương bố nhưng chưa kịp an ủi bố một lời thì các ngón tay lỏng lẻo của bố lại rời ra. Tân lại trở lại cơn hôn mê.

Tất cả điều ấy Phụng chỉ được nghe cái Bội kể lại khi chị trở lại nhà Bội, rồi, sau đám tang Tân. Cái Bội là con chị gái Tân, gọi Tân là cậu ruột. Nó đã về quê trước hai ngày để cùng mẹ nó và họ hàng lo cho việc đón rước linh cữu của cậu nó về quê, và khi nhìn thấy Phụng gần như lả đi vì nắng, vì khóc nhiều

đang đứng dựa vào một gốc xoan cách xa đám tang để cho vợ Tân không nhìn thấy - mọi người đã bắt đầu ra về - nó lẳng lặng dìu Phụng về nhà, nấu niêu cháo đồ đồ Phụng ăn và chăm sóc Phụng. Kể lại mọi chuyện cho Phụng nghe nó vừa khóc vừa an ủi:

- Cô ạ, mẹ cháu bảo chẳng qua là cái số. Mẹ cháu bảo số cậu cháu vất vả, đi xem ở đâu người ta cũng bảo tuổi cậu mợ cháu không hợp nhau, không vợ lẽ con thêm thì trong hai người thế nào cũng có một người chết trẻ. Cô chịu khổ là gánh đỡ cho cậu mợ cháu rồi đấy.

Bội còn nói thêm:

- Mợ cháu nói với bà con trong họ là tại cô bám lấy cậu cháu, hám danh hám của nên bám lấy cậu cháu. Rồi chẳng may có em Sơn chứ có tình nghĩa gì đâu. Nhưng chẳng ai tin thế đâu cô ạ... Bà cháu với mẹ cháu, cả các dì cháu đều thương em Sơn, đều thương cô.

- Không có số phận nào đâu cháu ạ. Cậu cháu gặp cô là chỉ khổ thêm thôi. Không có cô và em Sơn cậu cháu không đến nỗi phải khổ sở dần vật rồi ốm đau chết khổ chết sở thế này - Phụng khóc nức lên khiến cái Bội sợ, xích lại ôm chặt lấy cô. Phụng gục hẳn vào lòng nó - Tội của cô to lắm Bội ơi.

Đã năm năm qua rồi mà chiều nay ngồi bên mộ Tân, Phụng vẫn chảy nước mắt khi nhớ lại đám tang, nhớ lại buổi chiều hôm ấy. Nhớ lại bao nhiêu đau khổ chị đã phải chịu đựng. Đau nhất là những điều tiếng

chị là con đàn bà hư hỏng lẳng lơ, yêu Tân chỉ để lợi dụng của nả danh vị của anh ấy. Thực tình mười mấy năm yêu nhau, từ cái áo sơ mi Tân đem về nói với vợ là anh tự mua cũng do Phụng sắm. Thấy Tân làm việc vất vả, từ miếng cao, lọ thuốc bổ Phụng cũng chạy khắp nơi nhờ vả mua về - thời ấy mua được những thứ này đâu phải dễ - rồi bắt Tân phải nhận, phải uống. Phụng chăm sóc Tân, giúp đỡ Tân, an ủi Tân, tìm mọi cách làm cho anh vui mỗi khi thấy anh buồn, anh mệt mỏi. Chị ân hận nhất là làm sao chị không cố chịu đựng thêm, lại không giành hết nỗi khổ về mình, lại nỡ bỏ anh lại đem con vào Nam. Ngồi bên mộ Tân, đã thấp đến tuần hương thứ hai, nước mắt lã chã, Phụng vừa tìm tấm ảnh Tân khắc trên bia mộ, vừa nói chuyện với anh, đủ cho một mình anh nghe. Đôi mắt buồn buồn kia, cái miệng kia... Cái miệng ít khi cười nhưng mỗi lần anh cười thì Phụng như quên bằng tất cả điều gì còn lo nghĩ, phiền muộn trong lòng. ít ai có được nụ cười đẹp như thế. Nụ cười thật là hồn hậu, pha chút trẻ thơ, tin cậy và bao dung, nó như phơi bày tất cả tâm hồn anh, cũng đầy bao dung và độ lượng. Hồi Phụng mới yêu Tân, bọn con gái cứ đùa chế.

- Tưởng mày yêu được ai chứ lại đi yêu cái ông đã có vợ con, già hơn hàng chục tuổi lại "xí trai". Đã thấp lùn lại to ngang, chán bỏ mẹ.

Phụng chỉ cười không trả lời. Tình yêu là thế đấy, nhiều khi rất khó hiểu đối với người ngoài cuộc.

Chúng nó chỉ nhìn thấy vẻ bề ngoài của anh ấy, đâu hiểu hoàn cảnh riêng của anh ấy thật đáng thương, đâu hiểu được những khát vọng và lo toan hàng ngày của anh ấy về công việc, đâu hiểu được tâm hồn anh ấy. Nhất là đâu nhìn thấy đôi mắt sáng lên triu mến của anh ấy mỗi khi nhìn thấy Phụng và anh vui sướng mỉm cười, nụ cười hồn hậu trẻ thơ như cũng tỏa sáng...

- Mày yêu quá hóa u mê! - Hà, cô bạn thân nhất của Phụng vỗ vai Phụng cười, chế giễu và độ lượng. Hà thương nhất là vì yêu Tân, Phụng đã phải chịu bao dằn vặt và tai tiếng.

Mải nghĩ Phụng không nghe thấy tiếng chân ai đó đang bước nhanh đến sau lưng. Cánh tay sừng to của Phụng bị một bàn tay nắm chặt làm Phụng đau điếng kêu lên như thét:

- Ôi, đau?

- Kìa, cô Phụng! - Bội - chính là cái Bội - ngồi xếp xuống trước mặt Phụng, hốt hoảng - Cô làm sao thế? Tay cô làm sao thế? Ôi, cô về bao giờ, sao không vào nhà đã hẵng ra đây.

- Cô vừa về đến nơi. Mà cô vội, nên cũng không định vào nhà cháu. Mẹ cháu có khỏe không?

Phụng cố không nhăn nhó, tay vẫn xoa trên cánh tay đau. Chị tránh nhìn Bội, nhưng Bội vẫn nhìn Phụng chăm chăm, nét mặt chuyển sang ái ngại và lo lắng:

- Cô ốm đau làm sao mà gây thế? Mà tay cô đau

làm sao? Lâu lắm cô không về, mẹ cháu cứ nhắc cô luôn. Em Sơn có khỏe không, cô?

Bội hỏi dồn dập nhưng không đợi Phụng trả lời nó đã với tay xách cái túi nhỏ để bên cạnh Phụng, nâng nhẹ tay đỡ Phụng đứng lên:

- Thôi, cô vào nhà cháu đã rồi hãy nói chuyện. Cháu nom cô mệt lắm. Cháu đang đặt nồi chè đỗ xanh, đang chạy ra ngoài xóm mua cân đường thì thấy cái ô tô đậu ngoài kia rồi nhìn thấy cô. Cô vào nhà gặp mẹ cháu rồi ăn với mẹ con cháu bát chè cho đỡ mệt...

- Ủ, cô sẽ vào. Nhưng cháu để cô ngồi đây chờ tàn nén hương cho cậu đã. Này Bội ơi...

Thoáng một ý nghĩ, Phụng định nói nhưng lại ngập ngừng.

- Cô bảo gì hả cô?

Bội hỏi, rồi ngồi xếp xuống bên Phụng. Nhìn kỹ, nó càng thấy ái ngại. Cô Phụng dạo này nom già hẳn đi, gầy và xanh quá. Chắc là cô đang bệnh, nhưng cô không nói nên nó cũng không dám hỏi.

- Cô muốn nhờ cháu một việc cuối cùng này, cháu có giúp cô được không?

Bội tròn mắt:

- Việc gì làm cho cô được cháu cũng làm. Nhưng sao cô lại bảo là cuối cùng? Cháu sợ quá.

- Không, không có gì đáng sợ đâu. Cô vẫn khỏe, cháu yên tâm - Phụng cố mỉm cười nén cơn đau ở cánh tay, bây giờ lại đau lan sang cả ngực trái. Cái

bên ngực ấy từ khi làm phẫu thuật thỉnh thoảng lại âm ỉ đau nhưng quãng gần tháng nay cảm giác đau lại càng tăng lên. Đêm nằm có lúc Phụng phải co người lại, chèn gối mềm xuống một bên lưng cho đỡ đau. Buổi chiều nay có lẽ vì đi mệt Phụng vừa đau vừa có lúc cảm thấy như nghẹt thở. Nhưng vẫn cố gắng được. Chỉ một chiều nay, một đêm nay, sáng ngày mai đi đường nữa, rồi sau đấy muốn ra sao thì ra.

- Việc gì hả cô?

Bội rất sốt ruột hỏi. Phụng sờ tay vào túi, chiếc áo chị đang khoác trên người, bên trong gài kín đáo một chiếc kim băng nhỏ.

- Cô có đem ra đây lá thư cậu cháu viết cho cô hồi cô sắp sinh em Sơn. Gặp cháu đây cô đưa cho cháu. Sau này... nhờ cô không còn nữa, trên nhà mợ cháu và anh Minh, anh Quý bằng lòng cho em Sơn nhận gia đình mà có ai đó nói ra nói vào cháu đưa hộ lá thư này cho anh Minh, anh Quý... Cả một đời cô phải trả giá cho tội lỗi của cô rồi, nhưng em Sơn nó không có tội gì...

- Ôi, cô Phụng!

Nghe Phụng nói cái Bội hoảng sợ thật sự. Cô ấy nói gì mà cứ như người ta trời trăng rồi chết! Cô ấy không khóc nhưng mặt lúc này tái xanh, hai mắt như hai hòn lửa, thật dễ sợ. Nó nhìn lại Phụng lần nữa, rồi lấp bắp:

- Cả nhà, cả họ cháu không ai nghĩ gì đâu. Ai cũng

thương em Sơn cô ạ. Mợ cháu cũng không phải là người ác đâu, bà cháu bảo mợ cháu bây giờ như bát nước nóng rồi nó nguội dần ấy mà. Cô ơi cô vào nhà với cháu đi, cô vào nghỉ một lát hăng về...

- Ủ, để cô đi với cháu.

Phụng nặng nề đứng dậy. Chị nhìn lần nữa ngôi mộ quét vôi xám, nhìn hai con mắt buồn buồn trên tấm di ảnh của Tân như hơi nheo lại nhìn chị. Dưới ánh nắng chênch chếch buổi chiều hai con mắt lúc này nhìn giống hai con mắt thằng Sơn một cách lạ lùng. Rồi cái miệng, cũng khuôn mặt ấy... Chị cúi xuống lấy tay vuốt nhẹ chung quanh bia, miệng lẩm bẩm mà mắt mờ đi: Thôi, em đi...

Đằng kia, cái Bội đã đi được một quãng đang dừng chân đứng chờ. Nó nhìn Phụng buồn rầu nghĩ: Tội nghiệp cô ấy, trước kia xinh đẹp mà khỏe mạnh thế! Lại nói toàn câu gở.../.

T. H

Đôi mắt chó

CAO TIẾN LÊ

Ấn chiếc khay sắt cài phía trong bật cả máu tay Văn mới đẩy được hai cánh cửa sổ bung ra phía ngoài. Gió bị cầm tù ồ ạt thổi tung bụi thời gian của năm năm qua bây giờ mới được một lần mở. Ùa theo gió bụi vào phòng là một giọng hát, một bài hát, hay nói đúng hơn là một làn điệu ca trù ập tới nhấn nhá, luyến láy, chao đảo, buông lơ làm Văn sống người... *Anh đến, anh không đến. Nắng tắt, còn em đứng mãi đây. Em đứng trên cầu đợi anh...*

Và cứ thế Văn đứng lặng trước khung cửa không dám cử động, như sợ cử động thì tiếng hát kia sẽ bay mất, hay nói cách khác cử động thì cái thần của dân tộc đã nhập vào trong tâm trí Văn sẽ biến mất... *Đứng một ngày đất lạ thành quen... chứ... một đời em quen thành lạ, nước chảy kìa anh, em đợi anh...*

Không phải một người hát, mà hai người hát. Giọng hát của hai người cùng một bài, một làn điệu

mà ai đó đã thu vào băng, người hát trước, người hát sau, như để so sánh hai cách thể hiện. Văn nghe và nhận ra ngay, một người có giọng hát trong sáng phơi phới, trẻ trung hết sức bác học dù là hát ả đào, còn người kia thì da diết trần trở buông thả, coi trọng ngôn ngữ huyền sắc hỏi ngã thể hiện từ khi bắt đầu vào bài. *Em đứng trên cầu đợi anh... Dưới chân cầu nước chảy, ngày đêm... Ngày xưa đã chảy, sao còn chảy... Nước chảy bên lòng em đợi anh...*

Nước mắt Văn giàn giụa. Tiếng hát sao đau thế, buồn thế, da diết thế? Tiếng hát phù hợp với tâm trạng với số phận của Văn chăng? Không. Văn hoàn toàn không có nỗi riêng nào chờ đợi. Năm tháng đi qua Văn chưa kịp làm được một cái gì cho ra hồn, chưa kịp tạo nên một sự gắn bó cụ thể nào với xung quanh để có sự chờ đợi cả? Văn đã xa Tổ quốc năm năm. Năm năm ấy Văn đã miệt mài để có một bản sắc âm nhạc riêng. Nhưng Văn vẫn thấy thiếu, phải chăng chính là thiếu giọng hát này đây.

- Chú ơi! Chú có biết đây là bài gì không?

Hai cháu bé chừng năm sáu tuổi có lẽ từ lúc nãy đứng trong phòng, không chờ Văn trả lời, một cháu nói luôn:

- Bài *Đợi* đấy chú ạ. Người hát trước là cô Thúy Mị, còn người hát sau là cô Thúy Đạt. Cháu thích giọng hát của cô Thúy Đạt, còn cô giáo cháu lại thích giọng hát cô Thúy Mị.

Văn ngồi xuống vòng tay ôm lấy hai cháu, rồi hỏi:

- Tại sao cháu lại thích tiếng hát của cô Thúy Đạt?

Cháu bé trả lời ngay:

- Vì bố cháu thích giọng hát ấy!

- Vì sao bố cháu lại thích giọng hát ấy?

- Cũng có lần cháu hỏi thế. Bố cháu bảo rằng, đời bố cháu khổ lắm. Còn cô giáo cháu đang trẻ nên thích giọng hát cô Thúy Mỹ.

Văn giật mình với sự nhận xét của cháu bé chưa đến tuổi biết đọc biết viết. Âm nhạc quả là khách quan, phản ánh tâm trạng xã hội. Và xã hội cũng giám định nghệ sĩ một cách chuẩn xác.

Đó là hai cháu bé trong khu tập thể, khi Văn về không có chìa khóa để mở phòng, các cháu đã chạy đi mượn hết chùm chìa khóa này đến chùm chìa khóa khác vẫn không mở được, cuối cùng chúng chạy lấy chiếc kim cộng lực và khoe là của đặc công để Văn cắt khóa.

Bước vào căn phòng đầy mùi ẩm mốc, quá khứ thức dậy, làm Văn quên hai cháu nhỏ. Anh hỏi:

- Các cháu có biết bài hát ấy không?

- Bài *Đợi* hử chú. Chúng cháu biết chứ!

Thế rồi một cháu cất lên tiếng hát, theo nhịp hát ngoài kia... *Đứng một ngày đất lạ thành quen... Đứng một đời em quen thành lạ...* cũng nhấn nhá từng câu từng chữ, cũng bắt chước tiếng đàn bằng miệng, cũng vỗ tay thay tiếng phách, nhịp trống.

Chợt, cháu đang hát đưa tay quạt vào mi mắt Văn:

- Sao chú lại chảy nước mắt ra. Bụi bay vào phải không? Ở đây không những lắm bụi mà còn khét nữa chú ạ. Họ nấu cao su làm dép nhựa, năm ngoài cháu bị viêm họng mất một tháng đấy.

Nào phải bụi bay vào mắt, mà giọng hát của cháu bé đã làm Văn xúc động rơm rớm nước mắt. Anh lấy kẹo chia cho hai cháu. Được kẹo chúng chạy ra cửa như làn gió để khoe với bố mẹ, bạn bè. Văn khép cửa, cài chốt phía trong, rồi cứ để nguyên túi xách, nguyên quần áo, nằm xuống giường. Ngoài kia tiếng hát đã tắt, nhưng làn điệu ả đào vẫn phảng phất trong anh. Không phải làn điệu ả đào làm anh xúc động, mà một kỷ niệm xa xưa, xao xuyến bồn chồn. Anh bật dậy, lục trong chiếc thùng gỗ đựng đạn B40, sau khi ra quân anh xin làm thùng đựng quần áo, lấy chiếc cát-sét, lắp pin, lắp băng, ấn nút. Tiếng nói trong máy phát ra rì rì, không như tiếng người mà như tiếng một hồn thiêng từ thế giới không vật chất vọng về, âm thanh rin rít khó nghe "... Cậu phải tìm đến nhà mình. Nhà mình ở phố X số 28 thành phố Hà Nội. Mình đã có vợ và một con. Thằng con kháu lắm. Vợ mình thì không chê vào đâu được, từ sắc đẹp cũng như tính tình. Mình thương vợ nhớ con. Nhưng cậu biết mình lo nhất cái gì không? Đó là con chó! Một con chó tuyệt vời xa nó mình phát khóc lên. Hồi ở nhà, có lần mình ra đi rất sớm, đạp xe mà nó cứ chạy theo. Mình dừng xe đuổi nó về, nó lùi một đoạn, khi mình lên xe nó tiếp tục chạy theo. Tức quá mình

nhặt hòn đá ném trúng đầu, nó kêu ăng ăng. Tưởng là nó về, nào ngờ đạp xe cách năm ki-lô-mét lại thấy nó xuất hiện. Đi quá xa, sợ nó lạc, mình không đuổi nữa, vẫy tay cho nó lại gần. Nó quỳ hai chân trước, đuôi ngoắt ngoắt rồi rít. Trời ơi! Đôi mắt nó nhìn mình với cái nhìn khác lạ, đôi mắt mở rộng, trong sáng, chứa chất sự trung thành, sự van xin, sự lo lắng, mà có lẽ suốt đời mình không thể nào quên được đôi mắt ấy. Hôm đó, cậu biết thế nào không. Máy bay đến oanh tạc mình bị đất đá vùi chặt vào một chiếc hầm trú ẩn của trận địa pháo cao xạ, người đã chuyển sang chỗ khác. Con chó chạy tới đơn vị bộ đội đóng gần đó, cắn vào gấu quần một người lính kéo đến chỗ mình bị vùi, nó sủa ầm lên. Người lính biết ngay có chuyện gì xảy ra. Liên gọi đồng đội đến đào bới. Cậu ạ, người ta vẫn nói “ngu như chó” là không đúng đâu. Đừng nên lấy quyền lực mà áp đặt sự dốt nát lên đầu kẻ khác. Đối với súc vật cũng vậy. Chó khôn lắm, trước sau như một, phân biệt được kẻ sang người hèn. Kẻ xấu, người tốt, dự đoán được một cái gì đó sắp xảy ra, nhất là đối với chủ nó. Chẳng phải mình kể chuyện chó cho vui đâu. Kể để tiếp sức cho công việc của cậu đang làm. Cậu thích âm nhạc phải không? Định sáng tác à? Muốn sáng tác, trước hết phải có cái giọng riêng. Phải có phong cách... Trong âm nhạc cũng như trong văn học. Chắc cậu đã đọc Kiều và học Kiều rồi. Cái thành công của Nguyễn Du đâu phải là nêu ra thuyết chữ tài chữ mệnh. Đâu

phải là thành công trong việc lên án Tú Bà, Sở Khanh... Đâu phải là xưa nay *nhân định thắng thiên cũng nhiều*, mà thành công ở chỗ ông có giọng điệu riêng để kể, để lọt vào lòng người. Giọng ông giấu cợt, xéch mé giám định sự đời qua từng từ “khéo là”, “quen thói”, “lạ gì”...

Cái riêng ấy rất khó tìm, nhất là trong âm nhạc. Vậy phải dựa vào đâu? Phải dựa vào dân ca...

Văn vừa nghe tiếng nói của anh Vũ đại đội trưởng bộ binh. Bây giờ đây, sau bao nhiêu năm, nằm nghe tiếng anh rin rít trong chiếc băng và chiếc máy cát-sét đã ảm mốc của thời chiến tranh. Văn cảm thấy như anh đang nói với mình bên gốc cây, dưới tán rừng thưa giữa ngày chuẩn bị cho trước khi bước vào trận đánh mới. Vũ, con người chắc nịch nhưng có dáng hào hoa. Cái duyên của anh lặn sâu trong cơ thể và không biết nó bộc lộ từ lúc nào, đã cuốn hút lòng tin của mọi người khi tiếp xúc với anh.

Con đường quân ngũ trải qua trước mắt Văn. Anh rất yêu âm nhạc, yêu say đắm và muốn có những sáng tác độc đáo. Anh biết chơi ghi-ta, vi-ô-lông và cả đàn bầu nữa. Bởi thế, khi bổ sung vào chiến trường chỉ ở tiểu đội một tháng là Ban chính trị trung đoàn điều anh lên làm trợ lý câu lạc bộ; chủ yếu là phụ trách các việc linh tinh gồm cờ đèn, kèn trống, đóng đình leo thang, căng khẩu hiệu, chủ nhiệm tờ tin, kiêm cả trưởng đoàn văn nghệ nghiệp dư “cây nhà lá vườn”. Hàng ngày Văn xuống các đại đội mang theo

một máy ghi âm nhỏ bằng hai bàn tay, chủ yếu là thu và phát, muốn nghe đài tiếng nói Việt Nam, phải đưa ra Thanh Hóa mới thu được, ở vùng Nghệ Tĩnh là chịu.

Văn hay xuống đại đội Vũ. Nói là một đại đội nhưng hao mòn qua các chiến dịch, không kịp bổ sung, nên chỉ có hai mươi tay súng. Số người tuy ít song đủ các tỉnh thuộc miền Nam, miền Trung, miền Bắc. Những hôm sinh hoạt văn nghệ thật là rôm rả. Các giọng nói địa phương, các làn điệu độc đáo của từng vùng được tung ra hết. Văn bật cát-sét thu băng, sau đó về nằm trên võng mở ra nghiên ngẫm chớp lấy những tin mới mẻ, bổ sung cho phần sáng tác còn thiếu độ dày thực tế của mình.

Văn hỏi:

- Anh Vũ ạ, em đồng ý là phải dựa vào dân ca để tìm ra phong cách. Theo anh, nên dựa vào làn điệu dân ca nào?

Vũ khẳng định:

- Ca trù! - Rồi Vũ tiếp tục giải thích:

- Ca trù là một loại hình âm nhạc cội nguồn của dân gian, nó tinh túy bác học mang hơi thở hiện đại, có chất công nghiệp nhưng rất nhân bản. Nó sâu lắng nuột nà đến tận cùng thế giới tình cảm, nó nồng nhiệt sôi bỏng, bốc lửa, dữ dội, đối cực với bên kia, kích thích cao, có cả âm dương, thu nhỏ vũ trụ, mờ ảo như bay trong siêu thực.

Văn hỏi:

- Nhưng thưa anh, nghe nói hồi thuộc Pháp, người ta gọi hát ca trù là hát cô đầu phải không ạ?

- Người Pháp sang nước ta rất thích làn điệu ca trù. Riêng điệu dó đã đủ nói lên cái hay, cái cao cả của ca trù. Lịch sử cũng đã ghi nhận, cô đào Thị Huệ, đã hát ca trù cho quân Minh nghe, mê mết, rồi bỏ chúng vào rọ cho trôi sông.

Thời Pháp nghe hát ca trù chủ yếu là phục vụ cho ăn chơi, đàn điểm, họ gọi là hát cô đầu. Hát cô đầu là hát rẻ tiền của khách làng chơi, đáng khinh rẻ. Ca trù, ả đào hay cô đào đều là một cách hát. Nhưng thực tế chia ra làm hai loại đào. Đào rượu và đào hát. Đào rượu chỉ gọi sự cầu vẻo, xoa bóp. Còn đào hát mang lại tinh thần cao sang chính nghĩa... Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát đã có công lao trong việc tìm kiếm, gìn giữ âm nhạc dân tộc, tuyên truyền cho hát ca trù. Mình tin rằng trong tương lai, khi hết chiến tranh, ca trù của nước ta sẽ có vị trí trên thế giới. Mình mong rằng những người như cậu và các thế hệ sau nữa, nắm chắc được ca trù.

- Em cũng thích thế. Nhưng khó lắm.

- Phải học chứ, chú mày. Phải có sự say mê. Say mê chưa đủ, phải đam mê nữa cơ! Hồi ở nhà cậu có hay nghe dân ca không?

- Thưa anh có ạ. Quê em là vùng chèo mà!

- Tốt lắm. Nắm vững ca trù nhưng phải biết các làn điệu dân ca khác, cộng với những kiến thức về âm nhạc hiện đại để đưa ca trù lên đỉnh cao trong

sáng tác. Ca trù mà vận dụng vào bi quan, thất vọng là không đúng đâu. Ca trù phải trong sáng, nhấn nhá, từng chữ, từng câu. Trong *lời lơ* của chèo, sau nổi sâu có giải nổi sâu. Đây là các khúc giao tấu lưu thông. Trong ca trù không có cái đó, nhưng trong ca trù sau một khổ hát có phách song loan, có nhịp nhấn nhá. Vậy là riêng phần này đã có thể kết hợp giữa âm điệu ả đào với tiết tấu chèo. Trong sáng tác phải lấy chất liệu dân gian làm nền tảng cho âm thanh, nhưng phải chú ý đến đậm nhạt, nếu đậm quá sẽ thành sao chép, còn nhạt quá sẽ đi xa cội nguồn! Còn một phần nữa hết sức quan trọng để tạo sự thành công của tác phẩm. Đó là người biểu diễn. Ca sĩ phải hiểu lòng tác giả.

Những năm học ở nước ngoài, phải nói rằng Văn đã thành công trong những sáng tác hiện đại, nhiều nước trên giới đã phổ biến tác phẩm của Văn. Nhưng càng đi sâu vào âm nhạc, Văn càng hiểu rõ vai trò quan trọng của người biểu diễn, nhất là âm nhạc dân tộc. Nhớ lời anh Vũ, Văn đã đi sâu vào ca trù với ý định đưa ca trù vào tầm cỡ thế giới. Nhưng Văn đã thất bại, bởi vì không làm sao để tổ chức được một buổi biểu diễn ca trù mang tính chất dân tộc, mặc dầu trông bề ngoài tưởng như đơn giản. Nhưng sự đơn giản đó là tổng hợp mọi cuộc đời, mọi thế hệ, là tiềm tàng của cả nhân dân được lưu lại trên một mảnh chiếu mà ở đó mọi người đều ngồi vòng tròn, tư thế thoải mái, người đánh trống chầu nằm bắc

chân chữ ngũ, tiếng đàn đáy bằng dây tơ luyến theo ngón tay, người hát nhấn nhá từng câu từng chữ, mỗi người đi theo một thể giới riêng, tạo nên sự phóng túng làm cho bài ca có một bàn đế. Người xem có thể thay người gõ nhịp... ca trù chỉ yêu thích không chưa đủ. Phải có năng khiếu. Đặc biệt là phải kiên trì. Không thể tìm những điều đó ở một nơi không thuộc dân tộc mình.

Văn án máy, tiếng rì rì của anh Vũ lại phát ra:

- Hồi ở nhà, mình vẫn nói đùa là nếu sau này thất cơ lỡ vận thì gia đình mình sẽ lập thành một chiếu hát để xin ăn. Cậu biết không, khi mình cất lên tiếng hát thì vợ mình dù đang làm gì cũng dừng lại, dùng tay gõ nhịp khe khẽ. Cô ấy đắm đuối trong làn điệu ca trù nhưng thiếu cái phơi phơi tươi sáng, mà buồn đau, mắt bao giờ cũng rơm rớm nước, như báo trước một số phận thế nào ấy. Còn thằng con lớn lên mình sẽ dạy cho nó cầm trống châu, nó nhất định có một tâm hồn nghệ sĩ. Con cái phải mang theo gien của bố mẹ chứ? Riêng con chó, mình sẽ tập cho nó đứng bằng hai chân sau, hai chân trước bưng chiếc đĩa hoặc chiếc rổ thủng lưng đi xin tiền, hễ mình gõ từng từng chát cất lên tiếng hát là nó đi vòng quanh, mỗi lần như thế mình đều bỏ vào đĩa cho nó củ khoai, chiếc kẹo, hay thứ gì đó. Chao ôi, nghe tiếng hát, đôi mắt nó thiết tha, thể hiện sự van xin những người xung quanh vớt vát chút gì còn lại, không phải cho nó, cho một sự huyền diệu đang bị rạn vỡ ở tận vùng xa xôi

nào đó mà bằng linh cảm chung tần số mới rung động được. Nói ra thì sống sượng, nhưng quả thật, súc vật cũng cảm nhận được âm nhạc, chó cũng nhận ra sự da diết trong dân ca. Đúng thôi, vì đã nhiều nơi người ta dùng âm nhạc cho cây trồng phát triển cơ mà. Như có sự xao xuyên bồi hồi. Vũ cất lên tiếng hát:

... Trải bao nhiêu ngày tháng hạ thu đông, lòng thả nổi nhớ nhung xuân có biết. Tình tình tình, tình tình tình tình. Khử túy xuân quy sâu cửu biệt... hừ... hừ... hừ... hừ... hừ... Kim biên xuân đáo khách tương phùng...

Và những người trong đại hội có mặt lúc đó cũng gõ trống bằng miệng gõ nhịp bằng tay hát theo:

... Gặp ta nay xuân chờ lạ lòng

Tóc có khác nhưng lòng ta ư hừ... chẳng khác.

Kể từ thuở gặp xuân bốn chín năm về trước

hừ hừ...

Vẫn rượu thơ non nước vui làm vui...

Rừng yên ả, gió như cũng ngừng lay động, giọng ca nhấn nhá luyến láy chinh phục không gian, trải ra trước mắt những làng quê có dòng sông, con đò, bến nước gốc đa, hay một thành phố bình yên hòa chung nhịp thở.

Một tiếng rít như tạo thành hình khối rạch đôi bầu trời, cắt đứt giọng ca trù, cắt đứt sự thanh thản hiem hoi của chiến tranh. Chiến sĩ thông tin hét từ xa:

- Báo cáo đại đội trưởng, lệnh trung đoàn, đại đội nhanh chóng vào vị trí chiến đấu. Lệnh chính ủy,

đồng chí Văn về ngay Ban chính trị!

Cuộc chiến đấu xảy ra hoàn toàn không cân bằng. Đại đội của Vũ chống đỡ với cả trung đoàn địch. Có pháo binh và máy bay yểm trợ chúng dồn hết sức để giành chiến thắng. Nhưng chúng đã sa vào thế lừa nhử, bị Vũ giam chân tại chỗ để toàn sư đoàn thọc sâu vào hậu phương địch với các bước biến hậu phương địch thành tiền phương ta, rồi thành hậu phương ta. Vũ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhưng toàn đại đội đã hy sinh đến người cuối cùng. Khi Văn trở lại đại đội năm, không còn ai quen biết, Văn tìm một gốc cây ngồi bật máy ghi âm và tiếng Vũ hát nhấn nhá phôi phối... *Sau trăm tuổi vắng ta trên trần thế... xuân nhớ ta... xuân nhớ ta chưa dễ biết đâu tìm...*

Văn òa khóc, nước mắt không biết từ đâu ào ra nhiều thế. Người Văn nấc lên không thể nào dừng nín được.



Văn ra chợ trời đổi một ít đô-la thành tiền Việt, với ý định, không hiểu chị Huyền, cháu Nam, là vợ, con anh Vũ bây giờ sống ra sao. Chắc vất vả lắm. Văn sẽ giúp đỡ chị chút ít. Chiến tranh kết thúc, sự sẵn sóc đối với người lính, với thương binh, với gia đình liệt sĩ đã có phần sao nhãng rồi xã hội bung ra nhiều mặt... Những năm như thế Văn lại đắm mình trong nền âm nhạc thế giới. Lãng quên... lãng quên...

như một cung trầm giáng sự hiện tại vào trong mờ ảo của vinh thân. Vào lúc này Văn rất cảm ơn những người bạn đồng hương ở nước ngoài, mà đạo đó Văn không thích giao tiếp, trong thâm tâm còn có chút khinh rẻ họ nữa là đằng khác. Họ luôn luôn theo dõi tình hình, giá cả ở Việt Nam rồi bàn nhau mua thứ này gửi về, dặn ở nhà gửi thứ nọ sang. Văn cũng định mua những thứ đắt tiền nhất, tốt nhất đủ dùng cả đời người về sau không phải lo mua sắm gì nữa. Văn có tiền. Tiền tham gia biểu diễn, tiền sáng tác nhạc các nước đã sử dụng, tiền nhạc được thu bằng. Số đồng hương đã bảo anh đừng mua gì hết, cứ đổi thành đô-la. Văn thấy hợp ý mình quá, rất nhẹ nhàng, không công kênh. À thì ra trong cuộc sống cũng đừng quá coi trọng mình, mọi sự quen biết dù là bằng qơ lăm lúc cũng giúp mình thành công đáng kể. Bây giờ không những Văn đủ kinh tế để sống sung túc cả đời mà còn có thể tậu ngôi nhà vài trăm mét vuông.

Lần tìm nơi anh Vũ, chị Huyền ở, Văn đi sâu vào phía trong của số nhà 28. Không thấy nhà nào một tầng lợp ngói ta có dán thêm giấy dầu chống dột, như anh Vũ đã dặn mà toàn là nhà hai tầng khang trang. Thấy một chị đi tới, Văn liền hỏi thăm. Thoáng điểm qua trí nhớ, chị ta hỏi lại:

- Vũ? Vũ Huyền phải không?
- Vâng ạ.
- Anh trở ra, cái nhà hai tầng, mặt chính ngoảnh

ra phía đường cái kia kia.

Văn đến nơi, thấy ba người khoảng mười tám, mười chín đang bàn chuyện nhanh chóng chiếm mặt đường ở một nơi nào đó để mở quán giải khát vào ban đêm - Phải mua công an! Phải làm sao cho hệ thống đèn đường cao áp không sáng, tạo sự nhờ nhờ mới nổi lên đèn màu nhấp nháy, cho trai gái rì rầm. Phải thường xuyên có băng mới, hải ngoại chui về, hoặc nhạc gây ấn tượng.

Đây là nhà anh Vũ? Có lẽ chị kia nhầm rồi. Từ khi anh Vũ mất, chắc gia đình sống vất vả lắm. Nhất là Chị Huyền trải qua nỗi đau nặng nhất của cả đời người, không cần thận sẽ sụp đổ hoàn toàn chứ làm gì có một cơ ngơi khang trang như thế này được. Văn đang phân vân thì một người đàn ông, dáng tầm thước, khuôn mặt mang nhiều vẻ đàn bà, đi tới hỏi:

- Anh tìm ai?

- Thưa anh, tôi muốn tìm chị Huyền.

- Vâng, nhà chị Huyền đây.

Người đàn ông cất tiếng gọi:

- Huyền ơi, em có khách đây này?

Người đàn bà ngờ ngợ nhìn khách có lẽ là đang tính nên xưng hô thế nào cho tiện. Còn Văn, tuy chưa gặp bao giờ nhưng tự dưng có linh tính báo hiệu, đúng là chị Huyền đây rồi. Chị Huyền như anh Vũ đã kể, con người vẫn mảnh mai, nước da trắng duyên dáng, chỉ khác là bây giờ những nét đó đã ẩn náu dưới phần tuổi tác và bộc lộ rõ nhất ở đuôi mắt, xếp

nhiều nếp chân chim của năm tháng hao mòn vì chờ đợi, vĩnh viễn không bao giờ lấy lại được tuổi xuân, sự mát mát như tạo thành bia đá trên cơ thể. Đột nhiên đôi mắt Văn cay xè rồi anh òa khóc và nói qua nức nở:

- Thưa chị, xưa kia em cùng ở đơn vị với anh Vũ!

- Ôi! May quá. Mời chú ngồi - Chị kéo ghế ngồi quay lại định lấy phích pha nước để giấu sự xúc động nhưng tay chị run run. Văn nhận ra điều đó, đi tới cầm lấy phích, nhưng anh cũng không pha nước mà đặt phích xuống cạnh chân bàn.

- Sao tận bây giờ chú mới tìm đến nhà chị?

- Thưa chị, em cũng mãi làm ăn.

Chị Huyền nhìn khuôn mặt Văn, một khuôn mặt như lạc lõng trong đôi nhân xử thế, luôn luôn gọi lên nét gì đó chưa thực bằng lòng, mi mắt dưới thâm quầng cộng với bộ quần áo quân nhân đã bạc chỗ vai và hai đầu gối cũng như những chỗ buộc phải bạc.

Phía gian ngoài ba thanh niên tuy đến tuổi trưởng thành nhưng chưa hết sự vô duyên thể hiện trên cơ thể lẫn tính tình vẫn oang oang như chính chúng là rồn của vũ trụ đang bắt tay sắp xếp lại xã hội.

Người đàn ông lúc này tên là Thịnh, Thịnh ít hơn Vũ vài tuổi, yêu Huyền từ hồi còn ngồi trên ghế trung học phổ thông, nhưng biết thân phận mình nghèo và tài năng chưa thấy chỗ nào bộc lộ nên im lặng. Cả đến lúc Vũ cưới Huyền, Thịnh vẫn không lấy vợ, mà đắm mình trong công việc làm giàu. Từ

mái nhà lợp ngói ta, nhét giấy dầu chống dột, Thịnh đã nâng lên thành hai tầng, đầy đủ tiện nghi và lòng vẫn thờ ơ trống trải bởi không có ai vượt nổi Huyền về nhan sắc cũng như tính nết. Rồi Vũ mất, mãi năm năm sau khi vết thương của Huyền đã đỡ nhức nhối và cuộc sống đang vượt qua thời gian bao cấp số phận con người cũng trôi nổi, mở bung như giá cả, Thịnh mới đặt vấn đề xây dựng gia đình với Huyền. Thịnh cũng không dám nói thẳng, nhíp câu được bắc qua từ Nam con trai của Huyền. Đến lúc ấy Huyền mới chợt nhớ ra mãi mê với cuộc đời đăm đuổi yêu chồng thương con mình đã quên mất hàng xóm láng giềng có một người đàn ông, một người đàn ông chơi thân thiết với con trai mình và có một thời là bạn học với mình, người đàn ông ấy không có nét gì đặc sắc, nhưng với chị vào lúc này cần gì người đàn ông đặc sắc nữa, chỉ cần một người bình lặng để chị giữ nguyên được kỷ niệm, cho đời mình trôi qua, cho con mình khôn lớn.

Cứ ngỡ rằng con sông ấy sẽ êm đềm chảy lặng lẽ giữa đôi bờ phù sa như mọi con sông khác nhưng cũng đừng quên một quy luật muôn thuở là ở những chỗ ngoặt thường tạo nên dòng xoáy. Dòng xoáy của Thịnh là khi lấy được Huyền. Mọi cái riêng ngỡ như không thay đổi nhưng thực chất là nhẹ nhàng biến mất tất cả, từ căn nhà lợp ngói ta, một tầng có chèn giấy dầu để phòng nắng mưa đã thành khu nhà hai tầng, sáu phòng đến đứa con hình bóng bố nó chỉ còn

như là câu chuyện cổ tích hoặc có nhớ cũng chỉ nhớ khi cộng thêm vài điểm ưu tiên gia đình liệt sĩ qua các kỳ thi cử cần phải vớt vát. Cả con chó mà Huyền rất quý, Thịnh cũng khen là con chó nết na, biết điều có lòng tự trọng nhưng anh đặt vấn đề là xưa kia hẳn nó mang kiếp người, chắc va vấp gì đó xuống âm phủ bị Diêm Vương trừng phạt, bây giờ mình phải nhanh chóng hóa kiếp để nó đổi đời. Huyền không chịu. Về sau ngày nào Thịnh cũng nhắc chuyện con chó, lúc thì chê không trí tuệ như chó béc-giê, lúc thì bảo là mắt nó buồn như nhà có đám tang làm ăn không thể phát tài lên được. Thực chất Thịnh muốn dẹp nốt kỷ niệm của Vũ còn lại. Cuối cùng Huyền phải nhượng bộ bằng cách cho anh Bát, hộ độc thân trong ngõ, bạn với Vũ. Bát cũng rất quý con chó. Bát phải lồng xích vào cổ để nó khỏi chạy về nhà cũ. Năm tháng đi qua, con chó già nua, rụng lông, và dù không xích nữa nó cũng nằm tại chỗ, chẳng đi đâu cả, gặp chủ nó đập đập chiếc đuôi, không đủ sức ngẩng đầu lên để thè lưỡi liếm vào tay vào chân chủ như trước kia nó vẫn làm. Nó là con chó đặc biệt, sống rất lâu, như để chờ đợi một đổi thay nào đó của trái đất. Người đàn ông hộ độc thân nuôi con chó già nua, nếu ai đó nói gì, thì Bát chặc lưỡi: "Thôi mình không có vợ con mà săn sóc, thì gắng săn sóc con chó để sau này nó đỡ lời cho với Diêm Vương là sống trên trần thế này mình cũng hết sức đức độ. Nhiều hôm Bát phải nấu cháo, ngồi rất lâu bên nó, bón cho nó từng thìa. Những lúc như

thế con chó chụm hai chân trước, như muốn đứng lên cảm tạ nhưng không đứng lên được, nước mắt nó chảy ra, nó nằm xuống đôi mắt vô vọng.

Thịnh theo dõi câu chuyện và biết rằng người vừa đến thăm, xưa kia cùng ở một đơn vị với Vũ. Thịnh chẳng ghét Vũ, nhưng khi đã không cứu được sự sống thì nhắc làm gì cho đau khổ. Người đau khổ đó là Huyền lại càng không nên. Hình như anh chàng còn mang đến một vật kỷ niệm gì của anh Vũ nữa.

- Chị ạ, em và anh Vũ sống với nhau khá lâu. Anh Vũ đã dạy bảo em rất nhiều. May quá, hồi ấy em đã thu được tiếng nói của anh Vũ.

- Ôi, chú thu được cả tiếng nói của anh Vũ. Bây giờ chú còn giữ không?

- Còn chị ạ, nhưng nghe không được rõ lắm.

- Chú có mang đến đây không?

Văn mở túi lấy chiếc cát-sét cũ kỹ đặt lên bàn.

À thì ra anh chàng mang đến một băng cát-sét có thu tiếng nói của Vũ. Lại một cách kiếm tiền, một cách làm ăn của mấy chú lính sau chiến tranh. Mang máy đến mở cho gia đình này, gia đình kia nghe tiếng nói của chồng họ, của con họ đã hy sinh, và cả người còn sống cũng thích được nghe lại tiếng mình thời trước, rồi gạ gẫm bán hoặc xin tiền một cách hợp lý. Quả là anh chàng này giỏi thật. Giữa chiến tranh đã nghĩ đến cách kinh doanh thời bình. Không thể để cho Huyền nghe cuộn băng này. Phải mua lại, chắc anh chàng sẵn sàng bán, vì đây là mục

đích của anh chàng. Thôi, cũng là của quý, mình trả giá cao một tý. Nghĩ thế Thịnh bước ra phòng ngoài để thực hiện ý định.

- Anh còn giữ được cuộn băng thu tiếng nói anh Vũ cơ à. Quý hóa quá! Chỗ thân tình tôi nói thật thời gian của anh và gia đình tôi đều quý, không muốn làm phiền anh. Thôi cứ nói thẳng, anh nhượng lại cho gia đình tôi chiếc băng ấy. Chắc anh cũng cần tiền?

Cách nói của Thịnh thẳng thừng và pha chút tàn nhẫn làm Văn khó chịu. Chị Huyền tháo gỡ sự sống sượng của chồng mình bằng cách giới thiệu Thịnh với Văn. Văn trả lời là cảm thấy như thế lúc gặp anh ở ngoài kia rồi quay sang phía Thịnh:

- Thứ nhất, tôi không cần tiền. Thứ hai, nếu cần tiền tôi cũng không bán chiếc băng này. Vì đây là một vật kỷ niệm quý nhất của đời tôi còn lại.

Thịnh khì lên một tiếng khi nghe Văn nói không cần tiền, đấy là chuyện lạ, bây giờ có người dám nói không cần tiền, mà người đó lại mặc bộ quần áo lính bạc màu kia, thôi đừng khách khí. Tôi cũng quý cái băng cát-sét ấy, sẽ giả cho anh đủ tiền mua cả cái áo lông Đức cơ. Nghĩ vậy, nhưng Thịnh vẫn giữ vẻ vừa nâng giá vừa hạ giá:

- Xin lỗi, cũng không dám nói là anh bán mà anh nhượng cho. Thưa thật, vì dính líu đến gia đình chúng tôi nên mới nghĩ đến chuyện mua, còn nếu không, cần gì đến cái băng cóc gặm ấy.

Văn bỏ chiếc đài vào túi, đứng dậy gượng cười:

- Xin lỗi, có lẽ nhắc đến chuyện cũ làm phiền anh chị, tôi xin phép về...

Thịnh không sợ làm mất lòng Văn mà sợ Huyền phật ý nên vội vàng:

- Ấy, mời anh ngồi uống nước đã. Tôi và anh Vũ cũng là chỗ quen biết xưa kia. Bây giờ được nghe tiếng nói anh Vũ tôi cũng mừng lắm!

Nhìn thấy đôi mắt chị Huyền như cầu khẩn, như van xin như bất lực, Văn ngồi xuống lấy đài ra, tua lại bằng từ đầu, bấm nút, tiếng máy ri ri không được to lắm, khó nghe.

Ngoài kia thành phố vẫn nhộn nhạo, có lẽ trên thế giới này không có thành phố nào lắm tiếng ồn ào và tiếng ồn ào bung ra một cách vô tội vạ như ở Hà Nội. Song khi người ta đã chấp nhận thì dù một lần hơi thoảng qua cũng đồng cảm, còn hàng trăm ngàn đợt sóng ồn ào sẽ hoàn toàn vô nghĩa như đi qua vùng câm điếc. Thịnh lắng nghe tiếng nói của Vũ, và hình dung ra anh đang đi, đang sống, đang cười, nhẹ nhàng với bà con ở số nhà tập thể 28 này và Thịnh cảm thấy mình không là gì cả đối với xã hội. Mình bon chen chỗ nọ, lấn chiếm chỗ kia, mình kết bạn, làm quen đánh quả, thắng một cú rồi là thôi, không ai dám đến với mình lần thứ hai nữa. Như muôn vàn người khác, quen với lối sống thực dụng. Thịnh lại xua xua: Đời là thế, mình sống khác sao được, lỗi đâu phải tại mình.

Chị Huyền đã rời khỏi ghế, ngồi xuống đất, ghé

tai sát vào chiếc đài. Tiếng của Vũ làm chị nôn nao, chị vội đưa hai tay nắm lấy chiếc đài, như nắm lấy vai chồng giữa cái năm tiền anh ra đi: ... *Hồi ở nhà mình vẫn nói đùa là nếu sau này thất cơ lỡ vận thì gia đình mình sẽ lập thành một chiếu hát để xin ăn. Cậu biết không, khi mình cất lên tiếng hát thì vợ mình dù đang làm gì cũng dừng lại, dùng tay gõ nhịp khe khẽ... Còn thằng con lớn lên mình sẽ dạy nó cầm trống châu, nó nhất định có một tâm hồn nghệ sĩ. Con cái phải mang theo gien bố mẹ chứ..."*.

Chị Huyền bỗng gọi toáng lên.

- Nam ơi! Nam? Nam đâu rồi? Vào đây mẹ bảo.

Nghe tiếng bước chân của con đi vào, chị Huyền nói tiếp.

- Tiếng của bố con đây này. Con chưa bao giờ được nghe tiếng bố.

- Tiếng của bố con hử mẹ, ai thu vào, và thu từ bao giờ?

- Chú Văn đây, trước ở chiến trường với bố con.

Nam cầm đài đưa lên tai rồi gọi với ra phòng ngoài.

- Các bạn ơi, vào đây, nghe tiếng nói của bố mình, nói từ hồi ở chiến trường.

Hai người bạn của Nam cũng đi vào. Nam đặt chiếc đài xuống bàn. Tất cả im lặng nghe. Tiếng nhỏ quá, rì rí quá, đoán là tại công suất, Nam chạy ra ngoài xách vào một máy cát-sét loại 200 oát, nhanh chóng tháo tác, thay băng, cắm phích, ấn nút và tiếng Vũ hát ca trù nhấn nhá tha thiết vang vọng.

Nghe rõ cả tiếng đồng đội anh gõ trống bằng miệng vỗ nhịp bằng tay hát theo như stêrô:

... Gặp ta nay xuân chớ lạ lòng. Tóc có khác nhưng lòng ta hư hư... chẳng khác... Đến xuân nay ta tuổi đã năm mươi. Tính trăm tuổi đời người ta có nửa. Rồi sau nữa lại bao nhiêu xuân nữa hư... hư...

Hai đứa bạn của Nam thăm thì: Ca trù! Bác Vũ hát ca trù hay quá. Ở chiến trường mà vui thế này cơ à - Mọi người có mặt trong phòng đấm đuối nghe, kể cả Thịnh. Các nhà xung quanh, mọi lần nhà Nam mở nhạc vào giờ này là họ khó chịu, nhìn sang với những đôi mắt lườm nguýt, nhưng hôm nay họ tùm lại hỏi nhau: “Ai hát ca trù thế? Nhà ấy thu băng mới à?” Rồi có người đột nhiên nhớ ra: “Này, tiếng ai như tiếng anh Vũ?”. “Tiếng anh Vũ thế nào được. Anh ấy hy sinh lâu rồi. Cái giọng ca trù nó cứ giống nhau như thế đấy”. “Giống nhau thế nào được. Cũng bài *Đợi* mà Thúy Mị hát khác Thúy Đạt. Tôi nghe đúng là tiếng anh Vũ”.

Làn điệu ca trù được phát ra rất chuẩn. Qua chiếc loa 200 oát tiếng Vũ vừa tha thiết vừa phơi phới, ngưng đọng không gian, kéo lại thời gian... *Sau trăm tuổi vắng ta trên trần thế. Xuân nhớ ta... xuân nhớ ta chưa dễ biết đâu tìm...*

Chị Huyền tóc rũ rượi, hai tay ôm lấy đầu:

- Trời ơi! Anh Vũ, anh Vũ thân yêu của đời em. Tất cả đã chôn vùi, đã tan tác... Anh ơi... Anh ơi... sao khổ thế... đau thế...

Tiếng hát vẫn vang vang tha thiết làm Nam và hai bạn Nam, cả Thịnh nữa không gỡ nổi mình ra khỏi tiếng hát. Chợt có tiếng hực hực, rồi tiếng chạy của con vật nào đó va vào rổ đựng bát, va vào thau chậu xúng xoảng. Một con chó chạy vào, gây rộc, trụi hết lông, phơi từng mảng da lưng thâm tím. Nó đứng bằng hai chân sau, hai chân trước bưng chiếc rổ nhựa nho nhỏ, đi vòng quanh bàn, trên bàn đặt chiếc cát-sét công suất 200 oát, tiếng Vũ đang phát ra vang vang: ... *Rồi sau nữa với bao nhiêu xuân nữa, mặc giới cho ta chưa hỏi làm chi...*

Văn thốt lên:

- Trời ơi, con chó. Con chó mà anh Vũ đã kể. Con chó mà anh Vũ đã lo lắng cho số phận nó, không hiểu sau này ra sao. Con chó đến nay vẫn còn sống? Trời ơi, nó nghe tiếng hát của chủ nó, nó đi vòng quanh van xin. Đã hơn chục năm rồi mà con chó vẫn không quên tiếng chủ, vẫn chờ đợi tiếng chủ. Hai chân trước con chó nâng chiếc rổ, đi qua người này đến người khác, nhưng họ không hiểu nó muốn gì. Còn chị Huyền đã gục đầu xuống bàn nức nở.

Văn đi tới rút cả gói tiền Việt đổi từ đô-la ra được bọc cẩn thận trong tấm ni lông, anh đặt vào chiếc rổ con chó đang bưng trên hai chân trước chờ đợi. Con chó nhìn anh, như cảm ơn, như nhắc bảo, rồi nó cúi đầu dùng hai chân trước đang bưng rổ lạy anh một lạy, suýt bị đổ ngã, nó lại gượng hết sức đứng dậy.

Lúc này không riêng chị Huyền, mà cả Văn, Nam,

hai người bạn của Nam cũng òa khóc. Tiếng hát của Vũ vẫn nhấn nhá: ... *sẵn rượu đào xuân uống với ta đi. Chỗ quen biết chớ kể ai chủ khách...*

Thịnh đã vận dụng hết nội tâm vượt ra ngoài sự ràng buộc của tiếng hát. Nhà cửa làm ăn buôn bán sao để nước mắt nước mũi tuôn chảy thế này, xui xẻo chết. Vả lại anh biết vết thương hôm nay của gia đình sẽ mãi mãi không hàn gắn nổi. Bởi vì so với Vũ, thì Thịnh chả là cái gì cả. Giàu có đây? Giàu có đến hàng núi cũng không thể đổ đầy một chiếc hồ lừa lọc cỏn con. Nhưng sự thực dụng bao giờ cũng hành động theo lối nghĩ được việc cho họ. Thịnh đi tới ấn nút tắt máy cát-sét. Tiếng hát đang ca giọng bị cắt đột ngột, càng tạo sự đột ngột hơn, mọi người trong phòng hệt hẫng. Văn ngỡ như mình đang sống giữa chiến tranh, sau khi tiếng hát bị cắt đứt sẽ là tiếng chiến sĩ thông tin: “Báo cáo đại đội trưởng...” Nhưng Văn chẳng nghe tiếng báo cáo nào cả, trước mắt anh là một con chó đang bùng trên hai chân chiếc rổ, tiếng hát bị cắt đột ngột, nó ngớ ra, rồi đổ sụp xuống như vãi, như van xin hãy để tiếng hát tiếp tục, đừng cắt ngang. Nhưng nó không đứng dậy được nữa! Nó cứ nằm thế, hai chân sau của nó soãi ra, hai chân trước vẫn giữ chặt chiếc rổ, trong chiếc rổ vẫn còn gói giấy bạc Văn vừa đổi từ đô-la ra tiền Việt, biểu nó. Nó tắt thở! Văn òa khóc.../.

C. T. L

Lang bạt xứ người

ĐỖ CHU

Đã từ lâu tôi vẫn hẹn với mình đến một lúc nào đó nhất định phải bắt tay vào viết lấy ít trang về những người Việt đang sinh sống ở nước ngoài.

Trong số họ có người như chỉ vừa rời khỏi quê nhà dăm ba tháng, tiếng Việt trôi chảy rành mạch, lại có người giọng đã lơ lớ, khó khăn tìm lời tìm chữ, một câu tiếng Việt kèm mấy câu tiếng Tây. Có người còn nhớ từng bậc đá bên nước làng mình, lại có người chỉ biết trong mình đang có dòng máu Việt chảy mà chịu không rõ gốc gác quê cha đất tổ là đâu. Người quen ăn cơm bằng đũa, người không biết cầm đũa, ăn phải cầm dĩa cầm dao. Có người sung sướng với cái vị chát của chén trà Thái, thêm tộp một hùm nước vối rồi rít một điếu thuốc Lào Tiên Lãng, lại có người chỉ quen rượu whisky và rít xì gà, mọi thứ khác đều xa lạ, đều nhắm mắt lắc đầu. Có người biết hò mái nhì mái đẩy, có người

biết kể Lục Vân Tiên, có người biết lấy Kiều, nhưng lại có người đến giờ vẫn đình ninh Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là hai vị khác nhau.

Tất cả đều thân thiết gần gũi với tôi, tôi xem họ đều là người nhà, tôi nắm bàn tay họ mà thấy không khỏi bồi hồi xao xuyến, khi họ hỏi tôi, anh sang khi nào, khi nào anh về, dạo này tình hình ở nhà ra sao, tôi thấy se lòng như thể mình lâu ngày gặp lại anh mình, chị mình, em mình vậy. Tôi chợt bắt gặp ở họ vừa có cốt cách của người Việt cổ lại vừa có cốt cách của người Việt tương lai. Lại như từ họ, những kiếp người ấy, mà thấy hiển hiện ra biết bao chìm nổi, biết bao buồn tủi đa đoan, biết bao quả cảm, biết bao cứng cỏi và thủy chung nghĩa khí. Đó là những cốt cách Việt Nam bền vững dẻo dai, là cái gia sản duy nhất mà họ đã kịp mang theo trên những dặm đường xa tuyết rơi gió thổi, là những gì mà quê nhà lam lũ đã kịp dành dụm đặt vào tay những đứa con của mình trong buổi ra đi.

Họ là những con chim Lạc lìa đàn còn biết lưu lại dấu vết chân móng của mình trên tang trống đồng cổ tích, là những con chim Lạc lúc vỗ cánh bay đi trăm ngả vẫn còn biết để bóng dáng mình ở lại với nước non.

Có thể nói giờ đây trên khắp trái đất đông đúc này, ở đâu có người là ở đó có họ, có những người Việt chúng ta, nếu muốn là sẽ gặp và tôi đã đi tìm họ như chỉ là để nói một lời yêu dấu và quý trọng.

Từ Hà Nội qua Bangkok chỉ mất hai giờ bay, vậy mà mãi hôm nay tôi mới có dịp đến đó. Cái duyên với vùng đất này muốn chậm, nhưng chậm còn hơn không. Sự chuẩn bị của tôi cho chuyến đi Thái lần này là rất nghèo nàn, tôi muốn nói đến những hiểu biết của mình về đất nước ấy. Thuở nhỏ có đọc mấy bài du ký của ông Phạm Quỳnh in trên tờ Nam Phong, kể chuyện Vọng Các, Nam Vang và Viên Chăn. Văn chương sáng sủa giản dị. Lớn thêm vài tuổi nữa, vào khoảng 1960, có được đọc một tập truyện ngắn Thái Lan do nhà Văn học dịch và xuất bản, chỉ cảm thấy đất nơi ấy mộ Phật, người nơi ấy hiền hậu, lễ phép.

Đúng lúc ấy thì chuông điện thoại đổ giòn, tôi xem là điềm lành. Bằng Việt gọi đến buổi chiều, Nguyễn Đức Mậu gọi đến buổi tối. Cả hai anh đều dặn, đến Bangkok phải liên lạc ngay với một người Việt mang quốc tịch Thái Lan tên là Tha vi Quý, hai anh bảo tôi lấy bút ghi số điện thoại và địa chỉ của anh Tha vi Quý vào sổ tay.

Một tối tại khách sạn Orient nằm ở trung tâm Bangkok, tôi đã được gặp anh Tha vi Quý, hai anh em ngồi với nhau cho tới khuya.

Nhà anh Quý cách chỗ tôi ở trên mười cây số, nhận được điện thoại của tôi là anh nhảy taxi đi liền, vậy mà phải một giờ sau anh mới đến nơi. Là vì

Bangkok quá đông, nạn ùn tắc xe cộ còn nặng hơn ở Hà Nội gấp cả chục lần. Anh Quý nói Bangkok hôm nay đã thành một trung tâm chính trị - kinh tế lớn, một địa chỉ du lịch nổi tiếng có tầm thế giới, chỉ nói chùa chiền cũng đã có trên ba trăm cái, cái nào cũng lớn và đẹp, và đặc biệt tôn nghiêm. Khách bốn phương đổ đến hàng ngày đông nghìn nghịt, sân bay quốc tế hôm nay tuy đã lớn nhưng sắp tới sẽ còn khánh thành một cái nữa lớn hơn nhiều, hiện đại hơn nhiều. Thành phố suốt đêm ngày lúc nào cũng ù ù như một cái cối xay lúa khổng lồ.

Tôi hỏi thăm về gia cảnh, anh Quý cho biết năm nay anh đã sắp tám mươi, vợ anh cũng đã ngoại sáu mươi, chị gốc người Quảng Bình, theo cha mẹ qua Lào kiếm ăn từ lúc đang lon ton tập chạy. Chị có mấy năm tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp ở bên Lào, sau mới dạt qua Thái, cứ trôi theo Mêkông như cánh lá rừng. Anh chị có ba người con, một gái hai trai. Một đứa con đang học Đại học tại đây, hai đứa kia xuống Singapore làm ăn, chúng nó khá giả, đã có nhà cửa bên đó. Tuy đã cao tuổi nhưng anh Quý vẫn chịu khó đi làm thêm để kiếm tiền, rủng rỉnh có tiền trong túi, lâu lâu anh lại làm một chuyến về nước thăm thú nơi này nơi nọ, vài tuần nữa anh sẽ bay về Bình Thuận để kịp dự lễ hội Katê của bà con người Chăm. Anh Quý cũng vừa xong một hợp đồng dịch thuê cho một đoàn Nhật, mỗi ngày họ trả cho 150 đô la Mỹ, 1 đô ăn 40 bát. Anh làm liền cho họ ba

tháng, tiền công như thế cũng là khá. Lương một kỹ sư mới ra trường ở đây chỉ có từ mười lăm đến hai mươi ngàn бат mỗi tháng mà thôi. Anh Quý là người thông thạo cả bốn thứ tiếng Anh, Pháp, Thái và Việt. Anh làm thông ngôn, viết báo, dịch sách, viết sách, dạy học bằng cả bốn thứ tiếng đó. Hồi nhỏ ở quê nhà, anh Quý là học trò của cụ Phạm Văn Bạch. Về sau này đã có lúc cụ Bạch làm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội. Khi Cách mạng tháng Tám bùng nổ, anh Quý vừa học xong tú tài trường Tây, tham gia phong trào tại Sài Gòn, xem các ông Trần Văn Giàu, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Luân và bậc đàn anh. Đầu năm 1947 tại Bangkok ta được phép đặt đại diện ngoại giao, tên gọi chính thức là Vietnam Information Service, tức là phòng thông tin của Việt Nam, do ông Nguyễn Đức Quỳnh phụ trách, anh Quý được ông Quỳnh dặt sang làm thư ký của cơ quan này. Đến năm 1951, cơ quan này phải đóng cửa, ông Quỳnh về nước nhận nhiệm vụ khác còn anh Quý thì xin phép được ở lại, định cư hẳn bên Thái. Thân cô thế cô, bắt đầu một thời lang bạt với hai bàn tay trắng và một cái túi rỗng lặn lội sống giữa xứ người. Bằng vốn ngoại ngữ đã có anh cầm đầu lao vào tự học tiếng Thái, rồi viết báo bằng tiếng Thái, nói tiếng Thái như người Thái. Anh phát hiện ra là mình có năng khiếu ngoại ngữ và còn hơn thế, nếu chịu khó, có thể trở thành một nhà nghiên cứu tiếng Thái. Mấy năm sau đó anh Quý được trường

Đại học Xiêngmay mời vào làm giảng viên của khoa ngôn ngữ, dạy cho bậc sinh viên, rồi dạy lên cả bậc thạc sĩ. Dạy ở Xiêngmay sáu năm anh Quý mới chuyển về sống dưới Bangkok.

Tỉnh Xiêngmay nằm ở phía Bắc nước Thái, xưa thuộc tiểu vương quốc Lána, tiếng Thái Lána có nghĩa là một miếng ruộng. Vào dịp xây dựng tượng đài kỷ niệm ba vị vua đã có công khai mở vùng đất cổ này, anh Tha vì Quý được chính quyền sở tại mời ra viết văn bia bằng chữ Thái, đó là một vinh dự lớn, tấm bia đó đến nay vẫn đang giữ gìn trân trọng trong khu tưởng niệm.

Tôi nói để anh Quý biết, theo chương trình làm việc, mấy hôm tới các nhà văn đến nhận giải thưởng văn học Đông Nam Á 2004 sẽ tới thăm thư viện Bangkok, gặp gỡ báo chí và đông đảo bạn đọc tại đó, tôi muốn mời anh buổi ấy cũng có mặt. Anh vui vẻ nhận lời, còn hứa sẽ đứng ra làm phiên dịch khi tôi lên phát biểu và tặng sách cho thư viện theo yêu cầu của bạn.

Anh Quý cười rất ấm áp, ánh mắt lấp lánh vui. Anh nói, thế là đã có ba người Việt Nam được thư viện này cất giữ sách. Người đầu tiên là cụ Doỏng; người thứ hai là anh, tên Thái là Thavi, tên cúng cơm là Hoàng Châu Quới, người Cần Thơ; còn người thứ ba là Đỗ Chu. Cụ Doỏng ngồi thuyền buồm theo cha mẹ sang Thái từ thuở tóc còn để chỏm, trên thuyền ngoài chum nước ngọt, ít củi ít gạo ít muối,

giỏ gừng khô, đáng kể nhất còn có một đồng sách chữ nho, đó là tài sản của một gia đình khoa bảng. Cũng vì một lý do nào đó họ phải ra đi.

Vừa đặt chân đến là cụ Doổng được gửi vào trường học chung với trẻ con Thái, nhưng về nhà vẫn phải học chữ nho. Đám bạn cùng học hiểu lầm Doổng là người Tàu, Doổng giải thích sao chúng cũng không tin, chúng không biết nước Đại Nam là đâu. Khi trưởng thành Doổng làm thầy giáo dạy lũ trẻ con các gia đình người Việt vừa học tiếng Thái vừa học tiếng Việt. Để có một cuốn sách giáo khoa làm cơ sở cho chương trình giảng dạy mà Doổng đã soạn cuốn lịch sử này bằng tiếng Thái, nói đúng ra là Doổng đã chép lại theo trí nhớ những gì mà các sử gia Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên và Lê Quý Đôn đã viết. Ngày đó người Việt mới chỉ có một nhúm sống ở bên này, lại rải rác mỗi người một phương, phần lớn ở mấy tỉnh giáp biên. Lớp học của Doổng chỉ có mười trẻ, có đứa ở xa vài trăm cây số, mỗi năm được về thăm bố mẹ vài ba lần.

Cuốn sách của cụ Doổng về sau in ra được nhiều người Thái biết đến, họ đọc và rất thích. Sách dày 860 trang khổ lớn, bìa bọc da đen đúa, thứ chữ mằm giá nom rối mù và bí hiểm, được đặt nhan đề là *Lược sử nước Đại Nam*. Sách bắt đầu kể từ thời các vua Hùng dựng nước, đến thời Hồng Bàng, qua Đinh, Lê, Lý, Trần, Hồ, Hậu Lê, Tây Sơn, dừng lại ở năm 1802 khi vua Gia Long lên ngôi mở đầu Triều Nguyễn. Có

nhẽ bây giờ ở Bangkok hiếm có người Việt nào còn bỏ thời gian mò vào thư viện để tìm đọc cuốn sử này trừ anh Thavi Quý. Anh đến đó luôn, lần nào cũng rút cuốn sách của cụ Doảng ra để ngắm nhìn lúc lâu. Đó là một cuốn sách cổ quý giá, tính đến tháng 10 năm 2004, khi tôi có dịp đến đây thắp một nén hương tinh thần tưởng nhớ tác giả của nó, cuốn sách đã ra đời đúng một trăm lẻ hai năm.

Cùng nằm chung trong tủ sách đó, ở một hộc khác là gần hai chục cuốn sách của anh Thavi Quý, ngoài sách còn có gần năm chục bài báo của anh chưa được in thành sách, tất cả đều chỉ bàn về ngôn ngữ Thái mà thôi.

Bằng máy vi tính anh đã mày mò tạo ra vài chục phong chữ cho cụm ngôn ngữ Thái. Có tới vài chục ngữ Thái với nhiều dị biệt là vì có tới vài chục dòng Thái quần cư theo hai bờ Mê Kông từ nghìn đời nay. Đã có Thái trắng lại còn có Thái đen, Thái đỏ... một đại gia đình Thái.

Một sớm mai nhiều nắng và gió, tôi dắt vợ và con gái ra tận cổng lớn thư viện Bangkok để trân trọng đón vợ chồng anh Quý cùng mấy bà con Việt kiều đã hẹn đến dự buổi giao lưu văn học.

Một chiếc xe con màu đen sang trọng lướt tới. Cháu Hà nhà tôi lập tức reo lên, bác Quý kia rồi. Anh Quý bước ra trước mở cửa xe.

Rồi anh ân cần giới thiệu gia đình chúng tôi làm quen với các bạn mới. Đây là bà xã tôi, tên là Hận, ở

nhà gọi vui là Hậu, Hoàng Hậu. Còn đây là bác Tư, người gốc Triệu Phong, Quảng Trị lưu lạc qua Lào bằng đường Lao Bảo từ lúc mười hai tuổi. Đây nữa là Thái Mạnh Hùng, một kỹ sư điện tử và cũng là một thầy giáo tiếng Việt cho lũ con cháu mình không lấy tiền. Và đây là Thúy Nga, nhân viên ngân hàng kiêm bà chủ một cửa hiệu khá khá, tất nhiên là tư nhân, nay mai cô ấy sẽ thay tôi làm đại biểu của cộng đồng bà con mình ở đây. Cũng trạc tuổi anh Quý nhưng nom bác Tư già hơn nhiều. Người thấp nhỏ, nói năng nhỏ nhẹ, điềm đạm. Tôi hỏi bác sống bằng nghề gì, bác cho biết bác đã từng qua nhiều nghề, làm lâu nhất là nghề thợ nề thợ mộc. Nhưng giờ thì chơi được rồi, các cháu khôn lớn cả rồi, đứa nào cũng học hành đến nơi đến chốn, một đứa còn đang làm tiến sĩ bên Úc. Năm ngoái bác đã về thăm quê, ở lại hẳn mấy tháng, xây mồ xây mả cho ông bà cụ kị, đi thăm khắp nội ngoại bà con. Định năm tới lại về, lần này là mang tiền quyên góp về tặng cho các cháu bị chất độc màu da cam, Quảng Trị của bác chưa bao giờ không vắng vẻ, năm nào cũng nghe có lũ lụt, đến là xót ruột xót gan.

Lúc sắp chia tay nhau chị Hận dúi vào tay tôi một gói giấy học trò, chị khoe chị cũng làm thơ. Tôi mở ra xem qua, dễ có đến vài chục bài, nét chữ bình dân học vụ được viết bằng mực tím nom hết nét chữ mẹ tôi hồi bà cụ còn sống. Tôi xin phép trích ra đây hai câu thơ chị viết hồi về nước viếng

Lăng Bác: *Cha đừng về trời cha ơi / Bỏ con ở lại chơi với dưới trần.*

Anh Quý kể người Thái có chung một niềm tin, khi họ mất linh hồn sẽ bay về trời, và linh hồn chỉ có thể lên được trời nếu biết lần theo dòng Nậm Hu tìm đến cánh đồng Điện Biên. Trong tâm thức người Thái, Điện Biên từ bao đời nay đã là một chốn thiêng liêng, với họ nó là một thánh địa. Việt Nam có hai con sông đổ về hướng Tây làm phụ lưu của Mêkông, Tây Nguyên có Sêrêpôc còn Tây Bắc có dòng Nậm Hu, nguồn của Nậm Hu xuất phát từ cánh đồng Điện Biên.

Tôi hỏi anh Quý đã khi nào anh đến Sapa để xem những hình khắc kỳ lạ trên những bãi đá cổ dưới cánh đồng đó chưa. Anh Quý gật đầu, ba lần về nước gần đây anh đều đã lội tới chỗ ấy, anh đã nằm úp mặt ghi chép lại cuốn sách trời được ghi trên những phiến đá của cánh đồng dưới chân Sapa. Anh thì thầm, theo tôi đó là lịch của người Lự cổ. Người Lự cũng là một dòng Thái. Nghe nói ở bên nhà vừa tìm thấy văn tự cổ của người Lự, vậy là mừng lắm, nếu thấy khó xin gửi qua bên này để tôi đọc cùng. Tôi ngờ rằng nếu chịu khó tìm thì đâu đó chắc sẽ còn nhiều bãi đá có mang dấu vết người xưa để lại ở hai bờ thượng du sông Hồng. Những bãi đá ấy nằm im lặng giữa trời giữa đất cả vạn năm nay, bỗng một ngày ta gặp lại và ta đọc to lên tư tưởng của người xưa, thú vị biết bao. Ở đời, không có gì vui bằng được mày mò tìm ra

chìa khóa mở những dòng mật mã đó, gọi là những câu bùa chú cũng được.

Một tối tôi sửa soạn đến nhà Hoàng thân Sukhumbhan Paribatra dự tiệc đêm thì anh Quý tạt qua chơi. Anh khen ông hoàng là một nhà hoạt động xã hội có tên tuổi, đã từng qua Mỹ du học và anh dặn tôi phải gọi tên ông cho đầy đủ là Mỏm Ratsavông Sukhumbhan Paribatra. Theo thứ bậc của hoàng gia thì dòng cả được gọi là Mỏm Chao, dòng thứ là Mỏm Ratsavông, thứ nữa là Mỏm Luông, thứ nữa là Nai.



Con sông chảy qua Bangkok người Pháp gọi là Le Ménam, nghĩa là mẹ nước, trên thực tế là sông cháu, Phráya. Nó là một con sông nhỏ chảy qua đồng bằng Nam Thái, đổ ra biển Thái. Vài trăm năm trước nơi đây chưa có gì cả ngoài một xóm nhỏ nằm trên bờ sông, đầu xóm có trồng những cây Kok. Khi thành phố mọc lên người ta bèn gọi tên nó là Bangkok, ngày ấy triều chính cũng chưa di về đây, kinh đô còn ở một vùng cách đây chừng một trăm cây số. Hôm nay Bangkok đã trở thành một thành phố sầm uất, sang trọng và hiếu khách. Hai bên bờ là những đường phố rộng rãi, nhấp nhô nhà cao tầng, nhấp nhô những con thuyền, những tán dù đủ màu sắc lộng lẫy, nhấp nhô những đám lục bình hoa tím đang trôi theo sóng nước. Và xa xa là những cây cầu lớn với những dòng xe nối đuôi nhau lao vun vút.

Những cây đèn sáng suốt đêm, mặt sông ồn ã náo nhiệt suốt đêm. Khách sạn Orient vừa tân kỳ vừa cổ kính nhìn ra dòng sông ấy. Đối diện ở bờ bên kia là một khu nhà lớp ngói, nằm ẩn mình trong vườn cây ngan ngát phong lan, nó là chốn ăn chơi nhả nhạc về đêm của khách khứa Hotel Orient.

Đêm cuối của chuyến viếng thăm nước Thái, tôi tiễn chân anh Thavi Quý ra mãi đầu đường Silôm. Silôm có nghĩa là cối xay gió. Đây là một dãy phố cổ nằm ở trung tâm thành phố, ở giữa con phố đó có một ngôi nhà trước kia Việt Nam kháng chiến đã từng chọn trụ sở đại diện. Năm 1947 Giáo sư Đặng Văn Ngữ từ Tôkyô trở về Việt Bắc đã dừng chân cả tháng trong ngôi nhà này, ông được hẹn đón tại đó. Cả tháng trời ông quanh quẩn trong nhà, không lộ mặt ra ngoài. Cả tháng trời ông lúi húi với công việc riêng. Trong căn buồng tối và chật mà anh em dành cho mình, ông bày la liệt những chai những lọ. Có anh cán bộ trẻ làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan nhiều lần để ý thấy ông hay mở ra đập vào những cái lọ ấy thì lấy làm khả nghi lắm, bèn hỏi hình như giáo sư có mang theo thứ gì bí mật. Ông Ngữ cười, đây là một loài nấm tôi đang cấy, hàng ngày vẫn phải nhìn vào.

Rồi người thanh niên ấy trở thành lính dẫn đường đưa ông Ngữ về nước. Từ Bangkok về tới Tuyên Quang phải mất gần nửa năm trời. Đi bộ suốt về đến khu Bốn ông được phép cùng đi với một đoàn cán bộ ở

hậu dịch ra, trong đoàn lại có một chú bé chừng dăm tuổi, nó đang bị thương hàn rất nguy kịch. Lúc qua Suối Rút Chợ Bờ ông Ngũ vừa ngồi nghỉ chân vừa tính toán hồi lâu, rồi ông quyết định mở túi đồ nghề lấy ra liều thuốc kháng sinh ít ỏi định mang về báo cáo với cụ Hồ. Ông vén quần lội ra giữa dòng suối ghé ống nghiệm múc một ít nước lã pha thuốc, tiêm cho thằng bé một mũi. Thằng bé nhờ thế mà khỏi bệnh, lớn lên thành kỹ sư, được gửi qua nước bạn học tập rồi lại được gửi vào mặt trận Quảng Trị tham gia chiến đấu, về sau có nhiều năm công tác ở phủ Thủ tướng, gần đây là Bộ trưởng chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. Ông Bộ trưởng ấy họ Đoàn, tên gọi Mạnh Giao. Còn ngôi nhà mà giáo sư Đặng Văn Ngũ đã từng lúi húi cấy nấm lõi ngô làm thuốc kháng sinh trong những ngày ăn độn nằm chờ ở Bangkok là ngôi nhà số 543 đường Silôm.

Anh Thavi Quý sinh năm 1926, tuổi Bính Dần, nay đã thành một ông lão tóc bạc, dáng anh cao lớn phương trượng, phong độ lịch lãm, chân thật và nhân hậu. Sắp qua một kiếp rồi, già thật rồi, gần tám mươi mà bảo chưa già sao được. Đã có sáu chục năm xa nước, sáu chục năm lang bạt xứ người trở thành người xứ lạ. Rồi năm tháng đi qua, sau nhiều bôn ba chìm nổi, sau nhiều từng trải xứ lạ thành quen, thành thuận hòa gắn bó với vùng đất vùng người nơi đây.

Một miền lưu vực rộng lớn của một dòng sông

hùng vĩ vào bậc nhất thế giới. Mêkông sông dài trên hai ngàn cây số mênh mông / Nguồn tự Trung Hoa có Vạn lý Trường Thành / Có Hy Mã Lạp sơn Động Đình Hồ Tây Du Thủy Hử / Mêkông chảy cây lao đá đổ / Lan hoang đừa mật thông nhựa lên hương / Những trưa hègun ngút nắng Trường Sơn / Ngẫm nghĩ voi đi Thác Khôn cười trắng xóa... Chế Lan Viên từng khen Nguyên Hồng mang được cái hoang dại vào thơ.

Những cánh rừng nhiệt đới trùng điệp, bát ngát cánh đồng, hào phóng hoa trái, mái nhà sàn ẩn hiện, tháp chùa ẩn hiện gợi đến dáng những chiếc mũ đội trên đầu các vũ nữ buông váy bước đi khoan thai trong tiếng nhạc thánh thót và tiếng nhạc với những khúc thức nghe càng lâu càng thấm một vẻ đẹp u hoài, một lời rử rê miên man./.

D . C

Lão Ủ và những người khác

NGUYỄN KIÊN

Trận đòan hội chợ

Lão Ủ sống ở bến gỗ, nơi sông con gặp sông Cái, mặt nước vỗ òa, rộng mênh mông. Ông lão đã gần tuổi bảy mươi, người thấp đậm, còn khỏe mạnh và tinh khôn nhưng cũng có lúc ông lão bỗng dưng trở nên chậm chạp, lờ đờ. Không ai biết thời trai trẻ của lão, chỉ biết ông lão trong hiện tại, vừa bình thường vừa không bình thường, có thể là do tuổi già mang theo dấu vết những chuyện bình thường và không bình thường mà ông lão đã trải qua chẳng? Nơi đây là một bến sông hỗn tạp, dưới nước trên bờ cơ man là gỗ là tre nứa và đủ loại lâm sản từ trên rừng xuôi về rồi lại tỏa đi, bằng đường thủy hoặc đường bộ. Trên đê có phố bến và chợ bến, chợ có phiên nhưng vẫn họp hàng ngày, chỉ có điều chợ đến phiên thì đông

vui hơn. Lão Ủ sống đơn giản, có ổi việc tạp nham mà lão lại không nề hà, nhặt củi vụn, đóng bao tải phơi bào hoặc mùn cưa, gác bè, đôi khi trông hàng cho các bà buôn trên phố chợ... Ông lão làm việc này việc khác là để kiếm sống. Nhưng cũng có khi gặp việc thích làm thì làm, thế thôi.

Xuyến đi tìm lão Ủ ngoài bến gỗ. Tìm mãi lão Ủ ngoài bến gỗ. Tìm mãi không thấy ông lão. Quái lạ, ông lão ở đâu nhỉ? Xuyến đưa mắt sẫm soi nhưng không dám hỏi ai, cô sợ mọi người chú ý đến mình. Hồi đầu năm, Xuyến theo thuyền người anh họ đến đây, người đầu tiên cô gặp là lão Ủ, lão nghe cô nói, chỉ bảo cho cô đường đi tới nhà bà Cài, người cô họ xa xôi của cô, bà Cài ở khuất trong xóm trại, phía sau phố chợ. Thế rồi Xuyến ở lại nhà bà Cài, loanh quanh cho đến lúc này thì trời đã sang thu. Xuyến vướng vào một cái bẫy, êm dịu, nhẹ nhàng, cứ từ từ thắt chặt. Xuyến muốn thoát ra, cô phải thoát ra nhưng liệu cô có thể nói điều này ra với ai được nhỉ? Chỉ có thể nói với lão Ủ, ông lão đang đứng kia, với một lũ trẻ con, tít trên đầu bến gỗ. Bọn trẻ vừa lội từ dưới sông lên một chiếc thuyền nan nhỏ xíu, không biết trôi dạt từ đâu đến, lòng thuyền đầy bùn lỏng, đáy thuyền rạn lung tung. Bọn trẻ xúm quanh chiếc thuyền nằm tênh hênh trên bãi cát, tranh cãi kịch liệt xem chiếc thuyền con có thể sửa chữa và có thể dùng vào việc gì? Lão Ủ chỉ nghe và cười cười, dường như lão chờ bọn trẻ lâm vào bế tắc, lão sẽ đưa ra lời

phán quyết. Xuyên từ xa chạy ào tới rồi không hiểu sao cô cũng đứng ngây ra bên cạnh lão Ủ. Lão Ủ quay nhìn Xuyên, mày ra đây tìm tao, hả? Tìm tao có chuyện gì? không hiểu sao Xuyên lại trả lời ngớ ngẩn, không có chuyện gì, cháu chỉ ra thăm ông thôi! Lão Ủ nheo nheo mắt, thế tức là có chuyện, chuyện “mày ra đây thăm tao” chứ còn gì! Lão Ủ đôi khi cũng nói được một câu hóm hỉnh, chỉ là tự nhiên, vô tình thôi nhưng điều đó lại động viên Xuyên khiến cô bình tĩnh lại.

Căn nhà nhỏ, hay đúng hơn là căn lều của lão Ủ nép dưới chân đê, trông ra bến gỗ và xa hơn là dòng sông mênh mông. Xuyên nhớ có lần cô đã ra đây than thở với lão Ủ, về bà Cài, bà cô già không chồng con, sống đơn chiếc, tính tình đồng bóng thất thường, bỏ đi cũng dở ở lại không xong. Lúc đầu vì nể bà cô già, Xuyên ở lại đi làm cho ông Suất chủ của hàng thùng chảo ở phố chợ. Suất mở cửa hàng thùng chảo chỉ cốt có cái biển hiệu treo công khai thế thôi, còn hành trang của anh ta, công việc làm ăn của anh ta thế nào chỉ có trời biết. Suất gần như thao túng cả cái bến gỗ này. Anh ta thích Xuyên, ngay từ lần gặp mặt đầu tiên ở nhà bà Cài. Để lấy lòng bà, Suất đem đến tận nhà bà cả đồng bẹ móc, nhờ bà tước sợi, công xá hậu hĩ. Thuở trẻ bà Cài từng có mấy năm làm nghề tước sợi móc, chân tay cũng bị ngấm nước thâm đen, bốc mùi thum thum. Sợi móc dùng để khâu nón lá, áo toí lá và những thứ linh tinh kiểu cổ xưa, bây giờ

người ta đã dẹp bỏ. Nhưng Suất vẫn dẻo mồm nói, cửa hàng tôi bây giờ chỉ buôn bán thuần một thứ thùng chảo bằng sợi ni-lông tổng hợp thôi, thứ ấy đang mốt thời đại. Nhưng tôi có ông khách chuyên làm hàng độc bán cho bảo tàng, ông ta cần đến sợi móc. Bà Cài ạ, bà giúp tôi, tôi không dám quên ơn bà. Bà Cài phổng mũi, khoe khoang âm ĩ với Xuyên, đến hàng xóm cũng nghe thấy. Rằng mày là cháu tao, mày còn không biết tài làm sợi móc của tao. Thằng Suất khá, nó có con mắt tinh đời, không chỉ biết mà còn dùng đến cái tài khéo của tao. Xuyên không cãi bà cô già đồng bóng, Xuyên cũng có cái biết của cô chứ. Ở cửa hàng của Suất, Xuyên phụ việc vặt, dọn quanh những đồng thùng chảo, một thời gian rồi cô được bạt lên ngồi biên chép sổ sách và trông nom kho hàng. Suất ưng ý Xuyên, không chỉ về hình dong mà cả tính tình, đường ăn ý ở. Xuyên chăm chỉ lại sáng ý nhưng biết nhún nhường, ngay cả những lúc Suất tỏ ra có biệt nhỡn với mình, gọi cô mang sổ sách lên cùng tiếp khách làm ăn, cô vẫn thản nhiên, giữ đúng phận. Một cô gái nét na, hiền thực, hơi cổ, tức là hơi lạc thời. Thì đã sao... Suất đã cứng cứng tuổi, từng trải nhiều, ông chủ một cơ đồ đang lên, đủ tỉnh táo để tránh xa những cô nàng mầu mỡ riêu cua, vây quanh Suất như ruồi nhặng bay quanh chén mật. Hoặc là những cô nàng mắt xanh mỏ đỏ, kệch cỡm và kiêu cách, chỉ thích tiền. Xỉa tiền ra là mua được sự chơi bời vui thú chốc lát, thế thôi. Suất đôi khi cũng

có chơi bời, còn lấy vợ là chuyện khác. Suất cần một người vợ đảm và hiền, biết giữ đúng phận. Như là Xuyến. Suất đâm ra mê Xuyến, lúc nào cũng tưởng tượng Xuyến trở thành người vợ giữ nhà, giữ cửa hàng để chồng tung hoành ở bên ngoài, thao túng cả thiên hạ... Suất phó thác việc lung lạc Xuyến cho một tên tay chân thân tín cũng làm ở cửa hàng, tên này còn trẻ, biệt danh là Tèo sút, vì y sút một cái răng cửa. Tèo sút không biết nể sợ ai, thường giở đủ mọi trò cộc láo, nếu có xô xát gã dám chơi thí mạng. Riêng đối với Xuyến, Tèo sút tỏ ra lễ phép, mở miệng ra là đưa đẩy một cách kính cẩn: Thưa bà chị, bà chị cần gì cứ sai bảo, nay mai bà chị lên bà chủ, em được nhờ. Xuyến cười nhạt, bảo vớ vẩn, không đời nào có chuyện đó. Tèo sút vẫn cứ nói trơn tuột: Bà chị ơi, nghĩ lại đi, ông chủ Suất của em không phải người tầm thường, cái cửa hàng thùng chảo này, ở trong tay ông Suất tức là ông ấy buộc chặt được cả thiên hạ. Ông Suất say mê bà chị, bà chị có số giàu sang, dù bà chị không muốn giới vãn cứ quàng vào. Ở cửa hàng, Tèo sút cứ véo von như thế, đôi khi vừa véo von vừa ngầm ý đe dọa. Rằng chó coi khinh thằng Tèo sút, hãy nghe lời thằng nô bộc này. Nó được ông chủ Suất trao cho nó cái quyền canh giữ cô, cô không thoát ra được khỏi cửa hàng của ông chủ nó đâu!

Xuyến đã có lần ra đây than thở với lão Û về cái tình cảnh vướng mắc của cô. Cô muốn thoát ra khỏi sự chọn vợ đơn phương của Suất nhưng lại bị kẹt

giữa Tèo sút và bà Cài, bà cô già đồng bóng. Bà Cài mê mẩn vì mối lợi cón con do Suất đem lại, càng mê mẩn hơn vì cách chiều nịnh khôn khéo của Suất. Suất khen bà Cài, trên đời này chỉ còn lại một mình bà biết se sợi móc, bà là của quý của quốc gia. Bà Cài khen Suất tài giỏi, tương lai sẽ là ông chủ lớn và bà bảo cô cháu gái, không úp mở. Rằng hồng phúc nhà này lớn lắm, chớ có đại đột để tuột mất con ơi! Tức là bà thương yêu Xuyên, muốn đặt để cho cô cháu gái chứ bà không có lòng dạ mưu mô gì khác. Xuyên hỏi lão Û: “Bây giờ cháu phải làm gì?” Cái hôm đưa ra câu hỏi ấy, câu hỏi “làm gì? làm thế nào?” Xuyên cũng ngồi ở đầu chiếc chõng tre, trong căn lều chân dê của lão Û, như hôm nay. Lão Û cũng ngồi ở đầu kia chiếc chõng tre, lão nói tao không thể trả lời thay mày câu hỏi “làm gì?” Thôi, hãy về đi. Bao giờ mày quyết định “làm gì?” thì ra đây tìm tao, cần gì ở tao, tao sẽ giúp. Một phiên chợ đã trôi qua, Xuyên gầy đi, đôi mắt trũng sâu, hơi thâm quầng chứng tỏ cô đã phải suy nghĩ qua những đêm mất ngủ. Nhìn cái vẻ căng thẳng mệt mỏi của cô, lão Û tin chắc cô đã quyết định việc phải làm, chỉ có điều việc ấy quá nặng nề đối với một cô gái còn non nớt như cô.

Ngoài bãi sông, bọn trẻ bỏ lại chiếc thuyền nan, kéo nhau vào trước lều lão Û. Cãi nhau về chiếc thuyền mà không có mặt lão Û thì chẳng đi đến đâu. Chúng chờ nghe lời phán quyết của ông lão. Ông lão nói, chiếc thuyền nan đã cũ nát, đã chìm nhưng có

thể sửa dùng tạm. Có sơn ta quét lại lòng thuyền là tốt nhất, nhưng kiếm đâu ra sơn ta. Hay là thế này, ta quét thay bằng hắc ín, tức là nhựa đường đun chảy. Chúng mày lên đường đá, quãng người ta đang vá đường, kiếm về đây mấy cục nhựa đường...

Bọn trẻ ào ào kéo nhau đi. Xuyên nhìn theo bọn chúng, vẻ mặt cô bỗng trở nên nhẹ nhõm. Cô đã quyết phải trốn đi, phải thoát ra khỏi nơi này nhưng thoát ra bằng cách nào thì chưa nhất định được. Bây giờ thì rõ rồi, chỉ có cách đợi đến đêm khuya thoát sang bên kia sông, nhờ có dòng sông ngăn trở mới thoát êm được. Xuyên nói với lão Ủ, ông cố sửa chữa lại con thuyền nát ấy đi, rồi giúp cháu một chuyến sang sông, cháu sẽ nhớ ơn ông suốt đời. Lão Ủ nói, tao sẽ sửa thuyền, đưa mày sang sông, có gì đâu mà ơn huệ... Đó là ý nghĩ giản dị, thật lòng của ông lão, việc gì cần giúp thì ông lão giúp, chỉ đơn giản thế thôi, không cần biết hậu quả sẽ thế nào...



Xuyên đi khỏi nhà bà Cài vào khoảng chín giờ tối. Giờ này bà Cài đã đi ngủ. Cô đứng nhìn bà cô già giãy lát rồi nói vọng qua màn, cô ơi cô ngủ yên nhé, con có chút việc phải ra ngoài cửa hàng. Bà Cài ngủ được một giấc, giật mình thức dậy chợt cảm thấy bần khoản. Quái lạ, con Xuyên đi đâu, có thật nó ra ngoài cửa hàng nhà Suất không nhỉ? Bà chui ra khỏi màn, bật đèn sáng lên, đi xem xét khắp nhà. Không có gì

suy suyển, chỉ vắng Xuyến cùng với cái túi xách trong có để mấy bộ quần áo. Bấy giờ bà mới nhớ lại thái độ khác lạ của Xuyến mấy ngày gần đây. Xuyến chăm sóc bà, mua quà bánh biếu bà, tiền công làm ở chỗ Suất gửi bà giữ, mỗi khi bà nhắc đến Suất cô chỉ lảng đi chứ không cãi... Vậy là Xuyến có ý định từ trước, nó trả ơn bà theo cách của nó rồi lảng lạng trốn đi. Bà Cài nổi tự ái, cũng theo cách của bà, tức là lên cơn đồng bóng, kêu toáng lên. Ối giời ơi, con Xuyến cháu gái tôi nó bạc, nó phụ lòng thương yêu của tôi. Nó còn ngu dại nữa, có chỗ nương tựa ấm thân, bao nhiêu con gái thêm khát mà nó chê, nó bỏ đi, để lại tai tiếng cho bà già này! Bà Cài tức tốc lần mò ra cửa hàng thùng chảo của Suất ngoài phố chợ. Ở cửa hàng không có Xuyến, điều này bà đã đoán biết chắc. Cũng không có Suất, ông chủ cửa hàng bận đi công việc gì đó, thế cũng may, khỏi phải giáp mặt anh ta. Bà Cài gặp Tèo sút đang ngồi uống rượu suông trong kho hàng. Bà kể lể con cà con kê, xen lẫn những lời than thở mà bà đã than thở một mình suốt dọc đường. Tèo sút mặt lạnh tanh (mặt y lúc nào cũng thế), y nói thủng thẳng. Thôi được rồi, tôi biết rồi. Bà đã ra đây bấm báo, thế là tốt, tôi sẽ bấm báo lại với ông Suất. Bà cứ yên chí về đi!

Tèo sút nghĩ, trước sau gì thì Xuyến cũng bỏ cái cửa hàng thùng chảo này ra đi. Ông chủ Suất của mình không biết lọc lõi khôn ngoan ở đâu đâu, còn trong chuyện này ông ta thậm ngu. Làm sao ràng

buộc được một người như Xuyến, cô ta hiền lành thật nhưng có ý riêng và đáo để ngầm. Tuy nhiên Tèo sút cũng biết rằng mình không ngoài cuộc, ông chủ Suất đã giao việc canh giữ Xuyến cho y, vậy đây là việc của y. Y phải sốt sắng xắn tay áo lên, biết đâu cái vụ việc làm mất mặt ông chủ của y lại làm cho y vớ bẫm. Tèo sút ra bến gỗ. Đêm khuya bến gỗ vắng người, chỉ có ánh đèn lập lòe trên những con bè và trong các lều lán. Y la cà quanh các lều lán và các dãy bè, dò hỏi tung tích Xuyến nhưng không ai biết gì. Mãi sau mới có người nói, lão Û vẫn sống quanh quẩn ở bến gỗ, không biết lão kiếm đâu ra chiếc thuyền nan nhỏ, vừa chở một cô gái lạ mặt sang sông, cô gái này có xách theo cái túi xách... Tin tức chỉ có thể thôi nhưng như thế cũng đủ để Tèo sút về tâng công với ông chủ Suất. Hai thầy trò ngồi trong phòng khách trên căn gác hai của cửa hàng. Tèo sút nói chắc như đinh đóng cột, cô gái lạ mặt ngồi trên thuyền chỉ có thể là Xuyến, cô ta tưởng sang sông là thoát. Ngay bây giờ Tèo sút có thể sang sông lùng sục, trối gô cổ đưa cô ta về. Nhưng Suất gạt phắt, cô ta trốn đi thì cứ việc trốn đi, khỏi cần. Nhưng kẻ nào giúp cô ta đi trốn thì phải nhận lãnh sự trừng phạt, để kẻ đó và cả thiên hạ phải nhớ đời. Chỉ cần thế thôi... Tèo sút bối rối hỏi lại Suất, có phải ông chủ muốn nói đến lão Û, ông lão lẩn thần... Suất tỉnh queo, trả lời gọn lỏn: Ta không cần biết. Việc ấy thuộc quyền chú, ta giao cho chú! (Suất vận lưng,

che miệng ngáp). Ta buồn ngủ quá rồi, phải đi ngủ đây! Tèo sút ra khỏi phòng khách, y đứng sững giây lát trước cánh cửa căn phòng vừa khép lại. Hóa ra ông chủ Suất - thùng - chảo của y không ngu, ông ta biết xoay chuyển tình thế, đáng công y cù cung tận tụy theo hầu.



Lúc này khoảng nửa đêm. Tèo sút cùng mấy tên đàn em ra bến gỗ, chờ sẵn ngoài mép nước sông. Lão Û từ bên kia sông quay thuyền về gần đến bến thì nghe tiếng quát: Thuyền nào kia? Đêm hôm khuya khoắt thế này, đi đâu? Đúng là thuyền của quân trộm cắp. Bắt lấy nó, bắt lấy kẻ gian, anh em ơi. Lão Û lớn tiếng nói: “Ta là lão Û. Là người ngay...” nhưng vừa nói dứt thì đã bị những tiếng ồn ào vui lấp, ông lão bị tóm chặt và bị lôi ra khỏi lòng thuyền. Ông lão cố cưỡng lại và còn kịp nghĩ đến chiếc thuyền, chiếc thuyền đã cũ nát, ông lão chèo lái phải hết sức gượng nhẹ nhưng bọn đầu trâu mặt ngựa đã xô đẩy, nhấn chìm nó xuống sông. Còn ông lão bị kéo lên bờ cát và chịu trận đòn tới tấp giáng xuống, trong đêm tối mù mịt. Tèo sút được trận đòn hội chợ kích thích, cầm cái bơi chèo thuyền nan y vẫn nắm trong tay, vụt cái “chát!”, không cần biết trúng chỗ nào trên người ông lão, cái bơi chèo gãy tan còn ông lão nằm im như khúc gỗ, không còn cựa quậy. Bọn chúng lạng lẽ bỏ đi, chỉ còn lại một mình lão Û, trong đêm tối, trên

nền cát ẩm.

Lão Ủ bị cú nện trúng đầu, mang vết thương trong đầu, từ đấy lão nhớ nhớ quên quên, có lúc như ngây dại. Nhưng ngoài những cơn ngây dại, lão vẫn tỉnh tường và vẻ tỉnh tường của ông lão còn khác thường, như chưa bao giờ xảy ra.

Cái hang

Một đạo lão Ủ lên thị trấn Ngàn Xanh đi tìm gỗ lũa với Du điếc. Du điếc vốn là dân sơn tràng, anh ta điếc nhưng tai nặng tai nhẹ, nghe động tĩnh có khi còn tỉnh tường hơn cả người sáng tai, bởi sự mách bảo của linh cảm, hay là cái giác quan thứ sáu. Du điếc đi tìm những gốc cây, thân và cành cây bị vùi trong đất, bị trôi dạt dọc theo sông suối, chúng thường có hình thù kỳ dị, được dân làm gỗ lũa mỹ nghệ từ dưới xuôi lên mua về. Lão Ủ chỉ là người phụ giúp, công việc không đến nỗi quá nặng nhọc, lại suốt ngày ở trong rừng, ông lão cũng thích. Bãi gỗ lũa của Du điếc nằm ngay trong thị trấn, trên một sườn đồi thoải thoải, gần đường quốc lộ. Bên kia đường là ngôi nhà Câu lạc bộ Văn hóa, thỉnh thoảng thấy mở cửa, từ trong nhà vọng ra tiếng đàn sáo véo von, tiếng kèn trống và thanh la náo bật rậm rịch. Những buổi như thế thường có một ông thấp lùn, mặt đỏ gay, bụng phệ cứ rối rít chạy ra chạy vào, hò hét và nhảy lên chơi chơi. Ông ta tên là Tòng, cộng tác viên của

phòng Văn hóa thị trấn. Những cuộc vui làm ông ta phấn khích lên thế thôi chứ ông ta không thông thạo gì chuyện đàn sáo. Việc ông ta nhận với phòng Văn hóa là nghiên cứu lễ hội, nơi nào có lễ hội là ông ta đến, rồi về đọc sách, rồi lại đi. Nhưng lễ hội trong vùng không nhiều, sách để đọc tại chỗ lại càng ít, thành ra vị chuyên viên được mệnh danh là ông Tòng-lễ-hội rong chơi nhiều hơn. Tòng rồi rồi thường sang la cà bên bãi gỗ lũa của Du điếc. Ông ta đi quanh, ngắm nghía những khúc gỗ lũa to nhỏ để ngổn ngang, lảm nhảm một mình: Thằng cha Du điếc tài thật, nó có cái khiếu giới cho. Cửa vút đi mà nó nhìn ra trong đó có đủ cả long ly quy phượng và cả những gì gì nữa. Nhưng mà bán gỗ lũa còn một thế này thì không ăn thua, suốt đời vẫn chỉ là dân thổ mộc đi hầu người ta thôi!

Du điếc không thích chuyện với Tòng. Anh điếc, cũng có khi lấy cớ mình điếc, cứ thản nhiên như không có ai trước mặt, chỉ cắm cúi vào công việc. Tòng đành bám lấy lão Û. Ông lão tuy chậm chạp, ngẩn ngơ nhưng lại hay “ồ, ờ...” đệm vào lời Tòng nói khiến Tòng yên chí ông lão chịu chuyện mình. Phải kể về những chuyến đi nghiên cứu lễ hội để ông già biết tài cán và sự uyên bác của một chuyên gia. Ối chao ôi, có bao nhiêu thứ lễ hội, lễ hội nào mình cũng phải đến từ hôm trước, về hôm sau, có khi mấy hôm sau mới về. Vất vả bận rộn lắm. Nhưng mà cũng sướng, được đón tiếp trọng vọng, chu đáo, hễ đánh

chén là chỉ ngồi lại, tưởng chừng những bữa cơm rượu trên chiếu nhất nơi đình đám vẫn còn làm ông ta say. Lão Û cũng nheo mắt cười: Ồ, ờ... ngồi chiếu nhất hẳn nhiên là nhất rồi! Tòng hả hê vì câu nói để vào của lão Û, ông ta hơi ưỡn người, tay xoa cái bụng phê nhưng đầu óc vẫn đủ tỉnh táo, chuyển ngay sang chuyện khác, chứng tỏ ông ta vẫn là con người dân dã, đi nghiên cứu hội hè đình đám tức là nghiên cứu đời sống dân dã. Tòng đột ngột hỏi lão Û, ông lão có biết món trứng ngạt không? Trứng ngạt là trứng con kiến đen, tổ nó làm trên chạc cây cao, to như cái ấm giỏ, cũng đen sì một cục. Cái trứng ngạt bầu bầu, căng mẩy và trắng như hạt gạo nếp, đem đồ lẫn với gạo nếp thành xôi trứng ngạt, béo ngậy và thơm, ăn ngon tuyệt. Tòng nói, tôi đã có lần được theo đám trẻ trong xóm núi đi gõ trứng ngạt, đem về đồ xôi. Bây giờ mà trông thấy ở đâu đó có tổ ngạt trên cây, tôi cũng biết cách trèo lên gõ trứng ngạt. Tôi sẽ đồ xôi trứng ngạt thết ông lão. Tôi hứa với ông lão đấy!

Thường là trước khi kết thúc cuộc chuyện vãn với lão Û, Tòng lại nhắc đến món trứng ngạt và hứa với ông lão, khi nào tìm được cái cây có tổ ngạt, Tòng sẽ trèo lên gõ trứng ngạt, về đồ xôi thết ông lão. Lời hứa rất trịnh trọng mà cũng là hứa cho vui.

Có ông khách tìm đến bãi gỗ lũa đặt hàng Du điếc, kiếm cho ông ta một gốc lát có nhiều rễ phụ, đủ lớn để cửa cất và tạo dáng thành cái bàn trà tự nhiên kê ở góc vườn. Trong vùng, nơi nào trước đây có vạt

rừng gỗ lát và người ta đã chặt hạ ra sao, đào cả gốc rễ lên thế nào Du đều biết, có khi còn tham gia. Giống lát bây giờ gần như đã bị tuyệt diệt. Phải công phu tìm kiếm trên sườn núi đá cheo leo, nơi chặt hạ được cái cây đã khó, chuyên chở về càng khó hơn, may ra còn sót lại cái gốc nào chưa kịp đào lên chẳng? Lão Ủ theo Du vào trong núi, họ dự tính sẽ phải đi suốt ngày nên có mang theo cả bi-đông nước uống và đùm cơm nắm. Du ái ngại vì lão Ủ già cả lại chậm chạp nhưng ông lão hăng hái nói, tôi còn khỏe chán, tôi đi với chú được mà. Hai người đi tắt rừng, trèo lên tới chỗ mỏm đá hơi nhô ra, theo trí nhớ của Du chỗ này trước đây có một gốc lát lớn. Du nhớ không sai nhưng chỗ này bây giờ chỉ còn cái hố lớn, gốc lát đã bị đào lên, cắt rễ và chuyển đi từ bao giờ. Thành ra Du là kẻ đến sau, anh ăm ục còn lão Ủ thì bị hăng, cơn háo hức tan biến, chỉ thấy mệt rã rời. Ông lão cố gượng nhưng sức già chẳng còn mấy nả, mặt ông lão tái đi, mồ hôi toát ra và bắt đầu run. Du phải dìu ông lão xuống dốc đá, rẽ ngang, đi quanh co một lúc thì đến một chỗ bằng phẳng, phủ đầy dây leo. Chui qua đám dây leo, trong vách đá có cái hang, miệng hang hẹp nhưng lòng hang rộng và cao lên dần. Du để ông lão ngồi nghỉ còn anh thì đi vén đám dây leo phủ ngoài cửa hang cho ánh nắng lọt vào. Có ánh nắng, lão Ủ hết run rồi dần dần hồi tỉnh. Ông lão nói: Tôi cứ tưởng cơn run của tôi sẽ chuyển thành cơn sốt rét nhưng bây giờ thì khỏi rồi. Chú phải vất

vả vì tôi, thật là phiền quá. Du nói: Không có gì... Nhờ phải tìm chỗ nghỉ cho ông lão mà tôi có nghe một ông già địa phương nói, vách núi chỗ này có cái hang. Chỉ nghe để đấy, thế thôi. Còn ông già địa phương chắc đã chết lâu rồi... Cái hang mở ra một khoảng không rộng lắm, sáng mờ mờ, còn sâu bên trong tối om, phả ra mùi ẩm ướt, không có đèn đuốc thì không thể vào.

Vậy là nhờ có Du điếc - người đi tìm gỗ lửa, lão Û biết trên vách núi có cái hang, ông lão cùng Du điếc từng ngồi ở cửa hang. Nhưng ông lão, cũng như Du điếc, biết rồi để đấy, thế thôi. Ông lão không ngờ có một ngày ông lão trở lại đúng cái hang này.



Ngày lão Û trở lại cái hang nguyên do là ông lão gặp Tòng bị nạn trên sườn núi. Tòng từ xóm sâu chân núi trở về, ông ta đi tắt rừng, cứ trèo lên trèo xuống quanh co rồi bị lạc. Về sau này Tòng nói với lão Û, ông ta mãi nhìn lên ngọn cây cao để tìm tổ ngát, ông ta vẫn nhớ bữa xôi đồ trứng ngát hứa với lão Û, thành ra bị lạc. Không biết có tin được không? Chỉ biết rằng lúc ấy trời sắp đổ cơn mưa, mây đen vần vũ, gió nổi từng cơn ào ào. Tòng bị ngã xống cái hố, một cành cây lớn bị gió vặn gãy, đè lên một bên cánh tay. Lão Û động viên Tòng cố chịu đau, dìu ông ta tụt xuống dốc một quãng rồi rẽ ngang, một lúc sau thì đến cái hang. Ngoài cửa hang, dây leo mọc xanh

um còn đầy rậm hơn hồi nào lão Û được Du điếc - người đi tìm gỗ lũa dẫn vào. Cơn mưa bắt đầu đổ xuống, trời đất như quay cuồng, những hạt mưa lớn bị gió thốc vào tận trong hang. Lão Û phải dìu Tòng vào sâu bên trong cửa hang, tìm đến chỗ có ánh sáng mờ mờ mỗi khi ngoài trời xẹt ngang ánh chớp. Tòng bị đau bên cánh tay bị cành cây đè, ông ta nhăn nhó và thở dốc từng cơn. Lão Û nắn bóp, Tòng kêu oai oái, không biết có bị gãy xương hay rạn xương, đành cứ băng bó tạm và treo cánh tay đau lên trước ngực Tòng. Cơn đau cứ chốc chốc lại dội lên, Tòng ngồi bệt trên nền hang ẩm, bên tay lành quờ quạng lung tung, vớ được cái gì cũng nắm chặt. Cơn mưa thưa dần rồi tạnh hẳn, bầu trời đột nhiên quang đãng và sáng lòa. Tòng quên cả cơn đau (hoặc cũng có thể cánh tay đau của ông đã chuyển thành tê dại), ông ta nhận ra cái mảnh cứng mình nắm trong tay là một mảnh vỡ đồ gốm cổ, cổ đến đâu chưa biết, nhưng chắc chắn là gốm cổ. Ông ta lén bỏ mảnh gốm cổ vào trong cái túi vải đeo bên người, nhìn lại cái hang lần nữa rồi theo lão Û, ngậm tăm xuống núi...

Những nghiên cứu về lễ hội của ông chuyên viên Tòng-lễ-hội, rút cục chẳng đi đến đâu, ngoại trừ sự rong chơi và những cuộc chè chén. Nhưng cái hang núi vô danh bên trong có mảnh gốm cổ phải là một bí mật của riêng mình, một phát hiện của riêng mình, Tòng chỉ còn chờ thời cơ để công bố nó ra thôi... Năm sau, có đoàn khảo sát của Công ty du lịch trên thành

phố về thị trấn Ngàn Xanh, chuẩn bị mở thêm tuyến du lịch mới. Vùng này giáp ranh giữa đồng bằng và rừng núi, có phong cảnh kỳ thú lại thuận tiện đi về. Tòng nói với đoàn khảo sát, tôi biết trong núi có cái hang, hang này còn trinh nguyên, tức là còn hoang sơ như thuở hồng hoang. Các anh chuẩn bị đèn chiếu sáng rồi đi theo tôi... Cái hang, dưới ánh đèn chiếu sáng của đoàn khảo sát, quả là gây bất ngờ. Từ cửa hang vào, khoang ngoài thấp và hẹp, chẳng hứa hẹn gì nhưng đi sâu vào khoang trong, cao rộng, nhiều góc ngách. Nền hang có nhiều mảnh gốm cổ, nặng và thô kệch, tưởng chừng thấy được dấu vết bàn tay người xưa. Ở một góc khuất còn nguyên vẹn mấy bộ xương người. Đây phải là và đúng là xương của người xưa rồi. Ta sẽ đặt tên cho cái hang là Hang-Người-Xưa, làm đường lên hang, tạo thành điểm nhấn cho toàn tuyến du lịch... Tòng trở thành nhân chứng sống cho một phát hiện quan trọng. Ông ta phải kể lại, theo gợi ý của đoàn khảo sát, rằng ông ta là người đầu tiên và duy nhất biết vùng Ngàn Xanh có cái hang Người xưa. Ông ta đã khám phá ra điều bí mật lớn lao đó trong hoàn cảnh nào, bằng cách nào? Lúc đầu Tòng còn dè dặt nói, cũng chỉ là ngẫu nhiên thôi! Nhưng người ghi chép để đưa vào hồ sơ, lập dự án du lịch nói, ừ thì ngẫu nhiên, nhưng cái ngẫu nhiên ấy cụ thể là thế nào? Tòng hăng hái lên, ông ta liền kể vừa thực thà vừa bịa đặt về một chuyến đi rừng của ông ta. Có chuyện trời mưa, giông gió và

sấm sét. Tòng cứu một ông già bị ngã xuống hố, một cành cây gãy đè lên cánh tay. Tòng dìu ông già đi tìm chỗ trú nấp và tìm ra cái hang... Ừ, phải là như thế, phải là mình cứu ông già chứ không phải ông già cứu mình, như thế mới tự nhiên và hợp lý, đúng với vai trò mình là người hùng phát hiện ra cái hang. Lúc này Tòng chỉ đơn giản nghĩ vậy và ông ta tặc lưỡi: Vả lại chuyện này cũng chẳng tổn hại gì đến lão Ừ, ông lão đã thôi tìm gỗ lửa và biến đi khỏi vùng Ngàn Xanh.



Lão Ừ biến đi khỏi thị trấn Ngàn Xanh nhưng rồi ông lão cũng có dịp trở lại. Thị trấn như người ngái ngủ vừa bừng tỉnh, đông vui tấp nập hơn, nhờ vào cái tuyến du lịch - văn hóa mới mở, lên thăm cái hang Người Xưa. Cả thị trấn cứ sôi lên sùng sục. Lão Ừ đứng giữa đám đông xúm xít quanh tấm pa-nô, vẽ sơ đồ và nhiều ảnh minh họa, trong đó có ảnh Tòng. Tòng vẫn thế, thấp và to ngang, bụng phệ, lưng hơi gù nhưng khuôn mặt ông ta có nét đổi khác, nở nang, tươi rói, ông ta đang hươ tay lên nói gì đó. Lão Ừ lẩm bẩm: Tôi biết ông này... Đám đông chen huých ông lão bật về phía sau: Làm sao ông lão biết? Ông này ở tít trên thành phố, làm chuyên viên, cố vấn cho Công ty du lịch. Ông ta có đóng góp lớn, có công lớn, chữ nghĩa ghi rành rành dưới bức ảnh ông ta! Lão Ừ cố ghì chân rồi nhích dần lên đến sát góc pa-nô có ảnh

Tòng. Ông lão nhắc lại: Tôi biết ông này... Công lao ông ta thế nào tôi không bàn. Chỉ biết những điều ông ta nói có điều sai. Ông ta, ông Tòng ấy không phải là người đầu tiên và duy nhất biết cái hang Người Xưa. Ông Tòng cũng không cứu ông già nào cả, chính ông già cứu ông ta ngã hố, bị cành cây đè, dìu ông ta vào trú trong hang... Lão Ủ nhìn thẳng vào đám đông, vẻ nghiêm trang, bình thản. Đám đông lập tức ồn ào lên, có người tin có người không tin ông lão. A ha ha, ông lão nói hay lắm! Nhưng mà nghe vậy thì biết vậy. Lão già này dở hơi, nói oang oang những điều không đâu giữa đường giữa chợ, không khéo lại vào nhà đá!

Lão Ủ không đến nỗi phải vào nhà đá, còn được ông trưởng đại diện Văn phòng Công ty du lịch mời vào hỏi chuyện. Ông trưởng đại diện mang giấy bút ra ghi chép cẩn thận, để còn làm báo cáo gửi lên Giám đốc Công ty trên thành phố. Nào, nào... bút sa gà chết, ông lão thắc mắc gì cứ nói ra đi! Lão Ủ nhăn nhó nói, tôi không thắc mắc gì, cũng không xin xỏ gì, tôi chỉ nói ra cái sự thật để mọi người biết. A, sự thật... sự thật gì? Sự thật là ông Tòng ngã hố, bị cây đè, được lão Ủ này dìu vào hang, lúc bấy giờ cái hang chưa có tên gọi “người xưa - người nay” gì hết. Ông Tòng không phải người đầu tiên... Tôi cũng không phải người đầu tiên. Tôi đi tìm gỗ lửa với anh Du điếc, tôi bị lên cơn sốt rét được anh ta dìu vào cái hang này. Nhưng anh Du điếc cũng không phải

người đầu tiên. Anh ta có nói, hồi anh ta còn trẻ, đi làm sơn tràng, có một ông già địa phương nói trên núi này có cái hang. Lúc ấy ông già địa phương đã già lắm, chắc chết lâu rồi... Viên trưởng đại diện sốt ruột cắt ngang lời lão Ủ: Này ông lão, ông lão kể lể cà kê dài dòng quá. Nói ngắn gọn, ông lão muốn gì? Lão Ủ đang tỉnh táo bỗng cảm thấy váng vất, vết thương ủ trong đầu lão tấy lên, nghe như có tiếng gì kêu u u. Ông lão cố nói át cái tiếng “u...u...” quái gở, giọng khàn đục và đứt quãng: Tôi muốn gì hả? Tôi muốn sự thật! Chỉ đơn giản thế thôi...

Trên thành phố, ông giám đốc Công ty Du lịch nhận được tờ trình của viên trưởng đại diện ở thị trấn Ngàn Xanh, có triệu tập một cuộc hội ý để xem xét. Nhưng xem xét mà chẳng đi đến đâu vì không thể xác minh, vả lại dù có bỏ công bỏ sức ra để xác minh cũng chẳng xác minh được những chứng cứ vu vơ của một lão già vu vơ. Rút cục Tòng vẫn là người hùng phát hiện ra cái hang Người Xưa, với câu chuyện ly kỳ của ông ta (còn được các hướng dẫn viên tùy tiện thêm bớt) thu hút khách du lịch kéo đến đông nườm nượp.

Khai trương nhà hàng

Quán thịt chó Mộc Tồn bây giờ đã thành một quán ăn lớn, ngự trên vùng đất đẹp với một dãy nhà dài, phía trước có hàng cây xanh và bãi đỗ xe. Phố xá

quãng này thừa vắng nhưng từ mọi nơi đô hội của thị trấn đều tiện đường đi tới đây. Ông chủ quán khoái cái tên Mộc Tồn, bởi nó dân dã mà ra vẻ thâm thúy, Mộc Tồn là chữ nho, dịch nghĩa là cây còn, nói lái lại thành con cây, tức là con chó. Nhờ cái tên quán cũng lưu lại được một chút quốc túy và ông chủ quán nhận luôn là tên mình, coi như một cái danh hiệu. Hãnh diện chán mà lại dễ ra tiền!

Trước ngày khai trương cửa hàng mới, ông Mộc Tồn đi tìm lão Ủ, rủ ông lão về trông bãi giữ xe riêng của cửa hàng. Thiên hạ chán vạn người nhưng tôi chỉ chọn ông lão thôi. Ông lão là người thật thà... Ông Mộc Tồn nói như tăng bốc, lại như gia ơn. Lão Ủ không lấy thế làm điều, việc gì đối với ông lão cũng chỉ là để kiếm sống, thế thôi. Ủ thì về giữ xe cho quán Mộc Tồn. Ngày khai trương quán quả là một ngày long trọng. Không có cờ hoa diễn văn đáp từ gì cả nhưng có một bữa nhậu ê hề rượu và thịt chó, thực khách được chọn lọc toàn là có sừng có mỏ cả. Họ là các quan chức, các chủ dự án, chủ thầu và những người phụ trách nhà khách của các cơ sở lớn ở rải rác trong vùng. Số đông trong đám thực khách quen biết nhau, họ ngồi quanh bàn nước ở gian ngoài, nói cười rôm rả nhưng cũng có vài vị sốt ruột, nóng ăn nhắc khéo ông chủ cửa hàng: “Thế nào, vào tiệc được chưa nhỉ?” Ông Mộc Tồn cung kính, xoa xoa hai tay: Xin các vị nán chờ thêm cho một lát, chỉ một lát nữa thôi ạ!” Bàn tiệc đã sẵn sàng ở gian

trong, người ta không biết phải nán chờ thêm cái gì. Nhưng hãy còn sớm chán, thì cứ chờ... Đột nhiên ông Mộc Tồn lao vọt ra ngoài cửa. Một chiếc Ford màu xanh đen bóng loáng từ đường đá rẽ vào, đỗ xích lại giữa bãi giữ xe. Trên xe bước xuống một bà béo tốt, sang trọng, hơi đỏm dáng, có một chú cặp cặp da đen còn trẻ măng đi tháp tùng. Chào bà chị, bà chị hạ cổ, quý hóa quá! Bà béo tốt chỉ tùm tùm cười suông chứ không nói gì... Một lúc sau khách khứa đã vào cả gian trong yên vị quanh bàn tiệc, ông Mộc Tồn mới đứng lên, hắng giọng nói: Xin giới thiệu với các quý vị, đây là bà Sinh Lợi, vợ ông Tổng giám đốc Tổng công ty Sinh Lợi, bà chị đây là quý nhân phù trợ của tôi, từ trên thành phố mới về. Rất hân hạnh..." Bà Sinh Lợi lại tùm tùm cười, khẽ giật giật ống tay áo của ông Mộc Tồn: Chú cứ về thôi. Các vị có mặt hôm nay đều là quý nhân phù trợ của chú cả. Chú rót rượu ra đi! Cái cách cư xử của bà Sinh Lợi ngấm hách dịch nhưng vẫn chan hòa và bà thành tâm điểm nổi bật của bữa rượu thịt chó. Bà uống rượu khá và ăn thịt chó cũng khá nhưng theo lời bà nói, bà chỉ quên với cách chế biến của quán Mộc Tồn thôi. Bà nghe loáng thoáng trong đám thực khách có người hỏi nhỏ nhau về cái Tổng công ty Sinh Lợi. Bà làm ra vẻ vô tình, nói to lên với ông khách ngồi bên: Cái Tổng công ty của ông chồng tôi là tổng công ty mẹ, bên dưới có nhiều công ty con, kinh doanh tổng hợp, ở khắp nơi. Tôi vẫn thường dẫn khách của nhà

tôi qua lại vùng này, họ chỉ mê món thịt chó của quán Mộc Tồn. Nay ông Mộc Tồn, hay là để tôi nói với nhà tôi, kết nạp luôn cái quán thịt chó này vào Tổng công ty, biến nó thành công ty con luôn cho tiện! Bà Sinh Lợi, vợ ông Tổng giám đốc bật cười khanh khách còn ông Mộc Tồn thì bối rối, suýt đánh rơi chén rượu trong tay. Bà chị có lòng nhưng em đâu dám. Em chỉ mong được bán quán, được hầu hạ bà chị và các vị ở đây thôi! Nào, xin mời các vị cạn chén cho! Đám thực khách bốc lên, rượu vào lời ra, mỗi lúc một thêm tung bừng, náo nhiệt.

Bên ngoài bọn trẻ con hàng phố xúm quanh chiếc xe Ford đời mới, chúng sờ mó, soi mói vào bên trong qua lớp cửa kính, cọ lưng vào thành xe và tranh cãi âm ỉ. Tin tức lập tức được loan truyền, có bà vợ ông Tổng giám đốc, hay là bà Tổng giám đốc thì cũng thế, từ trên thành phố về dự khai trương của hàng Mộc Tồn. Nghe mà kinh động, những kẻ hiếu kỳ, tuy không còn trẻ con, cũng lảng vảng đến xem. Lão Ủ phải vất vả lắm mới đuổi được bọn trẻ ra khỏi bãi giữ xe. Vừa đuổi xong lại đã có đứa lén vào... Tuy vậy lão Ủ cũng có lúc rỗi rãi, lão không để mắt đến chiếc xe Ford nhưng lại lẩn quẩn nghĩ về người đàn bà béo tốt được ông Mộc Tồn mời về và được tiếp đón long trọng. Bà ta là ai nhỉ? Sao lại có nét quen quen? Lão Ủ đứng sát cửa hàng, nhìn vào đám thực khách lố nhố ở bên trong. Trí nhớ của ông lão chợt quây. Ô, khuôn mặt bà ta, với cái mũi ngắn và cái cằm hơi

lẹm... Cả cái cười nửa miệng rồi bất ngờ bật lên thành tiếng khanh khách của bà ta... Lão Ủ nhớ đến một người, nhưng dù sao lão cũng dè dặt, nhớ ra họ chỉ nhang nhác giống nhau thôi. Đến lúc khách ra về, lão Ủ cố tình đến gần chiếc xe Ford, đứng như một ông lão nhà quê tò mò muốn ngắm xe thôi. Bà Sinh Lợi, vợ ông Tổng giám đốc (hay bà là Tổng giám đốc thì cũng thế!) nói với ông Mộc Tồn theo tiền: “Bữa hôm nay vui lắm. Thôi, sẽ gặp lại chú sau, chú vào nhà đi!” rồi mở cửa xe định chui vào. Lão Ủ nhìn thẳng vào mặt bà ta. Bà ta hơi sững lại, vội quay nhìn đi chỗ khác, như không quen biết gì lão Ủ. Lão Ủ đã nhận ra trên cần cổ béo núc của bà ta có cái bớt tròn nhỏ, hơi xanh xanh. Thêm một cái bớt trên cần cổ thì không thể nhầm lẫn: Lão Mộc Tồn bịp bợm. Bà ta bịp bợm. Bà ta không phải là bà vợ ông Tổng giám đốc (hay là bà Tổng giám đốc) nào cả, bà ta chính là cô Sành, người đóng mọi vai trò, chỉ để lừa bịp mà thôi!



Vậy là lão Ủ biết tổng cái bí mật chết người của ông Mộc Tồn: Ông ta tạo ra một nhân vật quan trọng giả, xuất hiện y như thật với chiếc xe Ford đời mới, từ trên thành phố về dự cuộc khai trương, làm nổi đình đám cái cửa hàng thịt chó của ông ta. Lão Ủ chỉ thấy buồn cười và do lòng dạ bộc trực, ông lão muốn kể ra với ai đó, coi như một câu chuyện vui. Ở đây chỉ

có Khoái là hay trò chuyện với ông lão. Khoái chuyên cung cấp thịt chó cho cửa hàng Mộc Tồn. Những con chó được mổ thịt sẵn từ nhà, da chó thui qua lửa màu vàng ươm, chó già, chó ghẻ cũng thành chó béo, chó tơ, nhờ vài mẹo vặt.

Khoái đèo hàng chất trong sọt sắt móc sau xe máy, phóng xe qua một góc thị trấn, đến giao hàng cho quán Mộc Tồn. Cứ đều đặn mỗi ngày một cuộc xe, trừ mấy ngày đầu tháng khách kiêng ăn thịt chó nhưng bù lại, vào cuối tháng khách đông đột xuất, phải thêm một cuộc xe đưa hàng đột xuất. Xong công việc Khoái thường ra ngồi chơi với lão Ủ ngoài bãi xe, để xả hơi và chuyện gẫu. Khoái lấy từ trong túi ra bao thuốc lá, mời ông lão, ông lão thường từ chối, chỉ mình anh ta hút rồi nói huyền thiên. Nhưng hôm nay thì khác, lão Ủ nhận điếu thuốc, bập bập vài hơi rồi nói thủng thẳng: Chú biết nhiều chuyện trên giới dưới bể nhưng có một chuyện vừa xảy ra tại đây, tôi cam đoan là chú chưa biết. Mà mọi người cũng chưa ai biết... Khoái hào hứng hẳn lên, anh ta động tai nghe. Lão Ủ vẫn thủng thẳng: Cứ từ từ, rồi lão sẽ kể. Trước hết lão muốn hỏi, chú có nghe thiên hạ đồn thổi gì về cuộc khai trương cửa hàng của ông Mộc Tồn? Khoái cười tuế tóa: Tôi chỉ là anh đưa hàng, không được dự cuộc khai trương. Nhưng lời đồn thổi thì có được nghe, rằng bữa ấy khách mời đông lắm, hoành tráng lắm. có một bà làm to, quan trọng, đi xe Ford từ trên tỉnh về... Lão Ủ ném điếu thuốc đang

cháy dở ra xa (lão không ưa thuốc lá, cứ hút vào là ho!), nói tung tung: “Ừ, ừ... đúng vậy mà không phải vậy. Để tôi kể chú nghe cái bà quan trọng ấy là ai?”

Bà ta, nói đúng ra là cô ta, tên là Sành, gốc gác cùng quê với lão Ủ, ông lão biết cô ta từ thời cô ta còn trẻ. Thời ấy Sành là nhân viên nhà nước, giữ một chức vụ nho nhỏ. Nhưng cô ta quen biết rộng, thành thạo, giáo hoạt lại có chút nhan sắc nên ảnh hưởng của cô ta không nhỏ. Mấy vị thủ trưởng' ghen tức nhau, muốn hạ bệ nhau vì miệng lưỡi xúc xiểm của cô ta, có vị mất chức vì cô ta chơi trò mèo vờn chuột. Rồi cô ta nhảy ra ngoài làm ăn kinh tế. Khổ bà có máu mặt, cả các mệnh phụ trang nghiêm ham cái lãi 15%, có khi tới 20% Sành hứa hẹn, móc túi tiền ra cho cô ta vay, mấy tháng đầu trả lãi đảng hoàng, sau thì hẵng rồi cô ta xù luôn. Sành biến đi đâu không ai biết. Gần đây cô ta xuất hiện trên thành phố, hành tung bất định và còn táo tợn hơn xưa. Sành vào vai nhà nước, vai tư nhân, vai nhà nước và tư nhân lẫn lộn, vai nào cũng êm xuôi. Cô ta có ô dù, vừa thực vừa giả, nếu cần cô ta có thể kể ra vanh vách tên tuổi và công tích mấy vị quan đầu ngành. Sành gặp ông Mộc Tồn nhân dịp ông ta có việc lên thành phố. Ông Mộc Tồn từng say mê Sành, lại có ơn với cô ta hồi cô ta vỡ nợ phải chạy trốn. Coi như cố nhân gặp lại nhau, Sành nhớ lại cái ơn xưa và trả ơn bằng cách đóng vai bà chủ rởm, làm nổi đình nổi đám cho cuộc khai trương của hàng thịt chó của ông Mộc Tồn.

Chuyện này đối với Sành chỉ là chuyện nhỏ nhưng ông Mộc Tồn lại dụ được khách hàng, là mối lời to.

Lão Û nói với Khoái: tôi không biết hết góc gác chuyện cô Sành nhưng chỉ cần một thoáng giáp mặt, cô ta vội quay đi, làm như không quen biết gì tôi là tôi nhìn thấu tận tim đen của cô ta. Khoái phá lên cười rồi chấp tay vái lão Û: Con lạy bố. Lạy bố. Bố già cứ y như là ma xó ấy!

Sau trận cười, Khoái bình tĩnh lại và nhận ra cái khía cạnh nghiêm trang của câu chuyện đáng cười. Khoái không thể đem ra kể khơi khơi với mọi người như lão Û đã kể với gã. Lão Û khác, Khoái khác. Khoái cung cấp thịt chó cho cửa hàng Mộc Tồn, vốn được coi là mối hàng quen nhưng trong thị trấn có ổi người làm công việc như gã. Họ cũng đi lòng sục mua chó, họ cũng cắt tiết làm lông rồi thui chó vàng ươm, mẹo mực trong nghề cũng đủ vành đủ vẻ. Kẻ này đồ kỵ muốn cướp mối hàng của kẻ kia. Còn các chủ ăn hàng nhân đó cũng ra oai hạc sách. Đã có lần Khoái đưa hàng chậm, hàng kém tươi ngon, bị ông Mộc Tồn nổi đóa lên, đe nẹt: Này, này... chú làm ăn như mèo mửa. Không có chú tôi đã có người khác đưa hàng, chú hiểu chưa? Khoái còn ăm ức mãi đến tận bây giờ. Gã nghĩ, ông Mộc Tồn ơi, tôi lệ thuộc vào ông nhưng ông cũng lệ thuộc vào tôi chứ. Tôi nắm giữ được cái bí mật chết người của ông, hai ta hãy ngã giá, tôi không rời bỏ ông nhưng ông cũng không rời bỏ được tôi đâu... Một buổi ngồi thanh toán tiền hàng với nhau

xong, Khoái đột ngột hỏi Mộc Tồn: Ông có quen ai tên Sành, người vùng này nhưng hiện sống trên thành phố? Ông Mộc Tồn ra vẻ ngờ ngác: Sành nào nhỉ? Khoái nói từng từng: Cô Sành, cố nhân của ông, cô ta nói với tôi thế... Chẳng là thế này, tôi có việc lên thành phố, gặp cô ta, cô ta hỏi thăm ông và kể về cuộc khai trương cửa hàng của ông... Ông Mộc Tồn giật mình nhưng cố nói cứng: Là lòng nhĩ, cái cô Sành nào đó lại liên quan đến cuộc khai trương của hàng tôi nhĩ? Khoái liền chơi bài ngửa: Thôi đi, ông anh đừng vờ vĩnh. Cô Sành ngồi trên chiếc xe Ford, thành ra bà vợ ông Tổng giám đốc cái Tổng công ty quái quỷ gì đó. Rồi tiếng đồn thổi ra ngoài, cô ta thành bà Tổng giám đốc. Tôi biết tổng nhưng tôi sẽ giữ kín cho ông anh nếu như ông anh không coi tôi là người ngoài. Ông Mộc Tồn im lặng, mặt biến sắc nhưng ngay sau đó ông nhũn nhặn nói: Ồ không, không... chú đừng nói thế, mất hết cả tình nghĩa anh em. Chú đối với tôi không thể là người ngoài. Lời nói danh dự đấy. Sẵn có chai rượu thuốc ở đây, chú uống với tôi một chén để chứng cho tôi nào!



Một thời gian sau, lão Ủ phải thôi việc giữ xe ở quán Mộc Tồn. Ông chủ quán nói, ông lão già rồi, chậm chạp và hơi ngớ ngẩn, nhờ ông lão để mất cái xe của khách thì phiền cho ông lão, phiền cho cả cửa hàng. Thay vào chỗ lão Ủ là chú em vợ Khoái, chú

mày đang thất nghiệp lại lêu lổng, nắm được cái bãi giữ xe lập tức ra oai với bọn trẻ con lêu lổng quanh cửa hàng. Lạ lùng thật, cái ông chủ quán thịt chó ấy, trước đây ông ta nói vì quý người già nên mới mời lão Ủ về, bây giờ cũng vẫn lý do ấy, ông ta lại thôi việc lão. Lão Ủ không biết cái lý do đích thực là gì nhưng lão cũng không mất công tìm hiểu. Ông lão chào mọi người rồi thản nhiên đi.

Con cá lớn

Cái bến gỗ này nhang nhác giống nơi bến gỗ lão Ủ đã từ đó ra đi, cũng trên sông Cái nhưng dịch lên xa về phía thượng nguồn. Những bè gỗ và tre nửa từ trên nguồn xuôi về đập ken nhau san sát. Một số bè còn xuôi tiếp, một số bè được dỡ ra, chất lên cánh bãi ngổn ngang. Dưới sông là tàu thuyền ra vào rậm rịch còn trên bãi là từng đoàn xe tải nặng lao xuống dốc bến ầm ầm trong tiếng la hét ồn ào của đám phu chuyển gỗ và làn bụi đỏ quạch bay mù mịt. Lão Ủ lên cơn đau đầu, có lẽ vết thương cũ do trận đòn hội chợ năm nào dở chứng, nổi lên hành ông lão. Đầu ông lão nặng như chì, nóng bỏng, như muốn nứt toác ra. Cơn đau đến rồi đi bất chợt, hành hạ mà như bốn cột, khiến ông lão mệt bã người. Cũng may lão Ủ lại gặp Xuyên, người quen cũ thời còn ở bến gỗ xuôi về phía hạ lưu. Thời ấy Xuyên là con gái đương thì, có kẻ giàu sau mê theo đuổi cô nhưng cô

không ưng thuận, tìm cách trốn đi. Đêm khuya, con đồ nan cũ kỹ của lão Û chở Xuyến sang sông, vì thế ông lão lúc quay đò về bị lãnh một trận đòn hội chợ, mang vết thương âm ỉ trong đầu. Xuyến nói: Ông là ân nhân của con. Mời ông về chơi nhà con, nghỉ ngơi ít hôm, bao giờ ông khỏe lại, ông muốn đi đâu con không dám giữ. Nhà Xuyến ở trong xóm phu bè, ngay giữa bến gỗ. Ngôi nhà nhỏ bé, tuềnh toàng, chồng Xuyến làm phu bè thường đi xa, Xuyến thì suốt ngày lặn lội dưới bến, chỉ có thằng cu Cậy con trai Xuyến quanh quẩn ở nhà. Xem ra vợ chồng Xuyến cũng gieo neo vất vả nhưng chị nói, không vui cũng không buồn: Đây là cái duyên phận của vợ chồng con, mình đã lựa chọn thì mình phải cố mà gánh vác. Rồi chị ôm chặt thằng cu Cậy, xoay mặt nó về phía lão Û: Đây là ông của con, con ở nhà chơi với ông phải ngoan, ông bảo gì phải nghe lời ông, nhớ chưa? Thằng cu Cậy còn bé xiu nhưng tinh nhanh, láu lỉnh. Nó với lão Û là hai ông cháu mà cũng là đôi bạn vong niên. Lão Û đang không bồng lên cơn đau đầu, nằm co quắp. Cu Cậy xán lại hỏi: Ông ơi, ông làm sao thế? Lão Û cố gượng nói: Ông bị đau đầu. Cháu cứ để yên ông nằm một lúc là khỏi thôi. Một lúc sau, thấy ông lão ngồi dậy, cu Cậy reo lên: Ông khỏi rồi à? Tại sao ông khỏi? Lão Û xoa đầu thằng bé: Tại có cháu ở bên ông nên ông khỏi! Thằng bé cười ngay thật, nó tin lời giải thích của lão Û, tình thân giữa nó và ông lão tự nhiên tăng lên.

Đến chiều, cu Cậy đã nghĩ đến chuyện rủ lão Ủ cùng đi chơi với nó.

Cu Cậy thích ra chơi ở bờ vực Si. Chỗ này có con ngòi nhỏ đổ nước ra sông, cây cối rậm rạp, dòng sông lảng ra xa rồi trôi quặt vào, tạo thành một xoáy nước sâu hút. Bờ vực Si có cây si già, ngọn cây ngả ra và những chùm rễ phụ rủ lòng thòng trên mặt nước. Bọn trẻ con bên gỗ thường rủ nhau ra đây tắm, chúng leo lên cành si, những đứa nhỏ tuột theo rễ si còn những đứa lớn đứng nhún nhảy trên đầu cành rồi nhảy xuống nước ùm ùm. Cu Cậy còn quá nhỏ chỉ dám ở trên bờ, mon men quanh gốc si già. Nhưng nó nhảy nhót, reo hò cuồng nhiệt hơn cả lũ trẻ tắm sông. Đứa dưới nước đứa trên bờ đùa giỡn nhau, cãi cọ nhau âm ỉ. Chỉ khi nào có đứa bé gái, nhỉnh hơn cả bọn một chút, gầy nhẳng và đen cháy, được mệnh danh là “con cá lớn” xuất hiện, bọn trẻ mới chịu im. Cu Cậy gọi đứa bé gái ấy là chị, chị Nhón, ứng với vai trò “con cá lớn”, còn với những đứa khác đều “mày tao” tuốt. Cu Cậy nói với lão Ủ: “Ông ơi, ông đi nhanh lên, chị Nhón đã ra kia rồi!” và nó cầm đầu chạy về phía vực Si.

Lúc này bọn trẻ tụ tập quanh vực Si khá đông. Cái Nhón ôm gốc si leo lên rồi bò theo cành si ra tới chỗ xa nhất, ngả dài trên mặt nước. Nó đứng nhún nhảy ở đầu cành, hét to lên: “Ta là con cá lớn đây!”. Tiếng hét của nó nghiêm trang, chói gắt khiến bọn trẻ đang nô đùa bỗng im phắc. Rồi nó nhảy ùm xuống sông,

lặn một hơi dài, một lúc sau mới nổi lên, quẫy mạnh và cười sằng sặc. Mấy đứa con trai đang bơi lại gần định bắt nó. Nó nói, tiếng nói âm vang mặt sông: “Ta là con cá lớn, các người không bắt được đâu” rồi nó sải tay bơi, vừa bơi vừa té nước vào những đứa định đến gần... Cái Nhớn vốn là con nhà thuyền chài, sinh ra ở trên thuyền. Khi nó biết bò, mẹ nó buộc sợi dây ngang lưng nó để nó bò quanh sạp thuyền. Lớn thêm chút nữa, nó lặn chầm đi trong khoang, một mình chơi với dòng sông. Nó nghe nhập tâm câu chuyện người lớn kể về con cá lớn ở vực Si đầu bến gỗ. Con cá lớn ẩn mình dưới đáy nước, trải qua bao đời người ta vẫn truyền tụng về nó. Nó là con cá mẹ. Là chúa tể của loài cá, vừa cứu người vừa trừng phạt người, do thế nó cũng là chúa tể của dòng sông. Chưa ai trông thấy con cá lớn, chưa ai biết nó là con cá gì, cá đen hay cá trắng, to lớn đến đâu... Cái Nhớn còn hỉ mũi chưa sạch đã biết theo trẻ con đi vớt củi rêu. Có lần nó mãi đuổi theo khúc củi to, trôi ra xa rồi bị lọt vào vòng nước xoáy. Nó bị cuốn xuống sâu, tưởng chết. Nhưng nó chỉ bị uống no một bụng nước chứ không chết. Sóng sông vớt nó lên bờ cát, nó nôn ọc ra hết nước, nôn đến mặt xanh mặt vàng. Nó nằm ngay đơ trên bãi cát, mắt mở to, thấy mặt trời chói lòa... Cái Nhớn không chết, đấy là điều lạ lùng. Nhưng lạ lùng hơn là cái điều thâm kín xảy ra ngay trong nó. Nó cảm thấy lúc nó bị hút vào giữa xoáy nước, tay nó còn bám vào khúc củi rêu, khúc củi rêu biến thành con cá

lớn nâng đỡ nó. Rồi khúc củi rêu trôi tuột mất nhưng con cá lớn vẫn ở bên nó, mà cũng không hẳn là thế, con cá lớn vẫn nhập vào nó, nó chính là con cá lớn đang vẫy vùng... Con cá lớn vừa là nỗi ám ảnh vừa là niềm khao khát tận đáy sâu tiềm thức của cái Nhón một lần suýt chết vì sông nước và trưởng thành nhờ sông nước. Hễ trông thấy sóng nước vực Si là cái Nhón như người nhập đồng, nó đứng nhún nhảy trên cành si ngả dài, nhảy ùm xuống sông, bơi lặn và vùng vẫy. Cu Cậy đứng trên bờ, nhìn bọn trẻ tắm dưới vực si tìm cách rượt đuổi, vây hãm quanh “con cá lớn” nhưng không sao bắt được nó, thằng bé bỗng sôi nổi lên. Cu Cậy chờ cho cái Nhón, tức là “con cá lớn” bơi lội đã mệt, phải nhoai lên bờ, nó liền chạy ào xuống mép sông, hét tướng lên: Em sẽ bắt được chị! Bắt được con cá lớn! Cái Nhón vượt nước trên mặt, cười khanh khách: A, thằng cu Cậy, hả? Em còn mũi dãi, còn đái dầm, chị thách em! Cái Nhón đã trở lại là con cá lớn, đầu tóc nó ướt rượt, mình trần đen nhẻm, chiếc quần lửng bó sát hai cẳng chân khẳng khiu, nó múa đôi tay trần, né sang bên này rồi bên kia khiến cu Cậy lao đao tóm hụt. Rồi thoát cái nó lùi lại và lại nhảy ùm xuống nước. Mặt nước sủi tăm. Một lúc sau con cá lớn nhô đầu lên ở phía xa, quẫy nhẹ, vừa như rủ rê lại vừa như trêu chọc cu Cậy đứng ngẩn ngơ trên bờ.

Trên đường về, cu Cậy hậm hực nói với lão Û: chị Nhón coi thường cháu. Cháu đâu còn mũi dãi,

còn đái dầm. Cháu nhất định sẽ bắt được chị ấy, rồi ông xem!

Hôm sau, lão Ù lại lên cơn đau đầu. Vẫn là cơn đau âm ỉ, đầu lão nặng như tảng đá, nóng ran và chao lắc mơ hồ trong tiếng kêu u u mơ hồ. Ông lão phải nằm bẹp, mắt mở to rồi lại nhắm nghiền. Cu Cậy quanh quẩn ở nhà, thỉnh thoảng lại đến gần ngó ông lão xem ông lão có cần gì không? Ông lão gỡ cái khăn mặt ướt đắp ngang trán, cái khăn gần như đã khô đi, đưa cho cu Cậy: “Ông không cần đến cái này. Ông không cần gì cả, cháu cứ đi chơi đi!” Lão Ù nằm thêm thiếp, dường như ông lão đã quen dần với cơn đau lý lợm, đến mức không còn cảm thấy đau đớn, chỉ còn cảm thấy tiếng kêu u u mơ hồ và cùng với tiếng u u mơ hồ là những cảnh đời mà ông lão đã trải chập chờn hiện ra. Cuộc mưu sinh đã đưa ông lão đi từ một bến sông, nơi ông lão phải lãnh nhận trận đòn hội chợ, qua các làng mạc và phố xá rồi trở về bến sông này, tuy không phải là bến sông cũ nhưng lại gặp lại được người cũ ông lão từng cứu giúp và bây giờ cứu giúp lại ông. Cái thế giới ông lão từng sống, từng chứng kiến là thế, như xưa nay hằng thế, có hòa hợp và tranh đấu, có thật giả, ngay gian, thương yêu và thù hận. Một thế giới đẹp nhưng luôn bị phá hỏng bởi dục vọng. Về phần ông lão, già rồi, gần đất xa trời rồi, ông lão chỉ mong sao mình được sống và tham dự vào cuộc sống một cách tự nhiên, hồn nhiên như chim muông, cây cỏ... Cu Cậy chơi ở bên ngoài, chốc

chốc lại chạy vào ngó lão Û: Ông ơi, ông có cần cái khăn mặt ướt để đắp lên trán không, để cháu lấy... Lão Û xoay trở, cố nở nụ cười: ồ, không cần đâu. Cháu ông ngoan lắm, cứ để ông nằm im một lát nữa là ông dậy được thôi! Thế rồi lão Û ngồi dậy được thật, cơn đau đầu âm ỉ hành hạ lão đã biến đi, không để lại chút dấu vết gì, đầu ông lão nhẹ tênh, gần như trống rỗng, mở ra cho cái hình ảnh mừng rỡ của thằng cu Cây ulla vào. Cu Cây huyền thiên một hồi rồi bỗng nghênh mặt lên nói: Hôm nay ông mệt, cháu phải ở nhà, không ra ngoài vực Si! Lão Û xoa đầu thằng bé: Ngày mai ông khỏe, ông cháu mình sẽ ra... Thằng bé nháy tâng tâng: Nhất định thế ông nhé. Ra vực Si để bắt con cá lớn. Cháu đã hứa với ông, nhất định cháu sẽ bắt được con cá lớn cho ông xem mà! Đầu óc cu Cây lúc nào cũng quanh quẩn chuyện bắt con cá lớn ngoài vực Si, hễ không nói ra được với lão Û thì nó thâm nghĩ một mình. Đó là giấc mơ của Cây. Giấc mơ trẻ con, vẻ như vô lý nhưng sống động và quyến rũ. Tuy nhiên mấy ngày sau đó lão Û vẫn chưa khỏe lên được, cơn đau đầu cứ đột ngột ập đến, biến đi rồi lại ập đến, chập chờn như ma trơi. Ông lão gượng nói với thằng bé: Ông sắp khỏi đau đầu rồi. Khỏi hẳn. Ông cháu mình sẽ ra vực Si. Nhưng cũng chỉ là nói để an ủi mình và an ủi thằng bé thế thôi.

Buổi chiều hôm ấy trời oi bức lạ thường. Nắng ong ong, vàng đục chợt lóe lên dưới chân mây rồi lại thủ đi. Rồi trời dật tối sầm. Gió nổi lên, cả bên gỗ chìm

trong làn bụi bay mù mịt. Bức thành mây từ trên cao ập xuống, bị xé rách tả tơi. Những hạt mưa đầu tiên của cơn mưa giông, thưa và nặng, gõ lộp bộp trên mái nhà, trên mặt đường, mặt sông. Một lúc sau thì mưa ào ào đổ nước xuống. Cái Nhón xông ra ngoài mưa. Nó cởi trần, chỉ mặc chiếc quần lửng, làn nước mưa quất vào mặt nó, trôi trên người nó làm nó phấn khích. Cái Nhón hét to: A, a, a... Ta là con cá lớn. Con cá lớn đi đón cơn mưa đây! Cu Cậy đang chơi trước hiên nhà, nghe tiếng kêu văng vẳng ngoài xa của cái Nhón cũng trở nên phấn khích. Nó chạy vào trong nhà, đến bên giường lão Û đang nằm, nói vội vã: Ông ơi, con cá lớn... Cháu cũng đi đón cơn mưa để bắt con cá lớn đây! Lão Û khẽ “ờ, ờ...”, nửa tỉnh nửa mê nhưng đối với cu Cậy chỉ cần thế là đủ để nó chạy ra ngoài trời, hứng gió dầm mưa, băng qua lối xóm hướng ra bờ sông.

Lão Û đột nhiên tỉnh thức trong tiếng mưa ào ào không dứt bao quanh nhà. Dường như cơn đau đầu hành hạ ông lão đã chấm dứt từ lâu, đầu óc ông lão trở nên nhẹ nhàng, rành mạch. Thằng cu Cậy đi đâu, giữa cơn mưa gió thế này nhỉ? Ta khỏe rồi, hết đau đầu rồi, ta phải đi tìm thằng bé. Lão Û trườn vuông ni-lông, xông ra ngoài mưa. Ông lão chạy ngược rồi chạy xuôi trên con đường rìa xóm giáp bãi sông. Ông mãi nghĩ đến thằng cu Cậy. Nhưng đúng lúc ấy, cái Nhón lại xuất hiện, nó chạy như bay, gần như đâm sầm vào ông lão: Ông ơi, ông đi đâu? Lão Û cố giữ

vuông ni-lông trước làn gió thốc ngược: Ủ nhỉ, ta đi đâu nhỉ? Ông lão vượt nước mưa trên mặt, cố mở to mắt ra: Mày là cái Nhớn hả? Thế mày đi đâu? Cái Nhớn cảm thấy ánh mắt của lão Ủ không bình thường, vội bấu chặt lấy ông lão, dìu ông lão trở về nhà. Cái Nhớn vừa co kéo ông lão vừa căn nhắc: Trời đang mưa to gió lớn thế này, khéo không ông bị cảm lạnh. Ông lão thì vùng vằng: Không, không sao đâu, tao khỏe lắm... Đến ngõ nhà, đột nhiên thấy thằng cu Cậy chạy ào ra, nó tóm lấy cái Nhớn và hét vang lên: “A, em bắt được chị rồi! Bắt được con cá lớn rồi!” Cái Nhớn cứ để yên cho cu Cậy tóm chặt, giọng nó dịu xuống, gần như thì thầm: Ủ thì em đã bắt được con cá lớn! Bây giờ chị chỉ còn là chị Nhớn của em thôi. Nào, bây giờ chị em mình hãy dìu ông Ủ vào nhà, ông già rồi...

Cu Cậy vui mừng hớn hở vì nó đã thực hiện được cái ước mơ trẻ con, ước mơ bắt được con cá lớn. Nhưng nói cho cùng, ước mơ ấy không trẻ con, nó sống cả trong đầu óc lão Ủ khiến ông lão chống chọi được với cơn đau ma trời âm ỉ, do trận đòn hội chợ hồi nào ông lão còn sống ở bến gỗ dưới hạ lưu./.

N . K

Lễ cưới bạc

TRẦN THÙY MAI

Tòa nhà ba tầng màu trắng, vút hiện ra, chênh vênh trên mỏm đá cao bên bờ biển. Dưới bầu trời màu xám, những chóp mái lợp ngói ardois gọi người ta nghĩ đến một lâu đài nhỏ trong truyện thần tiên.

Đó là khách sạn Biển Mây, nằm lưng chừng trên con đường đèo nối liền hai thành phố. Khi chiếc xe Corona chở ông Vịnh lượn vừa đúng hai vòng dốc núi, người lái xe khẽ liếc sang thủ trưởng, vẻ thăm dò. Bất gặp ánh mắt ấy, ông Vịnh điềm đạm mỉm cười:

- Ông Hạo mời tha thiết quá, đành phải đi. Hôm nay vợ chồng ông ấy tổ chức lễ cưới bạc - Ông ngừng một chút rồi nói như giải thích: lễ kỷ niệm hai mươi lăm năm ngày cưới.

Nói thế là ông muốn người lái xe đừng hiểu lầm: sao một con người vốn nghiêm túc như ông hôm nay lại đến một khách sạn hẻo lánh như thế. Như thói quen của những tài xế xe con, anh chàng này không

hay tọc mạch hỏi chuyện riêng tư của thủ trưởng. Nhưng hôm nay, anh ta không giấu vẻ tò mò:

- Lễ cưới bạc, sao lại phải đến tận đây?

Ông Vịnh lặng yên có ý không bằng lòng. Ông không trả lời, không phải vì trong chuyện này có gì khuất tất mà vì không muốn tạo tiền lệ cho việc lê la thăm hỏi, là cái thói mà ông ghét nhất nơi những người phục vụ.

Thực ra cách đây hai hôm khi ông Hạo nói đến địa điểm này ông Vịnh cũng đã ngần ngại. Ba mươi năm trên con đường quan chức, ông luôn cảnh giác như người đi rừng dè dặt tiến từng bước chân. Những quán hàng, khách sạn nơi xa xôi vắng vẻ thường là những tụ điểm chơi bời, lắm kẻ đã sa hầm sẩy hố, thân bại danh liệt ở đó. “Xin anh đừng nghi ngại gì cả”, ông Hạo tha thiết cố nài. “Toà khách sạn đó là của gia đình em, vì vậy kỷ niệm ngày cưới chúng em mới tổ chức ở đây. Tụi em kinh doanh hàng hoàng, tất cả nhân viên đều là nam, tuyệt đối không có đàn bà con gái”.



Chiếc xe vượt qua thêm một con dốc rồi tiến sát tòa nhà. Trước thêm một cây hoàng hậu tỏa bóng, hoa nở lác đác những đốm hồng in lên nền trời xám.

Một thanh niên chừng hai mươi lăm tuổi từ quầy lễ tân bước ra, mở cửa xe đón ông Vịnh bước xuống. Dù trên mặt không lộ vẻ gì, nhưng thâm tâm ông hài

lòng vì cử chỉ lễ phép của chàng trai. Đây lẽ ra là việc mà người lái xe của ông phải làm, nhưng y chẳng bao giờ nghĩ tới, mà ông thì không tiện nhắc. Vừa đi vào, ông vừa ngỏ lời thăm hỏi người phục vụ trẻ tuổi, và tỏ vẻ úy lạo khi biết vào mùa hè phần lớn người làm trong khách sạn là sinh viên nghèo làm thêm để kiếm tiền học phí.

Đại sảnh của khách sạn trông có vẻ hơi kỳ dị với bốn bức vách cao ốp đá, một thứ đá hoa cương mọc mọc tạo cho người ta cảm giác hoang dã như trong một hang động thiên nhiên. Từ những kẽ vách, dây vạn niên thanh mọc ra, leo bám thành những vệt xanh tươi trên nền đá xám.

Ông Hạo từ trên cầu thang bước xuống, dang rộng tay, rối rít vì mừng. Khuôn mặt vuông vức, thân hình cũng đậm, thấp, vẻ niềm nở của ông làm ông Vịnh thực sự cảm động. Đã đành chữ ký của ông hôm qua đã giúp ông Hạo thầu được một công trình đáng giá. Đành rằng chuyện mời mọc để cảm ơn là một chuyện thường tình. Bao nhiêu năm nay, nhiều người muốn tranh thủ ông đã cố mời ông đến những nơi xa xỉ, hứa hẹn những thú vui kín đáo và đặc biệt, ông đều gạt phắt đi. Lần này, ông Hạo không thể. Ông ta bộc lộ một tình cảm chất phác, muốn chia sẻ với ông một niềm vui. Hình ảnh bữa cơm tối nơi một tòa nhà yên tĩnh, với đôi vợ chồng tóc đã hoa râm mà còn thương yêu gắn bó và trân trọng một ngày kỷ niệm. Ấn tượng xúc động ấy làm ông Vịnh không thể chối từ.

Chủ và khách cùng nhau ngồi vào bộ xa lông êm ái bọc nhung lốm đốm hình da báo. Ông Vịnh nhìn quanh:

- Phu nhân đâu?

Ông Hạo kính cẩn: “Dạ, nhà em đang chuẩn bị mấy món ăn đặc biệt”. “Bày vẽ làm gì?” Ông Vịnh nói với giọng từ tốn thương lệ. Ông ngược lên nhìn bức tranh trên vách. Trong tranh là một thiếu nữ trong bộ áo cưới trắng, với một vành hoa trắng trên trán. Một vẻ đẹp thủy mị thánh thiện, với phần vai và ngực khuất trong chiếc khăn cưới bằng sa dày và mềm.

“Đẹp phải không anh? - Ông Hạo cười - Nhưng là hai mươi lăm năm trước thôi. Bây giờ thì già rồi!”

Ông Vịnh không nói. Cô gái trong tranh đang nhìn ông. Nụ cười của cô dâu ngày cưới rạng rỡ và hạnh phúc, tương phản với vẻ mặt ông Vịnh đang nhìn cô, im lìm, vô cảm.



Ông Hạo nói vợ mình đang ở dưới bếp là cốt ý tôn ông khách lên, tỏ rõ niềm quý trọng của gia đình mình. Chứ thực ra bà Hạo chẳng hề nhìn nhõi gì đến bữa tiệc, bà giao cả cho người làm. Lúc này bà đang giam mình trong phòng, ánh mắt uể oải nhìn qua cửa sổ, nơi có trời, biển và những đám mây tím hồng phản chiếu ánh mặt trời thoi thóp.

Có tiếng gõ cửa, rồi chàng trai ở quây lễ tân bước vào, tay cầm một bó hoa lưu ly trắng kết với lá bướm

bạc lấp lánh. “Ông chủ mời ra chào khách, mọi thứ đã chuẩn bị xong”. Chàng ta đặt bó hoa vào tay bà chủ. Người đàn bà khẽ vuốt ve mấy cánh hoa trắng mịn.

“Hoa trong rừng, chỗ cuối đường hầm”.

Người đàn bà gật đầu vẻ cảm ơn, nhưng hình như không còn thời gian để quan tâm đến hoa lá, bà đặt chúng lên bàn phấn. Mặt bà lộ rõ vẻ miễn cưỡng:

- Hôm nay lại tiếp ông nào nữa?

Chàng trai yên lặng. Bà Hạo ra hiệu cho anh ta lui, rồi đến ngồi trước gương.

Người đàn bà nhìn thấy mình, với gương mặt sắp tới bốn mươi. Đôi mắt đen và to, phảng phất vẻ buồn mệt mỏi và ngơ ngác thường thấy trên dung nhan những người đàn bà cùng lứa tuổi. Nhìn kỹ chiếc áo đang mặc trên người, bà cảm thấy không an tâm, liền khoác lên vai một chiếc khăn san rất dày, che kín nửa thân trên. Có tiếng cửa mở. Ông Hạo đi vào, thấy vợ, ông lùi lại một bước để nhìn cho kỹ, rồi bước đến, dứt khoát lột chiếc khăn san ra, vứt xuống giường. Thấy bà tỏ ý cưỡng lại, ông nói với vẻ mơn trớn:

- Khoác cái khăn bà già này thì còn gì là Kiều Dung nữa?

Kiều Dung hình như không dám cãi chồng, nhưng nàng không thoải mái, cứ quay lui quay tới nhìn mình trong gương. Chiếc áo bằng sa mỏng có thêu những bông hoa lấm tấm trắng, nổi rõ bộ ngực có thể nói là quá lớn, làm nàng cảm thấy ngượng ngùng và khổ sở. Từ khi mới dậy thì, nàng đã sớm nhận ra sự

nảy nổ quá mức của mình, và cảm nhận điều đó như một dị tật. Bộ ngực lớn làm nàng thường xuyên bị bọn vô lại trêu chọc khi ra đường, làm cho nàng không có được sự thanh mảnh khi mặc áo dài đi học; mỗi lần lên nhà thờ xem lễ, cũng vì nó mà cha xứ lảng tránh không nói chuyện với nàng như với các bạn gái khác trong giáo xứ. Đến khi lấy chồng, chồng nàng luôn chế giễu bộ ngực lớn của vợ, khiến mặc cảm của nàng càng sâu đậm hơn; ông ta luôn bắt nàng mặc những chiếc áo dày kín tận cổ, vì vậy hôm nay nàng không khỏi ngạc nhiên khi chồng nàng đưa tận tay món quà đặc biệt: chiếc áo mỏng manh mà thường ngày nếu nàng có cả gan khoác lên người, thế nào ông cũng trừng mắt kêu lên: “Tội lỗi!”.

“Này mình, hình như mình nhớ lắm rồi. Chúng mình cưới nhau đâu đã đến hai mươi lăm năm? Mình cứ nghĩ xem, không lẽ em lấy mình từ khi mười ba tuổi?”

Ông Hạo nghiêm mặt: “Đừng thắc mắc. Tôi đã bảo, hôm nay là lễ cưới bạc của mình”.

Dường như đã quen phục tùng, Kiều Dung không nói gì nữa. Nàng lẳng lặng vịn vào tay chồng, bước theo ông ra chào khách.



Bàn tiệc được đặt trên một khoảng sân lát đá ngay trước dãy phòng; mảnh sân được một hàng lan can bao bọc, trông giống như một bao lơn chồm ra trên

mỏm đá cao, hứng gió biển khơi.

Dưới xa kia, thủy triều đang lên.

Kiều Dung ngồi bên chồng, tay nàng níu những sợi tóc bị gió biển thổi tung trước mặt. Ông Vịnh rửa mặt xong bước ra khỏi căn phòng đặc biệt dành cho khách, tiến về phía bàn tiệc. Kiều Dung ngẩng lên chào. Nàng nhìn ông khách, hai mắt long lanh, khuôn mặt đỏ ửng lên. Với cái vẻ núng nính sẵn có trên đôi má và dáng người, lúc này nàng trông như một quả táo chín.

Ông Vịnh nhận ra ngay: người đàn bà của buổi tiệc không có gì giống với hình ảnh người vợ già mà ông đã có sẵn trong tưởng tượng khi nhận lời đến dự lễ cưới bạc. Nhưng ông không tỏ vẻ ngạc nhiên; ông chỉ chào Kiều Dung rất chừng mực rồi ngồi yên nhìn nàng trong lúc ông Hạo thao thao bất tuyệt những lời chào mừng rôm rả. Dù sao ngồi cùng bàn với một phụ nữ khả ái cũng dễ chịu. Phụ nữ, thứ mà những người như ông vừa né tránh vừa ao ước. Ông ngồi trước cốc rượu nho, lặng lẽ nhấp từng ngụm và cảm nhận từng giọt ấm áp lan toả trong mình.

Gió thổi ào ào từ ngoài khơi xa, ánh sáng buổi chiều đã tắt hẳn. Dưới kia, tiếng sóng vỗ mạnh vào kè đá báo hiệu thủy triều đang lên. Ông Hạo mở sâm banh, vòi rượu trắng vụt lên, sủi bọt. “Đây chỉ là khúc nhạc dạo đầu. Báo cáo anh, hôm nay em đã dành một chai rượu cực quý. Rượu sâm chẳng có chi là lạ. Nhưng đây là một củ sâm trăm năm, chính tay

em xách từ Seoul về, còn dính bùn đất. Thế rồi chùi rửa, ngâm tẩm cho vào rượu hảo hạng, đã năm năm trời. Em đã chủ ý để dành cho ngày hôm nay”. Nghe ông Hạo nói, vẻ hài lòng hiện ra trên mặt ông Vịnh. Từ ngày vợ mất, các con đi du học, ngoài công việc ông chỉ có thú vui là chiều chiều uống vài ba chén. Bởi cương vị không cho phép ăn nhậu bữa bãi, ông Vịnh rất ít khi cùng uống với ai; rượu ông uống cũng kén, toàn là mỹ tửu. Đón ý khách, ông Hạo lập tức vào phòng. Một lát sau, ông quay ra:

- Minh ơi! Minh có quên chai rượu quý của tôi không?

- Em để ngay túi xách - Kiều Dung đáp, thờ thẩn như đang nghĩ tẩn đầu đầu.

Ông Hạo chìa cái túi đã cầm sẵn nơi tay, trong túi chẳng có gì ngoài mấy cuốn tiểu thuyết và bộ áo ngủ của vợ ông. Kiều Dung giật mình sợ hãi, nàng nói với vẻ chống chế: “Sao lại thế này được? Lúc mình chở em lên đèo, em kẹp kỹ túi xách, cái chai vẫn còn đựng vào tay em”.

Ông Hạo vẻ cố nén: “Thôi mình ơi, lại cái trí nhớ vợ vẫn của mình! - Quay sang ông Vịnh, ông xoa xoa hai bàn tay: Em quay về lấy ngay. Cao lắm là ba mươi phút!”

Ông Vịnh nhăm tẩn, ba con dốc, một đèo phụ, thêm mười cây số. “Ông đến đây bằng gì?” “Xe Spacy. Hôm nay hai vợ chồng em đi xe hai bánh để ôn lại thời... tuổi trẻ”. “Trời chiều rồi. Để tôi bảo Bồn lái xe đưa anh đi cho an toàn, mà lại nhanh”. Ông Vịnh gọi

người lái xe. Một phút sau, ông Hạo và Bồn lên chiếc Corona, vụt nhanh xuống bên kia con dốc.

Kiều Dung nghe rõ lời chồng dặn: “Tiếp chuyện anh Vịnh giúp anh”, nhưng nàng chẳng có vẻ gì sốt sắng. Còn lại một mình với tư cách chủ nhà, nhưng nàng chẳng đứng dậy rót rượu, cũng chẳng hề gọi chuyện. Dù vậy cũng chẳng phải nàng thờ ơ hay bình thản. Nàng bút rút, nhấp nhúm; cố giấu tâm trạng thực của mình, nàng cứ lẳng lặng nhìn ra khoảng trời mênh mông ngoài biển, đang dần ngả màu lam thẫm, màu xám rồi cuối cùng đen như nhung.

Dưới ánh sáng huyền hoặc của ngọn đèn lút sâu trong một hộc đá trên vách, người đàn bà hiện ra, lung linh, gợi cảm. Những dấu vết chớm hiện của tuổi trung niên đã bị bóng đêm hư ảo xóa nhòa. Thái độ thiếu tự nhiên của Kiều Dung lúc ấy cũng đượm vẻ quyến rũ, diễm lệ. Vì thế ông Vịnh ngồi lặng lẽ như bị thôi miên trong một lúc, không cảm thấy phiền lòng vì cách tiếp đãi có thể nói là bất lịch sự của người chủ kỳ lạ này.

Dù vậy ông Vịnh cũng còn đủ tỉnh trí để sực nhớ ra là ông Hạo đã đi quá lâu. Ông đưa điện thoại lên, bấm máy gọi Bồn. Bên tai ông là tiếng của Bồn chứ được chữ mất vì sóng không ổn định. Ông chẳng nghe rõ gì ngoài tiếng gõ đập đầu đó vang lên. Ông tắt máy, chuông lại đổ. Lần này sóng từ chiếc máy cực tốt của ông Hạo phát ra rất mạnh. “Báo cáo anh, rủi quá xe bị hỏng ngay dưới chân đèo phụ. Bọn em

đang cố gắng để kịp trở về". Tiếng Bốn cầm lấy máy của ông Hạo. "Không thể nào về được đâu, chịu thôi anh ạ. Đêm nay cầm chắc là phải ngủ trong xe. Xui quấy thật!".

Thế là ông Hạo sẽ vắng mặt ít nhất đến sáng mai. Ông Vịnh bất giác rung mình.



Ông Hạo và Bốn nằm thư giãn trên hai chiếc ghế bố trên sân một nhà trọ ven biển. Giữa hai người là chiếc bàn nhỏ với chai Martell và hai ly rượu đang dần vơi.

Phía trên cao kia là trời đêm quang đãng, những vì sao càng lúc càng sáng hơn với dải ngân hà trắng nuột.

Bốn cầm cái chìa khoá gõ vào cái mở rượu bằng inox, hai vật chạm nhau phát ra những tiếng vang khô khốc, tuy nhỏ nhưng khi truyền qua điện thoại di động cũng đủ cho người ta tưởng lầm là tiếng búa gõ đập lúc đang hì hục sửa xe. Nghe lại một lần nữa trò nhại rất thành công của mình, Bốn phá ra cười khoái trá. Ông Hạo lim dim mắt:

- Người ta bảo ai cũng có gót chân Asin, riêng hẳn ta không có.

- Gót chân Asin?

- Là ý người ta nói chỗ hiểm, chỗ dễ tấn công.

Bốn bĩu môi:

- Để xem - Y cười - Đây, tôi không ngờ đoạn đầu

màn kịch lại trót lọt dễ dàng như thế. Đến giờ, ông ta vẫn cứ tưởng tôi với ông mới gặp nhau lần đầu. Còn đến mai...

Bồn bỏ lửng câu nói. Ngày mai dù ông Vịnh biết hay không cũng chẳng quan trọng gì nữa. “Lúc này ông gắn máy quay phim ở đâu?” “Hướng ngay vào bàn tiệc”. Ông Hạo trả lời. Bồn tặc lưỡi:

- Sao không gắn ngay trong phòng?

- Phòng ai? Ông Hạo hỏi, giọng hơi cáu.

- Thì phòng dành cho hấn - Vẻ mặt Bồn khoái trá, y vừa nói, vừa tưởng tượng vừa rung đùi liên tục.

“Anh lầm rồi - Giọng ông Hạo khô khốc. Còn khuya mới có chuyện vợ tôi bước chân vào đó. Nhìn vẻ ngoài phổng phao, người ta cứ tưởng bà ấy là người ham mê nhục dục. Thực ra bà ấy hơi dằn, nhưng rất đoan chính. Phen này lão Vịnh dễ xơi vãi cái tát lắm. Tôi mà không tin chắc thế thì chẳng bao giờ ngu dại đi bày cái trò chơi nguy hiểm này.”

Bồn hơi cụt hứng, y không nói nữa, chỉ lặng yên, vẻ hoài nghi. Ông Hạo cố xua tan vẻ cau có vừa hiện ra trên mặt. Ông tự động viên mình bằng cách ôn lại mớ kiến thức sinh học về phụ nữ: Kiều Dung da mịn, ngực nở khác thường là vì lượng nội tiết tố nữ trong người nàng dồi dào một cách đột biến. Ngực nở nhưng môi không dày, chứng tỏ testosthérone trong người nàng quá ít, đó là lý do khiến Kiều Dung trở thành một con người uể oải, nhường nhịn, thụ động và - điều này chỉ một mình ông biết - luôn

lãnh cảm trong chuyện gối chăn.

“Hỏi thực ông nhé, sếp Phan hứa với ông điều gì để ông chịu đưa vợ ông đến kê miệng cộp như vậy?” Bốn hỏi. Ông Hạo cười, tiếng cười của ông nghe ngằn ngặt như tiếng trẻ khóc đêm, với khuôn mặt dúm dỏ của anh hà tiện đang phải ép ruột bỏ tiền ra mua một thứ mà anh ta quá thích:

- Tôi chưa hỏi anh. Ông ấy trả cho anh bao nhiêu để anh chịu đưa thông lọng vào cổ chủ anh?

Bốn cũng cười, tiếng cười y giòn giã và mạnh mẽ hơn nhiều. “Tôi theo ông Vịnh đã năm năm, ông ấy đối với tôi không tồi. Nhưng tôi sùng bái sếp Phan. Ông ấy luôn thắng trong mọi cuộc đua”.



Trên bao lơn nhìn ra biển của khách sạn Biển Mây, cũng là vòm trời sao ấy và giải ngân hà trắng nuột ấy.

Ông Vịnh đã thực sự chìm vào cảm giác lâng lâng dịu êm như càng lúc càng lún sâu vào một vực nhưng. Nhưng khi nhận được cuộc điện của Bốn báo là suốt đêm sẽ không quay lại, linh tính của người đi rừng bỗng trỗi dậy. Có điều gì hơi khác thường. Ông bắt đầu cảm thấy một thứ cạm bẫy nào đó. Vì vậy ông vội uống cạn ly rượu, chào Kiều Dung rất vội vã và nhanh chóng rút lui vào căn phòng dành cho mình.

Trái lại, từ lúc bập bõm nghe rằng hai người đàn ông kia không quay trở lại trước khi trời sáng, Kiều

Dung như tỉnh hẳn người. Vẻ bút rút nhấp nhồm không còn nữa, nàng ngồi yên, vẻ như đang quyết định một điều gì đấy rất trọng đại. Ông Vịnh đã rút vào phòng từ lâu, nàng vẫn còn ngồi trơ vợ một mình trước bàn tiệc.

Trong phòng, ông Vịnh không hề ngồi yên, ông đi tới đi lui, chân nện những bước khùng điên trên nền gạch bóng. Thân thể nóng và đầu lạnh, sự dằng xé ấy làm ông thực sự hoảng loạn. Người đàn bà với đặc điểm nữ tính lồ lộ, với vẻ ngơ ngác đại dột như một thứ men lạ làm thành sức quyến rũ ma quái. Nhưng may thay ma quái đã không còn trong tầm mắt; chỉ cần không nhìn thấy, thì rồi cơn khủng hoảng sẽ dịu xuống, sẽ qua đi... Tất cả như một cơn đau răng dữ dội, rồi sẽ dịu dần...

Giữa lúc ông Vịnh đang an tâm với những ý nghĩ ấy thì có tiếng gõ cửa, rồi tiếng nói hỗn hển của Kiều Dung:

- Mở cửa cho tôi vào đi! Cho tôi vào, ông Vịnh ơi!

Ông Vịnh càng cố lặng im thì người đàn bà càng gõ mạnh, rồi có tiếng lay dầm cửa, tiếng cào cửa, và giọng nói ngoài kia càng khẩn thiết:

- Mở cửa cho tôi đi! Ông tưởng tôi không nhận ra ông sao?

Ông Vịnh kêu lên như vừa trúng một mũi tên. Không, ông đã nhận ra nàng từ khi nhìn bức tranh vẽ cô dâu trong đại sảnh. Ông cố lạnh lùng, mong rằng nàng sẽ không nhận ra ông. Nhưng vô ích. Ông

đã bị nhận diện rồi. Giờ đây, lẩn tránh chỉ có nghĩa là hèn nhát.

Ông mở hé cửa để bước ra, nhưng người đàn bà đã hối hả lách mình tuôn vào. Một mùi thơm gây gây nồng nàn làm ông Vịnh choáng váng. Thân thể nàng ấm và mềm mại, đầy ắp trong tay ông. Một thứ phép lạ của quỷ làm những thành trì trong ông sụp đổ, dữ dội như núi lở.

Kiều Dung òa khóc, nàng đưa hai tay cố nâng mặt ông Vịnh lên bởi lúc đó khuôn mặt ông Vịnh đang vùi sâu vào ngực nàng với một sức mạnh mê muội. Đó là sức mạnh bùng nổ của khoảnh khắc hiện tại. Nhưng ý muốn đối mặt với dĩ vãng nơi Kiều Dung mạnh hơn; cuối cùng nàng cũng nâng được khuôn mặt đối khát ấy lên, mắt nàng biểu lộ nỗi xót thương vô hạn. “Anh biết không, mười sáu năm rồi, em luôn mong gặp lại anh. Em muốn hỏi anh một câu, một câu thôi!”

Ông Vịnh chẳng nghe thấy gì, cứ muốn lôi Kiều Dung đến bên giường. Nhưng nàng uốn mình đẩy ông ra: vẻ mặt nàng nghiêm trang và quan trọng đến nỗi người đàn ông đành phải dừng lại: “Em muốn gì? Nói đi, nhanh lên!” Ông Vịnh gắng gượng hỏi, mặt ngầy ra, lừ đừ như ăn phải một thứ ngải mê.

“Em muốn biết ngày ấy có đúng là anh đã ghi nguyện vọng khác với nguyện vọng của em không? Mười sáu năm nay em cứ trăn trở hoài vì câu hỏi ấy”. Kiều Dung nhìn thẳng vào mắt ông Vịnh. Đôi mắt nàng mở to như một tấm gương mời gọi ông Vịnh soi

vào để nhìn thấu dĩ vãng của mình.

Hồi ấy ông yêu Kiều Dung, rất yêu. Nàng cũng yêu ông còn hơn thế. Xuất thân giàu có, nàng ngưỡng mộ anh sinh viên nghèo luôn đội mũ bê-rê, mặc áo sơ-mi bạc màu và mơ ước trở thành Paven Coocsaghin. Khi đó với Kiều Dung, Vịnh là bạn, là người yêu, là thầy, là người hoa tiêu cầm lái vạch ra những phương hướng của đời nàng.

Khi sắp ra trường, cả hai bàn tính sẽ cùng lên phục vụ ở miền núi, theo đúng lý tưởng mà họ ôm ấp: cùng hiến mình cho những người nghèo khổ ở nơi hẻo lánh ấy.

Kết quả về nhiệm sở hoàn toàn không giống mong ước của họ. Kiều Dung được giữ lại thành phố. Còn Vịnh sẽ về một miền đồng bằng ở phía nam. Có vẻ như số phận khiến họ phải xa nhau. Nhưng hồi ấy Kiều Dung không tin ở số phận, nàng đến phòng tổ chức xin đi xa để được về một nơi. “Chúng em sẽ cưới nhau, muốn đến bất cứ đâu cũng được, miễn là cùng đi với nhau”. Nàng nói. Người ta đồng ý chiều theo nguyện vọng của nàng.

Nhưng khi người thủ thư lật hồ sơ ra, anh ta cho biết chỉ có Kiều Dung ghi nguyện vọng lên miền núi. Còn trong hồ sơ của Vịnh, chính tay anh ghi nguyện vọng là về đồng bằng Nam bộ.

Hóa ra anh ta đã âm thầm tìm cách lìa xa nàng. Và cái giấc mơ hiến mình cho những cư dân miền núi xa xôi, anh chỉ vạch ra cho một mình nàng mà thôi.

Kiều Dung bị sốc nặng. Nàng không bao giờ gặp Vĩnh nữa. Một năm sau nàng lấy chồng.



Bây giờ nàng vừa cố gắng đẩy ông Vĩnh ra, vừa khẩn khoản:

- Nói cho em biết đi. Em phát điên vì hối hận. Lẽ ra em phải hỏi anh một lần, có thực như thế không?

Ông Vĩnh phều phào:

- Em muốn hỏi gì? Cái gì có thực?

- Có thực anh đã phản bội em, hay đấy chỉ là sự dối trá của người thủ thư. Sau này em mới biết hẳn cũng thích em, chính vì vậy em mới được giữ lại thành phố.

Ai mà không thích Kiều Dung, nhất là cái thời nàng mới hơn hai mươi tuổi. Vẻ khờ khạo dễ thương của nàng, làn da trắng như sữa của nàng, vẻ người mềm mại và sexy của nàng. Nàng là giấc mơ ngọt ngào của ông Vĩnh thời trai trẻ. Nhưng quả thực ông đã quyết định rời bỏ nàng. Nàng thuộc thành phần xuất thân không lợi cho sự tiến thân của ông. Vẻ quyến rũ và của hồi môn của nàng không thể đánh đổ ông, dù khi đó ông còn nghèo, rất nghèo, và rất yêu nàng. Ông muốn tự mình làm sự nghiệp của mình, muốn tỏ ra mình là một người anh hùng cứng rắn.

Quyết định của ông khi ấy, dù là kết quả của một ý chí sắt đá hay một sự tính toán quá lạnh lùng,

cũng không dễ nói ra với nàng. Giờ đây, càng chẳng phải lúc để nói. Nàng lắc mạnh vai ông, nàng vật vã: “Nói đi anh, nói đi, nói đi!”

Ông Vịnh cứ loay hoay tìm cách kéo nàng vào lòng. “Kiều Dung, anh nhớ em, nhớ điên cuồng suốt bao nhiêu năm”. Ông nói. Nhưng nàng vẫn dai dẳng không chịu cho ông lảng tránh. Cuối cùng ông nói bừa - Ông biết, phụ nữ họ chỉ tin điều họ muốn tin. “Kiều Dung đừng nghe ai cả, chỉ nghe trái tim em thôi. Em biết rõ anh không phản bội em”.

Như chỉ chờ có thế, Kiều Dung khóc nức lên. Nàng đau đớn tự nhiên mình: “Em đã biết mà. Chỉ vì vội vã mà em phải trả giá mười lăm năm địa ngục. Không ngày nào em không mong đợi cái ngày này. Mình đi thôi, đi đi anh!”

Tai ông Vịnh ù lên. Ông chẳng còn thấy gì ngoài bộ ngực mịn màng của Kiều Dung đang ở kề trước mặt ông. Ông cúi xuống, mê mẩn gục đầu vào đó như con thú khát nước vục đầu vào dòng suối. Kiều Dung thốn thức, một lần nữa nàng lại đẩy ông ra, chỉ cho ông thấy cái khóa nhạc nhỏ xíu bằng vàng tây nơi sợi dây chuyền dưới cổ:

- Anh thấy không, bao năm qua em vẫn mang cái khóa nhạc anh tặng em hồi ấy.

Ông Vịnh không để ý cái khóa nhạc, vì ông đã quên nó từ lâu rồi. Giờ đây điều duy nhất quan trọng là ôm được Kiều Dung vào lòng, rồi sau đó ra sao thì ra. Nhưng Kiều Dung cứ rề rà dai dẳng mãi với

những điều nàng ôm ấp trong đầu: “Đem em đi - Em không muốn sống nơi đây thêm một ngày nào nữa”.

Ông Vịnh tuy mê man nhưng trí óc vẫn còn lại một góc tỉnh táo cố hữu, ông nhắm mắt, lẩm bẩm: “Em nói gì thế? Việc gì phải thế, ra tòa, hầu kiện, những việc đó chẳng hay ho gì, nhất là với anh bây giờ”. Kiều Dung giẫm chân: “Anh nói gì thế? Cần gì phải ra tòa. Ta nói với nhau một lời thôi, em cởi chiếc nhẫn cưới này để lại rồi đi...” Ông Vịnh cắt ngang, hồi hã: “Đừng em. Đừng nói những chuyện nông cuồng đó nữa, mình đều lớn cả rồi. Đến đây em, nhanh lên, không trời sẽ sáng mất...”

Kiều Dung chững lại, rồi bất thần nàng tát mạnh vào mặt ông Vịnh. “Đồ hèn! Đủ hiểu rồi, anh đã nói dối tôi!”

Hai cái tát đau như kích thích bản năng đàn ông từ lâu bị giam giữ trong người ông Vịnh. Ông ta dữ dội như con thú sống chuồng, nắm lấy hai vai Kiều Dung đè xuống giường. Kiều Dung hét lên, cố gắng ngóc đầu cắn vào tay ông Vịnh. Nhưng ông ta đã lấy cái gối đè lên miệng nàng.

Kiều Dung quấy đập lung tung, nhưng rồi nàng xuôi dần như con chim bị bóp nghẹt, hai chân xuôi xuống, rũ liệt. Ông Vịnh quăng cái gối qua một bên, cúi xuống...

Vừa lúc đó cửa phòng bật mở. Một vật cứng nện vào đầu ông Vịnh. Ông ta la lên một tiếng, đổ vật xuống bên người đàn bà đang nằm mê man.

Vào khoảng hai giờ sáng, một cơn mưa dữ dội trút xuống. Gió quay tít, những dòng suối theo nhau chảy từ cao xuống những ô kính trắng mờ.

Kiều Dung mở mắt. Nàng thấy mình đang nằm trên ghế sofa, một cái chăn phủ đến tận cằm. Cảm giác đầu tiên của nàng là sợ hãi. Nàng kêu lên run rẩy, hai tay đưa ra như chống đỡ.

“Đừng sợ. Có tôi đây, tôi không cho ai đụng đến chị đâu”.

Hai bàn tay đưa ra nắm lấy tay nàng kéo xuống, dịu dàng đặt chúng vào trong chăn. Kiều Dung nhìn một lúc vào cái bóng nhòe đang cúi xuống bên mình. Rồi nàng khẽ nghiêng đầu sang bên, và nhìn thấy bó hoa lưu ly trắng kết với lá bướm bạc.

Nàng đang ở trong phòng mình. Sự thất vọng, nỗi ê chề như chìm đắm trái tim nàng, nàng lặng lẽ nhìn sang bên và khóc.

Chàng trai cuống quýt chùi những dòng nước mắt.

Chàng nói như vỗ về: “Đừng buồn nữa. Ông ta chẳng sao đâu, có ai chết vì chảy máu mũi đâu. Tôi đã đặt lão nằm ngay ngắn trên giường, lát nữa tỉnh dậy thì lão đã dịu cơn điên, có thể sắm vai đạo mạo được rồi”.

Kiều Dung lắc đầu:

- Tôi không quan tâm đến y nữa. Chính ơi, trời đang mưa phải không?

- Mưa đang thưa dần, trời sắp tạnh..

- Anh giúp tôi ngồi dậy đi. Tôi muốn đi, đi khỏi chỗ này.

“Chị cứ nằm yên, tỉnh lại đi.”

“Tôi có mê đâu, tôi rất tỉnh - Kiều Dung nhồm người dậy, bỗng nhiên nàng cười khanh khách, đau đớn: - Ông Hạo ấy à, anh biết không? Ông ấy tưởng tôi điên. Thực ra tôi đã giả ngu, giả dại được mười mấy năm là vì tôi nghĩ, thế nào cũng có ngày tôi gặp lại Vĩnh, ngày ấy tôi sẽ ra đi”.

Nàng đứng vụt lên, tấm chăn rơi xuống đất. Giờ đây Kiều Dung đứng đó trong tấm áo bằng sa trắng mềm và rũ, không còn vẻ ngượng ngập và che giấu. “Chỉ sau ngày cưới mấy tuần, tôi nhận ra mình đã phạm sai lầm kinh khủng nhất trong đời mình. Tôi không sinh nở, không phải vì tôi lãnh cảm như hán tưởng, mà vì tôi biết cuộc sống ở đây chỉ là sống tạm mà thôi”.

Nàng băng mình lao đảo vụt ra phòng khách về phía chân cầu thang cuốn. Chàng trai chạy theo níu lấy nàng, khẩn khoản:

“Chị đi đâu? Chị quay lại đi” - Chàng gần như van nài. Nhưng Kiều Dung bỗng mạnh mẽ khác thường, nàng vùng ra và xô vào cánh cửa dưới hốc cầu thang. Cửa mở, để lộ một con đường ngấm với những bậc thang chúi xuống dưới lòng đất đá. Với hai bàn chân trần, nàng chạy xuống những bậc cấp. “Cậu cứ mặc tôi!” Nàng la lên khi thấy Chính chạy theo mình, hối hả. “Được rồi, tôi đi với chị. Tôi không để chị một

mình đâu!”

Con đường hầm không dài lắm, đây là lối để người ta chở những đồ ăn thức uống và những đồ vật nặng nề vào tòa nhà từ một bến thuyền khuất trong những mỏm đá ven biển. Thấy Kiều Dung loạng choạng trên lối đi, Chính chạy tới đỡ lấy nàng. Cơn mưa đã dứt. Khi họ ra đến cửa hầm, cái bến nhỏ và con thuyền hiện ra trong bóng đêm. Chính đỡ Kiều Dung trèo lên một mô đá trên cao. Cả hai ngồi chờ sáng. Chung quanh phiến đá rộng, lá bướm bạc mọc chi chít bên nhau, phủ kín các sườn đồi chênh vênh. Rất xa dưới chân họ là mặt nước xanh xám với những gợn thủy triều đang rút xuống. Trên cao, một cành cây chìa ra khoảng không, những dây lưu ly quăn quít nở đầy hoa trắng, tỏa mùi thơm ngọt trong không khí ẩm ướt của bầu trời sau cơn mưa.

Kiều Dung đưa bàn tay đẹp lên, nàng tháo chiếc nhẫn cưới và lạnh lùng ném xuống biển. Rồi nàng đưa hai tay luồn vào mái tóc sau gáy, tháo luôn sợi dây chuyền mang hình khóa nhạc, ném luôn; những vật bé nhỏ ấy rơi vào khoảng không như những hạt bụi bay đi, không dấu tích. Đây là những cái xiềng, một cái giam giữ xác thân nàng, một cái giam giữ linh hồn nàng. Ngày hôm nay những vật ấy đã mất hết phép thiêng; nàng trút bỏ nó, lấy lại tự do và cuộc sống.

Chính ngồi ngậy ra nhìn nàng. Giờ đây nàng muốn làm gì thì làm, anh không cản nữa. Vì nàng đã

ở một nơi an toàn, trong tầm mắt của anh. Chưa bao giờ nàng ở gần anh như thế. Những lần anh ghé mắt qua lỗ khóa để nhìn nàng trong đêm, anh thấy nàng xa cách biết bao. Nàng ngủ với giấc mộng chập chờn, luôn giật mình, có lúc nàng ú ớ nói mê, lúc nào cũng như đang thét lên những lời kêu cứu thất thanh. Những lúc đó anh cảm thấy mình đau đớn, muốn lay gọi nàng, trấn an nàng nhưng không thể. Ngoài Kiều Dung, anh là người duy nhất biết được nụ cười rạng rỡ trên bức tranh kia không phải là của nàng. Bởi anh biết nàng có chiếc răng khểnh mà người trong tranh thì không. Nụ cười ấy chỉ là sản phẩm lắp ghép của người thợ vẽ tranh khôn ngoan muốn mua lòng ông chủ.

Bây giờ thì nàng đang cười, nụ cười thực của nàng. Anh muốn đưa hai tay nâng cằm nàng và ôm nụ cười ấy vào lòng. Nhưng không, anh muốn có sính lễ dành cho nàng. Chính đứng đây, với tay hái những dây lưu ly trên cao, đan chúng thành một vành hoa trắng. Anh đặt nó lên đầu Kiều Dung. Nàng ngồi đó trước mặt anh, với chiếc áo sa trắng mịn màng và vòng hoa tỏa thơm trên trán.

Mặt trời nhắc mình lên khỏi đường chân trời ngoài biển đông. Sau đêm mưa, trời rất trong, ngọn gió cũng ấm áp, dịu dàng. Cả thảm lá bướm bạc phủ kín một vùng, óng ả, mượt mà dưới nắng.

Những giấc mơ khủng khiếp đã lùi xa. Giờ đây trên đầu họ chỉ có trời, mệnh mệnh và rất xanh.



Tám giờ sáng, ông Vĩnh tỉnh dậy trong căn phòng bừa bộn. Ông thấy đầu đau nhói, từ phía trong có tiếng âm ỷ như sóng vỗ. Tuy vậy, trí nhớ ông vẫn tốt, ông nhớ ngay ra cương vị của mình. Vội vã, ông chải đầu, sửa lại quần áo ngay ngắn và cố thu vén những dấu tích bừa bãi trong gian phòng quý ám.



Tám giờ sáng, ông Hạo và Bốn tiến về phía khách sạn Biển Mây trên chiếc Corona màu xanh. Lúc bắt đầu cuộc hành trình, họ cười nói bàn bạc với nhau nhiều chuyện, nhưng càng đến gần họ càng lặng im nhiều hơn. Nỗi bứt rứt nôn nóng làm cả hai hồi hộp dán chặt mắt vào cái vệt trắng đằng xa đang càng lúc càng hiện rõ: tòa nhà ba tầng trên đỉnh dốc. Ông Hạo không ngừng nghĩ đến chiếc máy quay phim nhỏ xíu, chỉ có điều ông không ngờ trong chiếc máy ấy chỉ có hình ảnh bà vợ quý đang lao vào phòng người khách lạ.



Tám giờ sáng, từ trên mỏm đá cao, Kiều Dung và Chính nhìn rõ chiếc Corona đang lượn vòng trên con đường cong cong dẫn vào tòa nhà dưới kia.

“Mặc họ làm gì với nhau thì làm. Tôi đi đây.” Kiều Dung bảo.

“Tôi cũng đi”. Chính quả quyết: “Xuống hết dốc núi này mình sẽ lấy thuyền đi vào cửa sông”.

Kiều Dung nhìn Chính. Ánh mặt trời óng ánh rực lên những sợi lông tơ trên mép anh. “Anh đi với tôi à? Còn năm học sắp tới? Còn tương lai của anh, gia đình anh, những cô bạn cùng lớp của anh?”

“Chuyện nhỏ. Tất cả sẽ được làm lại từ đầu. Trái đất còn rộng mà, biết bao nhiêu con đường để đi”.

Kiều Dung cười. Chàng trai này cũng như nàng năm xưa, tin rằng tình yêu có thể dời được núi non sông biển. Chẳng biết niềm tin ấy đứng vững được bao lâu trước cuộc đời, chỉ biết giờ đây nó đang có thực; cũng như sóng ngoài khơi, nó hư ảo nhưng mà vĩnh cửu.

Nàng nhìn đắm đắm như muốn thu tất cả những gì trước mặt, giữ thật kỹ trong mắt mình: Nắng, mây trời, thảm lá bướm bạc trùng trùng, mùi hoa lưu ly thơm, và cả hình ảnh dễ thương buồn bã của chàng trẻ tuổi. Rất có thể đây là một ngày đáng sống nhất trong đời nàng.

“Vậy thì ta đi. Nhưng trước tiên tôi muốn nhờ Chính một việc”.

Khuôn mặt Chính đầy vẻ hạnh phúc, chàng vừa gạt đầu vừa hôn tới tấp hai bàn tay Kiều Dung.

Kiều Dung kéo Chính ra đầu mỏm đá. Ở đấy nhìn xuống có thể thấy miệng đường hầm nằm sâu trong đám rêu.

Nàng đưa cho Chính một chiếc chìa khóa cũ giấu trong ngực áo.

“Ồ đó, khuất trong miệng hầm, mình sẽ tìm thấy dấu hiệu này. Cách đó một gang phía bên phải, là chỗ tôi cất giấu những đồ nữ trang của tôi thời con gái. Anh hãy xuống đó, dùng cái chìa này mở ra và đem cái hộp trong học đá về đây. Nhanh lên, vì mình phải rời khỏi đây, không trễ được nữa rồi”.

Chính vội vã trụt xuống những bậc cấp thiên nhiên, trong khi Kiều Dung ngồi đó, nhìn theo. Một nụ cười đau buốt thoáng qua trên môi nàng: “Một ngày kia, anh không còn là anh bây giờ nữa. Mà tôi muốn sống mãi giờ khắc này”.

Khi Chính quay lại con dốc, Kiều Dung hiện ra trước mắt anh, đứng thẳng người trong chiếc áo trắng và vành hoa trên trán.

Nàng cười và vẫy tay với anh, rồi vươn hai tay níu lấy cành cây phủ đầy hoa lưu ly trên đầu. Chớp mắt, nàng nhún mình nhảy từ trên mỏm đá cao xuống thẳng mặt biển sâu bên dưới.

Dưới nắng ban mai, chiếc áo ngân nhũ của nàng vẽ một vệt lóng lánh bạc, sáng lóa trước khi biến mất trong nước xanh. Những bông lưu ly bị động mạnh rơi rắc từ trên cao, tan tác trong không gian, còn lại vài cánh đáp xuống bập bênh trên sóng.

Thủy triều đã hoàn toàn rút xuống./.

T. T. M

Món giả cây

NGUYỄN THỊ ANH THƯ

Hôm ấy tiết ba đã bắt đầu được năm phút, thầy Hứa Văn Trọng, giáo viên ngoại ngữ đang dí dỏm kể một mẩu chuyện tiểu lâm của người Anh cho sinh viên nghe thì bà An giáo vụ khoa, hốt hải chạy tới bên cửa sổ lớp, ra hiệu cho thầy ra ngoài có việc gấp.

- Thầy phải về nhà ngay đi! Hàng xóm nhà thầy gọi điện đến nói rằng cô giúp việc mới của thầy đã trèo rào sang nhà bà ấy, nhờ gọi điện bảo thầy về nhà ngay đưa cô đi bệnh viện. Cô ta đang ôm bụng quằn quại, co quắp. Đau đến nỗi không nói nổi. Hình như cô ta bị đau ruột thừa!

- Bị đau ruột thừa! - Thầy Trọng buột miệng thất thanh, thấy buốt lạnh cả sống lưng. Những hình ảnh về bệnh viện, phòng cấp cứu, bác sĩ... lóe nhanh trong đầu thầy. Thậm chí, bỗng nhiên không khí thầy đang hít thở cũng sặc mùi ê te, cồn long não: cái mùi đặc trưng của nơi thầy sợ mình phải đến nhất trên đời.

Thầy càng choáng váng hơn nữa khi chồng chất theo sau những hình ảnh, mùi vị trên là những ý nghĩ thầy sẽ phải nghỉ dạy ở trường, sẽ phải bỏ trốn "cua" dạy thêm mỗi ngày mà thù lao có thể quy ra được cả "chỉ" để cùng cô ôsin mới "lên thác xuống ghềnh" nơi bệnh viện.

Bét ra, thầy cũng phải gánh từ chục ngày đến nửa tháng lao khổ cực nhọc vì phải xin xỏ quy lụy từ vị bác sĩ đến bà hộ lý trở đi; để họ cũng chu đáo tận tình cứu chữa cho cô ôsin như sự cúc cung tận tụy của thầy đối với cô.

Nghe có vẻ kỳ quái! Ai đời lại hết lòng hết dạ với người giúp việc như thế con đẻ báo hiếu cha mẹ thế? Vậy mà với thầy Trọng, sự này lúc ấy sẽ là đương nhiên.

Bởi lẽ, thầy đang muốn được mọi người ở quê coi là một người tử tế. Là một người tử tế thì phải có đức độ, phải hiếu thảo với quê hương, làng xóm, họ hàng.

Một thứ họ hàng đây cà ra đây muốn, loanh quanh luẩn quẩn sao đó mà tính theo đẳng nội thì ông nội thầy lại gọi ông nội người này là chú họ. Còn tính theo đẳng ngoại, thì mẹ thầy lại gọi mẹ người này là dì.

Suy ra, người này, thầy chẳng biết nên gọi là em hay phải gọi là cô. Người này năm nay bốn lăm, bốn sáu, xấp xỉ tuổi thầy; thôi thì cứ gọi là cô. Cô em hay cô dì, hiểu theo nghĩa nào cũng được.

Ông chú ruột út hơn bảy mươi tuổi đang ở quê

của thầy, sau khi vạch vôi rắc rối gia phả dòng tộc, trong thư giới thiệu ra như thế, còn gạch chân nhấn mạnh rằng: ... *lọt sàng xuống nia, cấm có rơi đi đâu được. Kiểu gì thì cô ấy cũng đích thị là họ hàng của nhà ta. Một giọt máu đào hơn ao nước lã. Họ cả hai phía nội ngoại như vậy càng quý! Càng ruột thịt!*

Họ hàng cách xa dặm bảy đời, đối với dân đã sinh ra và lớn lên ở thành phố như thầy, cứ gọi là quên đi! Bán tên lửa Tômahóc mới tới. Đời thứ ba đối với nhau đã nhạt như nước ốc. Đến đời thứ năm là có thể lấy nhau rồi. Với bà cô Dời này thì còn họ hàng gì nữa, chỉ còn là ôsin thôi.

Nhưng buồn nỗi cô Dời lại không phải là một người họ hàng tự đến xin việc nhà thầy một cách tâm thường. Cô Dời cách đây hai tháng đang sống một mình trong túp lều rách lụp sụp chủ cả khu đất rộng mênh mông của nhà thờ họ Hứa Văn. Chỉ vì vợ thầy nặng nạch đòi thầy gửi thư về quê nhờ ông chú tìm người giúp việc mà cô mới lên đi ở nhà thầy.

Cô Dời là người được cuộc họp bộ tộc của họ Hứa Văn nhất trí bầu lên là "hộ hoàn cảnh, hộ cô đơn không nơi nương tựa nhất", cần phải được cả họ ưu tiên xóa đói giảm nghèo, tăng nhan sắc cử đi làm ôsin cho nhà cậu giáo Hứa Văn Trọng ở trên Hà Nội.

Giờ mà thầy không chu đáo với cô Dời, khi về làng, họ hàng sẽ xỉa xói, "đào mồ cuốc mả" cha ông thầy lên.

Ờ mà nói thế hơi điều. Nói cho chính xác phải là: không ai thêm đào mộ bốc mả cho bố thầy hộ thầy. Việc này sắp tới nơi rồi. Bố thầy mất, đưa về quê chôn đã được hai năm. Thầy mà không cứu chữa hết lòng cho cô Dời, hội đồng họ tộc nhà thầy sẽ từ thầy. Cuối năm lấy ai "thay áo, tắm rửa" cho bố của thầy? Là đứa con trai duy nhất trong nhà, thầy chẳng lo việc mồ mả cho cha thì ai lo đây?...

Bà An thấy thầy Trọng đứng đắn ra thì cất giọng thương hại:

- Thôi thầy cứ về nhà đi. Để chị nhờ người khác dạy tiếp cho. Quàng chân lên, kéo nhỡ ra cô ấy bị đau ruột thừa cấp, nó lại vỡ toang ra, nhiễm trùng hết ổ bụng thì thầy còn khốn nạn thân thầy. Hãy nhìn tấm gương tày liếp của nhà chị đây: giải quyết vụ tai nạn của ôsin hết hơn hai mươi triệu - Nói đến đây, bà An không cầm nổi nỗi ai oán, bi thương, nước mắt tuôn sụt sùi:

- Sai nó đi chợ mua nghìn cà muối. Nó bảo để cháu lấy xe đạp của anh Tú Bi đi cho nhanh. Thế là nó lao quáng lao quàng từ trong ngõ ra đâm ngay vào chiếc xe máy Dylan của người ta. Người ta thì gãy tay, sái chân, vỡ toang cả đầu xe. Đền mười bảy triệu cho họ còn là rẻ. Nó thì vào Việt Đức mổ não. Ôi ôsin ơi là ôsin!...

- Thôi, thôi! - Thầy Trọng thấy cả lũ sinh viên trong lớp nháo nhác thò cổ ra ngoài nghe ngóng thì vội chặn ngay cơn cảm thán của bà An lại: - Em vội

quá! Em xin nghe theo lời chị. Còn trăm sự ở đây em nhờ chị giúp em. Em về đây, kéo cô ta có mệnh hệ nào thì chắc em cũng chết theo cô ta luôn!

中

Trên đường về nhà, thầy Trọng vừa phóng xe vun vút, vừa thâm mắng mụ vợ khôn vật, keo kiệt. Cái con mọt sắt ấy đã kẹt sỉ lại còn sợ muốn ôsin là người ngoài nhờ nó cuỗm mất chồng, nên thị quyết biến họ hàng nhà chồng thành ôsin cho chắc ăn.

Giờ thì vạ lớn rồi! Còn muốn sống nhiều đường nữa đi, mụ ơi! Rồi thầy lại mang cả ông chú già lẫn hội đồng họ tộc nhà mình ra mà rửa: "Chỉ được cái tham lam, ích kỷ, nhiều sự là không ai bằng...".

Thư thầy viết rõ ràng: trước tiên là cần người ở để giám sát và phục vụ ông bố vợ của thầy. Ông năm nay gần bảy mươi, cơ thể còn gân guốc khỏe mạnh lắm, nhưng sau lần bị xuất huyết não, đầu óc bây giờ lẫn lộn lung tung. Sau nữa là làm việc nội trợ, cơm nước chợ búa trong nhà. Rồi lại hai đứa con nhỏ: thằng lớn năm tuổi học mẫu giáo; đứa con gái sáu tháng được gửi ở nhà bà hàng xóm. Tiếng là có mẹ trông coi, nhưng vợ thầy vừa mới xin được làm hướng dẫn viên du lịch nên có khi vắng nhà cả tuần, lúc ấy ôsin sẽ trông tất.

Tóm lại là cần người giúp việc thay thế bà mẹ vợ đang khỏe như trâu
bỗng phải cảm chết đột ngột.

Ấy vậy mà cả họ chỉ tối mắt lên vì cái giá hai trăm ngàn đồng một tháng lương. Chẳng ai nghĩ để nhận được số tiền đó thì người ở phải làm những việc gì, sẽ vất vả ra sao.

Thư ông chú kể rằng cả họ nhao lên: "Một năm sẽ có gần ba triệu bạc! Chẳng phải tiêu một đồng nào, còn được hai bộ quần áo mới. Ăn uống lúc nào cũng ê hề thịt cá, bơ, sữa. Lại được ở nhà bốn tầng máy lạnh mát như động tiên! Mùa đông lại được tắm nước nóng! Cái món béo bở thế không thể để lọt ra cho người ngoài được!".

Rồi là bầu bán. Rồi là cử ra một mẹ điếc lác chập cheng ế chồng trong họ cho thầy. *Mấy tháng ăn trắng mặc trơn của dân thành phố chúng mày, nó sẽ béo tốt phây phây. Ở ba năm đã có hơn bảy triệu hồi môn. Có khi nó lại lấy được cả chồng người Hà Nội nhà chúng mày chưa biết chừng. Họ mình sẽ không còn phải mang tiếng có người cô đơn nghèo khổ không nơi nương tựa nữa... Cái sáng kiến này của họ ta là rất hay. Cần phải áp dụng, nhân lên hơn nữa. Mày xem có thêm ai cần người giúp việc thì báo ngay về cho chú. Chú lại họp họ để cử người lên...*

Thầy Trọng biết tổng các cụ bô lão cao niên trong họ muốn đẩy cô Dời đi khỏi khu đất rộng lớn của nhà thờ họ.

Lấy lại đất canh tác của nhà thờ, các cụ sẽ lại bắt cả họ góp công cấy hái, trồng trọt cho nhà thờ. Hoa

màu thu hoạch được dùng vào các việc hương khói quanh năm, khuyếch trương thanh thế dòng họ trong các kỳ tế lễ giỗ tết ở nhà thờ giống như thời trước cải cách ruộng đất, khi khu đất này chưa bị đội cải cách chia cho gia đình nghèo nhất trong làng là gia đình cha mẹ cô Dời.

Chao ơi! Chỉ tỉnh thấy tính ăn người! Đa tiện! Đa tiện quá! Họ cử cô Dời lên để dưỡng sức ở nhà thầy, để bóc lột thầy chứ giúp được mấy?

Lại còn điếc lác, hay là giả điếc giả lác không biết nữa. Cô Dời chẳng bao giờ làm được gì đúng ý vợ thầy dặn. Dặn một đằng làm một nẻo. Không biết cô Dời đã nghe thấy việc phải làm ấy, xong lại quên, liền làm bừa một việc khác ra cái điều vẫn làm việc chuyên cần, hay vì cô điếc thật nhưng lại giả vờ không điếc thành ra việc tác sang việc tộ?

Nhưng kinh hoàng nhất vẫn là các món ăn. Vừa đến nhà, được vợ chồng thầy giao nhiệm vụ chợ búa cơm nước là cô Dời nuôi ngay một liên mễ.

Cô bảo mễ lành: cá kho cho mễ, cà bung cho mễ, đến nước rau muống luộc cũng đánh dấm mễ.

Vợ thầy nể chồng, không dám chê cô chồng không biết nấu ăn, nhưng thị tế nhị nhường những món "đặc sản quê hương" ấy cho thầy.

Thầy Trọng ở nhà vợ vì vợ thầy là con độc, nên đương nhiên là phải ở lại nhà để còn săn sóc bố. Săn nhà thì cứ thế mà ở thôi, chứ thầy tiền nhiều như quân Nguyên không thiếu để mua nhà riêng.

Vợ thầy vừa lùn, vừa xấu; câu mãi mới được thầy nên thị kiêu gì cũng vẫn sợ thầy, nể trọng quê hương nhà chồng. Thị một phép chịu đựng cô Dời, vì chồng thị cũng đang ngậm ngùi chịu đựng. Chồng thị sợ nhất món mắm tôm, nhưng bây giờ cũng đang phải chung sống hòa bình với mùi mắm tôm.

Lúc nào nhà thầy cũng sặc sụa cái mùi nặng nề. Thịt chó chấm mắm tôm, thịt lợn chấm mắm tôm, đậu phụ chấm mắm tôm...

Hay ăn mắm tôm vậy thì phải mua cả hũ ăn cho tiện! Thế là sẵn mẻ, sẵn mắm tôm chỉ cần củ riềng củ nghệ giã ra nữa là đủ gia vị cho món ăn đậm đà hương vị nhất.

Cô Dời bảo ở quê cổ bàn sang mới có thịt chó. Giỗ cũng thịt chó mà cưới cũng thịt chó, chỉ không đặt thịt chó lên bàn thờ để cúng mà thôi.

Cô cười hi hi kể với hàng xóm: "Trong các món thịt chó Dời khoái khẩu nhất món nhựa mạn. Thèm đến nỗi, có lần Dời mơ thấy được ăn món ấy, tỉnh dậy vẫn còn ngửi thấy mùi riềng mẻ, mắm tôm thơm điếc trong mũi. Bây giờ ra Hà Nội, được cầm tiền đi chợ, Dời tha hồ tập làm nhựa mạn bằng món giả cây. Chỉ cần mua một cái chân giò lợn về cuốn giấy báo đốt lên là có thịt vàng ươm, chẳng khác chó thui. Gia vị ở nhà lúc nào cũng sẵn. Hí... hí...".

Cô Dời ra nhà thầy mới gần được hai tháng, nhưng thầy chẳng nhớ nổi mình đã phải xơi cái món lúc thì dai nhách lớn nhồn xương xấu, lúc lại

nhũn bết chua chua như cháo thịt nặng mùi ấy mấy chục lần.

Bảo từ giờ đừng nấu món này nữa, cô bị lãng tai nên bữa sau lại vẫn món này.

Bố vợ thầy thì miễn bàn rồi. Vừa chén xong ba bát to vật, ngay sau đó ai hỏi, ông cũng bảo: "Chúng nó có cho tôi ăn cái gì đâu! Chúng toàn bỏ đói tôi". Chính ông là thầy giáo hướng dẫn luận văn thạc sĩ cho thầy. Chính ông là người lừa thầy vào bẫy con gái mình, chính thầy phải bỏ cô người yêu đẹp như minh tinh màn bạc Pháp lấy con gái vẩu răng của ông. Thầy lại ở nhà vợ đã được năm năm rồi, vậy mà hai năm trở lại đây, thỉnh thoảng ông lại chỉ vào thầy bắn khoả hỏi vợ thầy: "Ai thế nhỉ?" Giải thích chán chê. À, ừ hiểu. Lúc sau lại hỏi: "Cái cậu kia là cậu nào mà tao thấy nó toàn ở nhà mình thế nhỉ? Sáng tinh mơ đã thấy nó ở đây rồi". Rồi ông lại hỏi: "Sao mẹ mày đi chợ lâu về thế?", cứ như không có cái đám ma linh đình của bà cách đây mới có nửa năm. Nên ý kiến của ông về phương diện nào cũng là không có giá trị.

Nhưng dù vợ chồng thầy cùng nhăn nhó vì các món ăn đi chẳng nữa thì cũng vô tư đi. Có lẽ cô Dời bị lác nên xem ra ai cũng tươi cười trong mắt cô.

Vợ thầy bảo thầy: "Thì ra ở quê người ta gọi cô là "Dời" không phải là không có lý. Thích gì làm nấy chẳng là "Giời" thì là gì? Chẳng qua là sợ ông Thiên Lôi mà phải đọc trại tên cô thành Dời thôi".

Thầy tặc lưỡi bảo vợ: "Thôi thì cứ coi như không có ôsin trong việc này. Sẽ hạnh phúc ngay nếu chúng ta tự cho rằng mình đang ăn ở nhà ăn sinh viên thời bao cấp. Hồi đó có lần nhà bếp cho bọn anh ăn món giò tồn qua Tết của Mậu dịch đã mủn nát, bốc mùi; ấy vậy mà lũ sinh viên đói khát vẫn tranh nhau xơi hết. Bây giờ có thịt ăn là phúc rồi".

Công bằng mà nói, chỉ có việc phục vụ bố vợ thầy là cô làm tạm ổn. Ngoài trừ giờ ăn uống và lúc ông ngồi trước màn ảnh truyền hình lảm nhảm tranh cãi, chê bôi khen ngợi các phát thanh viên, diễn viên; thời gian sảnh ra là ông lén lút đi tiểu, đi đại tiện ra trước cửa phòng khách, các xó nhà; bôi các "thải phẩm" của ông lên cửa sổ. "Để chống kẻ trộm, bảo vệ lãnh thổ theo kinh nghiệm của muôn loài", ông bảo vậy khi bị mọi người bắt quả tang ông đang hành sự.

Còn khi không bắt được quả tang thì ông sẽ chối phắt: "Tao có biết gì đâu. Có lẽ cái cậu hay đến đây từ sáng sớm ấy". Ôi chao, ông lại đổ cho thầy ị bậy ra nhà.

Từ khi có cô Dời, ông bị cô giám sát chặt chẽ, bởi cô cũng thích ngồi trước truyền hình. Cô ngồi ngay sau lưng ông bình luận về nhà đài và tranh cãi với nhà đài hùng hồn còn hơn ông.

Ông mà lỉnh ra khỏi chỗ ngồi của mình trước mặt cô là cô phát hiện ra liền. Cô sẽ điệu ông vào toa lét ngay tức khắc.

Nhà cửa chưa phải đã sạch sẽ như lau, gợn gàng như ý, nhưng trước mắt là đã hết mùi hôi thối khản khản như cóc chết, từ ngày có cô.



Giờ đây cô Dời phải đi bệnh viện thì lấy ai đi theo bố vợ để cấm ông không được cố ý mất vệ sinh?

Ai là người đưa đón thằng lớn đi mẫu giáo, trông nom con bé đêm đêm khi vợ thầy phải đi công tác xa nhà như hôm nay? Lại thuê ôsin nữa ư? Gấp thế này đào đâu cho kịp!

Rồi ai sẽ là người túc trực trong bệnh viện, bưng bê đồ vật, bón ăn, tắm giặt cho cô Dời trong những ngày cô bị mổ xẻ đây?

Thầy ư? Cha mẹ ơi! Thế thì ai đang là người giúp việc của ai đây?

Có phải thầy đang trôi trong một cơn ác mộng? Ấy là chưa kể đến những phí tổn trong một cuộc mổ xẻ. Ít thì năm, bảy triệu, nhiều thì chục triệu. Rồi mổ xong đã yên chưa?

Cái anh ruột thừa có người chỉ cần mổ một lần là xong phất. Nhưng ông giáo cũ của vợ thầy bị dính ruột sau mổ đã phải mổ lại tận bốn lần. Bụng ông được các bác sĩ phanh ra đóng lại liên tục như thể được kéo bằng phéc-mơ-tuya. Năm cái phéc-mơ-tuya như năm con rắn khổng lồ chạy sần sẹo trên bụng ông.

Chao ôi năm lần mổ bây giờ thì có mà tiền tấn.

Thế thì không biết ai mới thực là người "sắp chết", thầy, ôsin của thầy?



Song cô Dời không chết. Cô cũng chẳng bị đau ruột thừa. Cô chỉ bị trúng gió, cảm hàn sinh ra co giật.

Nhưng phiền nổi sau khi được các bác sĩ cấp cứu xong thì mọi người mới phát hiện ra miệng cô Dời bị méo xệch. Cùng với đôi mắt vốn đã bị lác trông mặt cô tếu hơn mặt anh hề trong rạp xiếc. Bất kỳ ai trông thấy cô cũng phải bật cười.

Do Dời soi mặt mình vào tấm kính cửa sổ phòng bệnh rú lên kinh hoàng: "Ôi giới ơi! Sao mặt tôi như chú Tễu thế này!". Cô gào lên thê thảm. Ai cũng lấy làm ái ngại cho cô.

Cô Dời được chuyển sang khoa Đông y để bấm huyệt châm cứu và chạy vật lý trị liệu. Các bác sĩ thương tình cho cô ngoại trú, mỗi ngày đến chữa bệnh một hai giờ cho đỡ tốn kém. Nhưng cô Dời quỳ sụp xuống ôm chặt lấy chân bác sĩ lăn lộn gào khóc xin được ở lại bệnh viện. Cô sợ về nhà rồi mọi người không tận tình chữa bệnh cho cô nữa, cô sẽ bị xấu xí suốt đời. Thầy Trọng và các bác sĩ giải thích, thề bồi thế nào cô cũng không nghe, cuối cùng đành phải chiều theo ý cô vậy.

Từ đó, không phải vào ở hẳn trong bệnh viện để túc trực bên cô Dời, nhưng vợ chồng thầy ngày này sang ngày khác mặc bận đến mấy cũng vẫn phải

chia nhau ra mà vào đó thăm nom, giặt giũ cho cô; chi tiền ăn uống, tiêu vặt cho cô; trả tiền thuốc men, bồi dưỡng cho bác sĩ.

Ngày lại ngày cứ cái lúc vợ chồng thầy đến thăm là cô Dời lại giở bài lấy gương ra soi rồi vật vã khóc lóc thở than. Cô chăm chăm nhìn hai vợ chồng thầy với đôi ánh mắt bị lác: cái ai oán, cái căm thù.

Cô kết tội nhà thầy bắt cô phải đi chân đất trên nền đá hoa lạnh, lại phải cọ rửa toa lét suốt ngày nên cô mới bị lạnh chân, đau bụng sinh cảm hàn co giật, nôn mửa. Lẽ ra trước đây cô xinh đẹp, bây giờ thành ra xấu xí. "Từ nay tôi có không lấy được chồng là lỗi tại nhà các người".

Hai vợ chồng thầy Trọng chẳng còn biết làm gì hơn là ngâm đắng nuốt cay, ra sức chạy chữa thuốc men, cầu Trời khẩn Phật cho Dời khỏi méo miệng.

Nghe lời bác sĩ: phải chăm chỉ luyện tập cho cơ miệng mau trở lại bình thường như xưa; cô Dời nếu không ngồi giường soi gương chu mỏ lên tập hót lại tích cực buôn chuyện lúu lô ọng ọo với các bệnh nhân và người nhà của họ ở xung quanh.

Quả là một công đôi ba việc, chẳng những miệng cô nhanh chóng trở lại dẻo mềm mà đầu óc cô cũng được họ khơi sáng "thông thái" hẳn lên.

Hai tháng nằm khểnh trong bệnh viện không phải mó tay vào bất cứ việc gì, chỉ hết ăn lại ngủ chờ đến giờ đi chạy điện vật lý, cô Dời béo quay cun cút. Mỡ phây phây.

Hôm về nhà phải trả lại quần áo cho bệnh viện, cô Dời không ních nổi vào quần áo của mình nữa. Cô đã tăng thêm mười hai cân.

Vợ thầy tiết kiệm về nhà lôi đồng quần áo cũ của bà Làn mẹ mình ra đem đến cho cô mặc. Thật may là bây giờ to béo, cô mặc vừa như in.

Béo trắng, lùn tịt, trông cô nhang nhác giống mẹ vợ thầy. Cô Dời vừa bước chân vào cửa, bố vợ thầy ngây ra nhìn cô; mắt sáng lên, chạy xô tới thản nhiên như không có ai xung quanh, ông ôm chầm lấy cô, miệng lắp bắp: "Bà... bà... đã về... bà đi chợ lâu thế?" Biết ông đã nhầm mình là vợ ông, cô Dời đỏ mặt tía tai vì ngượng. Hai vợ chồng thầy Trọng được một trận cười chảy nước mắt, thật vui vẻ.

Mọi việc thế là lại trở về guồng, lại có người giúp việc. Ông thầy nhẹ dạ thở dài nhẹ nhõm, chẳng hay quả bom tấn đang chờ phía trước.



Sau đợt đi bệnh viện về, có lẽ nhờ béo khỏe lên nên cô Dời chăm chỉ hẳn. Mọi việc nhà cô làm cứ phẳng phẳng hết sức tự giác. Sạch sẽ, gọn gàng cứ như là mẹ vợ thầy ngày xưa.

Cô Dời lại không ưa món giả cầy nữa. Đến ba tháng rồi cô không nấu món giả cầy. Không khí trong nhà thầy đỡ mùi trần tục đặc quánh. Hai vợ chồng thầy Trọng lại càng phấn khởi.

Song cô Dời vẫn thích thịt chó. Cô bảo thịt chó rất

bổ. Cứ mười lăm, ngày cuối tháng là cô lại "vỗ" mọi người bằng thịt chó luộc. Hai vợ chồng thấy tháng lúc có lúc không. Có khi mấy tháng chẳng có gì. Bây giờ cũng vậy, gần ba tháng nay, cô cũng chẳng có gì. Nghe người ta bảo: những người bị bệnh như thế rất khó có con. Cô Dời thăm nghĩ rồi xoa xoa cái bụng béo. Có đến cả tháng nay rồi thỉnh thoảng bụng cô đang tĩnh lặng như ao bèo bỗng xáo động như có tôm búng mặt nước. Có lúc nó lại sủi lên lăn tăn như có con gì đang lặn bên dưới mặt ao. Cô lại còn hơi choáng váng. Có lẽ cô bị ung thư gì đó trong bụng thật rồi. Cô phải đòi thầy Trọng cho đi khám bệnh thôi.

Cô Dời mới nghĩ như thế vào buổi sáng, thì buổi tối lúc ngồi chờ ăn cơm ở bàn này, thầy Trọng thấy bố vợ thỉnh thoảng lại tủm tỉm cười nhìn cô Dời, rồi chu mỏ đánh lưỡi: "Crúc... crúc.... cu... cu..." như thể ông đang bắt chước tiếng chim. Thầy sẽ chẳng băn khoăn gì về những hành động kỳ dị của ông bố vợ đã bị đứt dây thần kinh, nếu không có ánh mắt rất tình tứ của ông luôn theo dõi cô Dời.

Thầy không nén được hỏi vợ, khi thấy thị cũng đang nhìn theo bố, nhấp nhộm, lo lắng như ngồi trên lò lửa: "Bố em đang làm cái trò gì thế?"

Vợ thầy run rẩy nói nhỏ: "Đấy là kiểu bố ngày xưa vẫn làm ám hiệu để đêm mẹ trốn sang giường bố".

Thầy Trọng sững sờ choáng váng, thế ra cô Dời đã biến thành vợ của bố vợ thầy rồi ư? Thế thì cô Dời

lại chẳng là em Dời, chẳng là cô Dời mà là mẹ Dời rồi! Thế thì thầy sẽ biến thành ai trong con mắt họ hàng, làng nước, hàng xóm xung quanh đây? Anh của ôsin? Cháu của ôsin? Hay con rể của ôsin? Mà hình như bà mẹ vợ tương lai của thầy lại đang nấu món giả cầy, cái mùi nặng nề ngọt nhạt khản khản ấy đầy ắp cả tòa villa sang trọng của vợ chồng thầy. Thầy sắp ngất! Thầy ngất đây!/.

N. T. A. T

Mùi tiền

HOÀNG THÁI SƠN

Năm tôi mới về trường, tiếng tăm anh đã nổi như cồn. Đó là một nhà giáo bậc thầy, rất tài hoa. Chúng tôi trưởng thành lên một phần cũng nhờ anh giúp đỡ, ví như anh khuyên “Trong mỗi bài văn, các cậu gắng tìm cho ra một cái gì đó, dù rất nhỏ, nhưng hoàn toàn mới mẻ mà sách giáo khoa, thậm chí giới nghiên cứu văn chương chưa sờ tới”. Tôi dự giờ nhiều người dạy bài thơ “Thăm lúa”, nhưng chưa thấy ai như anh: Ngoài những nét chung sách vở đã nói, anh còn cho thấy bài thơ là bức tranh đẹp với cận cảnh đặc tả một bông lúa chín vàng đọng sương long lanh nổi lên giữa viễn cảnh đồng quê ban mai; từ đó anh quay sang nói đôi nét về phép vẽ tranh, và thế nào là “thi trung hữu họa” khiến mọi người phục lẫn... Có hôm, anh mở đầu bài giảng bằng một câu lạ hoắc: “Bài thơ này không hay, mong các em cố gắng tiếp thu”, thế rồi thế nào anh cũng mang lại cho học sinh

một cái gì đó đúng là mới mẻ khiến chúng tôi không đến nỗi chán bài thơ ấy lắm...

Anh làm thơ, vẽ tranh, nhưng thơ không gửi đăng báo, tranh cũng chỉ để treo hoặc đem tặng. Tôi cam đoan thơ tình của anh hay hơn nhiều thơ phú vẫn đọc thấy đây đó. Nhiều nữ sinh nay đã thành bà nội bà ngoại vẫn còn lưu thơ anh trong sổ tay, mỗi lần giở ra, lại nhớ ông thầy tài hoa, một nghệ sĩ đứng ngoài sân chơi nghệ thuật.

Sống với anh mới biết ở con người này có lắm cái thú vị. Một hôm, sau khi phải chứng kiến cảnh mấy cô giáo to tiếng với nhau quanh chuyện tiền nong, anh hỏi chúng tôi:

- Trên đời cái gì bẩn nhất? - Anh bảo tôi đưa ví cho anh. Lôi trong chiếc ví lép kẹp của tôi ra mấy đồng tiền nhàu nát, ném lên bàn, anh hỏi tiếp - Các cậu ngủ thấy mùi gì không nào?

Nắm tiền giãn ra từ những đường gấp xiên xẹo lâu ngày, và một thứ mùi khắm đặc bốc lên, xộc vào mũi. Thì ra không gì thối bằng tiền!

- Trông này - Anh đưa một tờ bạc lên soi qua ánh sáng - Tờ bạc màu gì? Màu chiếc cổ áo lâu ngày không giặt, màu cống rãnh, màu lông chuột. Đồng tiền này được ra đời từ một nhà máy, có thể từng được trang trọng đặt lên nơi tôn nghiêm, nhưng mà suốt đời bị nhấn chìm trong thế giới người, từng bị nghẹt thở những nơi chốn không ánh sáng, lộn mửa, nó in dấu bao bàn tay, sạch sẽ và bản tử, vô

tư và tội lỗi, nó mang trong mình hàng lô vi trùng bệnh tật...

Anh kể, ngành Ngân hàng mỗi năm đốt hủy hàng tấn tiền giấy không sử dụng được nữa. Phải phun xăng mới cháy hết, và đám cháy tiền bốc mùi y hệt mùi lò hỏa táng, khói cuộn đen đặc nặng nề là là trên ngọn cây, mái nhà như không thể nhẹ nhàng bay lên.

Lần nọ, anh lại đổ chúng tôi:

- Vì sao sinh ra cái ví da có dây kéo? Là để cất tiền, và để bịt chặt lấy mùi tiền khú khắm, không cho nó bốc ra ngoài. Này, các cậu ngồi với con gái mà để nó ngửi phải mùi tiền, lại tưởng anh này thối tai, thì vút!

Tôi giật mình, từ đó sinh ra hải tiền, rồi học anh, chỉ giữ lại những đồng tiền mới, thứ đã nhũn ra, đã bốc mùi là tìm cách cho thoát khỏi người không tính toán. Anh gọi tiền mới là gái trinh, tiền cũ là con đi; tỏ ra coi khinh những ai là nô lệ của tiền, chửi thẳng nọ thẳng kia bị con đi già thối mồm trùn vấy lên đầu... Không bao giờ anh biết trong túi có bao nhiêu tiền. Lần nọ bị mất ví, anh bảo: “Cái ví ấy cũng ngấm thối rồi, chả tiếc”.

Gần bốn chục tuổi, anh mới lấy vợ. Trước đó anh có yêu mấy đám, không nữ sinh cũng cô giáo, hoặc cán bộ nhân viên. Thế nhưng vợ anh lại là một cô hàng vải, học hành chấp vá, sắc diện cũng bình thường. Chẳng hiểu sao anh mê, hay cái “nửa” đầy chất thơ ở anh đã tìm thấy thứ nửa lẫn lóc nơi chốn

chợ búa ấy? Nhưng họ rất thương nhau. Và anh vẫn như xưa: ăn mặc lịch sự, chải chuốt, vẫn làm thơ và vẽ tranh, vẫn chơi tiền sạch. Vợ anh rất tâm lý, biết tôn trọng những sở thích riêng của chồng; không rõ anh có thấy khó chịu với túi tiền của vợ mà anh vẫn gọi đùa là túi càn khôn khó ngủi không?



Thế rồi đời anh bỗng ngoặt sang một lối rẽ đầy chông gai. Dạo đó đâu khoảng cuối năm 1989; trời khô hanh, gió thổi rập những bờ cây xao xác. Nghe tin một nhà thơ nổi tiếng từ Hà Nội vào, hiện mấy nơi đang mời đọc thơ, anh liền tìm cách liên hệ mời ông về chỗ mình chơi. Ông nhà thơ từ Hà Nội vào vốn có chất giọng “quảng trường”, cứ đọc thơ một lúc, lại dốc cạn một ly rượu tằm, rồi sang sang đọc tiếp như thể nhập đồng. Hội trường càng lúc càng đông, người ta bu cả lên cửa sổ để nghe thơ; còn trẻ con thì lân la từ xa đến gần cuối cùng ngồi vây lấy chân bục gỗ, có đứa còn cả gan vuốt râu nhà thơ bởi ông nuôi một bộ râu lốm đốm bạc và dài như râu Quan Công. Đó là một nhà thơ cao niên, khá nổi tiếng nhờ tài năng và những lận đận trong nghề nghiệp. Sau này, đến thời đổi mới, ông đã được “chiêu tuyết”, nhưng ở địa phương nhiều người vẫn giữ cái nhìn cũ về ông. Thế nên việc ông đi đây đó nói chuyện, đọc thơ đã thành ra “vấn đề”; và những ai đưa đón, giới thiệu ông trước đám đông đều bị “có ý kiến”!

Sau khi ông nhà thơ rời khỏi địa phương, anh bị Sở gọi lên làm bản tự kiểm điểm. Hai ngày ngồi trước trang giấy trắng, đốt hết bốn gói thuốc, chẳng biết viết gì. Một đời ta chẳng lừa ai, làm sao giờ đây lại phải tự dối mình? Anh gãi đầu gãi mũi ngồi nhìn khói thuốc bay vẩn vèo. Thế là khuyết điểm càng nặng. Để tỏ sự nghiêm minh, trường chuyển anh xuống bộ phận thư viện; theo phân công của bà thủ thư, từ đó ngày ngày anh chui vào kho sách cũ sắp xếp lại “nền văn hóa nhân loại” bị bỏ quên đầy bụi. Nhiều khi anh ngồi hàng giờ trong xó một mình đọc lại vài trang sách cũ, lòng chạnh thương bao số phận bị dập vùi...

Được nửa năm, nhân có chủ trương tinh giản biên chế, thế là anh xin nghỉ theo chế độ “về một cục”. Ai cũng khuyên chịu khó đợi ngày trở lại bục giảng, nhưng anh không nghe. Con người quen khinh bạc mọi nhỏ nhen, thấp hèn ấy làm sao chịu theo lễ thói? Anh gọi chúng tôi tới nhà, ôm ra cả chồng to giáo án, những sáng kiến kinh nghiệm, những tham luận tại các hội nghị chuyên môn từ Bộ tới Sở, bảo các em mang về mà dùng kéo phỉ. Từ đó, anh chia tay luôn với thú làm thơ, vẽ tranh, ngày ngày chở hàng ra chợ giúp vợ.

Nhiều hôm tôi thấy anh ngồi rất lâu ở một góc khuất trong quán cà phê đầu phố nhìn thiên hạ tất tả ngược xuôi. Bấy giờ quê tôi rộn ràng không khí xây nhà máy xi măng, nhà máy đường, phố huyện

đông nghẹt người qua lại, xe cộ chạy mù trời, chợ huyện phải mở ra tận bờ sông. Nhiều người bung ra làm ăn, táo bạo. Thế là vợ chồng anh cũng làm một cuộc đổi thay, chúng tôi trông mà hoảng. Quây vãi của chị Nga chiếm cả một vùng trung tâm chợ huyện; ấy mà họ dùng dùng gọi người tới sang tên, thu nợ nần, dồn vốn liếng mở một ngôi hàng thịt dê sát bờ sông trước mặt là ngã tư, sau lưng là lối vào cổng chính của chợ. Anh là người nảy ra ý tưởng, nhưng phải nhìn nhận chị là con người vô cùng chịu khó, giàu bản lĩnh. Chị đi khắp nơi mượn người làm, tìm hiểu, giải quyết mọi thủ tục khá nhiều khê, eo xèo rồi thuê thầy thợ, mượn người làm. Hôm anh chị khai trương nhà hàng, chúng tôi có được mời, nhưng không dám tới, chỉ gửi hoa chúc mừng.

Nghe đồn hàng đông khách. Vậy là ông giáo dạy văn nổi tiếng tài hoa đã thành gã đồ tể rồi chăng? Bàn tay chơi tiền sạch xưa nay giờ nhuốm mùi cái cổ áo lâu ngày không giặt rồi chăng?

Tôi mang câu hỏi ấy ra đi. Do hoàn cảnh, tôi theo gia đình vào Thành phố Hồ Chí Minh dạy học. Chẳng dính líu gì vụ nhà thơ nợ, nhưng từ hồi anh vấp ngã, tôi cũng đâm chán, và cuộc ra đi đã nhẹ nhàng để lại không ít vướng bận với cố hương biết bao gắn bó.

Tôi ít về quê, có về cũng không ở lại lâu, thế nên trên chục năm rồi chưa gặp anh. Dầu vậy, mọi tin tức nơi anh tôi vẫn biết. Anh đã xây được nhà lầu, con gái đầu lòng đang du học bằng tiền túi ở Úc...

Con người ấy đã đổi thay hoàn toàn, thảng ngày chỉ thú làm ăn, ví tiền dày cộp nhét căng túi quần đen nhẻm. Mừng cho anh, tuy trong thâm tâm tôi vẫn thấy có gì như mất mát. Thật tiếc, giá không có cái “vụ” không đâu kia... Mà thôi, đổi thay là lẽ thường, thậm chí anh còn có quyền sung sướng bởi đã ngoi lên từ trong bèo dạt mây trôi, trong họa đã tìm thấy phúc.

Lần về quê này, tôi đến thăm anh. Tôi rủ mấy người bạn cũ đi cùng. Anh béo hẳn ra, tóc muối tiêu, một hàng ria đậm trên môi. Bàn tay anh xưa gầy guộc, trắng trẻo, nay tròn trịa. Uống cạn chén nước, anh đưa chúng tôi ra nhà hàng, gọi là để cho biết. Chúng tôi chen bước theo anh vào nhà hàng càng về chiều càng đông; lúc lúc anh lại phải dừng chân bắt tay, cười nói với khách quen; xưa giọng anh nhỏ nhẹ, giờ bẻ ra, lại khá thành thạo tiếng lóng của dân ăn nhậu.

Bao quanh là một không gian nhuộm màu đời thường bụi bặm với mái lá, cột kèo ám khói, những bộ bàn ghế xỉn đen, mùi xào nấu bốc lên từ gian bếp lửa cháy rùng rục và bày em gái bưng bê vào ra khó tránh khỏi những cú véo má, quệt móng của đám thực khách mồm láng mỡ. Anh dẫn chúng tôi vào biệt phòng dành cho người ưa yên tĩnh. Chỉ một loáng, trên bàn đã đầy ụ các món dê tái, nướng, lẩu, nhúng, bánh đa, rau mùi, ớt quả, tỏi nhánh, gừng, sả, nước chấm, mắm tôm, rượu tiết dê màu hồng

ngọc... Anh thông thả kể chuyện làm ăn. Sở dĩ hàng năm anh ăn đứt thiên hạ, chỉ nhờ một món, là món nước chấm. Hai năm đầu làm ăn xập xệ, tưởng phải dẹp tiệm. Thế rồi vợ chồng làm một chuyến ra Bắc, vô Nam học hỏi, đi sâu vào “chuyên ngành” nước chấm, từ đó chế ra sản phẩm của riêng mình, không ai biết bí mật tay nghề, không thể cạnh tranh nổi.

Theo anh, chị Nga là một tài năng làm ăn, một nhà ngoại giao và là người vợ đảm đang... Còn nhớ hồi anh mới tìm hiểu chị, trong trường nhiều người thấy lạ, bởi hai bên như sống dưới hai trời. Anh biết xung quanh nghĩ gì, và thời gian đã trả lời giùm anh. Riêng tôi có lẽ do ở xa, giờ anh mới có dịp hé mở để tôi hiểu rõ ngọn ngành.

- Cậu chưa biết mình lập gia đình trong hoàn cảnh nào nhỉ? - Anh hỏi tôi, rồi trả lời luôn theo thói quen - Đúng là đời bắt nguồn từ những hoàn cảnh không ngờ tới. Một hôm ra chợ, tình cờ nom thấy một cô nàng ngồi trong quầy vải với mái tóc dày trùm kín đôi vai, tràn xuống ngực khiến mình chợt nhớ tới một người đàn bà trong tranh của nhà danh họa Lê-ô-na đờ Vanh-xi, nàng La Giô-công-dơ, người đẹp mình hằng tôn thờ. Mọi chuyện bắt đầu từ đó.

Từ gian bếp, chị Nga xuất hiện sau câu nói của anh như một kịch bản. Đó là một phụ nữ khỏe mạnh, uyển chuyển, đầy nữ tính; đặc biệt mái tóc, dày như mây, hẫng khéo chiều chồng nên lúc nào cũng rẽ đôi từ một đường ngôi thẳng tắp, thả rơi đầy vai tràn

xuống khuôn ngực rám nắng, sung mãn. Chị tươi cười bước tới, kéo ghế ngồi vào, chọn gấp thức ăn lên bát cho mọi người, hỏi han tỉ mỉ chúng tôi. Chúng tôi khen món ăn ngon, khách ăn đông; thế là chị chuyển mọi chiến công sang cho anh. Quả thực, tôi chưa thấy đôi vợ chồng nào hồn nhiên đến vậy. Họ nói về nhau thực lòng, vô tư, không khoác lác, cũng không cần khiêm tốn vờ vịt.

Không khí cuộc vui xui tôi hỏi chị một câu không phải không đúng lúc:

- Xa anh chị mười mấy năm rồi, chẳng bao lâu nữa chị cũng sẽ lên chức bà rồi, vậy cho em hỏi câu này: Thuở ấy, anh chỉ là một nhà giáo, giỏi giang đấy, nhưng rất nghèo, vậy chị chấp nhận anh bởi mền tài anh chẳng?

Chị Nga lại cười, rồi trả lời, giọng tỉnh rụi:

- Tôi nghe thiên hạ đồn đó là một ông thầy kị mùi tiền, mà tôi thì không. Thế là tôi quyết định phải cải tạo cái mũi giúp ông ấy, bởi nếu để lâu, nhất định ông thầy của các chú sẽ tịt mất lỗ thở.

Chúng tôi lẫn ra cười trong khi chị dốc cạn chén rượu, giơ cao cái chén không lên trời lắc lắc rất sành điệu, rồi đứng dậy:

- Anh em cứ uống thoải mái. Tôi bận hai bốn trên hai bốn. Cho tôi xin phép - Dứt lời, chị quay vào, thoáng cái đã thấy dất xe ra sân, rô ga rồi đi khuất.

Câu đùa của chị đã vô tình khơi ra điều không ai muốn đụng tới lúc này. Chúng tôi đâu dám nhấn tâm

nhắc chuyện xưa như chạm vào vết thương lòng của anh khi anh đã bỏ lại đằng sau tất cả, đã tự nguyện chung sống với đồng tiền và hủn mùi tiền cũng không còn làm anh khó chịu nữa! Chẳng biết anh có hiểu cho chúng tôi không, bởi việc gì phải ngạc nhiên trước mọi biến cố. Chính thời gian cũng đã giúp tôi bao bài học đích đáng nếu không muốn bị gạt sang bên lề đời. Sống giữa đất Sài Gòn, tại sao tôi không chị hiểu tiền là gì?...

Bốn thầy trò ngồi lặng giữa náo động ồn ào cùng mùi khói, mùi thịt, mùi người khi đã no nê ợ ra. Cục yết hầu khá to nơi cổ anh lượn xuống lượn lên trong khi anh dùng ngón tay chấm vào ly nước vẽ lung tung lên mặt bàn. Tôi chợt nghĩ, tận trong thẳm sâu, hình như anh vẫn lạc lõng với cái thế giới này!... Lúc sau, anh ngẩng lên nhìn ra ngoài trời, giọng xa xăm:

- Ôi, cái thời vô tư lự! Ta khinh bạc hết thầy, trừ cái đẹp. Ta sợ mùi tiền như sợ mùi xác chết. Nhưng mà... thật oan cho tờ bạc rách! Sạch hay bẩn, đâu phải ở tiền, mà ở cách kiếm tiền và cách sử dụng tiền mà thôi! - Anh mỉm cười, lắc đầu - Ti vi vừa đưa tin vị quan tham nọ bị khám nhà, tủ nhà ông có khối tiền giấy Polyme mới tinh, nhưng xin lỗi, nó rất nặng mùi! Còn chẳng giấu gì mấy em, anh chị cũng có tiền, nhưng không mua bất động sản, chỉ dành cho các cháu học hành...

Anh khoát tay một vòng quanh đám thực khách vào ra, nói tiếp:

- Anh chị phải lẫn lộn ngày đêm để kiếm tiền, nhưng bảo đảm chỉ “chơi tiền sạch”, kiểu “sạch” như đã nói. Bà ấy bảo “mùi tiền thơm” là nói theo nghĩa lành mạnh hoàn toàn. Đó chính là cái giúp anh chị thương nhau lâu bền, con cái và hàng xóm mến phục. Nhưng ở đời cái gì lại không có giá; giữ được mình trong môi trường khói bụi thật chẳng khác gì đi xiếc trên dây... Nào, uống đi các em!

Chúng tôi ngồi tàn chiều nghe anh nhắc lại bao kỷ niệm, từ những ngày đánh Mỹ gian nan anh từng bế học trò bị đạn trên tay tới thời hòa bình vui tươi nhưng bữa ăn vẫn khoai sắn công cơm. Anh chưa quên thời trai huy hoàng; chỉ tiếc, là rơi vào cực đoan, làm ăn cứ làm, cấm gì không thủy chung với niềm đam mê cái đẹp... Nhưng... chớ đòi hỏi nhiều ở con người!

Trước lúc chia tay, tôi nói với anh là nhà thơ nọ đã mất hồi đầu năm.

- Vậy à? - Anh hỏi, giọng tiếc thương rồi bất chợt gõ bát, ngâm một câu thơ của Nguyễn Du: *Kiều rằng những đấng tài... hoa... ư... hừ... thác là thể phách... ư... còn là tinh... ư... anh... ư... hừ... hừ... ư... ừ!... /*

H. T. S

Người vợ

THANH QUẾ

Lại một mùa gió chướng nữa đến rồi. Gió thổi ào ào qua cánh đồng, xào xạc trên mái tranh nhà chị nằm cô đơn ở mép xóm. Chị ngồi lặng trong đêm, già cỗi và ngơ ngác. Người con trai độc nhất của chị đã ngã bệnh chết trong chiến tranh. Còn chồng chị, chồng chị thì... chị bật khóc...

Sau chiến tranh, những người vợ có chồng đi tập kết hay đi tham gia cách mạng đều vui mừng đón chồng trở về. Có người đau đớn, buồn bã nhưng cảm thấy vinh dự vì chồng mình đã hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Riêng chị, suốt 30 năm nay, chị vẫn chịu tủ nhục vì chồng chị là một kẻ chiêu hồi. Nhiều đêm, chị nằm mơ thấy chồng về, người bị băm nát, tím bầm. Anh bảo chị: "Anh không đi chiêu hồi đâu, anh bị ám hại, hãy tin anh" rồi anh dẫn chị qua những con dốc, những cánh rừng, lội qua một vực suối nước chảy ào ào, bước lên một hang đá và biến

mất... Chị tỉnh dậy ngơ ngác nhìn quanh nhà. Chị khóc. Chị nhớ một ngày nọ chị đưa con lên căn cứ thăm anh. Anh gầy gò, mắt thâm quầng nhưng có nụ cười vui vẻ. Anh ôm con, vuốt tóc nó, bảo chị:

- Em ráng nuôi con giùm anh. Bao giờ nước nhà thống nhất, vợ chồng đoàn tụ, anh lo cho mẹ con em.

Ngày ấy, ai ai trong đơn vị cũng kính nể anh, cũng sẵn sàng hỏi han mẹ con chị. Có người còn bảo chị: "Anh ấy là tỉnh đội trưởng xuất sắc đó, sắp đeo lon đại tá rồi". Ngày chị ra về, anh chị em trong cơ quan còn ríu rít đưa mẹ con chị một quãng xa. Vậy mà sau đó có mấy tháng, chị nghe tin anh đã đi chiêu hồi...

Nghe tin kinh hoàng đó, chị lặn lội vào thị xã dò la tin tức anh. Một người như anh mà đi chiêu hồi thì cả thị xã sẽ đồn âm lên. Ngay bọn địch cũng coi là một thắng lợi trong việc tuyên truyền của chúng mà. Nhưng tất cả vẫn im khô, chẳng có tin tức gì. Chị nhờ người em ở Sài Gòn thăm dò giùm cũng không biết thêm điều gì mới. Vậy anh chiêu hồi ở đâu? Sao anh giấu tung tích kỹ thế? Hay vì cỡ cán bộ như anh nên bọn địch bịt kín mọi tin tức, cho ở riêng để khai thác...

Từ ngày giải phóng đến nay bao nhiêu kẻ cố giấu tung tích vẫn có người nhận ra, dẫu đi Mỹ cũng có kẻ phát hiện. Nhiều người từ bên Mỹ vẫn nhắn tin cho vợ con biết... Hay anh đã có vợ mới mà bỏ chị. Nghĩ đến điều này, chị thấy tủi hờn đôi chút, nhưng đã thế thì bỏ qua luôn đi, người ta không còn tình nghĩa gì với mình thì mình cần gì nữa. Nhưng chị lại lắc đầu. Chị không

tin được. Lâu lâu cái giấc mơ kia lại quay về ám ảnh chị. Chỉ có thể là anh đã chết mà thôi, cái tin kia hẳn có sự nhầm lẫn nào đó. Chị quyết định đặt ảnh anh phóng từ chiếc ảnh nhỏ ở một tờ căn cước cũ lên bàn thờ, ngày ngày khấn anh, mong anh cho chị biết sự thật. Nhưng đã 30 năm rồi, biết bao mùa gió chướng...

Chị ngồi lặng lẽ nghe gió thổi xào xạc trên mái nhà. Đêm im ắng như nỗi quạnh hiu của chị. Trước kia, khi chồng chị còn ở căn cứ, những đêm như thế này, dù bị địch dò la, cấm đoán liên hệ với chị, bà con lối xóm vẫn lén lút đến thăm chị, giúp đỡ chị. Từ khi nghe tin anh đi chiêu hồi đến giờ người ta coi chị như kẻ thù, mọi người tránh mặt chị, có người còn nói kháy sau lưng chị "chồng ở Mỹ sao không sang ở cùng cho sướng, ở chi xứ nghèo này, hay là bị chồng đá rồi". Chị đã nhiều lần tìm cách mua hàng gói thuốc ngủ để tự kết liễu đời mình. Nhưng khi sắp uống thuốc, chị lại vùng tỉnh lại. Chị phải ráng sống để tìm cho ra sự thật. Nếu quả tình anh ấy phản bội thật thì chị sẽ ra đi cũng chẳng sao...

Có tiếng gõ cửa. Ai lại đến giờ này? Từ lâu nhà chị có ai đến đâu. Chị đứng dậy, hơi khựng lại một chút, thoáng lo âu. Nhưng rồi chị vẫn đi lại phía cửa. Đời chị sống tủi nhục như chết vậy thì có kẻ muốn đến giết chị cũng chỉ thế mà thôi. Chị thở mạnh rồi bật chốt cửa. Gió và mưa tạt vào nhà. Trước mặt chị một người mặc áo mưa, mũ trùm kín đầu, chỉ chừa đôi mắt, nói giọng khàn khàn:

- Có người gọi cho chị gói này.

Người ấy dúi vào tay chị một gói nhỏ. Chị chưa kịp phản ứng gì thì người nọ bước về phía bàn thờ chồng con chị. Tức thì gió gào dữ dội trên mái nhà. Từ đôi mắt chồng chị trên ảnh bỗng sáng lóe lên. Trong nhà chị có tiếng bước chân lịch bạch. Người lạ mặt nọ ré lên rồi bỏ nhào ra cửa, phóng ra đường. Ở đó có tiếng xe rồ máy...

- Chạy nhanh nữa, chạy nhanh nữa, ông ta... ông ta...

Người lạ mặt ngồi phía sau, giục người cầm lái phía trước. Một lúc sau, khi đã hoàn hồn, hắn ta nghĩ: "Quả là ông ta theo mình miết, chẳng chịu buông tha mình. Từ khi mình dùng dao đâm ông ta bên vực suối, giấu xác vào hang đá rồi vu cho ông ta đi chiêu hồi để không chặn đường tiến của mình, từ tỉnh đội phó, mình lên tỉnh đội trưởng, ông ta cứ bám theo mình miết. Mình chỉ huy đánh trận nào, trận ấy cũng bại, may mình trút lỗi cho tay tham mưu trưởng mới dính lại tỉnh đội phó. Sau giải phóng chuyển sang làm giám đốc Sở nọ lại vấp vấp đủ chuyện phải về hưu. Giờ cùng anh em bỏ vốn ra kinh doanh làm ăn thua lỗ. Ông ta quyết phá mình mà..." Hắn chợt nhớ người thầy bói mù ngồi ở góc phố, hắn lén đến đây xem, đã cười khà khà nói với hắn:

- Ông có tội to. Ông giết người. Nhưng tôi không nói ra đâu. Tôi khuyên ông nên đến nhà người ông hại. Ở đó vợ ông ấy có thờ vọng ông, ông lạy ông tha cho ông rồi đưa cho bả một số tiền và sơ đồ để bả đi lấy hài cốt chồng về chôn cất, cúng bái, ông sẽ không

hại ông nữa. Ông sẽ phát lên...

Thế là hấn đi xe ôm đến... Vậy mà...

Trong khi đó, người vợ "kẻ chiêu hồi" mở cái gói nhỏ ra. Trong gói là một xấp tiền toàn tờ một trăm ngàn đồng và một tờ giấy nhỏ có ghi: "Tôi là người quen anh nhà. Tôi biết anh ấy không đi chiêu hồi mà bị ám hại. Người ta đã giết anh ấy ở chỗ vực nước xoáy và đem nhét xác vào hang đá bên kia suối (kèm theo một sơ đồ). Chị đến đó lấy hài cốt về chôn và dùng số tiền này cúng giỗ anh".

Xem xong bức thư, chị thở nhẹ như trút được bao nhiêu tải nhục lâu nay đang dồn nén trong lồng ngực. Chị định đem bức thư cho mọi người trong xóm xem như để thanh minh cho chồng, lấy lại uy tín cho mình và hỏi ý kiến cách đi tìm anh, nhưng nghĩ thế nào lại thôi. Chị lặng lẽ cơm đùm cơm nắm đi theo sự chỉ dẫn...

Nhiều người sau đó nghe chị đi về kể rằng: Quả là chị đã tìm được hài cốt anh trong hang đá bên dòng suối nọ. Khi chị mang túi ni lông đựng hài cốt anh ra bờ suối thì bỗng thấy một người đàn ông tóc tai bù xù, áo quần rách nát, tay cầm con dao vừa đi vừa gào lên: "Ông tha cho tôi, ông tha cho tôi, đừng lôi tôi đi qua cây qua đá, người tôi rách nát, xơ xác... Tôi đã chỉ cho vợ ông lấy hài cốt ông về chôn và đưa tiền cho bà cúng ông rồi. Ông... Ông.... tha cho tôi". Chị hoảng lên, ù té chạy. Chị vốn sợ những kẻ điên mà.../.

T. Q

Quay về

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Việc phải đến đã đến: anh Đàn cưới vợ. Bạn bè nhận được thiệp hồng của anh ai cũng ngạc nhiên. “Trời, thằng vậy mà cũng cưới được vợ sao ta?”. Có đứa còn không tin, gọi điện hỏi, sợ anh xí gạt mình. Nhưng anh Đàn cưới thật, một cô gái lạ hoắc, không do người bạn nào làm mai mối, cũng chẳng phải em gái chị gái của thằng bạn nào. Đám cưới được tổ chức ở nhà hàng Thượng Uyển, đãi ba mươi bàn với thực đơn bảy món, có nhạc sống, có nhảy đầm (sau khi thực khách đã ngà ngà say), có chụp hình quay phim. Cô dâu thay ba lần áo cưới. Anh Đàn mặc com lê, đi đứng như người ngoài hành tinh, nghe đám thợ chụp hình quay phim bày trò gì là anh làm trò nấy. Đặc biệt đám cưới anh có cái lạ, đó là bản Hợp đồng hạnh phúc được một ông đại diện nhà gái soạn thảo và trình bày gồm năm điều, trong đó đặc biệt quan trọng là không quá mười hai tháng kể từ ngày cưới bên A và bên B có nghĩa vụ và quyền lợi

ngang nhau trong việc cho ra đời một thằng nhóc, đồng thời nuôi dưỡng thằng nhóc ấy. Cuối cùng hai bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện hợp đồng, bên nào vi phạm sẽ bị tòa án gia đình xét xử.

Rồi bên A (vợ anh Đàn) ký tên. Không chần chừ, anh Đàn thộp cây viết từ tay ông anh vợ ký rẹt vào chỗ dành cho bên B. Cũng may, chữ giá như trong tờ hợp đồng đó có ghi thêm điều khoản, chẳng hạn anh Đàn còn nợ ai đó một triệu đô la Mỹ, trong vòng hai ngày không trả được sẽ bị treo cổ thì anh cũng ký, bởi anh đã say rồi, bữa say rượu cuối cùng của cái thời độc thân. Anh Đàn uống không vì vui cũng không vì buồn mà anh uống như một người ngây dại.

Sáng hôm sau thức dậy anh Đàn thấy mình không nằm ở nhà mình mà nằm trong phòng tân hôn, bên cạnh không phải ca trà đá được đập thật nhuyễn do chính tay cha anh làm mà là... một người phụ nữ, vợ mình. Người phụ nữ ấy nằm cạnh mình, tay cầm sách, nhưng mắt lại liếc nhìn mình thăm dò, mặt có hơi quạu. Cuộc sống chỉ qua một ngày mà cơ bản đã đổi khác.



Thế rồi vào một buổi chiều cuối năm ở Sài Gòn, thời tiết lem nhem, lẫn trong điệp trùng xe cộ, người ta thấy có anh Đàn của chúng ta. Anh vừa quyết định rời khỏi tổ uyên ương của mình, cái tổ uyên ương anh cùng vợ cố gắng xây đắp ngót nửa năm

nay, hay nói nôm na là anh vừa quyết định chia tay với vợ.

Anh Đàn chạy xe chậm, đầu óc nhẹ nhõm, không có gì để hân hoan, cũng không có gì để phiền muộn. Sau khi quẹo một vài con phố, anh Đàn nhớ đến người bạn giờ đây đã cùng cảnh ngộ và anh quyết định lựa một trạm điện thoại công cộng thuận tiện gọi cho người đó.

- A lô, tao đây - anh Đàn nói - nhớ mày quá gọi điện thăm. Hả? Điện thoại công cộng. Ờ, giờ chúng ta cùng cảnh rồi ngộ nghen. Tao đang “bỏ của chạy lấy người”. Sao? - Anh Đàn cười hơ hớ - Trở về mái nhà xưa. Đang ngồi với ai mà nghe ồn ào vậy? Chuyển lời chào của Lê Đàn đến tụi nó. Máy cuốn sách của tao để đó khoan trả, chừng nào muốn trả thì mang lại nhà tao. Nhà nào hả? Nhà ông già tao chớ nhà nào. Ờ, ờ. Mọc xi. Bay.

Tin về vụ anh Đàn chia tay vợ lập tức lan nhanh. Anh chàng nói chuyện điện thoại với anh Đàn, sau khi buông ống nghe, tuyên bố:

- Rồi, nó lại noi gương tôi, thôi vợ nữa rồi!

- Ai? - Mọi người hỏi.

- Thăng Đàn.

- Đàn nào?

- Đàn “mình” chớ Đàn nào.

- Đàn mới cưới vợ bữa đó hả?

Một người đã có tuổi nói giọng muốn cãi lộn:

- Mày! “Bữa đó” gì. Nó cưới được năm, sáu tháng

rồi chứ bộ!

Chắc người có tuổi muốn đề cao thành tích của anh Dân nên ông mới làm bộ quạu chơi. Ông hỏi tiếp:

- Nó ở đâu gọi cho mày vậy?

- Dọc đường, điện thoại công cộng. Nó đang “bỏ của chạy lấy người”.

Về nguyên nhân vợ chồng anh Dân chia tay, tạm thời nhóm người này chưa biết. Họ chỉ có thể đưa ra những nhận định của riêng mình, hay nói cách khác là đoán mò. Chẳng hạn:

- Nghe nói bên vợ thằng Dân là gia đình gia giáo. Tới giờ cơm già trẻ lớn bé đều phải ngồi vào bàn. Đi phải thưa, về phải trình. Thằng Dân vốn “bụi đời”, sống gò bó vậy chịu sao nổi.

Tiếp theo là một vài nhận định khác cũng thuộc loại “nghe nói, nghe đồn”, trong đó có chi tiết một lần anh Dân xem nổi khùng với việc sáng nào thức dậy cũng thấy cái bàn chải đánh răng được nặn kem sẵn để một chỗ nhứt định và vân vân những chi tiết đại loại như thế.

Nhưng tất cả những nhận định trên đều trật lất, bởi chính anh Dân cũng không rõ lắm về nguyên nhân ra đi của mình. Cãi vã thì cặp vợ chồng nào không cãi vã? Mất tự do là có thật nhưng điều đó ai cũng biết trước nên đã có một sự chuẩn bị tinh thần sẵn. Anh Dân đã đọc hàng trăm câu châm ngôn nói (xấu) về cuộc sống vợ chồng, chẳng hạn như “Cưới vợ là tự mở cửa xà lim bước vào”... Nhưng nói xấu thì

người ta cứ nói xấu, nhân loại vẫn tiếp tục cười nhau, hai điều này, cuối cùng, hình như chẳng quan hệ gì. Anh Đàn cho rằng mất tự do - đó không phải là tên thủ phạm chính gây nên cảnh li tán vợ chồng anh. Cũng cần nói thêm một nguyên nhân nữa, đó là việc họ chưa thực hiện được điều khoản quan trọng nhất trong bản Hợp đồng hạnh phúc. Nhưng chỉ mới sáu tháng, có sớm quá chẳng trong khi hợp đồng ghi thời gian thực hiện là mười hai tháng?

Trong khoảng thời gian chung sống với nhau, loại trừ chuyện gia đình đôi bên, anh Đàn thấy ở vợ mình có một khuyết điểm nhỏ, đó là việc nàng đem về nhà quá nhiều bọc ni lông. Trừ mọi hôm đi chợ mua thực phẩm, hàng hóa số lượng bọc đếm không xuể, những hôm đi làm bình thường chưa bữa nào nàng tha về dưới ba cái, cái nhỏ bỏ trong cái lớn, cái lớn trong cái lớn hơn. Bọc đựng hai trái táo, bọc đựng thỏi son môi, có bọc chỉ đựng cái đồ bấm móng tay. Đúng vậy, chỉ một cái đồ bấm móng tay, anh không hề bịa đặt. Ngày xưa, vào thời buổi khó khăn đến độ bọc ni lông cũng hiếm nên mẹ anh Đàn quý chúng lắm. Có những cái mẹ anh phải giặt đi giặt lại để dùng hết việc này đến việc khác, và mẹ anh gọi chúng là loại bọc lò xào do âm thanh chúng phát ra khi va chạm. Thực lòng mà nói, anh Đàn có cảm tình với loại bọc lò xào chứ không ác cảm. Nhưng có điều sau khi đem về nhà, vợ anh không chịu bỏ đi mà... để dành, đến nỗi số lượng chúng tăng lên mỗi ngày có nguy cơ

đe dọa đến hạnh phúc gia đình anh ở cả hai nghĩa. Anh Đàn đâm sợ bọc ni lông, cụ thể là sợ những hôm vợ đi làm về. Mà nghĩ cho kỹ cũng không thể trách vợ anh được, bởi một hôm anh Đàn thử ra chợ mua hai cái bọc ni lông thì y như rằng chúng được bỏ vào một cái khác. Lần khác anh mua một cây bút vẽ mực tàu. Sau khi trả tiền, anh cầm cây bút nhanh chóng chạy ra xe. Nhưng không kịp! Bà chủ tiệm còn nhanh hơn, đưa hai ngón tay nhón cái bọc ni lông chạy theo đưa cho anh, ý muốn bảo đó là bao bì của cây bút. Sao bây giờ người ta lịch sự thế. Đi được khoảng hai mươi mét, anh Đàn tắt xe vô lễ đường, giận dữ vò cái bọc ni lông thả vào thùng rác.

Nhưng lý do thôi vợ chỉ vì bọc ni lông thì nghe nhảm quá. Người ta vì bất đồng quan điểm, vì xung khắc tôn giáo, vì không cùng chí hướng nên mới chia tay nhau. Còn Lê Đàn: Do bịch ni lông! Không, vậy thì khôì hài lắm, phải còn lý do nào khác nữa chứ? Hay do nàng chuẩn bị quá kỹ để làm vợ trong khi anh Đàn chưa một ngày chuẩn bị làm chồng?

Anh Đàn nhớ lại, cuốn sách mà nàng đọc trong đêm tân hôn lúc anh “quắc cần câu” chính là cuốn Bí quyết giữ gìn hạnh phúc gia đình, hay còn gọi là Nghệ thuật làm vợ. Dấu hiệu cũ nát chứng minh nàng đã nghiền ngẫm nó không ít. Quả vậy, lật các trang trong, anh thấy nàng gạch dưới nhiều đoạn, câu mà có lẽ nàng tâm đắc nhất: “... *những tiếng động ở ngoài đời thô tục phạm phu, dữ tợn che lấp*

tiếng hát đang nổi dậy trong lòng cô. Phải để cho cô được tràn ngập, quay cuồng, đảo lộn vì vui vẻ, ngây ngất vì yêu đương, để mặc cho cô quên cả thế giới. Những lúc ấy cô cứ hưởng đi, hưởng rõ nhiều tất cả cái hương vị say sưa nồng nàn..." (bỏ một đoạn) "... ai dám uống cạn chén tình trong vài ngày? Hạnh phúc ví như chén rượu ngọt thơm, có uống thông thả từng hớp nhâm nhi mới thấy vị của nó. Chỉ có những kẻ điên rồ mới nốc (chén tình - chữ của anh Đàn) cạn sạch một hơi".

Anh Đàn thôi không đọc tiếp. Nhưng rồi anh cũng dừng lại chỗ nàng đặc biệt nhấn mạnh ở gần cuối sách (có lẽ thế) vì nàng đã gạch dưới bằng hai màu mực: Trong phòng ngủ, đừng bao giờ làm những việc như lấy kính sát trùng ra khỏi mắt, lấy răng giả ra khỏi mồm... Những điều đó sẽ làm chồng bạn tắt mọi cảm hứng. Anh Đàn nghĩ, nếu là chồng, trước khi lên giường thấy vợ gỡ hàm răng giả thì chẳng những anh sẽ tắt mọi cảm hứng mà còn có khả năng tắt thở.

Tiếp tục: Đừng vội kéo mền che thân thể khi chàng vừa bật đèn. Không nên che giấu thân thể bạn, hãy tự tin bạn luôn là một phụ nữ đầy quyến rũ.

Đừng quá rụt rè...

Anh Đàn quyết định dừng tại đó. Anh thấy mắc cỡ về việc mình đi hơi sâu vào chuyện kín đáo của phụ nữ một cách không mấy quang minh chính đại, giống như anh đang nhìn lên một cô gái từ vị trí mà cô không hề hay biết, do vậy cô càng lúc càng trở nên

quá tự nhiên, chẳng hạn cô đang chỉnh tới chỉnh lui chiếc áo nịt ngực sau khi tỉ mẩn nhổ mấy cọng lông nách, nhổ trong một tư thế vô cùng thoải mái...

Nhìn lên một cô gái từ vị trí mà cô không biết do tình cờ, điều đó có thể chấp nhận được và tha thứ, chứ nếu như anh rắp tâm bố trí để nhìn lần thứ hai, thì anh đã trở nên người bệnh hoạn rồi. Anh Đàn cũng vô tình đi hơi sâu vào chuyện kín đáo của giới nữ chỉ có một lần cho đến ngày anh quyết định rời khỏi tổ uyên ương, không dám đụng đến lần thứ hai, dù anh biết trong nó còn chứa nhiều điều lý thú.



Anh Đàn về đến nhà thì bắt gặp cha mình đang cho chim ăn. Trời, con chim này vẫn còn! Nó bao nhiêu tuổi rồi? Không nhớ tết năm nào, hai cha con thằng bạn về quê, đem gỏi cái lồng chim, rồi chẳng hiểu sao chúng bỏ luôn - ở đời vẫn xảy ra những chuyện như thế. Anh bắt đắc dĩ phải nuôi, nuôi rồi thương, nó thành con vật cưng của anh. Khi cưới vợ, anh Đàn bắt buộc phải giao nhiệm vụ này lại cho ông già mình. Giờ đây, một buổi chiều cuối năm có mưa, một ông già bảy mươi tuổi đang ngồi lật từng con cào cào cho chim ăn. Anh Đàn dựng xe, nói:

- Ba. Con mới về - anh nói thêm - con về luôn - rồi bỗng bật cười thành tiếng.

- Về luôn? - Ông già cũng mỉm cười.

- Về luôn!

- Vậy mày cho nó ăn đi!

Ông đứng dậy khỏi cái lồng chim. Anh Đàn ngồi bẹp xuống nền gạch, con chim nhận ra anh xù lông làm nũng. Anh la:

- Ý, nó còn nhớ con, ba ơi!

- Nhớ chó! - Ông già đáp với vẻ hân hoan - Tại mấy lần trước mày về ban đêm, lại đi với người lạ nên nó không nhận ra, hay có nhận ra mà không thèm mừng.

Nói rồi ông bước ra khỏi nhà. Anh Đàn ngồi một mình bên cái lồng chim, anh thấy một con kiến tha cánh con cào cào, tha trong tư thế dựng đứng lên, di chuyển nghiêng nghiêng trông như một cánh bướm. Rồi những con kiến khác cũng tha, chúng đều tha trong tư thế dựng đứng. Một cuộc biểu diễn thuyền bướm được nhìn từ trên cao. Thực vậy, trong một ô vuông gạch đã ố vàng ở nhà anh, không ngờ lại diễn ra cuộc đua thuyền bướm ngoạn mục đến thế.

Ông già trở về, thả lên bàn gói *Con mèo*, loại thuốc mà anh Đàn ưa rồi cặm cùi đi pha trà, ông làm công việc pha trà với các động tác chậm chạp một cách có chủ ý. Ba của anh Đàn tuy già nhưng còn tâm lý lắm. Một lần anh bị té xe trật tay, phải băng bột và nằm nhà dưỡng bệnh. Khoảng thời gian đó có hai người bạn tới thăm, mang theo thùng bia. Thấy anh tiến thoái lưỡng nan (bởi hôm té xe anh Đàn cũng có uống chút bia), ông nói: “Uống đi! Mắc cỡ khỉ gì. Sao? Uống không để tao đi mua đá?” Ông đã “hạ

gục” anh một cách nhẹ nhàng. Giờ đây trở về sau anh Đàn biết chắc, hễ hôm nào anh có đi nhậu với bạn bè thì khẩu phần sáng sớm của anh chắc chắn sẽ là một ca trà đá đập thật nhuyễn do chính tay cha anh làm.

Mưa bất ngờ đổ rào xuống mái tôn. Ông la, cũng trong trạng thái hân hoan:

- Mưa! Phải hứng nước con ơi. Nhà mình mấy ngày nay cúp nước.

Trong lúc tất tả tìm xô thùng để hứng nước, anh Đàn gặp lại kỷ niệm cũ. Trước đây trong một lần đi công tác ở Côn Đảo, anh có mua về nhà một ký lô gam khô mực, đó là thứ thức ăn mẹ anh thích. Từ đây bắt đầu sinh ra những chuyện buồn cười: thấy mẹ ăn uống khó khăn, anh Đàn bèn mua một cái máy quay khô mực, cốt làm cho nó toí ra và mềm đi. Cái máy quay mua về không biết gắn vào đâu, cuối cùng phải hy sinh thêm một cái ghế gỗ để anh bắt cố định vào, bắt bằng bù lon con tán hỏn hoi.

Chuyện nghe có vẻ giống như chuyện cổ tích kể về những anh chàng ngô nghê, bởi vì tiền để mua cái máy quay và cái ghế gỗ đã gấp mấy lần tiền của một ký lô gam khô mực, nhưng đó là sự thực, để giờ đây, vào một buổi chiều cuối năm có mưa, anh chợt phát hiện ra nó còn nguyên vẹn trong kẹt cánh cửa sau, trên phần máy quay còn trùm một cái bọc ni lông (lại bọc ni lông) đã hết sức cũ kỹ, không loại trừ khả năng cái bọc ấy được trùm bởi chính bàn tay của mẹ anh sau khi bà quay con cuối cùng và ăn được một phần

tư, ba phần tư còn lại được úp cẩn thận trong lồng bàn rồi ra đi, cứ tưởng đi một lát về, nào ngờ đó là lần cuối cùng mẹ anh ra khỏi nhà, bắt đầu cho những cuộc chuyển viện liên miên như một mê hồn trận từ Tây y sang Đông y, từ phẫu thuật cho đến xạ trị, hóa trị, để rồi không bao giờ bà còn tỉnh táo trở về cùng với chị Hai nhạo báng anh đã xài sang một cách ngu ngốc. Đó là kỷ niệm về sự ngây ngô, dốt tính của anh nhưng là kỷ niệm vui.

Thấy anh Đàn còn đứng tần ngần, ông già giục:

- Lẹ lên con, mưa lớn rồi.

Công việc sau đó được tiến hành một cách nhịp nhàng: hai cha con anh Đàn cởi trần, cha anh múc nước vào xô, anh xách đổ vào hồ. Trong lúc làm việc anh Đàn tự hỏi, nếu chiều nay anh về không kịp thì một mình cha anh phải xách đầy hồ nước sao? Anh nói:

- Thôi ba vô đi, coi chừng lạnh.

- Lạnh lẽo gì! Tao coi già nhưng còn gân lắm nghen mậy.

Mà ông còn “gân” thật. Nhìn nước da hồng hào của cha, anh Đàn thấy mừng. Thôi, từ nay ở lại đây, quyết không đi đâu nữa.



Chạng vạng, anh Đàn trèo lên căn gác gỗ, nơi được gọi là “sào huyệt” của anh khi anh còn sống độc thân, ngồi nhìn ra ngoài. Trời đã tạnh nhưng mây vẫn còn

vân vũ hứa hẹn một cơn mưa tiếp theo không bao lâu nữa sẽ đến. Vậy mà phía bên kia con đường nhỏ rõ ràng có hai tên trộm đang thập thò. Không nghi ngờ gì, chúng đích thị là hai tên đạo tặc, một trai một gái. Cô gái mặc váy ngắn, áo cũng quá ngắn nên mỗi khi cô nhón người lên nín càn sơ ri, một tay của cô phải giữ vạt áo kéo xuống hông che cái khoảng bụng. Chúng đang hái trộm sơ ri, cây sơ ri trồng trong sân nhà đối diện chỉ gie ra ngoài đường một nhánh. Hai đứa loay hoay khá lâu với cái nhánh gie ra nhưng chắc chưa hái được gì. Thằng con trai đeo kính cận, dáng thư sinh, coi bộ không phải dân chuyên nghiệp, song chúng liêu lĩnh lắm. Rồi hình như thằng con trai phát hiện được một trái ở trên cao, nó thót người lên nắm càn oằn xuống. Nước mưa đọng trên lá cây làm tóc chúng ướt bê bết. Đứa con gái hái được rồi! Chúng bắt đầu giành giật nhau trái sơ ri. Con nữ tặc nhắm bệ tranh không thắng bèn ra hiệu cho thằng con trai há miệng, cứ tưởng nó hào phóng, dè đâu chính lúc đó nó lại bỏ gọn vào miệng mình.

Một buổi chiều cuối năm có mưa, một anh Đoàn vừa mới chia tay vợ trở về nhà ngồi trên căn gác cũ nhìn hai tên trộm nghiệp dư tội nghiệp. Trời, trộm cắp gì, ăn chia gì cái thứ chỉ cần bỏ ra một ngàn đồng là mua về cả đồng. Thằng con trai còn trẻ quá, chẳng hiểu nó đã kịp đọc bao nhiêu câu châm ngôn nói (xấu) về cuộc sống gia đình? Mà xét cho cùng điều đó quan hệ gì? Kia, chúng lại phát hiện thêm một trái khác.

Đứa con trai lại níu càn oằn xuống cho đứa con gái hái. Bài học thương đau vừa diễn ra còn sờ sờ mà nó vẫn ngu si không chịu rút kinh nghiệm. Lần này, khi nhón lên, con nữ tặc để một tay giữ váy chứ không giữ vạt áo nữa, chắc nó nghĩ khúc dưới quan trọng hơn. Các bà các cô thường vẫn vậy, khi may đo, họ luôn tự tin vào phong độ của mình: váy thật ngắn, thật sát; áo thật phong phanh, mát mẻ, để khi ra đường, chỉ cần có một cậu nào đó liếc mắt là họ lập tức đưa tay kéo, ghì, che, mà khổ nổi... Hãy nhìn cô gái kia! Chiếc váy của cô làm sao có thể còn dài ra được nữa mà kéo?

N . T . N

Sông Đà một thuở

NGUYỄN HẢI

Thật hạnh phúc cho ai trong đời mình

Có một dòng sông chảy trong lòng,

Có một bến sông để trở về.

Yến Lan ⁽¹⁾

Vào thập niên sáu mươi của thế kỷ trước, khi Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, chúng tôi sống và làm việc ở Hòa Bình và có rất nhiều kỷ niệm với sông Đà, con sông trẻ và đẹp nhất miền Tây. Cái đoạn nó thả dòng vào thị xã tỉnh lỵ, nơi chúng tôi ở, có lẽ là đoạn sông trữ tình nhất, mộng mơ nhất. Chợt vào địa đầu tỉnh lỵ, dòng chảy đổ hẳn sang bờ phải, xối nước vào chân núi ông Tượng. Rồi như giận dữ với cái vách đá lô xô lạnh lùng mà kiêu

⁽¹⁾ Yến Lan: (1916-1998) Nhà thơ. Quê Bình Định. Tác giả của bài thơ “Bến My Lăng” nổi tiếng.

ngạo ấy, nó vội xoay dòng đổ nước sang bờ trái, đâm vào chân núi Ba Vành, tạo thành một vạt nước lớn. Mặt sông chao nghiêng đi, nước réo lên ào ào, hậm hực. Chiều xuống, nhìn dòng chảy, thấy bóng núi ngả nghiêng, lại ngỡ núi say.

Người dân ở thị xã gọi cái vạt nước lớn ấy là Vạt Nhội.

Ở bên bờ Vạt Nhội ngày ấy, có một xóm nhỏ nằm nép vào chân núi Ông Tượng. Tất cả những căn nhà ở cái xóm nhỏ ấy đều làm theo một hướng. Lưng nhà dựa vào vách núi, mặt quay ra sông. Mùa mưa, nước sông lên cao, cái xóm nhỏ như sống kề với sông nước. Mùa khô, sông thu dòng, cái xóm nhỏ lại hóa cheo leo. Vì phải xuống một cái dốc dài mới đến mí nước, mặt sông.

Hồi sống trên đó, chúng tôi đều còn trẻ, rất thích sông nước. Thứ bảy, chủ nhật, chúng tôi thường kéo nhau lên Vạt Nhội chơi. Cũng không cứ là mùa khô hay mùa mưa, mà hứng lúc nào là chúng tôi kéo nhau lên. Nói là lên chơi, nhưng ba đứa thân nhau, có lẽ chỉ có tôi là đi chơi đúng nghĩa. Còn Lưu và Bích thì khó nói đó là đi chơi hay đi làm. Bởi vì cứ lên đó, là hai đứa thế nào cũng xách theo giá vẽ, bút giấy và hộp màu... Nghĩa là rất lĩnh lĩnh, chứ không đi tay không như tôi.

Lưu là học sinh miền Nam, theo cha tập kết ra Bắc. Anh học phổ thông tại trường học sinh miền Nam ở Hải Phòng, rồi thi vào đại học Mỹ thuật. Ra

trường, anh về công tác tại phòng hội họa của Ty Văn hóa tỉnh. Bích, con trai Hà Nội, cũng từng thi vào Mỹ thuật, nhưng hai năm liền, trượt, tức mình đi học trung cấp kế toán, rồi lên làm kế toán tại Ngân hàng tỉnh. Có lẽ vì chuyện vẽ vời mà hai đứa thân nhau. Nhưng xem ra, Lưu đam mê hội họa thật sự. Còn Bích thì khó biết anh mê gì. Vì, anh không chỉ vẽ, mà còn thích chơi đàn ghi ta, thích hát hò, văn gừng, văn nghệ. Thích chơi thể thao, anh đã từng đoạt giải nhì đơn nam bóng bàn toàn tỉnh. Bạn bè ở cơ quan còn gọi anh là nhà thơ. Không số báo tường nào, anh không có một bài thơ tình rõ mùi mẫn. Bạn ở cơ quan anh kể: Bên quầy kiểm ngân có một cô gái tên là Thu. Một buổi chiều, Thu đang tắt bật bàn giao sổ sách để nghỉ phép, chuẩn bị cưới chồng. Đầu giờ, chưa có khách hàng, ở bên quầy kế toán. Bích đứng lên hỏi: Các ông các bà có thích nghe thơ không? Không ai trả lời. Bích vẫn đứng lên ứng khẩu ngâm, giọng nào nùng pha chút hài hước:

Cũng không hiểu Bích ứng khẩu, hay đã làm từ trước, nhưng khi anh ngâm xong, mọi người tán thưởng, cười nói âm ỉ. Riêng cô kiểm ngân lại ngồi khóc sục sùi. Thế là thành chuyện. Anh con rể của ngân hàng sau biết chuyện giận Bích lắm.

Xem như thế Bích cũng là một chàng trai tài hoa.

Có lẽ chỉ có tôi là kém cỏi. Không biết vẽ, cũng chẳng đàn hát bao giờ. Chơi bóng bàn thì chỉ mới

cầm đến vợt bạn bè đã cười ồ. Vì tôi chơi tay trái. Không biết gì, nhưng cứ hể lên Vật Nhội là hai đứa lại lôi tôi đi. Lên đấy, tôi ngồi xem chúng vẽ, hoặc xuống mí nước xem người ta giăng lưới đánh cá. Ngày ấy, thị xã Hòa Bình mới có máy nước. Cái tháp nước đặt ngay vách núi Ông Tượng, nghĩa là ngay trên sau lưng xóm nhỏ một chút. Nhưng không hiểu sao cái xóm ấy lại chưa được cấp nước. Vì vậy, chiều lên đó chơi, xuống xem người ta đánh cá, tôi hay gặp một cô gái trẻ trong cái xóm nhỏ ấy ra sông gánh nước.

Nhưng, những lần sau đi với hai đứa lên Vật Nhội, tôi thường thủ một cuốn sách. Lên đó, tôi chui vào một hốc đá, có khi là trong một bụi cây, ngồi đọc chuyện. Mặc kệ cho hai đứa vẽ vời và cũng chẳng gặp cô gánh nước nữa.

Một chiều chủ nhật, chúng tôi cũng ở Vật Nhội. Trời đang đẹp, hai đứa lúi húi vẽ, tôi mải mê đọc thì mưa chợt đến. Hai đứa thu đồ nghề chạy vào ngôi nhà đầu dãy. Tôi từ hốc đá chui ra, nhìn thấy chúng chạy vào nhà, vội chạy theo. Lúc tôi nhảy được lên đầu hè, thì cánh cửa nhà cũng vừa đóng lại. Có lẽ là để tránh gió. Mái hiên rộng, tôi thấy không cần thiết phải vào nhà. Hơn nữa, đứng đấy nhìn mưa trên sông cũng hay. Chợt tôi nghe thấy tiếng một cô gái:

- Cái anh vẫn đi theo các anh hôm nay không đi à?

Tiếng Lưu:

- Ủa! Sao lại kêu là đi theo?

- Em thấy hai anh vè. Còn anh ấy chẳng làm gì thì em nghĩ là đi theo.

Lưu cười:

- Tôi lại nghĩ là anh ấy dẫn chúng tôi lên đây.

Tiếng cô gái đay lại, vẻ nghi ngờ:

- Dẫn lên?

Tiếng Bích:

- Người bảo đi theo. Người bảo dẫn. Thôi, cộng lại chia đôi là cùng đi, được chưa?

Tôi bật cười. Thằng cha làm kế toán, suốt ngày tiếp xúc với con số có khác, cái gì cũng cộng trừ nhân chia được.

Không nghe thấy gì thêm nữa, bởi ngay sau đó mưa rất to. Tôi phải đứng nép sát vào vách nhà. Nhưng rồi chỉ lát sau mưa tạnh. Thời tiết miền Tây vẫn vậy. Cứ chột mưa, chột nắng. Bầu trời lúc nãy vừa ướt sũng, giờ đang được hong khô và đang xanh trở lại.

Cửa mở, cô gái bước ra, nhìn tôi rồi ơ lên một tiếng.

Cô cười bảo:

- Sao anh không vào nhà?

Lúc cô gái bước ra, tôi cũng xuýt ơ lên một tiếng, như cô. Vì tôi nhận ra đấy là cô gái vẫn xuống sông gánh nước mỗi chiều.



Sau lần trú mưa ở nhà cô gái, băng đi một thời gian dài, chúng tôi không có dịp lên Vật Nhội. Tôi và

Lưu đều trong đoàn đi tăng cường cơ sở, xuống các xã vùng sâu, vùng xa. Mỗi đứa đi một huyện, thành ra chẳng có dịp gặp nhau. Bích ở lại thị xã. Một mình, chắc gì nó đã lên Vật Nhội. Ấy là tôi nghĩ thế.

Hết ba tháng đi tăng cường, chúng tôi về thị xã và gặp lại nhau. Tuổi còn trẻ, đi xa lâu ngày gặp lại nhau thật là vui. Giá như thời nay thì bia rượu đã lại tuôn trào. Thời ấy "hội chúng đô", "đô một trăm phần trăm" chưa nẩy nôi. Tôi mang về một sọt đu đủ nường chín cây. Ba đứa lại ngồi với nhau. Chè chín hào ba lại lai láng. Chín hào ba là thứ chè rẻ nhất thời đó, giá chỉ có ba hào một gói. Nó được tận thu từ lá chè già ở các nông trường chè, về băm ra, sao sấy rồi đóng gói đưa ra cửa hàng mậu dịch bán tự do. Phải nói rõ là bán tự do, vì nó khác với hàng bán phân phối như chè Hồng Đào, Ba Đình... Muốn mua, phải có tem phiếu, sổ mua hàng, giấy giới thiệu hoặc mảnh thư tay. Tuy nói là bán tự do, nhưng mỗi người, mỗi lần không được mua quá ba gói. Ai muốn mua nữa phải xếp hàng lại. Nếu mậu dịch viên nhớ mặt, phát hiện ra sẽ bị đuổi khỏi hàng. Vì chỉ bán ba gói một lần, nên nó mới có tên chè chín hào ba.

Lưu rút trong túi ra một bao thuốc lá Tam Đảo nhậu nhĩa. Dĩ nhiên là chỉ mình nó hút, còn tôi và Bích thì không. Lưu đi tăng cường trên huyện Mai Châu, đến tận những xã người Mèo ở Hang Kia, Pa Cò (Thời ấy chưa gọi là người H' Mông như bây giờ).

Khi về, Lưu đem theo một con chó có bộ lông sù màu vàng đẹp và rất khôn. Tôi nhìn con chó ăn miếng đu đủ chín ngon lành mà ái ngại. Tiêu chuẩn lương thực cán bộ thời đó có mười ba cân một tháng (năm cân gạo, tám cân bột mỳ. Khi nào mỳ về chậm thì thay bằng ngô, khoai, hoặc sắn). Người ăn chưa đủ, lấy đâu ra nuôi con của. Tôi nghĩ vậy nên bảo Lưu:

- Lúc nào mày cũng kêu đói, tha nó về thì lấy gì nuôi?

- Tao ăn bếp tập thể, lo gì!

Bích dúm cho con chó thêm miếng đu đủ. Xuýt nữa tôi kêu giời...

Ngày ấy có miếng đu đủ chín ăn là quý lắm. Vì các bếp ăn tập thể, người ta thu mua hết đu đủ xanh để làm rau cho cán bộ, bộ đội. Ăn miếng đu đủ chín lúc ấy, như bây giờ ta ăn xoài cát Thái Lan hay ăn táo Mỹ vậy.

Bích nhìn con chó ăn bảo Lưu:

- Mày cho tao con chó này đi.

Lưu búng mẩu thuốc lá đi rồi bật tay đánh tách một cái, con chó ngược lên rồi dựng hẳn người, giơ hai chân trước lên vái vái. Lưu khoái chí, hất hàm:

- Ngó đi! Kỳ chưa?

- Cho nhé!

- Nhưng để làm gì chứ?

- Tặng người yêu!

Lưu tròn mắt, gặng:

- Người yêu?

Nghe Bích nói người yêu, tôi nghĩ chắc phải là một cô gái Hà Nội xinh đẹp. Nhưng khi Lưu hỏi ai, ở đâu? Bích bảo: Chúng mày biết cả rồi, thì cả Lưu và tôi đều ngơ ngác. Bích cười thích thú:

- Cô bé ở Vật Nhội mà bọn mình vào trú mưa ấy.

- À... ra vậy!

Tôi thì quả là không ngờ. Cô bé thì trẻ, khỏe mạnh, nhưng bình thường. Ấn tượng chẳng có lẽ có đôi mắt. Còn tất cả đều tầm tầm. Tôi nghĩ: Một thằng cha đẹp trai, tài hoa, thơ tình cả gánh, mà lại là dân Hà Nội, hoàn toàn có thể lấy một cô gái xinh đẹp hơn nhiều. Nhưng sao Bích lại yêu cô bé ấy nhỉ? Tôi cũng chỉ nghĩ vậy thôi. Bởi ngày ấy tôi chưa có người yêu, chưa hình dung ra hình mẫu một người yêu phải như thế nào.

Bích kể với chúng tôi: Liên - tên cô bé - là giáo sinh sư phạm trung cấp chỉ còn một năm nữa là ra trường. Nghe nói cô học giỏi, có thể được giữ lại trường. Bố mẹ cô là người dưới xuôi lên đây sinh sống. Quê tận Xích Thổ, Ninh Bình. Xưa ông làm nghề buôn bè, vẫn đi trên tuyến sông Nho Quan Hoàng Long. Sau lên sông Đà, Hòa Bình làm cái thuyền con đánh cá, mùa nước kiếm thêm bằng vớt củi dêu. Ở những vạt nước lớn của sông thường có nhiều cá to, quý hiếm. Ở Vật Nhội, đã có người đánh được những con cá chiên phải ba, bốn người khênh. Nhà Liên có bốn anh em. Người anh trai cả làm thợ cơ khí ở dưới quê. Người anh thứ hai đi bộ đội. Ở nhà

hiện chỉ có hai chị em Liên. Em gái Liên là Lan đang học lớp 10 trường cấp III Hoàng Văn Thụ.

Theo như Bích kể thì hai người yêu nhau rất tha thiết. Bên trường Sư phạm trung cấp có liên hoan văn nghệ. Bích đã xách ghi ta theo Liên sang sông dự liên hoan, rồi lên đệm đàn cho cô hát. Cô hát bài *Tình ca Tây Bắc*. Rồi hai người lại hát song ca bài *Nhạc rừng* của Hoàng Việt. Anh cúc cu, chị cúc cu, rồi hai người hòa giọng chim rừng ca trong nắng. Ở dưới hội trường vỗ tay rào rào. Hai anh chị say sưa mê mẩn.

Gia đình bố mẹ Liên và cả Lan đều vui vẻ để cho hai người đi lại. Chị gái Bích từ Hà Nội lên thăm em trai, nghe nói em có người yêu, cũng lên Vật Nhội, đến nhà xem mặt. Khi ra về, chị im lặng, không vui cũng không buồn. Khi bọn tôi hỏi, chị cười: Tùy ở cậu ấy thôi.

Nói tóm lại là thuận lợi. Chỉ có chờ ngày Liên ra trường là cưới. Từ ngày Bích có người yêu, cái bộ ba xe, pháo, mã của chúng tôi tự nhiên cọc cạch. Tôi và Lưu cũng chẳng mấy khi lên Vật Nhội nữa.

Một tối, ba đưa lại ngồi với nhau. Lưu hỏi Bích:

- Yêu đương thế nào mà rối rít títt mù chẳng lúc nào thấy mặt vậy?

Bích nhăn nhó cười, không trả lời vào câu hỏi của Lưu. Lát sau, tự dưng nói:

- Liên trông thế mà người đẹp tuyệt!

Lưu nhú mày:

- Này! Coi chừng đấy! Đừng có quá trớn!

Bích lại cười, nói ráo hoảnh:

- Chỉ đến Nậm Thà thôi... Chưa đến Viên Chăn đâu.

Ngày ấy, bộ đội tình nguyện của ta đang có mặt trên chiến trường Lào. (Ta vẫn quen gọi là chiến trường C) Lính Bun Ủm và lính Coong-Le được trang bị tốt, nhưng khi vào trận rất nhát. Cứ nghe tiếng hô xung phong, biết có bộ đội Việt là bỏ chạy. Bộ đội Pa Thét Lào biết thóp, học hai từ hô xung phong của bộ đội Việt. Vào trận, cứ hô xung phong để uy hiếp địch, thế nào cũng thắng. Bộ đội Pa Thét giải phóng một vệt dài từ Xiêng Khoảng, Sầm Nưa xuống và đủ sức để vào thẳng Viên Chăn. Nhưng xét cục diện chung lúc đó, bộ đội Pa Thét dừng ở Nậm Thà. Cái sự kiện quân sự này sau được nhiều người bên dân sự dùng chỉ việc làm biết dừng lại ở một giới hạn nào đó. Bích đã nhại theo lối nói đó. Không thấy Lưu nói gì nữa. Bích lấy bút vẽ gõ vào cái ca đựng nước rửa bút, hát mấy câu trong bài hát Lào, thuở ấy người ta hay hát:

Đẹp lắm thay cô nàng ơi!

Nào phải đâu anh khen nhiều.

Xinh lắm thay cô nàng ơi!...

Xinh lắm thay cô nàng ơi...

Mùa hè đến.

Trường sư phạm trung cấp của Liên đã làm lễ bế giảng. Đúng là cô được giữ lại trường. Bên trường phổ thông cấp III Hoàng Văn Thụ học sinh còn được

ngỉ sớm hơn. Lan, em gái của Liên đã được Ban tuyển sinh của tỉnh phân sẽ đi học đại học sư phạm tại Thái Nguyên.

Chủ nhật, chúng tôi kéo nhau lên nhà Liên chơi. Không khí trong nhà rất vui. Có lẽ chỉ có chút cần cái là chưa thấy gia đình nhà Bích lên chơi, hay thư từ gì.

Tôi và Lưu có hỏi Bích về chuyện này. Bích bảo đã nói với gia đình rồi, nhưng không rõ vì sao ông bà già chưa lên. Thế rồi, một chủ nhật khác Lưu rủ tôi lên Vật Nhội vẽ. Lưu bảo: Mùa nước sông Đà vừa lộng lẫy, vừa dữ dội. Đưa được cái tính cách mạnh mẽ của nó vào tranh cũng thú vị. Tôi nhớ, đó là một ngày nắng đẹp. Nhưng không rõ vì lý do gì, chúng tôi lại không đi nữa. Đến chiều thì chúng tôi nhận được tin sét đánh. Một cái tin không thể tin được. Bích đã chết đuối ở Vật Nhội và chưa vớt được xác.

Khi hai đứa chúng tôi tới nhà Liên thì thấy ông bố đang ngồi ôm đầu bên bàn nước. Ông ngồi im lặng, mặt thần thờ. Bà mẹ Liên ngồi ở giường đang sụt sịt. Lan ở dưới bệnh viện với chị.

Người hàng xóm rót nước mời chúng tôi và kể lại: Chiều. Chú Bích đến chơi. Lúc ấy ông già của cô Liên đang lúi húi dưới bến. Trong nhà chỉ có cô Lan. Phải một lúc lâu lắm cô Liên mới về. Không có tiếng qua lại. Chỉ thoáng một cái tôi thấy cô Liên chạy ra, chỗ mỏm đá nhô mà các chú hay kê giá vẽ. Chú Bích cũng chạy theo ra. Không hiểu quá đà thế nào. Cô

Liên ngã xuống sông. Chú Bích lao xuống cứu. Tôi lúc ấy đang ngồi vá lưới ở cửa. Phải ú ớ mấy tiếng mới buột kêu lên được là cứu, cứu cô Liên. Kêu rồi, tôi chẳng kịp lấy thuyền, cũng cứ lao đại xuống như chú Bích. Ở dưới bến ông già cô Liên đã lao thuyền ra. Cũng may mấy hôm này nước không dữ lắm. Chú Bích bơi khoẻ nên đã bắt kịp Liên, đang giằng co với nước để đưa Liên vào. Tôi vừa nắm được tay Liên thì ông già cũng vừa áp thuyền tới. Tôi đẩy Liên lên thuyền và đưa tay kia đón Bích. Vừa lúc đó, một gộc củi to lao tới, cắt ngang hai người. Chú Bích không vượt qua được có lẽ là vì cái gộc củi đó. Tôi chỉ khó hiểu một điều là, tại sao chú ấy lại không bám luôn vào cái gộc củi ấy. Chú ấy khoẻ, bơi giỏi cơ mà. Hay là phía dưới cái gộc ấy có càn, có chạc đã làm chú ấy kẹt...?!... Thật là tội nghiệp...

Hôm sau, chúng tôi xuống bệnh viện thăm Liên. Cô đã tỉnh táo, nhưng gặp chúng tôi cô chỉ khóc, không nói gì. Và cả Lan, cô em gái của Liên cũng không nói gì. Lưu và tôi hỏi hoặc nói gì, cô chỉ vâng hoặc dạ, rồi ngồi im cúi mặt xuống. Một cuộc gặp gỡ hết sức nặng nề.

Gần một tháng sau, những câu chuyện thêu dệt chung quanh cái chết của Bích đã lắng dịu. Liên đã sang trường, nhận công tác. Lan đã lên Thái Nguyên nhập học. Ông bà già nhà Liên nhờ người nhậu Lưu và tôi lên chơi. Khi chúng tôi đến, chỉ có mình bà mẹ Liên ở nhà. Bà mời chúng tôi ngồi, rót nước rồi nói:

- Ông nó nhà tôi đợi các chú đấy. Nhưng vừa có mấy người gọi xuống bến, chắc có việc gì. Các chú cứ ngồi chơi, ông ấy về ngay bây giờ.

Bà mẹ đưa nước đến tận tay mỗi đứa rồi lui lại ngồi sang bên giường, chứ không ngồi vào ghế, bên bàn nước với chúng tôi. Bà chép miệng, nước mắt dần dần, ngập ngừng một lát rồi nói:

- Vợ chồng tôi có câu chuyện muốn nói với các chú, nhưng chưa biết nói như thế nào. Anh Bích giữa đường đứt gánh bỏ chúng tôi mà đi, chúng tôi buồn lắm. Tuy chưa cưới xin, nhưng vợ chồng tôi cũng đã xem như con em trong nhà. Con Liên nó buồn đến héo hon cả người. Chúng tôi nhìn nó mà nẫu cả ruột.

Bà mẹ Liên cúi xuống lấy vạt áo chấm nước mắt, rồi lại nói; bà nói chậm rãi, dài dòng, vòng vo, chuyện nọ qua chuyện kia. Tôi không hiểu Lưu có nghe không và anh nghĩ gì. Còn tôi thì ù cả tai, đầu óc căng thẳng. Cuối cùng, tôi hiểu một cách ngắn gọn như thế này: Liên đã mang thai với Bích. Ông bà già đang không biết xử sự như thế nào! Bắt con gái nạo thai thì phải tội. Vì chúng nó yêu nhau thật sự, mà đẻ thì biết ăn nói với chòm xóm, phố xá thế nào! Vả, còn cả cuộc đời sau này của nó.

Tôi không hiểu Lưu nghĩ thế nào. Nhưng với tôi thì quả là một bài toán khó, quá khó. Tôi bó tay thúc thủ: Tôi cứ ngồi im không dám nhìn bà, chỉ thỉnh thoảng mới liếc qua Lưu, xem sự thể thế nào. Hình như Lưu cũng đang suy nghĩ. Im lặng nặng nề trong

căn nhà nhỏ. Bấy giờ tôi mới để ý thấy tiếng nước sông đang réo. Gió sông đang cuốn đập những tàu lá chuối đầu nhà lật phật.

Lưu đứng lên đến bên bà mẹ Liên, cầm tay bà dìu sang ghế, Lưu nói với bà:

- Bác ngồi sang bên này, cháu xin thưa chuyện.

Tôi im lặng theo dõi mọi động thái. Bà mẹ Liên nhìn Lưu chăm chú. Và, cũng như bà, tôi cũng đang chờ xem Lưu nói gì. Lưu nói, giọng anh vẫn điềm đạm như mọi khi, như không có chuyện gì căng thẳng, hay khó khăn:

- Nếu hai bác chấp thuận và Liên đồng ý. Cháu xin được cưới Liên...

Lưu nói ngắn và rõ ràng. Tôi nghe đầy đủ từng lời. Nhưng hình như tôi bị rơi vào tình trạng không trọng lượng, hoặc bị hẫng hụt, hay bị sốc thế nào đấy. Đầu tôi quay quay. Tôi cố trấn tĩnh. Chén nước bà mẹ Liên rót từ lúc hai đứa vào vẫn còn nguyên. Tôi bưng chén nước lên uống cạn, không mời mọc ai. Còn bà mẹ Liên, có lẽ bà cũng bị choáng. Cái choáng của người đang lơ vắn, đang ở trong đường hầm tối mít bống thấy một vệt sáng, thấy có đường ra...

Bà vẫn ngồi ở ghế. Bà ngồi im, một lát sau mới nói, giọng nghẹn ngào:

- Con ơi! Bác cảm ơn con. Bác sẽ nói lại chuyện này với bác gái.

Bà giữ chúng tôi ở lại ăn cơm chiều. Nhưng chúng tôi xin phép về. Lúc tiễn chúng tôi ra cửa, bà dặn:

- Chủ nhật này, em Liên nó về... Các con nhớ lên chơi.

Trên đường về.

Chúng tôi im lặng đi. Đến tận cửa Ty Văn hóa, tôi mới nói với Lưu:

- Mà đã nghĩ kỹ chưa?

Lưu bặc bặc:

- Một bà già đã phải nói thật chuyện kín đáo của con gái mình. Nghĩa là cùng đường rồi. Cái sự cố này do Bích gây ra, chứ ông bà ấy chẳng có lỗi gì. Thôi thì mình gánh, khỏi tội người già.

- Nhưng còn tình yêu?!

Lưu gãi gáy, đánh lưỡi chụt chụt:

- Biết làm thế nào?! Thôi thì cứ sống. Rất có thể tình yêu sẽ đến.

Thú thật là lúc ấy, thuở ấy, tôi hoàn toàn không hiểu gì, nên không biết bình luận như thế nào, khuyên can hay động viên, thế là đành im lặng trông chờ...

Chiều chủ nhật, chúng tôi lên Vật Nhội, lên từ khi mặt trời chưa đổ bóng. Liên nhìn thấy chúng tôi ngượng ngập. Cô gầy và xanh. Không hiểu sao, nhìn Liên buồn, tôi lại thấy cô đẹp. Có thể là Bích tình mắt hơn tôi. Hay là bây giờ tôi mới nhìn kỹ càng không biết nữa.

Bà mẹ và Liên xuống bếp làm cơm. Lưu cùng xuống. Tôi ngồi trên nhà một mình, nhác thấy giá vẽ của Bích vẫn để ngay sát cửa buồng của hai chị em.

Trên giá là một bức tranh vẽ sông núi. Bố cục tranh sao chép tự nhiên, chỉ có màu là hơi lạ. Màu này không phải là màu của Bích. Người vẽ dùng nguyên màu gốc, giống như các nghệ nhân dân gian vẽ tranh gà lợn. Tôi ghé vào lật xem tiếp những tờ dưới. Đây là mấy bức ký họa người con gái khỏa thân. Nét vẽ của Bích, chắc là Bích vẽ Liên. Có tiếng người ngoài cửa, tôi bỏ ra, sợ rằng mọi người lại nghĩ mình tò mò. Ông bố Liên về. Lưu lên nhà. Ông ngồi nói chuyện với tôi và Lưu. Ông nói nhẹ nhàng và rất kiệm lời. Không khí thân thuộc nhưng dè dặt, cách bức:

Mọi việc xuôi xẻ dần.

Rồi đám cưới của Lưu và Liên được tổ chức. Ông già của Lưu, theo tiếng gọi của Mặt trận dân tộc giải phóng đã trở về quê tham gia chiến đấu, từ những năm Lưu còn ngồi trên ghế trường học sinh miền Nam ở Hải Phòng. Cơ quan đứng ra tổ chức cưới cho Lưu.

Giống như mọi đám cưới thời đó. Tất cả lên hội trường. Khẩu hiệu bằng đỏ chằng ngang: Vui duyên mới không quên nhiệm vụ. Quà mừng cưới để ngay trên bàn cạnh bàn cô dâu, chú rể. Chậu men, phích nước, xoong quấy bột cho trẻ em, nón, dép nhựa trắng tiên phong tất cả để nguyên không bao gói, kết nơ gì hết. Bên bàn cô dâu chú rể chỉ có một lọ hoa. Khai mạc có đốt pháo. Đại biểu hai cơ quan phát biểu. Đại biểu gia đình căn dặn, cô dâu chú rể hứa hẹn. Rồi liên hoan văn nghệ. Chè Hồng Đào, thuốc lá

Tam Đảo, uống, hút, nói cười và nghe những bài ca cách mạng.

Cũng lạ đấy. Ở cái thời khó khăn, thiếu thốn... Bom đạn có thể dội xuống bất cứ lúc nào. Cái chết đến bất cứ lúc nào, nhưng khi hát, người ta hát: Cuộc đời vẫn đẹp sao, tình yêu vẫn đẹp sao. Còn bây giờ thì hết nói rồi. Điện thoại cầm tay các kiểu. A Còng và SH... lạng lách như bay trên đường phố... Ấy vậy mà khi hát thì rên rỉ rằng tình phai pha, tim tan vỡ, đời dang dở... Hình như con người sống đầy đủ quá cũng dễ sinh bệnh hoạn.

Ít lâu sau Liên sinh con. Một cháu trai, ba cân bảy, mẹ tròn con vuông. Thế là mọi người vui. Chẳng ai thóc mách tính xem có đủ chín tháng mười ngày không.

Rồi miền Nam hoàn toàn giải phóng. Đất nước thống nhất. Năm 1976, Nhà nước tiến hành chia lại địa vực hành chính. Tỉnh Hòa Bình của chúng tôi phải sát nhập với một tỉnh cận kề, để thành một tỉnh mới to hơn. Ngày ấy không mấy ai nghĩ tại sao lại phải nhập như thế?! Có lẽ là do quen sống trong bao cấp. Đã bao là bao cả tư tưởng. Trên nghĩ cho rồi, việc gì mình phải nghĩ bằng cái đầu của mình cho mệt. Chuyện nhập tỉnh đã qua đi mấy chục năm rồi. Vả lại, địa vực cũ sau gần hai chục năm chung chạ, không xuôi dầm, mát mái cũng đã được trả lại rồi, yên hàn rồi. Nhưng nghĩ lại những ngày ấy, lòng vẫn thấy gai gợn. Phải là người chứng kiến cảnh vỡ tỉnh

giữa những ngày tháng đó, mới cảm nhận được nỗi buồn trong chúng tôi sâu nặng đến ngần nào.

Nhập tỉnh. Bọn tôi cũng chia tay nhau luôn. Tôi về xuôi công tác. Còn Lưu, anh đưa vợ con về Nam. Chúng tôi chia tay nhau, chia xa sông Đà từ đây.



Những năm tháng tiếp theo, đất nước chìm trong khó khăn, hoạn nạn. Chiến tranh phía Tây Nam, chiến tranh biên giới phía Bắc, rồi cấm vận. Mỗi người, mỗi gia đình tự vật lộn, tự bươn chải để sống. Những năm tháng ấy, dẫu có nhớ bạn bè, cũng không có mấy điều kiện mà thăm thú nhau. Bẵng đi có đến chục năm, tôi không nhận được tin tức gì của Lưu và Liên. Hồi chúng tôi còn ở trên Hòa Bình cũng có lần tôi nghe được một câu chuyện nhỏ. Khi ấy Liên đã về sống với Lưu, trong khu tập thể của cơ quan. Cứ chiều thứ bảy hoặc chủ nhật cô vẫn giấu Lưu lên lại Vạt Nhội, đến bên vòm đá nhô để thả những bông hoa tươi xuống sông Đà. Nghe chuyện, tôi biết là Liên vẫn rất yêu Bích. Quả là một tình yêu đích thực, không dễ gì quên được. Bây giờ năm tháng đã qua lâu rồi. Không rõ Liên và Lưu sống ra sao. Thăng Lạc lớn bằng ngần nào rồi!?

Bỗng một hôm, tôi được người bạn từ trong Nam ra cho biết: Lưu và Liên đã sinh thêm một cháu trai, đặt tên là Luyến. Nghe nói năm Luyến bốn tuổi thì hai người bỏ nhau. Liên đã lấy một sĩ quan ngục cũ.

Viên sĩ quan ấy có gia đình bên Mỹ bảo lãnh, nên hai người đưa nhau qua Mỹ định cư.

Tôi ngậm ngùi: Cuộc đời phiêu bạt chẳng biết thế nào mà lường. Thế rồi bằng đi có đến chục năm sau nữa. Tôi lại nhận được tin của Lưu. Lần này đích thực là thư của Lưu, chứ không phải là tin miệng. Trong thư Lưu báo tin: Mình đang thu xếp về hưu sớm. Nhà nước sẽ trợ cấp một khoản tiền cho ai về hưu trước tuổi. Nếu xong, mình sẽ đưa vợ con ra chơi, sẽ lên Hòa Bình ít bữa, thăm lại bạn bè xưa.

Tôi xúc động và hồi tưởng chờ đón ngày gặp lại bạn bè. Nhưng chỉ băn khoăn một điều. Lưu nói đưa vợ con là vợ con nào? Liên đã lấy chồng khác, qua Mỹ định cư rồi cơ mà. Chắc là Lưu đã lấy vợ khác. Cái năm Liên đi Mỹ, Lưu đâu đã đến năm mươi. Khó gì mà nó không lấy một người đàn bà khác. Tôi viết thư vào hỏi rõ lại chuyện vợ con, ghi số điện thoại và dặn: Khi ra nhớ ghé Hà Nội, rồi hai đứa cùng lên Hòa Bình. Nhưng chờ mãi không thấy thư trả lời, điện thoại cũng không. Tôi nghĩ: Chắc lại sự cố rồi.

Mấy năm sau, tôi làm thủ tục về hưu. Nhận sổ được mấy tháng, tôi cũng đang tính lên Hòa Bình chơi ít bữa. Bỗng một chiều, tôi nhận được cú điện thoại: Người ở đầu dây bên kia nói giọng Nam pha Bắc, tôi nhận ngay ra là Lưu:

Hỏi:

- Có nhận ra ai không?
- Sao không? Lưu chứ gì?

- Giỏi! Nghe nè, nghe nè. Ngày mai, ông phải ra xe lên Hòa Bình ngay. Vợ chồng tôi và cả hai thằng cu nữa đang có mặt tại khách sạn. À không, nhà nghỉ. Nhà nghỉ Lan Bích số 66 đường Quỳnh Lâm. Xuống xe, ông đi về phía trường cấp I Lý Tự Trọng cũ, nhớ không? Cái trường có cô giáo... Thôi khỏi nhắc nghe. Căn đó là nhà nghỉ Lan Bích. Bọn mình chờ cơm trưa đấy.

Điện thoại bỏ đánh “rộp”. Tôi bực dọc: Thằng cha làm cái gì cũng đột ngột. Không có số điện thoại nhà nghỉ, tôi không gọi lại được.

Sáng hôm sau, tôi ra bến xe Mỹ Đình. Xe chất lượng cao, hai lăm chỗ ngồi, có máy lạnh, khởi hành tám giờ. Mười giờ tôi đã có mặt tại nhà nghỉ Lan Bích. Người ra đón tôi là Liên. Liên ôm lấy tôi mừng mừng tủi tủi:

- Anh Phong! Trời ơi. Hơn ba mươi năm mà anh chẳng khác mấy.

Tôi ngổ ngang và thực sự xúc động. Tôi gỡ tay Liên ra, hỏi:

- Nhưng... Tôi ngập ngừng rồi cũng phải hỏi thật - Nghe nói em định cư bên Mỹ cơ mà? Liên gật đầu, nước mắt ứa ra. Cô đi lui lại sau và đẩy tôi:

- Anh vào nhà đi. Bố con anh Lưu đưa nhau xuống chợ. Anh ấy bảo hồi xưa ở trên này, anh rất thích ăn chuối tây nướng. Nên hai bố con đang đi tìm chuối ương. Chuối luộc hay chuối nướng đều phải ăn lúc ương ương mới ngon.

Tôi bật cười:

- Thăng cha nhớ cả những chuyện lật vật.

Liên cũng cười:

- Anh Lưu vẫn vậy. Dân nghề sĩ mà.

Cô nói rồi đi lại phía quầy ba, đưa tay với một chai rượu tây. Tôi nhìn theo, quầy ba nhỏ khá ấn tượng, phòng khách thoáng, đẹp. Nhưng sao không có người phục vụ mà cô lại phải tự đi lo đồ uống. Cô hỏi tôi:

- Anh uống gì?

- Mình uống nước trắng thôi.

Liên bỏ chai rượu lại, cúi người mở tủ lạnh phía sau quầy ba, lấy chai nước khoáng Kim Bôi, rót ra cốc đưa mời tôi, cô nói giọng đã tự nhiên:

- Cây nhà lá vườn nhé. Nước suối Kim Bôi chính hiệu đấy. Liên nâng ly - nói tiếp: Anh thấy em ra đón chắc lạ lắm nhỉ, đúng là em đã đi Mỹ thật anh Phong ạ. Mấy năm sống với anh Lưu em buồn lắm. Cứ phải ôm một nỗi đau là mình đã làm khổ anh ấy. Chỉ vì giải quyết một tình thế, mà anh ấy đã phải hy sinh cả tình yêu.

Tôi cắt ngang:

- Lưu nói thế à?

- Không. Hoàn toàn không!

- Thế là do em mặc cảm thôi.

Liên cắn cắn móng tay, khẽ gật đầu:

- Có thể là như thế. Với các anh, anh Lưu là con người cao cả, con người vị tha. Em cũng nghĩ như thế. Nhưng em không chịu được nếu đó là tình

thương. Một sự thương hại. Thương hại mẹ con em, nghĩa là em phải chịu ơn. Em thấy khổ tâm quá...

- Em bị mặc cảm quá nặng nề.

- Vâng! Có thể... Anh Lưu cố khuyên giải, nhưng em không tin. Cuối năm tám hai, em gặp một kỹ sư cơ khí vốn là sĩ quan cũ của ngụy. Anh Lưu đã nghề sĩ, cha này còn nghề sĩ hơn. Trông thì hăm hố, hơi bụi, nhưng sống rất ga-lăng. Nghe em giải bày, anh ta bảo: Vậy thì đi với anh. Anh cũng đang muốn đi khỏi xứ này. Anh có người nhà bên Mỹ. Chúng mình sẽ đi, sẽ làm lại... Em về nói thật với anh Lưu: Em phải đi. Đi để giải thoát cho anh và cho em...

Nghe Liên nói thế, tôi lại nghĩ khác: Có thể là tình yêu đầu đời với Bích đã để lại dấu ấn sâu đậm trong trái tim cô, nên bây giờ sống với Lưu, những kỷ niệm của Bích cứ hiện về khiến Liên không chịu nổi. Nên cô muốn ra đi, muốn chạy trốn. Hy vọng ở một chân trời xa khuất nào đó, cái lạ có thể giúp cô quên đi được.

Liên nói tiếp:

- Em van nài, anh Lưu giảng giải. Giảng co nhau mãi. Nhiều ngày nhiều đêm, quyết liệt nhưng không ồn ào, nên bọn trẻ không hay biết gì. Cuối cùng, anh Lưu đưa ra điều kiện: Em đi, nhưng để các con lại. Lý do anh Lưu đưa ra rất đơn giản: Vì chúng không phải là con anh ta. Sang bên ấy nhỡ có sự cố gì, chúng bị đuổi ra đường thì tội nghiệp. Em đồng ý. Thế là cuối năm sau, khi chạy xong các thủ tục, em

theo anh ấy qua Mỹ. Năm đầu ở bang Ca-li-phóc-nia với gia đình anh ấy. Sau, đi Mi-chi-gân. Ở đấy, anh ấy xin được chân kiểm tra chất lượng xe chuyên dụng tại một nhà máy sản xuất ô tô cỡ lớn ở thành phố Di-Toro, thủ phủ của bang. Lương của kỹ sư cao. Hai người sống thoải mái. Mua biệt thự, xe con. Anh ấy một xe, em một xe. Em vẫn tự lái xe đi siêu thị mua sắm đồ. Một cuộc sống nhàn hạ. Nhàn hạ theo kiểu vô công rồi nghề. Buồn. Buồn kinh khủng! Thêm nỗi đau mất tình yêu, mất người thân dày vò. Đúng là ăn không ngon, ngủ không yên. Đêm ngày, lúc nào em cũng thèm nghe tiếng sóng nước sông Đà. Thèm nghe tiếng cười của hai thằng con. Nhưng làm sao có được. Em vui đầu vào nhạc Trịnh. Giọng ca nồng nàn tình ái của Khánh Ly cũng chỉ với đi đôi chút nhớ mong, lúc tiếng hát đang cuốn quýt trong phòng. Phong cảnh hồ Mi-chi-gân đẹp mê hồn, nhưng với em cũng vô nghĩa. Đêm đêm không sao ngủ được. Em cứ trở mình và thở dài sườn sượt. Một đêm, không hiểu em nghĩ, em tưởng tượng ra, hay là em mơ, cũng không biết nữa. Nhưng rõ ràng có một cô gái trẻ, ngồi mẫu cho anh Lưu vẽ. Ngồi đúng như em vẫn ngồi. Rồi anh Lưu không vẽ nữa, đến ôm lấy người và hôn vào vú cô ta. Em hét lên: Không! Không thể thế được? Nhưng có một cánh tay khoả ôm em và nói:

- Em nằm mơ à?

Lát sau, nghe anh ấy hỏi:

- Sao? Em nhớ nhà lắm phải không?

Em cố nén một tiếng thở dài:

- Nhớ! Nhớ lắm! Ngơ ngẩn khéo thần kinh mất!

Anh ta bảo: Đi làm về thấy mặt em thần thờ, hết đi ra lại đi vào, anh biết. Nỗi nhớ dày vò con người dữ lắm. Có nhớ mới là con người... Và nghĩa là còn hy vọng. Chứ đã đến bước không còn nhớ thương nữa, đã vô cảm, thì hết rồi, vô phương cứu chữa rồi!

Ngừng lại một lát, anh ấy hỏi:

- Thế em định thế nào?

- Về. Cho em về!

Anh ấy thở dài:

- Ồ thôi tùy em. Mà có lẽ cũng phải thế thôi. Nhìn người đàn bà vui người đàn ông vững dạ, ấm lòng. Chứ nhìn người đàn bà buồn... sợ lắm.

Thế là một tháng sau em về. Hôm về anh ấy đưa em một tệp đô. Chẳng hiểu anh ấy có đếm không. Chắc là không. Anh ấy lái xe, đưa em ra sân bay, tiễn, dặn dò đi đường rất cẩn thận. Lúc phải chia tay, anh ấy hỏi: Nếu mai này anh trở lại Sài Gòn thì tìm em ở đâu? Câu hỏi giản dị mà làm em choáng váng. Em lúng túng không biết trả lời thế nào. Hỏi như thế nghĩa là anh cho rằng em sẽ không về lại với anh Lưu. Đúng không anh? Song, em vẫn cứ trả lời: Anh biết nhà em rồi còn gì! Anh ấy không nói gì nữa!

Liên ngừng lại nhìn tôi cười buồn: Anh thấy có lạ không!? Xử sự cứ nhẹ như không, thế mới nể chứ.

Nhưng khi về Sài Gòn, vào đến nhà gặp anh Lưu còn nể hơn. Anh tính bỏ chồng, bỏ con tha phương

hơn mười năm, bây giờ trở về sao không nghĩ. Em không dám điện cho anh Lưu. Vì biết anh ấy sẽ đối xử với mình như thế nào mà điện. Hoặc giả anh ấy đã đi lấy vợ rồi thì sao. Thôi kệ, cứ phải về. Vì dù sao cũng phải gặp con. Đúng là nhờ có con mà mình dám trở về. Lúc vào đến nhà, may quá anh Lưu ở nhà. Anh biết thế nào không? Anh ấy đứng lên, nói nhẹ nhàng?

- A! Em đã về đấy à?

Anh ấy bước lại, đỡ va ly cho em rồi nói tiếp:

- Em đi đường dài mệt không? Nghỉ đi một lát rồi tắm rửa. May quá, bố con anh vừa sửa lại cái toa lét. Cứ tắm đi, nghỉ ngơi rồi ta ăn cái gì đó. Phải tối con mới về.

Trời! Nghe anh ấy nói, em lại cứ nghĩ mình vừa mới đi đâu mấy ngày rồi về. Tại sao lại nhẹ nhàng như thế nhỉ?! Đáng lẽ phải bực dọc, phải khinh bỉ, hoặc là vui vẻ phấn chấn: rằng anh biết thế nào em cũng trở về mà. Nhưng đây không. Không đứng đưng, không khinh miệt, cũng không mời chào, không vồ vập, mà bình thường. Bình thường như không có chuyện gì xảy ra. Lạ quá!

Đến tối, con về. Không khí trong nhà vui hơn, hợp lẽ hơn. Khi thằng Lạc ôm lấy cổ em, nó hôn hít. Nó hôn vào cổ, vào gáy, vào tóc, vào ngực. Và, khi nước mắt nó chảy trong ngực em, thì em cũng bật khóc. Đã bao năm, bây giờ mới lại thấy đời mình còn hạnh phúc.

Hơn mười năm xa cách, giờ gặp lại, không hôn, không giận thì phải là vui là thương, chứ tại sao lại như thường được. Đàn ông các anh có những cách xử sự đến là sợ.

Thế rồi cuộc sống trở lại bình thường, như các gia đình bình thường khác. Năm ngoái, năm kia, anh ấy về hưu, về trước tuổi được một khoản tiền gần hai chục triệu. Định kéo quân ra Bắc chơi. Nhưng thằng Lạc bảo: Bố mẹ chờ con chút. Vì nó vừa lập công ty, đang cần có thời gian để công việc đi vào nề nếp. Anh Lưu có nhận được thư của anh. Anh ấy bảo khỏi trả lời. Để lúc ra gặp càng vui. Thằng Lạc theo nghề bố. Nhưng nó học bên mỹ thuật công nghiệp, ngành đồ họa. Mới ra trường mà nhiều tác phẩm của nó đã được đưa vào ứng dụng trong đời sống sản xuất, xem ra khá lắm.

Câu chuyện vừa đến điểm vui thì bố con Lưu về.

Tôi đứng lên, quay ra cửa. Lưu bước vào. Nó nhìn tôi một lát. Nhìn từ đầu xuống chân, rồi từ chân lên đầu, cuối cùng buông một câu:

- Cũng không già lắm!

Liên nhìn chúng tôi gặp nhau, lắc đầu:

- Chịu các ông. Hơn ba mươi năm xa cách, giờ gặp lại mà cứ ngỡ các ông vừa đi công tác xa về gặp nhau.

Lưu quay nói với Liên:

- Ồ hay! Thế em bảo phải thế nào? Em xem này - Lưu giơ nải chuối tây ương ương lên. Hai bố con lượn chợ lượn phố, vào vườn gần một giờ mới mua được

nải chuối chín ương này đây. Mà tý nữa bị bà hàng chuối mắng. Bà ấy lườm: Ông này rõ hay, chuối chín người ta mới bán, chứ bán chuối ương để chữa hắc lào ruột à?

Lạc dắt xe máy đi công phụ, cất xe rồi lên nhà. Nó đi từ trong nhà ra phòng khách, chào:

- Cháu chào bác Phong ạ. Ôi bác trẻ hơn bố cháu. Cháu vẫn nghe bố mẹ cháu nói về bác, nhưng bây giờ mới được gặp.

Tôi xua tay bảo nó:

- Không không! Anh nhầm rồi. Tôi già bột, giặt tã cho anh sã cả cánh tay đây. Vậy mà bây giờ anh bảo mới gặp!

Lạc kêu:

- Trời ơi! Khi ấy cháu còn bé tí, làm sao mà biết được ạ. Nghe bố cháu nói, bác thích một món ăn dân dã là chuối tây. Chuối tây luộc hoặc chuối tây nướng. Nhưng nướng thì thích hơn. Thôi bây giờ cháu đi nhóm than, nướng chuối để đền công bác vậy.

Nói rồi, Lạc chạy vào trong nhà. Tôi nhìn theo thắc mắc:

- Này! Đây là nhà nghỉ, mà sao vợ chồng, con cái ông cứ làm như ở nhà riêng vậy?

Lưu quay lại nhìn Liên:

- Em chưa nói gì à?

Liên mỉm cười lắc đầu:

- Dạ chưa.

Lưu quay sang kéo tay tôi:

- Ông ra đây, ra đây.

Ra đến cửa. Lưu chỉ cái biển hiệu:

- Thế ông không nhìn cái biển hiệu nhà nghỉ Lan Bích kia à?

- Không nhìn thì tôi làm sao vào đúng đây.

- Ô hay! Thế ông không phản ứng gì với cái tên Lan Bích à?

Tôi lắc đầu, quả là không nghĩ được gì từ hai chữ ấy. Lưu đập mạnh tay vào vai tôi:

- Thăng Bích nó lấy con Lan, em của Liên. Ông quên cái Lan rồi à? Đây là nhà nó... Nó đề...

Thăng Bích chết!...

- Không chết! Không chết! Chưa chết thì đúng hơn. Bây giờ vợ chồng nó là nhà doanh nghiệp. Hôm tôi ra đây, không dừng lại ở Hà Nội, mà lên đây mới điện cho ông. Vì tôi có đi máy bay đâu. Vợ chồng nó đánh xe con vào, rủ vợ chồng tôi làm chuyến xuyên Việt. Thấy ý kiến nó hay hay, thế là vợ chồng, con cái anh em lên xe, làm chuyến quy sơn tái kết này.

Thấy tôi đứng ngây. Lưu bật cười:

- Sao?! Khó tin hả. Thôi vào nhà đi. Vợ chồng nó đi giao dịch với bạn hàng. Tối về, tối về nó sẽ kể lại mọi nguồn cơn ông nghe. Cũng là số cả thôi!



Khuya.

Hai anh em Lạc và Luyến đã ngon giấc. Máy người mới xuống phòng khách. Bích ra quây ba, anh

đang lựa xem nên lấy chai rượu nào. Tôi nhìn theo Bích đang cố hình dung xem cái chuyện chìm nổi ba đào của nó diễn ra như thế nào. Nhưng chịu, không sao nghĩ ra được. Tôi lại nhìn Lan. Cô ngồi tựa hẳn người vào thành đi văng, bắt chân chữ ngũ, bàn chân hơi đong đưa. Quả là tôi không thích cái dáng ngồi dài các ấy. Bích xách chai mác-ten lại. Hình như nó đọc được ý nghĩ của tôi. Nó nói với Lan, giọng nửa đùa nửa thật:

- Này! Em bỏ cái kiểu ngồi bà chủ ấy đi.

Tôi nhìn Bích gật gù: Thằng cha vẫn như xưa. Lưu và Liên cũng nhìn Lan, tỏ vẻ đồng tình với Bích. Lan bỏ chân xuống, kéo lại váy, đứng lên nhanh nhẩu về chữa thẹn:

- Để em làm cái gì cho các anh nhậu nhé!

Lưu xua tay:

- Khỏi cần. Em cứ ngồi xuống đi.

Tôi nhìn Lan. Đúng là Lan có dáng vẻ quý phái thật. Đẹp hơn chị. Sao ngày xưa tôi không nhận ra nhỉ. Phải khen thằng Bích có con mắt tinh đời. Tôi đang nghĩ thế thì Liên nói:

- Hình như anh Phong vẫn không tin hay là vẫn khó hiểu về chuyện của Bích Lan. Anh Phong ơi, em hỏi thật nhé: Anh vẫn tin là em ngã sông và Bích nhảy xuống cứu chứ?

- Đương nhiên rồi! Mà chuyện như thế, không tin thế thì tin thế nào?

Liên cười:

- Hôm ấy...

Lan quay lại đưa tay bịt mồm chị:

- Thôi chị...! Kể làm gì. Em xấu hổ lắm.

Lưu bảo Lan:

- Có sẵn hay ngô khoai gì, cô đi nướng cho bọn anh chút chút...

Nói rồi Lưu phẩy tay ra hiệu cho Lan đi đi. Anh nói tiếp - Chuyện tám kiếp nghiệp lai rồi còn xấu hổ.

Liên cười cười:

- Mà ông Bích cũng biến luôn đi.

Bích đi theo vợ vào bếp. Liên nhìn theo nói:

- Trông hiền hiền thế mà gấu lắm đấy. Anh biết không? Chiều ấy, lúc Bích đến, ông già em đang ở dưới bến. Em xuống phố có chút việc. Nhà chỉ có mình Lan. Sau này, khi hay tin em từ Mỹ về, Lan vào thăm. Nó thú tội em mới biết. Một hôm thấy giá vẽ của Bích gửi ở nhà, sẵn bút, sẵn màu, Lan cũng lôi ra vẽ. Nó vẽ theo trực cảm, chứ có ai dạy đâu. Chủ nhật sau, Bích lên, thấy tranh Lan vẽ cứ khen rồi rít. Nào năng khiếu... nào độc đáo, gam màu thế này, mảng màu thế kia. Cô nàng khoái chí càng vẽ hăng. Rồi những lần mọi người vắng nhà, ông ấy tán con bé bỏ quần áo để ông ấy vẽ khỏa thân. Trời ơi! Một đứa con gái mới mười sáu, mười bảy tuổi, hở hớ ra, đang mộng mơ, đang lãng mạn. Bỏ quần áo ra rồi động chạm chỗ này, động chạm chỗ kia thì đứa nào chịu được. Lan bảo: Em biết như thế là không phải với chị. Nhưng em không sao tự chủ được. Gặp

anh ấy lúc có bố mẹ hoặc chị ở nhà em đỡ sợ. Nhưng lúc chỉ có mình em với anh ấy, thì không hiểu sao người em cứ run bắn lên. Và, anh ấy bảo gì là em làm theo. Bảo cởi quần áo, em cởi. Bảo nằm, em nằm. Người em cứ nhũn ra. Lúc tỉnh lại, em định thần tự bảo: Nhất định lần sau không để anh ấy chạm vào người nữa. Nhưng rồi lần sau lại thế, không sao cưỡng lại được.

Chiều ấy, lúc về đến nhà, thấy cửa nhà khép hờ, em đẩy cửa vào. Bích từ trong buồng bước ra, mặt mày đỏ gay, nhón nhác. Em sinh nghi vội vào buồng. Trời ơi! Em gái mình vẫn đang trần truồng trên giường. Năm tháng qua đi lâu rồi. Bây giờ không nhớ được cảm giác lúc ấy thế nào nữa. Nhưng em nhớ là choáng váng, tưởng như trời sập. Mặt mày tối sầm, em lao ra, hình như không nghĩ gì thì phải. Em lao xuống sông và Bích chạy theo ra cũng nhảy xuống. Thực ra, chỉ vài giây tay Bích đã bắt kịp em. Nhưng vì em không muốn sống, giằng co không cho Bích cứu. Rồi ông già ghé thuyền đến.

Cả một quãng thời gian dài em cũng nghĩ là Bích đã chết rồi. Sau này, khi nổi giận đã nguôi. Và, nghe Lan thú tội, nghe nó kể về cảnh sống của hai người lại thấy thương thương... Thì ra là, khi cái gộc củi lao đến. Bích đã bám được nó và nhờ nó mà thoát chết. Cái gộc củi quá to, ông già và chú hàng xóm ngồi trên thuyền khó nhận ra Bích đang bám phía bên kia. Thuyền đi vớt củi là thuyền nan nhỏ (nghề của người

nghèo) nên chẳng ai dại gì mà đi vớt cái gộc củi to, vừa nguy hiểm mà lại khó bán, nên Bích cứ thế theo gộc củi mà xuôi. Xuống tận Hợp Thịnh, Bích mới lái cho nó dạt vào bãi ngô...

Vợ chồng Bích từ bếp ra, mang theo đĩa ngô rang to.

Bích xua tay:

- Chuyện cũ rồi. cho qua đi các vị ơi!

Tôi nói với Bích:

- Chẳng cho qua thì cũng chẳng dùng vào việc gì cái quá khứ nhớ nhăng ấy. Có điều, sống, không về lại cơ quan mà người ta để yên cho à?

Bích trợn tròn mắt:

- Về lại cơ quan! Thế nhờ hai chị em học hoặc nhau, chuyên võ lữ thì tôi độn thổ à? Lúc ngồi ở bãi ngô, chờ khô quần áo, tôi đã nghĩ chán ra rồi. Ba mươi sáu chước, chỉ có chước chuồn. Xẩm tối, tôi bỏ trộm ít ngô của HTX, rồi lên đường 6, vẫy xe về Hà Nội. Ngày ấy xe khách hiếm, nhưng xe quân sự thì đầy. Về nhà, tôi kể lại đầu đuôi câu chuyện cho bố và em trai nghe. Luộc ngô, chén một bữa căng, dặn bố và em xong tôi chuồn thẳng lên nhà bà chị gái ở.

Mấy hôm sau cơ quan cho xe về, đón người nhà lên. Bà chị mình lên, mang ba lô, sách vở và cả tiền tuất về. Cũng may hồi mình đi chưa cắt hộ khẩu. Bà chị lại làm ở tổ dân phố. Ít tháng sau hết năm, có hộ khẩu lại nhập được gạo, lại có tem phiếu. Còn công việc thì mình đi vẽ quảng cáo thuê cho mấy rạp chiếu bóng. Tối về đập máy khâu với ông bố. Sau bà

chị xin cho chân kế toán HTX đan len. Thế là yên.

Yên ổn rồi mới thấy ân hận, mới nhớ bạn bè, nhớ cơ quan, nhớ những chiều sông nước. Cứ ngồi ước ao, bao giờ được trở lại sông Đà với những người thân.

Tôi nói các vị đừng cười. Ông Phong bảo cái quá khứ của tôi là quá khứ nhớ nhăng. Nhưng ông nghĩ xem, trên đời này, có ai sống sờ sờ ra mà lại có ngày giỗ không? Đến ngày giỗ, tôi nhớ quá liền xúi thằng em trai lên lại Hòa Bình. Nó lấy có ra vòm đá nhỏ thấp hương, rồi lần vào nhà Lan thăm thú. Từ sau bữa có được địa chỉ của Lan, cứ tối thứ bảy, tôi nhảy tàu đi Thái Nguyên. Đêm ngủ tàu, sáng đến nơi, lần vào trường Lan. Đầu tiên Lan sợ không gặp. Nhưng tôi nài nỉ, tôi giải bày, tôi đeo bám dai dẳng. Cuối cùng tôi cũng đã gặp được. Rồi về sau, có chủ nhật, tôi đưa Lan về Hà Nội chơi. Lan ra trường được phân về dạy trường phổ thông cấp II Lưu Xá, cách Thái Nguyên ba cây, cách Hà Nội sáu mươi chín cây. Trường ở gần ga, nên không mấy chủ nhật, tôi không có mặt ở trường của Lan. Rồi chúng tôi cưới nhau. Lương giáo viên cấp II ngày ấy còm cõi quá. Lương kế toán HTX đan len của tôi cũng chẳng hơn gì. Tôi rủ Lan về Hà Nội ra ngoài kiếm sống. Tôi đi đánh hàng Liên Xô. Ngày ấy, những người đi Nga về, người đi học hoặc đi lao động về nước, đều có một hai thùng hàng. Tôi đi tầm, vét từ sợi dây may so, đến con lật đật. Ôm tất từ vòng bi, bàn là, nồi hầm, quạt máy, chậu nhôm đến sữa Si mi lắc, thuốc lá ga lăng...

Có lần đánh cả hai con xe Min khờ. Còn Lan thì đi phe tem phiếu. Các vị có hình dung được không! Một cô giáo dạy văn cấp II, rất đoan trang, bỗng chốc biến thành mụ phe.

Vâng! Vợ tôi cũng đã từng là anh hùng xa lộ đấy. Cứ xem cô ấy thoát ản, thoát hiện từ chợ Hôm đến chợ Trời, từ Đồng Xuân đến Hàng Da. Từ cửa ga ra bến Nứa đầu cầu Long Biên mà nể. Buôn bán vỉa hè nó có nguồn gốc từ thuở ấy, chứ đâu phải sang thời làm ăn kinh tế này mới có.

Rồi thời thế đổi thay. Kinh tế tư nhân được chấp nhận. Lúc ấy thì lưng vốn vợ chồng tôi đã khá. Tôi quay ra xây lại cái nhà để lấy chỗ kinh doanh và cũng để có chỗ ăn chỗ ở cho đàn ông một chút. Xây cho mình, xây cho bạn, xây cho chị, rồi xây cho bạn của chị. Cứ thế, tôi thành cai đầu dài, thành nhà thầu khoán xây dựng lúc nào không hay. Vốn khá, tôi đứng ra lập công ty trách nhiệm hữu hạn. Ngoặc với thằng bạn là kỹ sư xây dựng. Công ty ăn nên làm ra. Tôi lên lại Hòa Bình mở đại lý, chuyên buôn bán các thiết bị xây dựng. Làm ăn được. Thế là tôi mua đất, làm thêm ngôi nhà này lấy chỗ đi về.

Tôi nói thật với các vị, cái bãi đá vòm nhô ở Vật Nhội giá như không bị chìm dưới lòng hồ. Tôi quyết mua lại để dựng nhà ở đấy. Nhưng tiếc quá. Giờ lên đấy chỉ menh mang là nước.

Lan nghe Bích kể những năm tháng qua, lại cứ ngỡ như anh kể chuyện ai vì cô thấy anh kể sao nó

trôi chảy nó nhẹ nhàng thế, chứ không cam go, không chìm nổi như mình đã trải. Nên lúc anh ngừng, cô nói ngay:

- Các anh chị đừng có tin. Làm gì có chuyện xuôi sẻ thế. Những ngày đã qua, chúng em sống khổ trần ai là khổ. Em nhớ cái ngày mới về Hà Nội, đường phố còn chưa thuộc hết, lối ngõ thế nào, có cái xe đạp chạy chợ, các anh trộm nắng mất. Khổ ời là khổ. Mấy bà xúi vào đồn công an trình báo, may ra. Vào đồn, thấy có anh công an đang ngồi đọc báo, em chào. Anh ta không ngẩng đầu lên, hỏi: Có việc gì? Em trình bày, anh ta mở sổ, rút bút, nói: Tên? Em ngơ ngác xong cũng hiểu anh ta hỏi tên họ mình. Em thưa, dạ Nguyễn Thị Lan ạ. Lại hỏi: Ở đâu? Dạ, thưa... Anh ta quắc mắt: không phải dạ với thưa, phong kiến bỏ mẹ ra. Ở đâu thì nói! Em nói, anh ta ghi, rồi hát hàm: Nghe? Không hiểu lúc ấy làm sao em lại buột mồm nói: Giáo viên ạ. Anh ta ném bút xuống bàn: Cô là con phe, tôi còn lạ gì! Rồi anh ta đẩy: Giáo viên! Chỉ được cái sỹ! Nói mẹ nó là dân tự do cho xong, lại còn...

Bích quàng tay qua vai Lan, vỗ về:

- Thôi! Dù sao thì cũng qua rồi? Hết cơn bĩ cực rồi!

... Từ lúc vợ chồng Bích - Lan vào cuộc. Lưu và Liên chỉ ngồi nhấm nháp ly rượu và nhìn nhau. Lưu nhìn Liên chăm chú. Nhìn theo kiểu nhìn người mẫu. Người ta kể rằng Kramxkôit đã nhìn người mẫu của mình suốt một đêm và suy ngẫm, nên hậu thế chúng

ta mới có “Người đàn bà không quen” ⁽¹⁾ để mà ái mộ. Không rõ Lưu có định lặp lại chuyện ấy không, hay anh đang nghĩ điều gì khác. Bỗng dưng, anh quay sang Bích, nói rất vui vẻ:

- Ông có bài thơ nào dính dáng đến sông Đà, đến kỷ niệm của bọn mình, đọc nghe coi:

Liên hưởng ứng:

- Ủ! chuyển chủ đề đi, hay đấy.

Lan ngả người sang vai chị:

- Thơ về sông Đà ư? Hôm qua anh Bích vừa làm đấy.

Bích đứng lên đi về phòng, lúc ra, cầm theo mẩu giấy, lẩm nhẩm đọc. Bích đến sát sau đi vắng chỗ Lan và Liên ngồi, bảo tôi:

- Ông ra rượu đi.

Tôi ra rượu và nâng ly lên mời mọi người:

- Nào ta cạn chén để cùng nghe thơ sông Đà.

Tiếng ly chạm nhau lách cách. Bích vẫn đứng sau đi vắng, dang tay, một tay để lên vai Lan, một tay để lên vai Liên và nói với tôi:

- Hôm qua, khi ông chưa lên, vợ chồng tôi dẫn ông bà Lưu lên đập chơi. Ông Lưu cứ đòi trèo lên nhà máy nước, để nhìn xuống xem cái vòm đá nhô của Vật Nhội nó ở quãng nào. Nhưng lên rồi cũng có nhìn thấy gì đâu. Tối về, bọn tôi cũng ngồi với nhau như

⁽¹⁾ I Van Kram-xkôl (1837-1887) Danh họa Nga, người vẽ bức tranh nổi tiếng “Người đàn bà không quen”. Có người dịch là “Người đàn bà xa lạ”.

thế này, chuyện vãn. Sau về phòng hình như quá giấc, không sao ngủ được. Tôi bật đèn bàn, ngồi làm thơ. Nhưng cũng chỉ làm được mấy câu rồi tắc. Không sao viết được.

Tôi khuyến khích:

- Dở dang cũng được, cứ đọc đi.

Bích đọc thơ xong, nhưng không ai quan tâm đến việc bình xem thơ có hay hay không. Tất cả đều im lặng. Hình như mọi người đang mải nghĩ về những ngày tháng đã qua, về một thuở sông Đà.../.

N. H

Tắm mượn

LÊ NGUYỄN NGŨ

Đại hội văn nghệ tỉnh X lần này có mời hội tỉnh của Hà về dự. Do ít người đi nên thường trực mời luôn Hà theo dự cho vui. "Nhân thể cậu xem làm cái... phóng sự gì đấy để dự cuộc thi viết ký hội mình vừa phát động" - Phó chủ tịch hội nói. Tỉnh X như tỉnh Hà, có thể mạnh về du lịch biển nhưng xem ra cũng không ít những tệ nạn xã hội, nhất là mãi dâm. "Xem người, ngắm ta", nghe có lý lắm! Cứ ở lì một chỗ lâu ngày cũng xơ cứng cảm xúc, chuyển "xuất ngoại" này Hà sẽ làm cái phóng sự cho anh em, nhất là bên cánh báo chí "lác" mắt chơi. Viết phóng sự cần trang bị máy ảnh và muốn cho "tới bến" thường phải tốn tiền. Sau khi cạy cục mượn được chiếc máy ảnh xịn của anh bạn về, Hà nói với "bà xã", là người bao giờ cũng mạnh dạn đầu tư vào việc sáng tác: "... Em vay nóng giùm anh cho kha khá, nếu bài hay, trúng giải không những trả được

nợ mà còn có cơ may lợp lại cái mái nhà!". Mái nhà của Hà lỗ thủng đĩnh nhiều đến mức bạn anh hay gọi đùa là "khách sạn ngàn sao".

Đoàn của Hà đến thành phố biển vào buổi trưa trước ngày khai mạc đại hội. Vậy là anh được "tự do" một đêm và nửa ngày. Thời gian quan trọng nhưng gặp trùng đề tài viết mới quan trọng hơn. Nhận phòng, cơm nước qua quít, Hà quyết định thâm nhập thực tế ngay.

Thành phố biển này đúng là sầm uất và đẹp hơn thành phố tỉnh Hà. ở một nơi như vậy tìm cho ra cái phóng sự xã hội có khi còn khó hơn là mò kim đáy bể! Sau gần buổi sục sạo các chợ rồi lang thang ở bãi biển Hà chẳng tìm ra được đề tài nào. Có mấy vấn đề bật ra Hà thấy kha khá thì dường như ai đó đã viết rồi, còn thì xoàng xĩnh về lại thành phố nhà mình viết cũng được. "Dục tốc bất đạt", lại càng không nên gấp hơn trong lĩnh vực sáng tạo. Nghĩ vậy nên với chiếc máy ảnh nơi hông[†], Hà đứng đĩnh tản bộ như một người du lịch bình thường. Thành phố đã đẹp khi lên đèn lại càng đẹp hơn. Khi Hà lấy xong mấy pô ảnh bãi biển vừa đi thì một chiếc xích lô rà theo. "Đi... vui vẻ hông chú Hai?", người ngồi trên yên xe khá lớn tuổi thật thà hỏi. "Vui vẻ" là làm cái... "chuyện ấy". Gọi vậy cho nhẹ nhàng chứ chuyện đó, có khi vui một chút nhưng buồn đến... suốt đời! Song trong lúc kẹt đề tài, cũng thử thâm nhập một bận xem sao. Biết đâu lại chẳng cảnh giác

ai đó hoặc xối lên cho đồng nghiệp những góc nhìn mới hơn vào tệ nạn mang tính... "thời thượng" này. "Có xa và... bảo đảm không?", Hà vừa đi vừa hỏi. "Gần đây thôi, toàn những người ngoài quê vào làm thuê, họ muốn "cải thiện" chút ít mà, nên đảm bảo lắm. Chú Hai lên xe đi!" Nữ lao động ngoài những miền quê đổ về thành phố tìm việc giờ rất đông. Nhưng nếu có tình trạng vậy thì đây là vấn đề lớn, cần tìm hiểu để viết. Nghĩ vậy nên Hà lên xe ngay. Tuy ông ta nói gần nhưng xe chạy khá lâu, cứ hết queo phải rồi cua trái. Nhưng không sao, mình nếu kiếm được cái phóng sự hay thì cũng để ông ấy nhờ chút cháo chứ. Chiếc xích lô đi vào khu có vẻ lao động thật, ngút ngàn những phòng ốc thấy đề "cho thuê giá rẻ". Sau khi dừng trước con hẻm, ông xích lô liếc vào nói khế. "Chú vào phòng thứ hai có cái cửa dán giấy nhựt trình đó. Tui chờ ở đây". Hà nhìn số xe ghi vào bộ nhớ để phòng bất trắc và đi vào căn phòng ông xích lô chỉ. "Vào trong này đi anh! Mau không tụi bạn em nó thấy", một cô gái hé cửa mời nói với Hà. Anh vào và cô gái chốt ngay cửa phòng. Qua ngọn đèn ngủ không sáng lắm của căn phòng, Hà thấy cô gái này ngoại trừ bộ cánh quá mát mẻ ra thì dáng vẻ đúng là quê mùa thật. "Anh không quen... chuyện này, nhưng nghe nói em ở quê vào...". Cô gái chồm chớp mắt sà vào Hà: "Ai mà lại quen chuyện này đâu anh, chẳng qua... hoàn cảnh thôi!". Hà bắt đầu "tác nghiệp": "Xin lỗi, em tên gì,

nói cho anh dễ gọi?". "Em tên... Hoa!". "Giọng nói của em là ở miền... quê nào đấy nhỉ?", anh lại tiếp tục hỏi và khởi động thu nạp của bộ nhớ. Hoa - tạm gọi thế chứ chưa chắc phải tên thật - vừa định trả lời thì có tiếng gõ cửa phòng: "Trả tiền phòng, trả tiền phòng...!". "Bà chủ phòng trọ đòi đó, đưa năm chục trả tiền phòng đi anh!". Sau khi Hà đưa tiền, cô gái tuôn qua khe nền nhà ra cho chủ trọ xong, lại bảo cho cô xin luôn tiền mình. "Cũng năm chục thôi anh!". Hà lôi xấp tiền ra, không còn tờ năm chục nào cả, toàn giấy trăm ngàn. Chẳng là số tiền mang theo hơi nhiều nên vợ anh đổi ra vậy cho gọn. "Thì anh đưa đây rồi em thối cho!", cô vừa nói vừa khéo léo nhón lấy một tờ từ tay Hà. Lấy chỉ một tờ còn đòi thối lại nữa thì đúng cô này là... nhà quê rồi! "Nói thật với em... anh...". Hà chưa hết câu thì cô đã uốn người bụm lấy miệng anh, nũng nịu: "ở đây toàn thật không chứ có gì giả dối đâu anh! Chỉ có cái này - cô ta quăng cái "condom" là giả thôi". Thứ ấy là dụng cụ để ngừa HIV, ADIS... rõ ràng cô ta là người lao động, nhà lành, lâu lâu "cải thiện" nên mới cẩn thận lo xa cho mình đến vậy. Cô gái nói xong bỗng dưng đứng dậy làm động tác toan... thoát y khiến Hà thất kinh, vội ngăn lại: "ấy khoan, để tâm sự cho tình cảm chút đã em...!". "Thì mình vừa... vừa tâm sự cũng được vậy, có sao đâu". "Bây à, từ từ để... còn lấy trốn đã em" - Hà lại mon men phỏng vấn: "Thế... ở quê Hoa làm nghề gì?" "Em

làm... ruộng!". "VẬY... hoàn cảnh thế nào mà em phải vào đây, hở Hoa?". Cô ta với giọng đầy nhớ lại: "Hoàn cảnh ấy hả? Hoàn cảnh của em là...". Cô nói còn dở câu thì có tiếng của mục chủ phòng bên ngoài gắt khê: "Hoàn cảnh với hòn cục gì! Mau lên, công an đang kiểm tra nhà bên cạnh kìa!". Mục gắt khê thế kia thì có khi là công an đang kiểm tra thật. Nếu thế thì bỏ mẹ, mình tình ngay lý gian! Hà vội xô cô gái ra và hấp tấp đứng lên. "Thôi anh về đây, hẹn em khi khác", anh nói khi lúu nghiu mở cửa thoát ra. "Chớ... không chờ lấy tiền thối sao, anh... gì ơi?". Lại cũng một sự thiệt thà nữa nhưng Hà vẫn khoát tay, bươn nhanh về phía chiếc xích lô đang chờ mình.

Khi xe thoát ra khỏi khu ấy, Hà mới lau mồ hôi trán. "Mồ hôi mồ kê thế kia, chắc ông anh vừa... quần một trận đã đời nhá?". Sao... ông anh? Hà xoay lại, người đạp xe là một thanh niên, chứ không phải ông già ban tối. "Ổng chờ lâu quá không được, về ăn cơm rồi, tôi thay ổng. Ai thì cũng chờ vậy thôi mà!". Khi xe về đến gần khách sạn, Hà bảo dừng tính tiền. "Dạ, xin ông anh... sáu trăm". Sáu trăm! "Sáu trăm gì? Anh có đùa không đấy?". Anh xích lô lễ phép: "Dạ... tiền công chở, tiền chờ và chở lượt về, tiền tài đến lượt dất mỗi, tiền trả cho tụi bảo kê, mặt rô...". "Trời ơi...! Tôi có... "làm" gì đâu mà dất mỗi, bảo kê...!". "Ông anh ở trong đó hơn cả tiếng đồng hồ, ra mồ hôi mồ kê đầy mình mà bảo là

không... "làm" gì cả". Tay xích lô vẫn điềm đậm: "Mấy bảo kê hồi nãy chúng kiến từ đầu đến cuối, nếu em về nói vậy tội nó sẽ "thịt" vì tội ăn hót, nói láo thì... chắc chết em, ông anh ơi...!". "Trời...!" Hà đưa hai tay kêu lên. "Bây giờ vậy - tay xích lô thấy Hà vậy nên cũng thương hại ôn tồn: Nếu quả thật ông anh với cô ấy không "có gì", để... em chở ngược lại chỗ đó, rồi bốn mặt một lời, cho tội mặt rõ rõ thì em chỉ lấy tiền công chở từ tối đến giờ thôi". Hấn nói có lý, song... khuya rồi, chở lại chỗ ấy không những mình như đòn, mà có khi chẳng còn cái quần đùi để về. Hà nghĩ vậy nên móc tiền. Túi quần anh trống trơn! Hà rụng rời. Bao nhiêu là tiền bạc mà vợ con anh vay nóng vay nguội cho anh đem đi đã... không cánh mà bay! Nhất định là mất trong cái phòng có cô gái lao động nhà quê, thật thà ấy. Vậy là phải trở lại, nhưng... ai chịu tin cha bị ăn cướp và có gì để làm bằng? Không khéo phải đến công an cũng nên! Mà đến đó thì... Hà nhìn đồng hồ nhà ai đó, đã hơn mười một giờ! Khách sạn anh ở chỉ mười giờ là đóng cửa, nội bất xuất ngoại bất nhập. Hà ngao ngán bật ngựa người ra trên nệm xích lô và phẩy tay về hướng biển. Anh còn có một người bạn rất thân nơi thành phố này nhưng địa chỉ theo trí nhớ thì cũng chưa chắc chắn lắm... "Biết ngay mà! Lâu vậy, ông anh không làm "la phan" thì em... cứ đi đằng đầu", tay xích lô nói vậy và dướn người đạp xe về phía biển.

..."Không thể chở chạy suốt đêm để tìm địa chỉ vậy đâu ông anh, em còn phải về với vợ con chứ!". Lúc ấy đã hơn ba giờ sáng! Tiếng tay xích lô lại chen tới theo gió biển: "Vả lại, nghe kể số tiền mất, thông cảm em nói thiệt: Tiền công chở cộng với các khoản từ tối đến giờ, chiếc máy ảnh ông anh đang mang không thể trả hết đâu". Ai đêm cũng phải về với vợ con. Hấn nói có lý. ở thành phố này sao ai nói nghe đều có lý hết trơn! Thôi thì đành phải hỏi địa chỉ và năn nỉ "các" lại hấn chiếc máy ảnh, chứ còn biết làm sao nơi phố xa thành lạ vào đêm hôm khuya khoắt như vậy. Nhờ trời, địa chỉ hấn cho đúng là nơi ở dỏm!

Còn lại một mình, để chờ sáng Hà lang thang xuống mép biển. Lác đác đó đây dăm người trên bãi cát làm những động tác thể dục sớm. Đã có người thể dục thì chắc khách sạn mở cửa rồi. Cũng may mà còn chìa khóa phòng, Hà vội quay về hướng khách sạn. Anh vừa đi vừa huôi hoai chân tay như người tắm biển, thể dục về sớm. Đi được dăm bước, nhìn vài người ra biển, anh chợt thấy mình không giống họ tí ti nào. Mặt mũi suốt một đêm không ngủ chắc bơ phờ đã đành, nhưng quần áo lại nghiêm chỉnh như... nhà báo! Về cái điệu này, bảo vệ khách sạn sẽ đặt dấu hỏi ngay. Hà bèn quay xuống lại mép biển. Có gì nữa để mà mất, anh cởi quần áo dần giấu vào một hốc đá, chỉ còn mặc độc chiếc quần đùi cộc. Đoạn, Hà lao xuống mép biển nhúng người vào

nước cho ướt rồi chạy theo mấy động tác thể dục về. Sự mát lạnh của nước biển đã làm anh tỉnh cơn buồn ngủ. Chẳng biết đêm rồi có ai trong đoàn hay khách sạn khám phá ra sự anh "tại ngoại" để thâm nhập thực tế không? Phải về xem thử tình hình vắng mặt của mình đêm rồi ra sao.

Còn khá sớm, khách sạn vẫn chưa mở cửa. Phía trước vài hàng cà phê, điểm tâm lục tục dọn bày hàng. Bây giờ Hà mới thấy đói. Từ bữa cơm vội vàng trưa qua đến giờ, mãi lo thực tế anh có kịp ăn gì đâu. Hà tập thể dục tại chỗ bên cạnh nơi bán bún riêu. Thấy anh chỉ độc có cái quần cộc chạy tại chỗ nhưng mỗi lúc một gần thùng bún quá, chị chủ quán gắt bần: "Xin bố chạy xa ra giùm, sáng con chưa mở hàng!" Hà chợt nhớ vội khuỳnh tay cong chân chạy đi chỗ khác... Mãi rồi cổng khách sạn anh ở cũng mở. Chờ mọi người ra một lúc, Hà làm như vừa mới đi quên gì nơi phòng, chạy về. Chẳng ai trong đoàn biết vừa rồi Hà đi "thực tế" suốt đêm cả. Anh mở cửa phòng mình. Chỉ còn đúng mỗi mười nghìn sót trong chiếc cặp! Thôi thì cũng đủ tiền cho một bữa điểm tâm. Hà đánh thức mọi người đoàn mình dậy tắm biển sớm để còn kịp dự Đại hội bạn. Và rồi anh lại vừa tập theo kiểu thể dục vừa chạy đi.

Nơi Hà giấu quần áo bây giờ đầy người, riêng bộ đồ thì... chẳng thấy đâu! Anh bỗng hồn xiêu phách lạc khi chợt nhớ ra rằng trong túi quần còn cái ví, tuy chẳng tiền bạc gì song lại có nhiều giấy tờ rất

quan trọng. Hà thất thủ đi tìm suốt dọc bãi tắm. Cũng may, có thằng bé biết chuyện nên xúm tìm giùm anh. Cuối cùng, nó phát hiện ra có chiếc ví đang dập dờn trên mép nước. Đúng là ví của Hà, ai đó đã lẳng ra sóng biển! Không còn gì nên anh chỉ cho thằng bé có mười nghìn. Nó vòng tay cảm ơn rồi rít.

Nắng gay gắt khi mặt trời mỗi lúc một lên cao. Giờ này chắc đại hội Văn nghệ đã khai mạc lâu rồi! "Thật là đồ... khỉ gió!" Hà buột miệng vậy khi kiểm tra lại số giấy tờ ướt nước. Anh cũng không biết vừa rồi rửa ai hay là rửa chính mình!

"Cũng may là sợ lĩnh kỉnh mình không mượn theo luôn cái máy ghi âm" - Hà tự an ủi vậy rồi... "nhất thân nhất quởn" cầm cái ví ướt uể oải đi về như một người tắm muộn!./.

L . N . N

Thầy Phùng kỳ quặc khác người

MA VĂN KHÁNG

Thầy Phùng kỳ quặc và vẻ như xoàng xĩnh từ sức vóc tới dáng hình. Bẩm sinh thầy thuộc nòi người kẹ, thấp bé nhẹ cân, chiều cao chỉ xuýt xoát mét rưỡi, trọng lượng chưa đầy bốn mươi ki lô. Đã thế cái đầu hơi to của thầy lại hay sùm sụp cái mũ lá rộng vành. Và đôi chân vốn đã ngắn lại đi kiểu chữ bát, thêm nữa hai bàn chân lại xỏ trong đôi giày da thô cá sấu, mũi gồ đại bố. Nên trông thầy càng thấp, nhỏ, càng dị tướng dị hình.

Kộp kộp kộp... Đó, thầy Phùng đang bước trên hành lang dãy lớp học trường Sư phạm sơ cấp tỉnh tôi. Chắc thầy rất muốn oai vệ. Nhưng khổ thế đấy, lúc đứng trông thầy buồn tẻ như cây rủ bóng, còn bây giờ cũng chẳng hơn gì, vì trong thế chuyển động đầu đổ về phía trước, tay vẩy phía sau, trông thầy tất tưởi, vất vả lắm!

Hay là cái tướng ẩn của thầy chỉ hiện ra khi thầy đứng trên bục giảng, trước học trò? Thì đây.

- Tôi là Phùng - Thầy cất tiếng - Phùng nghĩa nôm là phùng phình, là rộng. Nhưng theo nghĩa chữ Hán, phùng là *gặp*. Nhưng tôi là Vũ Bất Phùng, tức là *không gặp*. *Không gặp* gì? Không gặp thời. Nghĩa là lạc thời. Nghĩa là... thời đất nước có giặc, xung phong cầm súng ra mặt trận cũng không đất!

Thôi thế thì đúng rồi! Khác hẳn! Khác hẳn! Cứ như là một thầy Phùng khác chứ không phải là một thầy Phùng thấp bé, còi cọc, tầm thường. Thoát hẳn ra cái lột khoác ngoài hàng ngày, giờ đây bao nhiêu quý tướng trên gương mặt, trên thể chất thầy mới phát lộ ra hết. Mặt thầy tròn đầy, đầm ấm. Hai gò má thầy hồng nhuận. Đôi môi thầy là môi thiếu nữ. Hàm răng thầy đều nhỏ như hạt bầu. Và đặc biệt, giọng nói của thầy vừa ấm áp vừa vang vọng, cao quý và quyến rũ lạ thường. Lúc này thầy hiện lên như một kẻ hào sĩ thời hiện đại, vừa thông tuệ hoạt bát vừa hóm hỉnh tài hoa, cốt cách vừa cao thượng vừa có phần ngạo nghễ thông tục.

Ngạo đời tí thế thôi chứ thầy Phùng đâu có phải là kẻ lạc thời! Cuối mùa kháng chiến chống Mỹ, đúng 19 tuổi, vừa tốt nghiệp trường Sư phạm sơ cấp tỉnh, thầy đã xung phong nhập ngũ. Và cuối cùng đã được chấp nhận. Nói cuối cùng được chấp nhận là bởi vì thầy đã phải dùng mẹo. Ví dụ: thầy uống thật nhiều nước, ăn thật no căng để tăng cân; thầy kiêng

chân để đủ chiều cao khi người ta đo. Và người ta đã biết tổng, nhưng rồi chính người ta thể tất cho bầu nhiệt huyết của thầy. Chỉ có điều là dẫu đã được nhập ngũ, thầy vẫn không được như người khác. Không được xung vào binh chủng pháo binh, xe tăng, đặc công hay công binh, bộ binh. Căn cứ sức vóc, dáng hình thầy, có nhẽ thế, người ta phân thầy về ngạch giữ kho thuộc ngành hậu cần. Suốt năm năm cuối cuộc kháng chiến thầy chỉ là anh binh nhất trông coi một cái kho đạn súng cối ở trong một khu rừng gần biên giới Căm pu chia. Suốt năm năm, người ta quên bằng cái kho và tất nhiên quên luôn cả thầy. Suốt năm năm, chẳng biết người ta còn nhớ hay đã quên mình, thầy cứ việc mình mình làm. Thầy cứ như một kẻ tự vạch ra con đường và tự đi, dẫu chỉ có một mình. Suốt năm năm một mình một bóng cặm cùi, thầy canh giữ an toàn, không suy suyển một viên đạn trong cái kho đạn khổng lồ nơi rừng sâu nọ. Suốt năm năm thầy phải trông bấp, trông bí để tự nuôi mình. Phải tự săn sóc thuốc thang lấy khi ốm đau. Suốt năm năm sống trong lo sợ khủng khiếp là không được giao tiếp mãi thì sẽ quên mình là người, không biết mình là ai nữa. Thành ra để luôn nhớ mình là người, thầy phải làm việc, phải tự suy nghĩ, nghiền ngẫm và phải cử động cái miệng, thỏ lưởi, tức là phải phát ngôn, phải nói liên tục. Nhưng mà nói liên tục một mình mãi thì cũng chán và vô nghĩa quá. Vậy thì hát. Mình hát

cho mình nghe, thì cũng được chứ sao. Thầy hát liên tục. Thầy hát lúc dọn dẹp quét tước trong kho. Hát lúc lau chùi từng viên đạn cối. Hát lúc một mình phát rẫy. Hát lúc chặt cây, sửa lán, đóng giá đỡ, chuồng gà, lồng chim. Thầy hát qua ngày này ngày khác và nhờ đó phát hiện ra mình là người có giọng hát. Thầy có chất giọng *baritông* trầm ấm khá hay. Chứng cứ là mấy con vẹt, con yểng thầy bắt về nuôi cũng đứng ngẩn ngơ quên cả hót vì nghe thầy hát.

Thầy hát trong cô quạnh giữa miền rừng núi thâm u. Thầy hát đủ các thể loại. Từ dân ca *quan họ*, *cò lả*, *trống quân* đến các bài hát thời nay như *Thiên thai*, *Suối mơ*, *Tiến về Sài Gòn ta quét sạch giặc thù...* Đặc biệt là môi thầy rất hay tung tăng mấy câu hát này trong bài *Sơn nữ ca*:

*Sơn nữ ơi! Đời ta như cánh chim chiều phiêu bạt
thời gian vun vút trời mây.*

*Sơn nữ ơi! Đừng làm thắc mắc thêm lòng khô cạn
từ lâu nước mắt đầy vơi.*

Lời ca trong chất giọng trầm buồn của thầy nghe mà cao ngạo mà nao lòng, muốn rơi nước mắt.

Thế đó, người ta đi vào cuộc chiến tranh thì có đồng đội. Còn thầy, thầy chỉ có một mình. Đó là những năm tháng thầy Phùng hát nhiều nhất và do phải tự thân vận động để tồn tại nên thầy có thói quen tự lực và rất khéo tay. Hoàn cảnh thật là một ông thầy tốt. Ông vun xới cái tài sẵn có, đào tạo thầy thành một người đa năng, việc tay chân gì cũng tự

biết, cũng thông thạo hơn người!



Cuối cùng thì người ta cũng nhớ đến cái kho bị bỏ quên suốt năm năm trong rừng. Và tiếp nhận cái kho nguyên vẹn cơ sở đạn xong người ta mới khiêng thầy Phùng đến bệnh viện.

- Đồng chí có một khối u ở bên phổi trái.

- Thật à?

- Sao lại không thật?

Bác sĩ X quang nói, neho cặp mắt thương mến và ái ngại nhìn thầy, một thân xác quá queo còm cõi ốm o. Những tưởng thầy sẽ tủi thân tủi phận khóc oà. Nào ngờ thầy ngoạc miệng cười thành tiếng khanh khách:

- Tôi không có khối u ở phổi thì mới là lạ, bác sĩ ạ. Năm năm liền ở trong rừng tôi toàn uống nước dưới tầng lá rụng vì chất độc của máy bay Mỹ rải. Không chết vì nó thì tôi khinh nền khoa học kỹ thuật của bọn giặc này quá!

Thầy Phùng ngạo nghễ hát chờ đón cái chết. Nhưng thầy Phùng không chết. Vì sao? Vì số thầy chưa tận. Vì thầy cầm tinh con mèo. Mèo tiếng thế sống dai lắm! Vì bác sĩ X quang nọ xem nhầm bệnh phẩm. Thành ra cái chết của một ông đại tá béo ú, toàn mỡ là mỡ suốt mấy chục năm trường sống ở hậu phương an toàn định chuyển sang cho thầy mà không thành!

Không chết, thầy Phùng với cái vóc hình như có lỗi với đời, lại được người ta trả về cho nghề thầy. Trở về với nghề thầy, sau những năm tháng một mình một cuộc chiến trong rừng, mới hai mươi tư tuổi mà thầy trông đã lụ khụ và âm thâm như ông lão, tính tình cũng ngày càng lập dị khác đời như người già.

Người ta cho ăn mày là bổ thí cho kẻ đáng thương. Còn thầy đang ăn khoai, có ông lão hành khất đến cửa xin ăn, thầy mời ông lão vào, úp bát *mì ăn liền* cho cụ ăn, rồi còn tỏ lòng cảm ơn khi tiễn đưa. Hỏi vì sao thì thầy đáp: Đó là vì nhờ có người ăn xin mà ta mới có cơ hội bày tỏ hảo tâm của mình. Cũng như ông - thầy nhìn sang ông hiệu trưởng - sở dĩ ông được chức tước to vậy, là nhờ anh em chúng tôi ngu si dấn độn, xứ mù người chột làm vua, do vậy ông chớ nên ngạo mạn làm càn.

Trong buồng thầy ở, mạng nhện chằng đầy trần nhà. Ông hiệu trưởng nói kháy: “Thầy Phùng muốn nhờ tay nhện để giữ gìn môi trường sạch sẽ, không có ruồi muỗi!” Thầy bĩu môi lắc đầu: “*Buồn trông con nhện chằng tơ*. Có câu thơ cao siêu đó đấy, chứ đâu có phải cái gì cũng lấy vụ lợi làm đầu!” Đi đường thầy đội mũ ngược, để lười chai che gáy phía sau. Thầy giải thích: phải nhớ đề phòng kẻ cắp ở phía sau và trên thế gian này còn ối kẻ không cầm tinh con ngựa mà rất thạo bài đá hậu!

Không! Mặc cho thầy hiệu trưởng sa sầm mặt mỗi khi nghe thầy nói có hàm ý châm chọc. Mặc cho ông hiệu trưởng tỏ vẻ không thích thầy, thầy vẫn là con

người thích hợp với nghề thầy, thầy vẫn là người thầy được học trò kính phục và yêu mến, ngưỡng mộ. Đó là vì học trò qua thầy hiểu rõ thế nào là sự tận lực tận hiến chân thành của một người thầy. Đó là vì sức quyến rũ của tấm lòng và tài năng cùng sự uyên bác của thầy. Ôi, những tiết học thầy đứng trên bục giảng! Chẳng còn thấy đâu là cái thân xác quặt quẹo còm nhom của thầy nữa. Thầy biến hóa. Thầy như được hưởng phép lạ. Thầy thoát trở nên một trang dũng hiệp vừa tài tử duyên dáng vừa oai phong凛冽. Nghề nghiệp cho thầy cơ hội để thầy bộc lộ những năng lực ẩn giấu tiềm tàng. Để bùng cháy những cảm xúc thâm thì. Mất thầy bừng sáng. Giọng thầy sang sảng. Cử chỉ hoà hợp với lời nói. Những ý tưởng mới lạ xuất thần kết hợp với cách phô diễn đầy màu sắc ẩn dụ đôi khi điểm xuyết cách nói lắt léo, vòng vèo dí dỏm, khiến học trò nhiều lúc ngẩn ngơ như ngợp trong một điệu cảnh huy hoàng. Điểm phúc thay cho những ai có một tuổi trẻ học đường được là học trò của thầy! Hạnh phúc quá khi được nghe thầy giảng một giờ! Thành ra học trò lớp khác thèm được học thầy quá, có đứa còn bỏ cả tiết học lớp mình, lén lút đến nghe trộm bài thầy giảng; chúng làm cho các thầy khác phát ghen.

Thầy dạy môn nào cũng hay. Ở môn nào thầy cũng bộc lộ cái tài hoa đặc sắc của mình. Vòng tay một cái là thầy vẽ xong cái hình tròn, tròn xoe cứ như vẽ bằng *com pa*. Trong giờ địa lý, miệng thầy nói, tay

thầy vẽ, mà bản đồ mỗi nước từng nét khúc khuỷu ở đường biên chính xác như bản đồ in. Những con chim, con mèo nhồi bông và những thí nghiệm do thầy khéo léo làm ra trong các môn sinh vật, vật lý, hoá học khiến các thầy khác lại một lần phải ghen tỵ. Thầy dạy nhạc thì thật tuyệt. Chất giọng vàng, giọng bạc của thầy dấy lên cả một phong trào ca hát trong nhà trường. Thầy là một con người đa năng, một nghệ sĩ đa tài. Tuy vậy, môn văn vẫn là môn thầy dạy hay nhất. “Thưa thầy, thầy tha lỗi cho em, nhiều hôm nghe thầy giảng thơ, em cứ như mê mị như ở trong cõi mơ ấy ạ”. Đó là lời tâm sự thành thật của cô Thủy, học trò lớp 9 với thầy. Thủy mười tám tuổi, mặt trái đào, mắt đen thăm thẳm bí ẩn như mắt con gái miền sơn cước, có mái tóc dài chấm kheo chân, có năng khiếu đặc biệt về môn Văn. Em rất ngưỡng mộ thầy và quý mến thầy. Nghe em nói vậy, thầy đáp: “Đừng khen thầy, vì nói hay không bằng nghe giỏi đâu, em!”

Thói đời ở đâu có tài đức, ở đó có đố kỵ ghét ghen. Huống hồ thầy hiệu trưởng Thúc lùn tì, tóc rậm bờm ngựa, mắt ti hí, chân dài chân ngắn, tiên thiên bất túc lại vốn con người lòng dạ hẹp hòi. Thật tình thầy Thúc trước nay tiến thân đều bằng thủ đoạn kèn cựa, đặt điều vu vạ. Hết lớp 12, thêm hai năm sư phạm nữa, câu viết còn chưa thành, bài toán một ẩn số giải còn sai, nói gì đến vi phân, tích phân với đạo hàm! Kiến thức xã hội thầy còn lỗ mỗ hơn. Đã thế tác phong lại lúi xùi, nói năng lại bộp chộp. Thầy chỉ

được mỗi cái tài ganh ghét chê bai người. Thôi thì còn thiếu gì điều thầy Thúc sàm báng, chê bai thầy Phùng. Chê từ cái dáng đi biểu hiện nổi sướng khổ bất định của thầy. Sàm báng cả cái nét chữ bay bướm sinh động của thầy vì cho thế là lẳng lơ, đa tình. Bỉ bai cả việc thầy quyết tâm đi bộ đội bằng việc uống thật nhiều nước và kiêng chân khi đo chiều cao để khắc phục nhược điểm thấp bé nhẹ cân là *cố đấm ăn xôi* và tiếc thay *xôi lại hẩm*, vì cuối cùng là như tù giam lỏng trong một cái kho ở giữa rừng. Thầy Thúc thấp kém lắm, thầy có biết đâu, khoảng thời gian sống một mình đó là cơ hội hiếm hoi của đời một con người. Con người phải được cá thể hoá đến triệt để trong tập thể. Con người phải tự ngẫm, tự suy xét ra điều hay lẽ phải chứ không thể a dua theo bầy đàn. Con người nhất thiết phải trở nên một kẻ có ích cho nhân quần. Chứ còn danh diện cá nhân đâu có phải là điều quan trọng. Thời gian một mình sống với cuộc chiến năm năm của thầy Phùng hoá ra là một trường học lớn. Nó quý giá gấp ngàn lần cũng quãng thời gian ấy sống nhốn nhơ ở hậu phương của khối người!

Trên thế gian này, con người đâu có sống thân ái với đồng loại mình! Hay theo cách nói lắt léo, hóm hỉnh của thầy Phùng thì con người vốn không ưa nhau, họ chỉ nhằm nhằm tìm cách hại trừ nhau một cách thân ái thôi! Có phải thế không? Câu hỏi này xin cứ treo đó. Còn bây giờ đã đến một bước ngoặt của cuộc đời thầy Phùng rồi. Vào cuối năm học này,

cả thầy lẫn trò ở trường sư phạm này đều đang xông xáo và kinh ngạc về một vụ kỷ luật mà nạn nhân là thầy Phùng. Thầy hiệu trưởng Thúc nói gay gắt: “Quan hệ thầy - trò là quan hệ thiêng liêng, không thể làm cho ô uế. Thế mà đây, thầy Phùng đã cả gan viết một lá thư tỏ tình với cô học trò Thủy! Vậy, thử hỏi thầy Phùng có còn xứng đáng được tồn tại ở nhà trường sư phạm tiên tiến của chúng ta không?”



Chưa đến mức phải ra khỏi ngành, thầy Phùng chỉ phải đổi lên dạy ở bản Pao Mao Chải thuộc vùng sâu vùng xa của tỉnh tôi. Từ tỉnh đi bộ ba ngày mới tới bản quê heo hút xa xôi này. Bản này có hai thôn cách nhau ba cây số. Xưa rày ở đây trẻ con chưa hề biết đi học là thế nào. Ở đây, cán bộ xã thay vì ký thì ấn dấu ngón tay điểm chỉ vào cuối tờ công văn báo cáo do anh giáo viết hộ.

Năm năm trôi qua đánh vèo kể từ ngày thầy Phùng bị kỷ luật đưa về dạy ở Pao Mao Chải. Và điều kỳ diệu lại đã xảy ra. Y như thời gian thầy Phùng là anh lính giữ kho đạn súng cối ở trong rừng vậy. Người ta có thể quên thầy, nhưng thầy không quên công việc. Đạn trong kho vẫn an toàn, không suy suyễn. Ở Pao Mao Chải còn hơn thế. Mặc người ta gây án oan, mặc người ta đầy ải. Năm năm qua, bản này đã có trường tiểu học hoàn chỉnh. Tất cả cán bộ xã đều đã đọc thông viết thạo. Hơn nữa, trường đã

có một phân hiệu với hai cô giáo vốn là người Kinh khai hoang tự nguyện tham gia.

Công sức tạo nên điều kỳ diệu này trước hết thuộc về thầy Phùng. Thầy Phùng như kẻ đã tu luyện đạt chính quả, một mình sống trong những hoàn cảnh cô độc biết tự mình thoát ra khỏi sự chi phối của ngoại vật, tự vạch ra con đường đi theo lẽ phải, không cần sự mách bảo, sự an ủi, khích lệ của ai. Thầy Phùng, một bản lĩnh và một tài năng! Ấy thế! Một anh nhà báo tỉnh tình cờ lạc đường vào Pao Mao Chải đã phát hiện ra thầy Phùng và trên tờ báo tỉnh anh đề nghị thầy phải được tuyên dương anh hùng. Trong bài báo của mình, anh còn kể tỉ mỉ nhiều mẫu chuyện kỳ khu về thầy. Trong vòng ba tháng thầy đã nói thạo và hát được tiếng Mông. Chính là những bài hát dân ca Mông của thầy đã gọi học trò đến lớp. Cả người lớn cũng mê tiếng hát của thầy. Rồi chính tay thầy phát nương gieo hạt bắp, trồng cây rau để tự nuôi mình và giúp các em có hoàn cảnh khó khăn. Vui nhất là chuyện thầy dựng một cây luồng cao chót vót ở phân hiệu của hai cô giáo đóng cách xa thầy ba cây số rồi bảo các cô mỗi khi cần thầy đến giúp đỡ thì kéo lên ngọn cây cột một mảnh vải trắng để làm hiệu. Ở xa, điện thoại không có, trống gõ, kèn khua cũng không nghe được, chỉ có mắt nhìn thấy thôi! Thầy nói thế và các cô giáo có bận bí quá đã kéo lên ngọn cây nọ cả chiếc áo lót áo con của mình! Ha!

Tất nhiên là bài báo đã gây ấn tượng mạnh. Ủy ban

tỉnh điện hỏi Sở giáo dục: Sao không kịp thời nhân Pao Mao Chải thành điển hình tiên tiến? Sở giáo dục lập tức chỉ thị cho phòng giáo dục huyện lập ngay một đoàn kiểm tra đi ngay Pao Mao Chải để xác minh. Và dẫn đầu đoàn kiểm tra này lại chính là thầy hiệu trưởng Thúc ngày nao. Thì ra năm năm qua thầy Thúc cũng đã kịp nhảy cóc lên chức trưởng phòng. Gặp thầy Thúc ở Pao Mao chải, thầy Phùng cười, nói: “Thì ra, con lợn ở đầu đôn gánh này đến chợ, thì ở đầu đôn gánh kia, củ chuối cũng đến chợ!” Thầy Thúc tảng lờ, không nói gì, thầy Phùng nói tiếp: “Hoá ra Tôn Ngộ Không hoá phép thần thông quảng đại thế nào cũng không ra khỏi bàn tay Đức Phật Như Lai nhỉ?” Thầy Thúc vẫn ngậm môi, không hé răng. Cho đến tận khi đoàn kiểm tra làm xong việc, trước khi rút quân, thầy trưởng phòng mới đến trước mặt thầy Phùng, mắt ti hí lăm lăm, nghiêng răng trèo treo găm ghè: “Này, đừng tưởng bỏ! Dám bày trò kéo áo quần đàn bà lên cột cờ làm tín hiệu để gọi bạn tình, phạm hủý điều thiêng liêng như thế, lần này thoát được để thành anh hùng thì thật là kỳ quái đó!”



Nghĩ thế nào, thầy Thúc nói thế, chứ thầy đâu có ý dọa dẫm. Thầy Phùng đã phạm phải trọng tội! Và lạng lẽ chẳng một lời kêu oan, thầy chấp nhận án kỷ luật bị sa thải ra khỏi nghề thầy.

Ra khỏi nghề thầy, cũng lại thật kỳ quặc, thầy

Phùng vui vẻ gia nhập cuộc sống thường nhật của một người lao động lương thiện. Thầy trở thành một người thợ mộc khéo tay chuyên đóng bàn ghế và làm các đồ dùng giảng dạy cho các trường tiểu học, các lớp mẫu giáo ở thị xã này. Bây giờ, thi thoảng lại bắt gặp thầy sùm sụp cái mũ lá rộng vành, một mình một bóng ở một vĩa hè nào đó, vừa cầm cùi cưa đục vừa lẩm nhẩm mình hát mình nghe, lòng dạ vẻ rất thư thái thanh nhàn.

Thế đó, thư thái thanh nhàn thật, vì đâu có phải còn một miền xa chưa tới? Một chân trời chưa tỏ? Một ao ước chưa thành? Cuộc đời dấm dản như vấy ba bức, khi nghiêm túc, lúc tếu táo, đều đã trải. Đời người như căn nhà lớn có nhiều căn buồng nhỏ, buồn vui, cay đắng ngọt bùi đều đủ chỗ chứa. Mới nghiệm ra rằng con người rất cần có những khoảng sống riêng một mình, tự mình trò chuyện, ca hát với mình, tự mình tìm đường và tự xét lấy mình.

Thế đó, ông thợ mộc Phùng ẩn mình dưới bóng cái mũ lá rộng vành, ngày ngày cầm cùi với công việc của mình. Cầm cùi một mình với câu hát quen thuộc thâm thì trên môi, nghe vừa ngạo nghễ vừa nao lòng: *Sơn nữ ơi! Đời ta như cánh chim chiều, phiêu dạt thời gian vun vút trời mây. Sơn nữ ơi!...*

Cho đến một hôm bất ngờ có một phụ nữ xinh đẹp mặt trái đào, mắt đen thăm thẳm bí ẩn như mắt con gái miền rừng, có búi tóc lớn, bắt gặp thầy. Người phụ nữ đó nắm bàn tay thầy Phùng, gọi to: “Thầy Phùng ơi! Em là Thủy đây, thầy còn nhớ cái đứa nghe thầy

giảng thơ mà mơ màng mê mẩn không?" Thầy Phùng ngẩng lên, lắc lắc đầu: "Có lẽ em nhầm tôi với ai đó rồi!" Người phụ nữ kêu: Không! Không! Em nhầm làm sao được! Nói rồi, hôm sau chị lại trở lại. Cũng tại cái vĩa hè thầy Phùng đang chi chát đập dùi đục. Lần này nước mắt lưng chòng, chị nói: "Lỗi là tại em, thầy Phùng ơi!" Thì ra, hồi đó, chính chị đã viết một lá thư bày tỏ tình yêu với thầy và lá thư đó không hiểu bằng cách nào đã rơi vào tay thầy Thúc rồi lập tức trở thành duyên cớ của câu chuyện vu cáo đê tiện với thầy. Chăm chú nghe người phụ nữ kể, nhưng vẫn như lần trước, thầy Phùng lại ngẩng lên, lắc lắc đầu: "Có lẽ em nhầm tôi với ai đó rồi!" Quyết đi đến cùng sự thật, hôm sau nữa, người phụ nữ xinh đẹp tên Thủy lại tìm đến. Lần này, chị xăm xăm bước tới và bằng một động tác dứt khoát, chị đưa tay lật cái mũ lá rộng vành ra khỏi đầu thầy Phùng: "Trời! Anh Phùng! Gương mặt anh thần thái anh tinh anh thế, em nhầm sao được!" Lần này, vẫn là kỳ quặc khác người quá thể, thầy Phùng lại lắc đầu, quanh co: "Tôi cảm ơn em, nhưng tôi có một người em sinh đôi, giống tôi như đúc, Thủy à!" Tuy vậy, nói vừa hết câu, nước mắt đã ứa chan chan, thân mình run rẩy trong một linh ứng dị thường và người phụ nữ xinh đẹp tên Thủy đã kịp ngả đầu vào vai thầy, nức nở: "Anh Phùng! Thế nào thì với riêng em anh cũng đừng trốn lần nữa, anh ơi!" /.

M. V. K

Trên mặt đất lại có người

NGUYỄN HIẾU

Nhiều đột ngột tỉnh dậy. Cô thấy người bứt rứt, bồn chồn như đang bị ai hối thúc một việc cần phải làm gấp rút. Cô vươn hai tay rồi tự nhiên ôm choàng lấy mình. Nhiều dúi người lại và hoảng hốt nhận ra có cái gì đó đang làm cô nôn nao. Cô sợ hãi nhìn xung quanh. Căn nhà tối mờ mờ, vắng lặng, trống trải đến hoang vu. Ngoài trời trăng đang sáng. Những dải trăng mỏng mảnh lọt qua những khe hở của bức vách, của mái nhà, của hai cánh cửa gỗ lọt vào nhà rớt xuống thêm thứ ánh sáng mơ hồ, bập bênh, động dậy. Từ ngày bố mất đã hơn ba tháng nay cứ vài đêm lại thế, Nhiều lại bất chợt tỉnh dậy giữa đêm, để rồi bàng hoàng nhận ra sự cô quạnh, day dứt. Nhiều ngồi dậy tay vén màn bước xuống, người nóng hầm hập như đang lên cơn sốt. Cô không

muốn bật đèn mà lần mò đến trước bàn thờ, rờ rẫm tìm bao diêm, rút thẻ hương. Ánh lửa bùng lên, mùi hương ngan ngát. Cắm ba nén hương vào bình, chấp tay vái ba vái và không biết xin bố điều gì. Nhiều lặng lẽ mở cửa và nhận ra trăng hôm nay sao mênh mông, nhể nhại và quạnh quẽ thế. Cô ngồi phịch xuống bậc cửa nhà nhìn bóng cây cau đổ dài dề lên giàn trầu không, lên cái chum lên miệng giếng. Một sợi gió lẻ khe khẽ lướt qua, rón rén như một gã con trai tinh nghịch. Hai tay Nhiều bắt ngờ ôm siết lấy thân mình và cô rùng mình khi nhận ra cảm thấy một điều gì đấy vô hình đang từ từ lớn dần trong cô. Nhiều thấy ngột ngột và bức bối. Cô ngửa cổ nhìn trăng. Vàng trăng mười tám đã bắt đầu méo mó nhưng giờ này như lợi dụng sự vắng vẻ của đất trời để bùng tỏ hết vàng sáng rực rỡ của mình.

Tiếng giun dế chốc chốc nổi lên, rồi lại chìm xuống trong tiếng u u nào đấy lúc xa lúc gần. Nhiều nhìn quanh. Tất cả vắng teo lặng lẽ. Giờ đây chắc cả làng đang chìm trong giấc ngủ mê mệt sau một ngày vật lộn với đủ chuyện trên đời. Ai đó ngái ngủ cất tiếng khàn khàn ru con. Tiếng trẻ con ngay sau đấy ré lên ngân ngát. Bao giờ, đến bao giờ trong nhà Nhiều có tiếng trẻ eò ọ ọ đó và cả mùi khai thoang thoang văng vất chỗ này chỗ kia. Hơn ba mươi, không ba tư tuổi rồi còn gì. Ở cái làng này như thế coi như quá lứa, hay nói đúng là ế rồi. Nhiều vô tình nghiêng tai về một phía, phía ấy là nhà thím Nha rồi.

Chiều nay thấy chú Nha xách về cái đuôi lợn, và một chai rượu trong suốt. Đi qua nhà Nhiêu chú còn giơ lên như cổ để Nhiêu nhìn thấy. Giọng chú đã chồm hơi men. "Cái Nhiêu đấy à. Phải ăn mừng một tí chứ. Chú cháu mình sắp khá rồi. Cố kiếm tám chồng cho nó giữ tiền mày ạ. Ha ha, cái món đất cát chó ỉa này ai ngờ sắp mà thành vàng, thành tiền cả đấy mày ạ". Hai chân chú Nha loạng choạng rẽ vào ngõ. Còn bây giờ rõ ràng là tiếng ậm ừ của chú rồi giọng của thím Nha. Cái giọng vùng Trôi, Nhồn lấy chồng gần hai mươi năm vẫn trộn không lẫn. "Khiếp qua thôi mất, nốc cho lăm rượu vào, không để cho người ta *ngu*. Một bỏ cha ra...". Nhiêu thấy mặt mình nóng bừng lên. Vô ý quá... chuyện riêng của vợ chồng mà... Ừ cũng tại đêm khuya thanh vắng nên mới nghe rõ mồm một thế chứ. Đúng là giở nhà ai quai nhà ấy. Chú ấy y hệt như từ khuôn ông Vạng đúc ra. Khiếp người đầu mà chả ăn uống gì sao to lớn phàm phạp thế. Thím Nha thì dế người, nhỏ như con chim sẻ thế mà cứ sồn sồn ba năm đôi. Xã, rồi hợp tác vận động kế hoạch mãi cũng chán. "Bảo đấy, từ từ đã, lần nào cũng thế, người thì như cái cùm ấy...". Xóm này còn ai lạ gì vợ chồng chú Nha, có tối ông chồng ngà ngà say vừa đuổi bà vợ quanh đồng rơm vừa lầu bầu chửi "mày giữ cái của nợ ấy cho thằng nào. Đồ khốn nạn". Nhiêu đứng phắt dậy, từ từ đi ra giếng. Bóng cây cau rập rờn. "Khiếp, mồm sặc mùi rượu, ghê chết lên được" "Be bé không con

nó nghe thấy..." "Tôi chỉ mê nhất mẹ mày thôi. Thật đấy mà, tiên sư thằng nào nói điều". Trời trong veo, gió rì rì mà lại oi thế không biết. Nhiều ghéch đầu lên. Cô nhìn quanh. Tất cả vắng lặng. Ánh trắng trắng bạch trùm lên mọi vật. Đường lượn cong của cái chum cong một màu đen mịn như tóc, như hông người đàn bà đang mang thai. Cây gạo tán lòa xòe đu đưa. Cái cần tre kéo nước ngóc xiên lên lủng lẳng chiếc gầu hình bù dãi. Nhiều nhận ra mình muốn tắm. Mặc dù biết chỉ có một mình trong đêm nhưng cô vẫn nhìn quanh. Bàn tay cô vô tình xoa xoa bầu ngực nũng nịu của mình, rồi chạm vào hàng khuya áo. Nhiều cúi xuống và nhận ra ánh trắng làm ngực mình trắng mịn, lấp lóa. Hai đầu vú nâu sẫm một khoảng tròn. Bàn tay cô lỏng ngóng chạm vào cạp quần. Miệng Nhiều xuyết xoa. Có tiếng ậm ừ đứt quãng đâu đấy vắng lại. Bàn tay cô gãi muộn chồng nắm chặt.



- Này thằng ranh con, hết tiền rồi thì ngồi tránh ra cho người khác đánh.

- Ông anh khinh thằng em thế.

- Tao chả khinh thằng chó nào hết nhưng nhẩn túi thì lui ra. Kì trước mày còn nợ tao bốn triệu đấy. Liệu mà trả, không đừng trách tao. Ranh con. Lão Thích giờ cái điệu cây ngang mặt như muốn chọc thẳng vào mồm thâm sì đang há rộng, tay bịt

nỗ chặt điều, tiếng rít từ sau nắm tay sẵn sùi khum khum vang một tràng nghe giòn như chim khách. Dứt cơn, tay cầm chiếc đóm cháy dở khua lia lịa về phía Đằng. Cục hầu ở cổ gã thanh niên động dậy, thụt lên, thụt xuống. Đôi môi gợn gờm hơi dầy mím lại. Đôi lông mày rậm rì nhưng cong và đen như hai vệt nhọ nổi nhieu nhú. Gã định nói thêm điều gì, chợt nhận ra có ai nắm bắp tay mình. Đằng ngoảnh lại.

- Nghe anh. Về đi, lúc nào có lại chơi. Lệnh - người anh họ đằng mẹ gật gật mái đầu nổi tiếng làng Chiện vì mưu mẹo nói với Đằng. Gã liếc vào miếng thịt chó đen sì động dậy trên khuôn dài như quả dưa chuột lạ hoắc của tay đàn ông. Tay này vừa hấp háy đôi mắt nhỏ xíu nhìn vào trôn bát vừa lấy bên mông xương xẩu hích hích vào hông gã để ngồi thế chân. Đằng vít tay người anh họ đứng dậy. Hai người chuệnh choạng tuông ra khỏi đám bạc. Trắng nhênh nháng trắng xóa phủ lên hai bóng người đen sì xộc xệch trên đường.

- Chú là người tài. Việc chó gì phải lụy thằng nào.

- Tài khỉ mốc gì thứ em. Đằng lâu bầu.

- Thế là chú chưa nhận ra mình có kim cương à? Này, sống trên đời trăm nghề, trăm tài không có tài nào hay như tài cửa cấm phụ nữ. Có cái đó, chẳng phải lo quái quỷ gì đâu. Con gái ba làng này mê chú thế mà lại. Chú thích đứa nào đứa đó chả chết. Tha hồ chọn nhé.

- Nhưng để làm cái gì. Cũng đến hôn hít, sò soạng, rồi ôm nhau ngủ ngoài bờ ruộng, sân kho là cùng chứ gì. Em ớn cái trò ấy lắm rồi.

- Sao bảo chú sắp cưới con Huệ nhà Tĩnh rồi. Con bé ấy xinh nhất làng chứ không à?

- Xinh thì làm cái chó gì? Mà ra mà ăn à? Đồng xu sút không có thì quắp nhau chỉ thêm khổ thôi.

- Anh nghe người ta kháo là bụng nó ểnh rồi phải không?

- Em chả dấu gì anh. Thấy nó bảo hai tháng rồi. Con ranh giục toáng lên nhưng em cứ khát lần. Em bảo nạo đi thì con bà cô giầy nẩy lên, nó kháng kháng nếu em không cưới thì nó ra sông Cái nhảy xuống tự tử. Thế có kinh không? Mà anh tính... ở đời em chỉ mê nhất cái món tiền. Bớ kìa, mấy thằng có tiền sao chúng nó sướng thế. Muốn gì được nấy. Người xấu cũng thành tốt, kẻ hèn cũng ra điều oách. Trông mà phát thèm lên. Không tiền thì đến cái lá mít ở vườn nhà người ta cũng không dám vặt. Tài giỏi bằng mấy không tiền cũng thành thằng ngu thằng vớ vẩn.

- Chú nói cứ như sách ấy. Nghe đã thấy sướng cái lỗ nhĩ rồi. Chú đẹp trai như thế lại giỏi về khoản gái gú, sao không biết nhằm vào chỗ ấy mà đào?

- Ôi dào, ông anh cứ đùa em. Ăn thua mẹ gì, ở đâu thì em không biết chứ ở cái làng này, con nào giỏi lắm thì trộm tiền bán thóc của mẹ dúi cho vài đồng, ra quán bờ sông không đủ châu thít chó, chán

mớ đời. Đấy anh tính - Đằng thử dài sườn sườn - Vài ba trăm để dúi cho cái Huệ đi tẩy của nợ kia cũng chẳng biết lần ở đâu. Lại còn bốn triệu của lão Thích không biết xoay đâu.

- Hừ. Tay anh họ xì một cái ra vẻ khinh thường rồi ngửa mặt nhìn đám mây mỏng dính đang bay qua vầng trăng già ục ịch méo xệch.

- Anh cười gì thế? - Hai giọt trắng trong mắt Đằng căng ra - Mách cho em vài nước đi.

- Được rồi. Còn thuốc không?

Đằng lục túi một chặp rồi reo to:

- May quá, còn một điếu đây. Không biết sót lại từ bao giờ.

Ánh lửa đỏ nhạt lóe dưới trăng. Tiếng xuyt xoạt của thằng người được hả cơn thèm.

- Nghe nhé. Nhà cái Nhiêu có một mình, theo anh được biết cả cái rẻo xóm ấy từ nhà lão Nha dê qua nhà cái Nhiêu, Chính phủ sắp cấm đất để làm đường. Khịch khịch - tiếng cười của kẻ tự đắc ý như tiếng xe lu vang trong đêm vắng.

- Em biết rồi, vậy thì phải đền bù. Ô hô hô. Nhưng em làm sao dính vào được.

- Trần đời tao chưa thấy đứa nào ngu như chú. Cái Nhiêu nó đang thèm một tấm chồng. Bố nó mất rồi, một mình nó. Mà biết không, khi đàn bà mà cần đàn ông thì bảo nó đốt nhà nó cũng làm. Này nghe ông anh tiết lộ cho chú mày. Chính xác như tin thông tấn. Cả vườn, cả nhà của nó gần hai mẫu,

nhưng Chính phủ người ta tính bằng mét vuông như vậy là riêng con bé ấy tao cho bỏ rẻ cũng sáu nghìn mét. Mỗi mét đồ đồng được đền bù là một triệu. Vẫn là bỏ rẻ nhé.

- Ủi giời ơi. Đảng thấy cổ mình ngèn ngẹn, sau đó tay gã vung lên - Những sáu trăm triệu cơ á. Eo ôi.

- Ngày xưa mày đi học chắc đốt lăm hủ. Đồ ngu. Không phải sáu trăm mà là sáu nghìn triệu tức là sáu tỉ. Đấy là chưa kể khi người ta chính thức đụng đến chú co kéo thì số tiền không chỉ thế thôi, mà còn lên gấp rưỡi, thậm chí gấp đôi. Vậy là chú vừa có cơm no vừa có bò cưỡi. Một phút chú là tỉ phú. Hề hề, lúc đó chú đừng quên ông anh chú là quý rồi.

Đảng ngăn người vì cục tiền quá to mà gã có thể được hưởng. Một vệt sao nhờ nhờ vọt qua bầu trời sáng nhoáng trắng.

- Nhưng mà. Bà ấy hơn em đến gần chục tuổi. Em vẫn gọi bằng chị... Mới lại, trông chị ấy...

- Xấu, mỏng to, vai rộng, quá lúa phải không?

Lệnh quay người đứng đối diện với thằng em họ. Những mảnh trắng nhấp nhóa làm mặt Đảng lồi lõm, già quắt lại.

- Nhưng sáu tỉ đồng. Chú nên nhớ như vậy. Mà khi người ta có sáu tỉ thì chú biết đấy. Đến con gà thấy chú đi qua cũng tự nguyện giơ cổ cho chú cắt tiết, chứ chưa nói đến những kẻ thấy tờ mười đồng đã xây xẩm mặt mày. Lúc ấy chú có định lấy sao trên trời, moi quỉ dưới âm ti cũng có đưa hầu chú.

Thôi, tôi chỉ cho chú con đường giàu sang đó còn đi thế nào tùy chú. Buồn ngủ quá mà cũng đến ngõ nhà tao rồi.

Tiếng chó sủa ran lần theo bước ngài quân sư đã hết hứng trò chuyện. Gã cúi cúi đầu ngật ngưỡng bước lần theo hàng rào đêm đang tỏa ra mùi ma nấu canh lơ lợ. Gã đâu có để ý thằng em họ đang ngẩn ngơ giữa ngã ba đang tràn ngập ánh trăng.



Đằng có vẻ như bị say, y chuệnh choạng bước đi. Cổ y khô rát, nước bọt đặc quánh trong mồm. Y bỗng bật cười, à thì ra y khát. Hừ hừ, hay thật đấy, những sáu tỉ cơ à. Mẹ kiếp, sáu tỉ. Ông mà có gan, có một tí meo nữa thôi thì một mét đất không chỉ một mà hai mà có khi ba triệu ấy chứ, nghĩa là trong tay thằng này lúc đó là mười hai, mười tám chứ không phải là sáu tỉ đâu nhé. Úi trời ơi. Ghê chưa, thằng Đằng này có gần hai chục, thôi bỏ rẻ là mười tỉ đi thì chà chà. Đầu tiên ông sẽ sắm ngay một cái dim Thái đập hộp hấn hoi chứ không phải ba cái uôi tầu vớ vẩn có hơn ba triệu ranh. Sau đó ông giắt lưng dăm triệu, thôi tròn là mười triệu đi, lao thẳng ra Hà Nội, vào chỗ ka ra o kê nào sang trọng nhất. Một mình ông nhưng ông sẽ gọi hai con ca ve xinh nhất nhà hàng ngồi hai bên. Lúc đó tha hồ nhé. Hu hu. Hát chán, ông sẽ đi tìm xối bạc nào đấy oách nhất Thủ đô. Khoan đã, vào đấy rồi ông

hỏi xem chỗ đánh bạc mà tây vẫn vào chơi ở chỗ gì nhỉ, à phải rồi. Chuyện này do thằng cha Lâm con nhà Vạn làm cho nước ngoài kể dịp hội năm ngoái. Đúng đúng, ở Đồ Sơn Hải Phòng, phải rồi. Ông sẽ đối tiền ta ra tiền Mĩ chơi cho thỏa thích sợ chó thằng nào. Còn ông bà Khốt tất nhiên lúc đó sẽ quảng cho họ vài chục triệu, để chữa lại cái nhà, mua sắm vài thứ linh tinh cho sang trọng. Gì thì gì trước tiên phải tậu cái ti vi đời mới thật oách, thay mẹ cái ti vi đen trắng cổ lỗ, suốt ngày tậm tịt kia đi. Hai ông anh bà chị chắc chắn lúc đó cho thêm tiền cũng chẳng dám ỉ eo thằng em này mà các vị cứ bảo là nó sinh ra để ăn tàn phá hại, vì trai gái, cờ bạc nữa. Dúi cho họ mỗi người mười triệu không năm triệu thôi, không có họ tưởng dễ đào lại quen mui. À còn chuyện cái Huệ. Con bé phải nói là xinh đi. Con mắt, cái mũi nó kìa. Nếu không chịu nạo thì thế nào nhỉ. Ừ, phải rồi một là cho nó ít tiền, độ ba triệu hay hơn tí nhỉ, ừ để nó im đi. Hay là cho nó dôi dôi một tí để nó ra Hà Nội, mình sẽ bỏ tiền ra mua nhà, xin việc cho nó. Thỉnh thoảng ông lại phóng dim đến. Ồ thế thì hơi nhiều. Tốt nhất là cho nó, xem nào, nạo bây giờ một triệu là vô địch, mình chơi đẹp cho hẳn ba triệu cho nó tẩy hẳn thú của nợ đi rồi tính sau. Chà chà, ai ngờ chuyện con ranh này lại hơi khó nghĩ nhỉ. Chỉ tại con bé đẹp thật càng lớn càng.. Thế mà bây giờ... Còn khoản bốn triệu của lão Thích, xì không bằng cái lông con dãn.

Nhẹ tên. Ừ nhưng phải chờ đồ được con mụ Nhiêu. Đúng ông Lệnh nói không sai. Mấy hôm nay, cả làng này đã ồn ào chuyện đất cát rồi, nhà mình cũng lao xao, vậy mà mình không nhận ra. Ô cũng tại mấy con đĩ xanh đỏ dưới cái bát úp trắng bạch kia. Được rồi, kì này... Đằng liếm mép, ngửa cổ. Y nhận ra vầng trăng méo xệch như đang nhún nhún nhìn y. Màn ánh sáng nhàn nhạt đang bao gọn người y. Trời bây giờ mà được một ngụm nước. Có tiếng gàu thả xuống giếng nước dàu dàu. Đằng ngo ngác nhìn quanh và sững người lại khi nhận ra căn nhà nâu thẫm, mảnh sân rời rạc ánh trăng, cái giếng rồi bóng người trắng lớp thấp thoáng sau hàng rào. Y xuyết kêu lên sau cái nuốt khan. Đúng là Nhiêu rồi. Thân thể người con gái muộn chồng nhất làng đang được ánh trăng sắp tàn phủ lên khiến cô ta trắng nhẽ trắng nhạt. Đằng liếm cặp môi khô lần nữa rồi cúi thấp xuống như con chó rình mồi, y lom khom tiến về phía rào, rồi lập chập đi vào sân. Nhiêu hình như không biết gì, cô vẫn đang vuốt ve cơ thể ướt lướt thướt. Bất ngờ cô thấy hai cánh tay choàng lấy ôm chặt. Cô giật mình, định kêu thật to thì mồm cô bị bịt kín rồi một giọng nói run rẩy, thì thầm:

- Tôi đây, Đằng đây mà.

- Sao lại thế này? - Nhiêu cố vùng vẫy để thoát ra khỏi đôi tay cứng chắc của gã trai đang thở hổn hển.

- Tôi yêu Nhiêu. Yêu thật mà - Lần đầu tiên cổ cô

gái bị làn môi khô khốc nóng hổi trượt trên làn cô muốn lả đi.

- Nhưng mà..., ở đây không được người ta nhìn thấy. Cô gái muện chồng thù thảo mê đắm.

Hai người chuện choạng diu nhau về phía nhà. Đằng vấp vào bậc cửa cả hai ngã sóng xoài trên nền hè gạch. Nhiều chỉ còn nhận ra ánh trăng bỗng tan ra, vụt lóe như những con đom đóm vừa bay từ ao bèo lên. Miệng cô lắp bắp "Không, không kìa Đằng, sao lại thế này?"



Chuyện thì xảy ra trong đêm mà cũng chỉ có hai người biết nhưng ở làng Chiện này cái gì kín đến mấy cũng không giấu được. Người ta thì thầm trong lúc tỉnh, người ta choang choác trong lúc say. Kể ra đấy cũng là sự lạ. Một thằng con trai hơi hớ, có tiếng là đẹp trai, mồm dẻo, được gái làng sẵn đón ngưỡng mộ bỗng đâm đầu vào dan díu với cô gái ế chồng hơn nó đến chục tuổi, lại xấu và thô nũa chứ. Này cứ thử đặt hai đứa cạnh nhau thì có khác gì chị em. Không, với vóc dáng cái Nhiều to xương hóp thế kia thì nom cũng chả kém gì bà Đình, mẹ thằng Đằng. Cánh trẻ trong làng nghe chuyện thì cười hô hố bảo: "Bây giờ thế là mốt đấy, tình yêu không biên giới, thêm gì ăn nấy. Chúng mày công nhận không, ai ăn được mắm tôm thì khen ngon, ai không ăn được thì bịt mũi. Thằng cu Đằng thế là nhất, chắc nó tính ghê lắm

dân xóc đĩa mà lại". Cánh già thở dài "chả còn ra thể thống gì nữa, lộn tùng phèo hết cả rồi" Bà Đinh hôm xuống chợ phiên bắt đồ nghe thủng chuyện, mặt mày xây xẩm, bỏ hẳn buổi chợ mặc dù hai nôi cám chưa bán được, tốc thẳng về nhà. Vừa thấy thằng Đăng, bà tru tréo ngay. Thằng Đăng nghe mẹ vừa chửi vừa cật vấn, nó thủng thẳng nước đôi chả ra nhận, chả ra chối "Úi dào làng nước rồi mồm người ta đồn thì kệ người ta, bao giờ tôi nói với u thì u hãy lo, việc gì phải rộn". Cái Huệ thì sôi sùng sục, mặc dù hơn tháng nay không giáp mặt thằng bạc tình kia, nhưng nó quyết bằng mọi cách gặp được. Vừa nhìn thấy Đăng, cái Huệ đã bay biến hết những lời chua ngoa mà nó dự định để xỉ vả kẻ khốn nạn. Nước mắt nó lăn chã tay ôm bụng, tay quạt nước mắt, nó sụt sịt hỏi: "có thật như người ta nói không?". Thằng Đăng lậu bậu: "Vớ vẩn chuyện ai người ấy lo, tôi không để cô thiệt đâu". Cái Huệ nhắm mắt lại, thở dốc, khi mở mắt ra nó không thấy gã trai làm nó mê say, sâu nảo đâu cả. Cái Huệ đứng ngẩn tò te chỉ thiếu chút nữa nó khóc rống lên. Đoạn nó ù té chạy. Thằng Đăng đi một đoạn dừng lại, tai nó dựng lên. Phải rồi, đúng nhạc phim truyện vô tuyến. Vậy là hơn chín giờ tối rồi. Lúc này cả làng chúm mũi vào phim, bụng dạ nào để ý chuyện người khác. Nó nhìn quanh quẩn và khi biết chắc cái Huệ không thể đi theo, thằng Đăng nhẹ nhàng lướt vào bóng tối, đi về phía nhà cô gái muộn chồng.

Rõ ràng là Nhiêu sốt ruột đợi nó. Một chút rượu, hai bìa đậu, vài cái đuôi lợn, bát nước mắm đã vắt chanh, vài lát ớt cắt nổi lênh bênh, mấy cọng hành sống, đĩa rau thơm để trên bàn. Còn thằng Đăng thì ra cái điều nhớ nhung. Cánh cửa đằng sau lưng vừa ập lại thì nó đã ôm choàng lấy Nhiêu. Cả hai lăn đùng xuống giường.

- Không nhìn thấy gì trên bàn à. Uống một tí đi đã.

- Chẳng cần, chẳng cần. Gã trai cố nén nuốt nước bọt, bàn tay lần mân.

- Khoan đã nào, để tôi bảo.

- Bảo cái gì, tôi đang cần chết đây này.

- Từ từ. Nay, tháng nay tôi không thấy gì cả. Làm thế nào bây giờ? Vài tháng nữa nó lùm lùm thì tôi biết giấu mặt ở đâu?

- Thì cưới chứ sao?

- Cưới? Thật không? Bàn tay của cô gái muện chồng nắm chặt cổ tay gã trai nâng lên. Hay lại...

- Vớ vẩn. Thằng này chưa hề nuốt lời bao giờ. Gã trai làm ra vẻ giận dỗi, định nhổm dậy.

- Biết rồi. Nhưng tôi hỏi một câu được không?

- Cứ hỏi.

- Làng này thiếu gì con gái hơ hớ, xinh đẹp, sao Đăng lại... với tôi. Tôi thì già rồi, lại xấu xí. Còn Đăng...

- Vớ vẩn, vì tôi yêu hiểu chưa. Tôi yêu thì tôi sẽ

cưới, chẳng sợ gì hết - Thành Đăng dừng lời. Nó siết chặt vòng tay vào tấm lưng to bè của Nhiêu.

- Sao cơ?

- Chỉ bức là chưa có tiền. Thành ra...

- Tưởng gì, không sao, tôi có một ít đây. Trước khi bố mất, bố cũng đưa cho tôi vài triệu, không biết cụ dành dụm từ bao giờ. Mới lại, thóc chiêm rồi thóc lưu từ vụ mùa năm ngoái tôi cũng đang định bán. Chưa xem chuồng lợn bao giờ phải không. Kì này bốn con, mỗi con gần tạ sắp xuất chuồng. Chả nhẽ tôi lại đưa lợn đến nhà Đăng. Ai lại thế. Thôi cứ để tôi gọi người cân rồi đưa tiền cho. Nhưng mà này.

- Cái gì?

- Tiền tôi đưa là để làm đám cưới. Không đánh bạc đâu đấy. Tôi biết mình có mang rồi. Không tổ chức nhanh là không kịp, hiểu chưa? Cứ định ngày rõ ràng là tôi đưa. Cưới xong, ở đằng nhà thì chặt, tôi biết. Tôi sẽ xin bố mẹ, anh chị cho ở đây. Tha hồ nhé!

- Biết rồi. Nhưng mà này sao bảo chỗ nhà, chỗ đất này Chính phủ sắp lấy để làm đường.

- Cứ yên tâm đi. Mới đầu tôi cũng lo lắng, một thân một mình phải long đong dọn chỗ này chỗ khác.

- Sao bảo giá đền bù một mét là một triệu.

- Không phải, chỉ có tám trăm thôi.

- Nhà mình những sáu nghìn mét cơ mà.

- Hơn chứ, theo cách tính của họ là già bảy nghìn đấy.

- Cho là bảy nghìn đi, vậy là năm tỉ sáu.

- Thôi đừng tính chuyện trên trời nữa. Yên tâm rồi. Người ta không chạm đến nhà mình đâu. Họ chỉ tính đến mép nhà chú Nha thôi. Hôm qua thấy bảo chú ấy chỉ mất có hai trăm mét. Thôi thế cũng được. Nhà mình càng yên ổn. Mai kia về đây tôi sẽ cho xây lại tường rào, thêm người thì từng ấy đất tha hồ muốn trồng gì chả được.

- Người ta không lấy thật à?

- Không, còn xa mới đến phần đất nhà mình.

- Người ta không lấy thật à? Thằng Đằng ngờ ngắn nhắc lại.

- Chắc chắn rồi. Không phải lo lắng gì cả.

- Đúng thế à? - Gã trai ngồi nhồm dậy mắt trợn tròn.

- Kìa sao thế. Tôi có nói sai bao giờ đâu, càng dỡ...

Người con gái chưa nói dứt. Thằng con trai đã vọt ra cửa, gã chạy một mạch đến gánh đình. Rồi đứng thở dốc. Gã nhìn xuống dòng sông lấp lánh vài vụn trắng nhợt nhạt, đoạn quay lưng lững thững về nhà.

Thấy bảo từ đấy không ai ở làng Chiện nhìn thấy gã. Có người bảo thằng Đằng con nhà Đinh bỏ nhà theo đám đào vàng ở Na Rì. Chả biết có thật không. Vài tháng sau cô gái muộn chồng nhất làng một mình lê chân đến nhà hộ sinh. Tuổi cao lại đẻ con so nên các cô hộ sinh xả vất vả. Nhưng rồi cuối cùng cô cũng đẻ được thằng con trai những ba cân một. Hôm cô bế con về, người làng thấy bà Đinh đứng lấp ló ở

góc nhà hộ sinh. Khi đứa bé được hai tuổi, lại thấy người nhà nước đến cắm mốc lấy đất làm đường. Lần này hơn nửa mảnh đất nhà mẹ con Nhiêu được cắm để đền bù. Làng nước bao nhiêu thay đổi vậy mà giá đền bù vẫn như chả chuyển dịch gì. Vẫn giá tám trăm một mét. Nhiêu cầm cục tiền đền bù dài cổ mong ngóng, nhưng khi thằng bé lên năm rồi vẫn không thấy thằng Đàng về làng. Có khi nó đi đào vàng thật và có thể nó cũng trúng mạch nào đó nhưng nó không dám về vì sợ mấy con nợ đòi, cả gốc lẫn lãi từng ấy năm chí ít cũng bốn năm chục triệu chứ ít ỏi đâu./.

N. H

Mục lục

- **Cải đắng5**
- **CHUYẾN THĂM CUỐI CÙNG20**
- **ĐÔI MẮT CHÓ.....49**
- **LANG BẠT XÚ NGƯỜI.....73**
- **LÃO Û VÀ NHỮNG NGƯỜI KHÁC87**
- **LỄ CƯỚI BẠC124**
- **MÓN GIẢ CÂY.....149**
- **MÙI TIỀN165**
- **NGƯỜI VỢ.....176**
- **QUAY VỀ.....181**
- **SÔNG ĐÀ MỘT THUỞ194**
- **TẮM MUỘN.....231**
- **THẦY PHÙNG kỳ QUẶC KHÁC NGƯỜI.....240**
- **TRÊN MẶT ĐẤT LẠI CÓ NGƯỜI.....254**

Mùi tiền

Tập truyện ngắn hay

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN PHAN HÁCH

Biên tập: VĂN VINH - ĐỖ HOÀNG

Trình bày: MINH THÚY

Sửa bản in: HỒ KIM TUYẾN

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19cm, tại Công ty In & Văn hóa phẩm.

Giấy phép xuất bản số: 588-2006/CXB/09-52/HNV.

In xong và nộp lưu chiểu Quý III/2006.

NHIỆT ÁC GIẢ

MUỐI TIỀN

Tập truyện ngắn



TẬP CẨM NHÀ VĂN
NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

www.tuluc.com



0017531

Price: \$9.00

Set: 1 ; Loc: #1